

CỎ THƠM

THÁNG 03, NĂM 2014

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littleisaigonnews@aol.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐỖ BÌNH.
ĐINH CƯỜNG. NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỐI.
NGUYỄN QUỐC KHẢI. PHAN KHÂM.
HUY LÂM. NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.
NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.
ĐẶNG NGUYỄN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ.
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.
HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH HỘI VIÊN

Ô. Hồ Trường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, TS Võ Hùng Anh,
Ô. Nguyễn Văn Bá, B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Nguyễn Ngọc Bích, Ô.B. Phạm Bính,
Ô. Đỗ Bình, Ô. Nguyễn Bông, Ô.B. La Trung Chánh, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu,
B. Trương Minh Châu, Ô. Lê Văn Chính, B. Lê Thị Ngọc Dung,
B. Dzung Senser, Ô. B. Phan Anh Dũng, ÔB. Đại Dương-Phạm Thị Nhung,
Ô.B. Nguyễn Quý Đại, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Văn Đoàn,
ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, Ô.B. BS Hoàng Giang, B. Đỗ Thị Minh Giang,
B. Tôn Nữ Mặc Giao, B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiếu,
B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng, Ô. Nguyễn Quốc Khải,
Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, BS. Từ Châu Lan, BS. Từ Phấn,
Ô.B. Nguyễn Lâm, Ô.B. Nguyễn Khoa Lâm, Ô. Đoàn Thanh Liêm, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,
Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam, Ô.B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Phạm Bá Luân,
B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), B. Nguyễn T. Phương Nga, Ô. Cao Nguyễn,
Ô. Đăng Nguyên, B. Phan Thi Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật, B. Uyên Phương Minh Nguyệt,
Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát,
Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Lê Quang Phùng, B. Kim Phụng,
Ô.B. Lưu Quang, B. Chu Thanh Quy, B. Nghiêm Thái Phượng, Ô. B. Đèo Văn Sách,
Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm,
Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, B. Phong Thu, Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh,
Ô. B. Nguyễn Văn Thành, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu,
B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch, B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên,
Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang, B. Diệm Trân Kratzke, Ô. Nguyễn Đình Trân,
B. Tô Bạch Tuyết, ÔB. Phạm Văn Tuấn, BS Phan Khắc Tường, Ô.B. Phạm M. Xuân,
Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,
BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc, Harvest Moon Restaurant.



MỤC LỤC

	Trang	PHƯƠNG DUY TDC	154
TÒA SOẠN & BAN BIÊN TẬP	3	DIỄM CHÂU CÁT ĐƠN SA	161
DANH SÁCH HỘI VIÊN	4	HỒNG THUỶ	178
MỤC LỤC	5	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	187
THƯ CHỦ NHIỆM	7	PHẠM XUÂN THÁI	194
<u>BIÊN KHẢO</u>		<u>THƠ</u>	
NGUYỄN QUÝ ĐẠI	9	VŨ THÁI HOÀ:	17
NGUYỄN VĂN NHIỆM	18	LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ	23
TRẦN BÍCH SAN	24	HỒ CÔNG TÂM	29
PHẠM VĂN TUẤN	32	LÝ HIỂU	29
PHẠM THỊ NHUNG	42	BÙI THANH TIÊN	29
ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG	71	TRẦN QUỐC PHIỆT	39
NGUYỄN NGỌC BÍCH	125	MOTTHOI	39
PHẠM TRỌNG LÊ	167	NGUYỄN PHÚ LONG	39
NGUYỄN QUỐC KHẢI	171	NGUYỄN VÔ CÙNG	39
PHAN ANH DŨNG	180	HOÀNG SONG LIÊM	47
<u>VĂN</u>		LAN ĐIỀN	47
NGUYỄN LÂN	48	PHAN KHÂM & VŨ HỐI	62
VĂN QUANG	56	ĐỖ THỊ MINH GIANG	67
HỒ TRƯỜNG AN	63	PHAN KHÂM	89
TÂM MINH	80	NGUYỄN MÂY THU	89
NHẤT PHƯƠNG	84	Ý ANH	93
DUY AN ĐÔNG	90	NGUYỄN KINH BẮC	111
TRẦN TAM NGUYÊN	96	NGUYỄN VÔ CÙNG	111
Ỡ NGUYÊN	104	NGÂN SƠN	111
NGUYÊN BẠCH	112	BÙI THANH TIÊN	111
TIỂU THU	116	MỘNG TÂM	114
NGUYỄN MÂY THU	120	DIỄM TRÂN	115
PHONG THU	129	PHAN KHÂM	122
VŨ NAM	139	YÊN VI	141
TRƯƠNG ANH THỤY	144	LÊ MAI LĨNH	157
PHẠM HỮU BÌNH	149	ĐỖ BÌNH	179
		NGUYỄN PHÚ LONG	186

<u>GIAO ĐIỂM</u>		VŨ HỐI	108
RABINDRANATH TAGORE	30	LIÊN PHƯƠNG	132
NGÔ TẰNG GIAO	30	VŨ HỐI	143
DIỄM HOA	49	TÁ CHI TRƯỞNG CAM KHẢI	147
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT	67	VI VI	160
LÊ PHƯƠNG NGUYÊN	83	VŨ HỐI	186
NGUYỄN VÔ CÙNG	83	TRÚNG VƯƠNG HỢP MẶT	195
VI KHUÊ	95	PHÁT HÀNH CỔ THƠM 65	198
THANH THANH	95		
KIM VŨ	103	<u>GIỚI THIỆU</u>	
		CA DAO: NGUYỄN VĂN NHIỆM	22
<u>NHAC</u>		WASHINGTON MUSIC	79
VŨ ĐỨC NGHIÊM	40	BÁC SĨ NGUYỄN KIM DUNG	177
TRẦN CHÍ PHÚC	68	SOVEREIGN REALTY, INC.	203
		BÁC SĨ NGUYỄN QUỐC QUÂN	203
<u>TRANH - ẢNH - THƯ HOA</u>		TÁC PHẨM DƯ THỊ DIỄM BUỒN	204
SONNY SENSER	6	HARVEST MOON RESTAURANT	205
NGUYỄN HUY LINH	41	PHIẾU MUA BÁO CỔ THƠM	206
TRƯƠNG MINH CHÂU	47		
NGUYỄN HUY LINH	61		



Hình: **Sonny Senser**

CỎ THƠM MÙA XUÂN 19

Tuổi 19 của con người là tuổi thanh niên mới lớn, thiếu nữ dậy thì, tràn đầy lý tưởng trước ngưỡng cửa cuộc đời. Nhưng Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm ở tuổi 19 thì coi như đã trưởng thành, chín mùi giấy mực văn chương, nghệ thuật.

Thật không ngờ Cỏ Thơm đã hiên ngang vượt qua 19 mùa xuân huy hoàng, tươi đẹp. Báo có thêm nhiều độc giả, được in nhiều số hơn. Tác giả cộng tác và đóng góp bài vở phong phú hơn. Báo Cỏ Thơm có uy tín rộng lớn trong và ngoài Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, được mền chuộng khắp bốn phương, để vững vàng tồn tại đến ngày nay.

Những tên tuổi sau đây đã đến với Cỏ Thơm từ những số đầu tiên và vẫn gắn bó với Cỏ Thơm từ mùa xuân số 1, năm 1996 là Học Giả Nguyễn Ngọc Bích, Biên Khảo Gia Trần Bích San, Nữ Sĩ Trương Anh Thụy, Nhà Văn Hồng Thủy, Thi Họa Sĩ Vũ Hối, Thi Văn Sĩ Hồ Trường An, Họa Sĩ Đinh Cường, quý Thi Sĩ Ngô Tăng Giao, Thanh Thanh Lê Xuân Nhuận, Ý Anh, Phan Khâm, Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung. Quý vị sẽ tìm thấy những bài văn, thơ, biên khảo của các tác giả trên đây trong số báo 66, mùa xuân 2014 này.

Chúng tôi may mắn giữ được báo Cỏ Thơm từ số 1 và xem lại thì thấy trong số báo đầu tiên đó có thơ của bốn vị thi sĩ đã ra người thiên cổ là Anh Độ Đỗ Cẩm Khê, Hà Bình Trung, Kim Y Phạm Lê Oanh, Nguyễn Đức Vinh và Quỳnh Anh. Nếu quý vị đó còn tại thế, chắc chắn tiếp tục cộng tác với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm và vẫn có tên trong ban biên tập.

Để kỷ niệm sinh nhật thứ 19, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm số 66 có bìa trước là hình ảnh những bìa báo chọn lọc trong 65 số đã phát hành trong 18 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật thành công tốt đẹp đã qua. Bìa sau là hình ảnh những tác phẩm Cơ Sở Cỏ Thơm đã xuất bản cho các tác giả hội viên. Gần đây Cỏ Thơm ít có dịch vụ này, bởi vì các tác giả đều thông thạo, tự lo lấy được việc in ấn.

Cũng xin thông báo cùng quý vị, hai năm gần đây, vì bài vở được gửi tới tòa soạn quá nhiều, Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút không đọc xuể, đã phải mời 3 đồng chủ bút là Trần Bích San, Phạm Văn Tuấn, Ngô Tăng Giao lo việc đó. Nhưng vì lý do sức khỏe và gia đình, Biên Khảo Gia Phạm Văn Tuấn và Nhà Thơ Ngô Tăng Giao đã dờn nhiệm vụ này. Cỏ Thơm chỉ còn Học Giả Trần Bích San trong địa vị Chủ Bút. Tuy nhiên theo lời yêu cầu của một số văn thi hữu, xin quý tác giả gửi sáng tác về

tòa soạn Cỏ Thơm qua email <dsenser@yahoo>, rồi từ đó, chúng tôi sẽ chuyển tới các vị tình nguyện giữ việc nhuận sắc.

Một tin mừng đáng kể, hai năm gần đây Biên Khảo Gia Nguyễn Văn Thành cao niên và kỳ cựu nhất của ban biên tập Cỏ Thơm đã sử dụng được *computer*, gõ chữ tiếng Việt, gửi hình ảnh và viết bình luận về các bài trong Cỏ Thơm rất sâu sắc. Anh Nguyễn Văn Thành và Phu Nhân thường xuyên ủng hộ Cỏ Thơm rất rộng rãi và không bao giờ vắng mặt trong các buổi họp mặt của Cỏ Thơm. Người ta vẫn thường thấy cặp uyên ương cửu thập niên giai lão này âu yếm trên sàn khiêu vũ trong các buổi sinh hoạt của cộng đồng người Việt.

Một tin vui nữa là hội viên thâm niên của Cỏ Thơm, Nhà Văn Hồng Thủy cũng đã tự gõ *computer* lần đầu với truyện ngắn “Yêu” trang 178 và gửi qua *email* đến Tòa Soạn Cỏ Thơm. Chúng tôi mừng quá, đọc ngay lập tức. Mừng vì có sáng tác của Hồng Thủy trong số báo đặc biệt và mừng vì người bạn văn cuối cùng đã viết được truyện bằng *computer*.

Nhân dịp kỷ niệm 19 năm sinh hoạt với Cỏ Thơm, mời quý vị xem bài viết của Nguyễn Thị Ngọc Dung, tâm sự “Tôi Làm Báo Văn Học” trang 187, quý vị sẽ hiểu được việc làm báo của chúng tôi là một đam mê hữu ích, lành mạnh và thú vị, không đến nỗi vất vả lắm.

Truyền thống từ ngày sinh ra đời, mỗi năm Tam Cá Nguyệt San được tổ chức sinh nhật vào mùa Hoa Anh Đào Hoa Thịnh Đốn, tại nhà hàng vào buổi tối. Năm nay, lần đầu tiên sinh nhật Cỏ Thơm được tổ chức tại nhà hàng vào buổi trưa ngày 30 tháng 3 năm 2014 và giới thiệu Nhạc Sĩ Trần Chí Phúc đến từ California. Vì xa xôi cách trở hai miền Đông Tây chúng tôi không được nghe về người Nhạc Sĩ này cho đến khi Phó Chủ Nhiệm ngoại vụ Phan Anh Dũng giới thiệu Trần Chí Phúc trên Website Cỏ Thơm. Chúng tôi được đọc cuốn “Một Thoáng 26 Năm” tạp ghi làm báo và nghe CD nhạc của anh. Chúng tôi ngạc nhiên tài năng viết văn hấp dẫn, dí dỏm, sáng tác nhạc truyền cảm, bay bướm của Trần Chí Phúc. Ông xứng đáng được giới thiệu và ra mắt với giới văn học vùng Thủ Đô Hoa Kỳ. Chúng tôi sẽ có bài tường thuật với hình ảnh trong số báo sau.

Xin cảm tạ sự ủng hộ của quý độc giả, quý vị thân chủ cho quảng cáo, quý vị tác giả đã cộng tác với Cỏ Thơm và giúp Cỏ Thơm thăng tiến trong 19 năm qua.

Chúc quý vị một mùa Xuân tươi vui hạnh phúc.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

NGỰA TRONG KHOA HỌC và ĐỜI SỐNG

Nguyễn Quý Đại

Trong thập nhị chi, con giáp thứ 7 là con ngựa hay Ngọ chữ Hán Việt là Mã 馬. Tên khoa học: *Equus caballus*.

Nếu ghép vào can chi thì có các năm: Giáp Ngọ, Bính Ngọ, Mậu Ngọ, Canh Ngọ và Nhâm Ngọ. Ngọ thuộc cực dương vì 12 giờ trưa là giờ Ngọ, tháng 6 là tháng Ngọ cây cối phát triển nhanh... Loài ngựa gắn bó với con người từ thời Thượng Cổ, con người bắt đầu thuần dưỡng ngựa vào khoảng 4000-4500 TCN. Khởi đầu ngựa hoang được thuần hóa ở miền nam nước Nga, nam Sibirien, các miền đông tây Á Châu và từ đó ngựa phổ biến trên khắp lục địa Á - Âu. Người ta thường nuôi ngựa làm phương tiện đi xa buôn bán với các bộ lạc khác nhanh chóng, thuận lợi hơn hoặc đi săn bắn xa và sau đó bắt đầu dùng ngựa tiến hành chiến tranh để cướp đất đai trong quy mô lớn.

(Bức họa của Holmes Sullivan William năm 1877 vẽ nữ Bá tước Godiva (Godgifu) cưỡi ngựa đi quanh thành phố Coventry, Anh Quốc năm 1040 để yêu cầu chồng là Bá tước Leofric giảm thuế cho dân)

Ngựa trong danh từ khoa học:

Giới (regnum): Animalia
Ngành (phylum): Chordata
Lớp (class): Mammalia
Bộ (ordo): Perissodactyla
Họ (familia): Equidae
Chi (genus): Equus
Loài (species): *E. caballus*

Chủng tộc ngựa có bốn nhóm: thoroughbred/Vollblut (giống ngựa này ở Ả Rập và Anh Quốc); warmblood/Warmblut;

draft horse/
Kaltblut; ponies
/Ponys. Mỗi nhóm,
chỉ có đời sống tập
tính khác nhau như:
Ngựa vằn núi
Bergzebras (*Epuus
Zebra*), ngựa
Quagga (*Epuus
quagga*), ngựa
Onager (*Epuus
hemionus*) thuộc
loại nửa ngựa nửa
lừa) ngựa
Przewalskipferd
(*Epuus Przewalskii*)
ngựa Steppentarpan
(*Epuus przewalskii
igmelini*) ngựa
Waldtarpan (*Epuus Przewalski
silvaticus*)
ngựa Westpferd (*Epuus
przewalskii
robustus*); ngựa ở Phi Châu
Wildesel (*Epuus asinus
africanus*); ngựa ở bắc Phi
Châu Wildesel (*Epuus
asinus*)



atlanticus)...Tùy thuộc vào giống môi trường, thức ăn, nước uống v.v, ngựa có tuổi thọ khoảng 25 đến 30 năm. Ngựa cái mang thai kéo dài khoảng 335-340 ngày. Ngựa con vừa lọt lòng mẹ có thể đứng và đi ngay. Ngựa bốn tuổi được coi là ngựa trưởng thành, mặc dù chúng tiếp tục phát triển bình thường cho đến sáu tuổi, thời gian hoàn thành sự phát triển của ngựa cũng phụ thuộc vào kích cỡ của ngựa, giống, giới tính. Có loại ngựa dài 2.80m cao 1,5m....Ngựa ăn cỏ, dạ dày ngựa chỉ có một túi và không thuộc bộ nhai lại như trâu bò, răng ngựa tốt, ăn và nghiền nhỏ thức ăn, ngựa đực có 40 cái răng, ngựa cái chỉ có 36 cái. Uống nước mỗi ngày từ 30-60 lít nước. Tai ngựa rất thính, nhãn quan của ngựa rộng nhưng chỉ thấy rõ về phía trước hơn, khuyết điểm không nhìn rõ



hai bên, nên hay hoảng sợ khi nhìn thấy các di động hai bên, bởi vậy người ta dùng hai miếng da che hai bên mắt để ngựa kéo xe chỉ nhìn thấy phía trước. Ngựa có nhiều màu như lông màu trắng gọi là ngựa bạch, đen tuyền gọi là ngựa ô, đen pha đỏ tươi là ngựa vang, đen pha đỏ đậm là ngựa hồng, tím đỏ pha đen là ngựa tía, trắng sọc đen là ngựa vân... Về cách đi đứng của ngựa có nhiều động từ để diễn tả như: đi, bước, rảo, chạy, nhảy, kiệu, phóng, vút, phi (bay), té, sải, lao, vọt, phốc, phi nước đại, phi nước kiệu, phi rạp mình, ngựa lồng: ngựa chạy trung bình mỗi giờ từ 40-50 km, nhưng có

thể chạy nhanh đến 90 km/ giờ. Người ta lấy sức ngựa (mã lực) làm tiêu chuẩn tính sức mạnh của động cơ Kilowatt (1 PS=75 mhp/S; hay 1 PS= 0,735498 KW).

Chân ngựa cũng có nhiều ngón, nhưng chỉ có một ngón giữa phát triển to ra, trên đầu ngón có một cái móng bằng chất sừng bao bọc ở mặt ngoài của móng ngựa, chất sừng rất dày cứng, nó gắn chặt với xương ngón chân, nhưng phần phía trong của móng là chất sừng mềm có tính đàn hồi co giãn được, nó có tác dụng làm giảm xung lực từ mặt đất khi ngựa bước đi. Vì móng ngựa là chất sừng cứng, khi ngựa đi lại trên đất, đá lâu ngày, lớp sừng bảo vệ bên ngoài sẽ bị mòn đến lớp sừng mềm bên trong. Ngựa bị đau chân không thể chạy nhảy kéo xe được. Vì thế người ta đóng móng cho ngựa để

bảo vệ cho móng không bị mòn. Có thợ chuyên môn rèn sắt đo ni lấy một cái vành bằng sắt có đục lỗ sẵn đóng móng cho ngựa, đã được sáng chế từ thời La Mã cổ đại.

Ngựa trong chiến tranh được gọi là Ngựa chiến hay chiến mã.

Hình ảnh ngựa còn là chủ đề cho các môn nghệ thuật như hội họa, điêu khắc, thơ văn... Đối với văn hóa phương Tây, ngựa gắn liền với nhiều biểu tượng thần thoại. Quan hệ giữa chủ nhân và ngựa không khác gì đôi bạn thân, cùng nhau vào sinh ra tử, xông pha trận mạc. Bên cạnh chiến binh, ngựa được

coi là chiến mã, tượng trưng cho sự dũng mãnh, thần tốc và lòng kiêu hãnh, các binh chủng kỵ binh, kỵ mã, kỵ xạ, thám mã trong chiến đấu, săn bắn... Người Ai Cập và Trung Hoa cổ đại sử dụng xe ngựa kéo, sáng chế ra yên cương và bàn đạp giúp tăng hiệu quả chiến đấu của chiến mã và giúp cho người cưỡi giữ thăng bằng, ổn định và không bị ngã ngựa. Các hiệp sĩ trên lưng ngựa mặc áo giáp với một thanh kiếm hoặc giáo thương, đại đao hoặc các vũ khí đánh xa khác... có sức chống lại mạnh mẽ và gây nguy hiểm cho hầu hết các loại lính bộ binh. Việc sử dụng chiến thuật ổn định từ ngựa chiến được đóng yên cương và bàn đạp

chân đã cho phép người Mông Cổ có thể tấn công và bắn tên hiệu quả từ trên lưng ngựa (nhất là các kỵ xạ), đồng thời đem đến cho họ sự linh động để chinh phục phần lớn các vùng đất đã biết đến trên thế giới. Thành Cát Tư Hãn/Genghis Khan phiên âm Hán:

成吉思汗 (trị vì 1206-

1227) là người sáng lập ra Đế quốc Mông Cổ. Vó ngựa quân Mông Cổ tung hoành khắp nơi, nhờ giống ngựa Mông Cổ với vóc dáng có phần nhỏ hơn, chân ngắn hơn, bờm và đuôi rậm hơn, song chúng ít đòi hỏi chăm sóc, sức chịu đựng tốt, đặc biệt thích nghi tốt với khí hậu cận nhiệt đới. Quân Mông Cổ đã bành trướng xuống phía Nam, ngựa Mông Cổ có thể nói là phương tiện duy nhất để di chuyển đại quân từ Á sang Âu. Vó ngựa Mông Cổ đi đến đâu thì có

không mọc được, đến đâu thì bình địa đến đó, máu chảy đầu rơi, xơ xác. Nhưng đến Việt Nam bị Hưng Đạo Vương đánh thua chạy dài về nước.

Theo truyền thuyết Đồi Hùng Vương thứ Sáu nổi tiếng và đặc sắc nhất về ngựa là hình ảnh ngựa thần của Thánh Gióng, cậu bé làng Phù Đổng đã vươn vai thành người lớn cưỡi ngựa sắt, cầm roi sắt ra trận dẹp tan giặc Ân. Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa thần bay lên trời tượng trưng cho sự tự do, bất khuất, lòng dũng cảm, ý chí kiên cường. Tại ngã sáu ở Sài Gòn còn tượng tưởng nhớ Phù Đổng Thiên Vương.



Ngựa thành Troia Hy Lạp Cổ đại: Người Hy Lạp sử dụng ngựa trong chiến trận. Lịch sử Hy Lạp cách đây hơn 3200 năm có chuyện ngựa gỗ thành Troia. Khi quân Hy Lạp đến bao vây thành Troie (Trojanische Krieg), dân thành này chống cự mãnh liệt, quân Hy Lạp không thể nào vô thành được. Theo mưu mẹo

của Odysseus/ Odyssey chế ra một con ngựa gỗ rất cao lớn, bên trong rỗng ruột để quân lính chui vào nấp, sau đó giả vờ bỏ con ngựa lại chiến trường rồi ra lệnh tất cả thuyền bè rút ra khơi. Dân thành Troia thấy quân Hy Lạp rút lui, vui mừng kéo nhau ra khỏi thành hi hục đưa con ngựa gỗ vào bên trong thành như là một chiến lợi phẩm quý giá thu được từ Hy Lạp. Nửa đêm hôm ấy, quân mai phục từ bụng con ngựa chui ra chém giết lung tung, mở cửa thành cho quân Hy Lạp tràn vào. Thành Troia thất

thủ, vua Priam bị giết, câu chuyện ngựa gỗ phá thành được chép lại như một thiên anh hùng ca trong các tiểu thuyết của nhà thi hào Homer.

Ngựa trong đời sống bình dân

Ngựa là gia súc đóng góp to lớn trong việc mưu sinh và sự phát triển của con người. ngựa đối với người phương Đông còn là biểu tượng của lòng trung thành, sự kiên trì, nhẫn nại và cần mẫn. Trong thời bình ngựa

giúp chúng ta cày bừa, chuyên chở hàng hóa, kéo xe, chở người đi chuyển trên đường xa, những nơi hiểm trở. Ngoài ra ngựa là phương tiện di chuyển nhanh nhất thời xưa trong vấn đề liên lạc thư tín, công văn ... và tạo những niềm vui cho công chúng như đua



ngựa, đi săn, cưỡi ngựa thi bắn tên, làm xiếc thú. Ngựa còn cho ta thịt để ăn và cụng tế, xương nấu cao ngựa làm thuốc, giúp các nhà y học chế ra các loại huyết thanh trị bệnh, huyết thanh chống nọc rắn. Viện Pasteur Nha Trang thành lập từ năm 1895, đến năm 1896 bác sĩ Yersin đã lên vùng Suối Dầu, thành lập một trại chăn nuôi ngựa lấy huyết thanh bào chế vaccin phòng chống bệnh dịch hạch. Và cũng từ trại ngựa này, Yersin đã sáng chế ra những loại huyết thanh cổ điển khác như kháng huyết thanh bạch hầu, uốn ván. Cho đến nay, với hơn 100 năm tồn tại và phát triển, trại chăn nuôi vùng Suối Dầu đã trở thành một trung tâm sản xuất vaccin lớn trong khu vực, với số lượng thú nuôi phục vụ nghiên cứu khoa học

đứng đầu trong cả nước gồm ngựa, thỏ, chuột lang, chuột bạch.

Tiếp bước theo công trình của bác sĩ Yersin, tập thể các cán bộ ở trại chăn nuôi Suối Dầu đã bào chế ra những kháng huyết thanh mới từ ngựa như kháng huyết thanh trị rạ, trị nọc độc rắn cắn, mới đây nhất là nghiên cứu phát triển loại kháng huyết thanh chữa ngộ độc cá nóc cho ngư dân, theo tinh thần mà ngày xưa bác sĩ Yersin đã đề xướng: nghiên cứu và phục vụ đời sống.

Nhiều giống ngựa đã tuyệt chủng, nhưng nhiều giống ngựa khác được lai giống to lớn có lông mai và đuôi dài rất đẹp, hàng năm lễ hội Beer Tháng Mười ở Munich nhiều ngựa to lớn kéo xe rất đẹp.

Ngựa trong văn chương

Thời xa xưa đời sống hàng ngày chỉ sử dụng phương tiện di chuyển, kiệu, cán, xe kéo và ngựa. Ảnh hưởng đời sống nên truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du nhắc đến ngựa rất nhiều lần, hơn 24 câu nói đến ngựa. (1)

Trong đoạn thơ tả cảnh chị em Thuý Kiều, Thuý Vân đi lễ hội Thanh minh:

*Dập điều tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.*

Tác phẩm thứ hai có nhắc đến ngựa là Chinh Phụ Ngâm. vài đoạn thơ liên quan đến ngựa. Nói về nam nhi trong thời chinh chiến:

*Chỉ làm trai dặm nghìn da ngựa
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao
Giả nhà đeo bức chiến bào
Thét roi cầu vị ào ào gío thu.*

Rồi nàng phải tiễn chàng ra trận, cảnh chia ly thật buồn :

*Ngoài đầu cầu nước trong như lọc
Đường bên cầu cỏ mọc còn non
Đưa chàng lòng vội vội buồn
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.*

Ngựa liên quan trực tiếp đến người chinh phu ở nơi xa xăm, chịu dãi dầu sương gió, cùng những hiểm nguy của chiến trận, bên mình ngựa:

*Hơi gió lạnh người rầu mặt dạn
Giòng nước sáu ngựa nản chân bon.
Ôm yên, gối trống đã chôn
Nằm vùng cát trắng ngủ còn rêu xanh*

Hoặc:

*Xông pha gió bãi trắng ngàn
Tên reo đầu ngựa giáo lan mặt thành.*

Hay là:

*Chàng ruổi ngựa dậm trường mây phủ
Thiếp dạo hài lối cũ rêu xanh.*

Tác phẩm Lục Vân Tiên của cụ Nguyễn Đình Chiểu cũng có câu nói về ngựa:

*Vân Tiên đầu đội kim khôi
Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ô.*

Tác phẩm Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Hầu cũng có nhắc xa mã:

Mùi phú quý như hương xa mã

Bã vinh hoa lừa gã công khanh.

Ngựa vốn là loài vật gắn bó với con người. Nó nằm trong Lục Súc Tranh Công, 6 loại gia súc nuôi trong nhà như: ngựa, trâu, bò, dê, chó và heo. Người Á Đông đã thuần hóa thành công 6 loại gia súc này trước tiên. Bởi vậy có truyện Lục Súc Tranh Công, ngựa cũng tự khen mình, vừa kể công đánh Nam dẹp Bắc, giúp không biết bao nhiêu tướng tài, phò trợ xã tắc suốt trong lịch sử:

Ngựa nghe nói tím gan, tím phổi

*Liên chạy ra hàm hí vang tai
Ớ này này tao bảo chúng bay
Đố mặt ai dài bằng mặt ngựa...
Tao đã từng đi quán về quê
Đã ghe trận, đánh Nam, dẹp Bắc...*

*Ngày ngày châu chực sân rồng
Bữa bữa dựa kể loan giá.*

*Ông Cao Tổ năm năm thượng mã
Mới dựng nên cơ nghiệp Lưu gia.*

*Ông Quan Công sáu ái vượt qua
Vì cây cỏ Thanh Long, Xích Thố...*

*Các chú được ăn no nằm ngủ
Bởi vì ta cầm cán giữ gìn...*

*Các chú những năm trong xô bép
Tài các người ở chốn quê mùa*

*Đừng đừng buông lời nói khật khừ
Bớt bớt thói chê bai giốn giác ...*

Trong tục ngữ ca dao

Được đầu voi đòi đầu ngựa: nói về người có lòng tham không đáy

Ngựa chạy có bầy chim bay có bạn: nói lên tinh thần đoàn kết.

Ngựa Hồ gió bắc hay chim Việt ngựa Hồ: Ngựa xứ Hồ mỗi khi gió bắc thì hí, chim nước Việt chọn cánh phía nam mà đậu.

Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ: Nói về tinh đoàn kết



Mã đáo thành công: Câu chúc may mắn, thành công

Ngựa non háu đá: Chỉ những người trẻ tuổi thường có tính cách hung hăng, thiếu chín chắn
Cưỡi ngựa xem hoa, chỉ thời gian ngắn đi qua chưa nhìn hết mọi vấn đề

Ngựa chứng là ngựa hay: nói những người có tài thường có những tật xấu

Ngựa quen đường cũ: Chứng nào tật ấy

Ngưu tầm ngưu mã tầm mã: Chỉ việc những người giống nhau thường tập hợp lại với nhau, tìm đến nhau

Đầu trâu mặt ngựa: Câu này dùng để chỉ những kẻ vô loại, kẻ đại bất lương.

Thăng như ruột ngựa: Nói về việc không úp mở, thẳng thắn vào đề luôn

Da ngựa bọc thây: Câu này thời xưa dùng để nói về một người lính đã ngã xuống trên chiến trường

Đơn thương, độc mã (một ngựa với một cây thương): Chỉ người một mình chống lại khó khăn, không có sự trợ giúp của ai, giống câu một mình một ngựa

Một lời nói ra bốn ngựa khó tìm (Nhất ngôn ký xuất tứ mã nan truy): Câu này có nghĩa

là một lời nói vô ý khi ra khỏi miệng rất khó có thể lấy lại được.

Tế ông mát ngựa: Chỉ trong cái rủi có cái may.

Có mặt nào dài hơn ngựa, trước pháp đình, tội nhân đứng trước vành móng ngựa. ...

Rồng châu ngoài Huế, Ngựa tể Đồng Nai

Trong truyện thần thoại Tây Phương con ngựa cổ nhất là con độc giác là con bạch mã đuôi dài tha thướt như tóc một thiếu nữ, giữa trán mọc một cái sừng (Einhorn) và xoắn

như mũi khoan phát ra ánh sáng, thêm con ngựa có cánh bay, các loại truyện thần thoại đã dựng thành phim hoạt hình. Những lăng mộ ở Ai Cập trên những bức phù điêu đều có chạm trổ hình những con ngựa, Tại Viện bảo tàng ở Cairo chúng bày những chiếc xe ngựa của các đời Vua được khai quật hơn 3000 năm. Trước sân các Đình Miếu ở Việt Nam cũng như Trung Hoa thường có tượng đá bằng ngựa... Về Âm nhạc có các nhạc phẩm được nhiều người thích là: Vết thù trên lưng ngựa hoang, Lý Ngựa Ô...

Ở Trung Hoa, có dòng họ Mã lấy theo tên ngựa, trong đó có nhiều người nổi danh như Mã Viện, Mã Đằng, Mã Siêu, Mã Anh Cửu, Mã Giám Sinh, Mã Bé... Ngoài ra thêm nhiều chuyện như „trăm mã trà,, cho ngựa ăn trà chém đầu mổ bụng lấy trà sao chế để uống, hay chuyện cho ngựa bạch lên

núi cao tìm cỏ Phương Chi mọc trên đá cho ngựa ăn lúc mặt trời vừa mọc, ăn xong cũng chém đầu mổ bụng lấy bao tử mang về chế thuốc phơi khô trị bệnh, bà Từ Hy Thái Hậu khoản đãi khách quý dùng loại thuốc đó nấu với Long Tu.



Dược thảo mang tên ngựa

Trong các dược liệu cổ truyền, hai khái niệm ngựa và mã thường được sử dụng để chỉ tên nhiều vị thuốc có giá trị, thậm chí là tên của nhiều họ cây thuốc. Xin giới thiệu một số thảo dược chính có liên quan đến hai khái niệm này.

Mã tiên thảo hay còn gọi là cỏ roi ngựa (Verbena officinalis L.), họ cỏ roi ngựa

(Verbenaceae), trông hình dáng giống như cái roi ngựa. Vị thuốc là bộ phận trên mặt đất, thu hái lúc cây sắp ra hoa, phơi khô hoặc sấy khô, với liều 6 - 12g dùng trị các bệnh sốt rét, lỵ, ngứa lở hạ bộ, sưng đau tuyến vú, mụn nhọt, bết kinh, khí hư bạch đới.

Mã kế còn gọi là đại kế (*Circus japonicus* (DC.) Maxim), họ Cúc (Asteraceae), dùng toàn cây. Vị thuốc có vị ngọt, đắng, tính mát. Trị thổ huyết, máu cam, trĩ ra máu, tiểu tiện ra máu, băng huyết, chấn thương chảy máu. Khi dùng để cầm máu thường được sao đen. Trị băng huyết và kinh nguyệt quá nhiều Mã xỉ hiện còn gọi là rau sam (*Portulaca oleracea* L.), họ Rau sam (Portulacaceae), mọc hoang hoặc được trồng để làm thuốc hoặc làm rau ăn. Có thể

dùng tươi hoặc khô để trị lỵ trực khuẩn, giun kim, dưới dạng nước sắc 15 - 20g ngày.

Dùng ngoài, trị ngứa lở, nước ăn chân, lấy cây tươi rửa sạch, giã nát, chườm vào chỗ bị bệnh, ngày 1 - 2 lần sau khi đã rửa sạch chỗ bị bệnh và lau khô

Mã đề còn gọi là Xa tiền thảo (*Plantago major* L.), họ Mã đề (Plantaginaceae). Hai chữ mã đề

là ám chỉ “móng chân của con ngựa”. Mã đề cho nhiều vị thuốc hay, toàn cây có tác dụng lợi tiểu, lợi mật, chống viêm loét, trừ đờm, chống ho, chống lỵ... Dùng trị bí tiểu, tiểu vàng, đỏ, tiểu ra máu, sỏi đường tiết niệu, viêm gan, mật... Từ mã đề có thể thu được các vị thuốc: bông mã đề, cụm hoa, hạt mã đề (xa tiền tử) có cùng tác dụng: lợi tiểu, lợi mật...

Mặt khác, xa tiền tử còn chứa nhiều chất nhầy, có khả năng bao phủ các vết loét, nhất là ở dạ dày, tá tràng. Do vậy, vị thuốc

này cũng như tịch chiết lá tươi của nó được dùng để trị viêm loét dạ dày, tá tràng rất tốt Mã đề nước còn gọi là Trạch tả (*Plantago plantago-aquatica* L. tên đồng danh *Alisma orientalis* Sam. Juzep.), họ Trạch tả (Alismataceae). Gọi là mã đề nước vì lá của cây trạch tả trông rất giống với lá của cây mã đề, song cây này lại mọc ở dưới ruộng nước. Y học cổ truyền dùng thân rễ của Trạch tả hàng năm thu hái vào khoảng tháng 4 - 5 để làm thuốc chữa bệnh phù thũng, viêm thận, viêm bể thận, tiểu tiện khó khăn, đái ra máu.

Cá ngựa hay hải mã là tên gọi chung của một chi động vật sống ở đại dương tại các vùng biển nhiệt đới. Cá ngựa có chiều dài 15 cm có loài dài đến 30 cm. Cá ngựa là cá biển



thuộc chi Hippocampus và họ Syngnathidae vùng nước nhiệt đới và ôn đới ở khắp nơi trên thế giới. Đông y thường dùng hải mã khô trong những than thuốc nấu uống hay để ngâm rượu uống bổ dương. Khoa học chưa có tài liệu nào cho biết thành phần hóa học tác dụng dược lý?.. Cá ngựa và cá chìa vôi là 2 chi cá đặc biệt ở chỗ con đực "mang thai" và sinh con. Thời gian mang thai từ 2-3 tuần. Nó có vây ngực ở phía trên gần mang và vây lưng nằm phía dưới cơ thể. Một số loài cá

ngựa có một phần thân thể trong suốt nên rất khó nhìn thấy.

Năm Quý Tỵ đã qua nhiều biến đổi, hy vọng năm Giáp Ngọ đến “*mã đáo thành công*” sẽ đem lại Tự Do, Dân Chủ cho Việt Nam. Không còn bọn “*đầu trâu mặt ngựa*” đàn áp đánh đập người dân biểu tình chống Trung cộng xâm chiếm biển đảo tịch thu ghe tàu, đánh đập ngư dân Việt Nam. Kính chúc thân hữu và quý độc giả năm mới bình an, thân tâm an lạc, may mắn và hạnh phúc.
Nguyễn Quý Đại

Tài liệu tham khảo

Tiere und Lebensräume (Das grosse Volks-Lexikon) Bertelsmann.
Das neue Universal Lexikon
Thơ văn hình trên Internet và trang Wikipedia

Đọc thêm ngựa trong truyện Kiều

1/ Kim Trọng xuất hiện và gặp mặt Kiều lần đầu, chàng cuội ngựa:

*Tuyệt in sắc ngựa câu dòn,
Cổ pha mùi áo nhuộm non da trời.
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa, tới nơi tư tình.*

Khi hai chị em Kiều sắp chia tay Kim Trọng, ngựa lại được nhắc đến:

*Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.
Mã Giám Sinh, vội vàng ra đi bằng ngựa:
Đoạn trường thay lúc phân kỳ
Vỏ câu khắp khênh, bánh xe gập ghềnh.
Nàng càng thốn thức gan vàng,
Sở Khanh đã rẽ dây cương lối nào!*

Thúc Sinh, lúc chia tay cùng Kiều vào một mùa thu để về nhà thăm vợ nhà “*Hoạn Thư*” cũng đã ra đi bằng ngựa:
Người lên ngựa, kẻ chia bào,

Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san.

Khi Thúc Sinh ra đi, có một nhóm ác nhân “*đầu trâu mặt ngựa*” đến đốt nhà nơi Kiều đang cư ngụ. Trong lúc bắt tình vì thuốc mê, Kiều đã bị bắt cóc đem đi bằng ngựa:

*Thuốc mê đầu đã tưới vào,
Mơ màng như giấc chiêm-bao biết gì!
Vực ngay lên ngựa tức thì,
Phòng đào, viện sách, bốn bề lửa dong.*

Từ Hải người đã giúp Kiều trả oán, báo ân, và đưa Kiều lên chỗ cao sang nhất của cuộc đời Kiều, cũng dùng ngựa. Đó là lẽ dĩ nhiên vì Từ Hải là một võ tướng:

*Trông trời, trời bẻ mệnh mang,
Thanh gươm, yên ngựa, lên đàng thẳng dong.*

Khi cho quân lính rước Kiều về phủ đường một cách rất long trọng, Từ Hải đã tự mình cỡi ngựa ra ngoài để nghênh đón Kiều:

*Kéo cờ lũy, phát súng thành,
Từ công ra ngựa thân nghênh cửa ngoài.*

Và gần đến cuối của câu chuyện gian truân đời Kiều, người em trai của Kiều và người tình đầu tiên đã được làm quan Cả hai đã dùng xe ngựa:

*Sấm sanh xe ngựa vội vàng,
Hai nhà cùng thuận một đường phó quan.*

Thành ngữ “*đầu trâu mặt ngựa*” để chỉ những người không lương thiện bắt nguồn từ Kiều:

*Người nách thước kẻ tay dao
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sóng.*

Thành ngữ “*làm thân trâu ngựa*” để đáp đền ơn sâu cũng ở trong Kiều mà ra:

*Tái sinh chưa dứt hương thề
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.*

NGUYỄN QUÝ ĐẠI

(Germany)

TƯỚNG NHỚ
Thi Nhạc Sĩ Vũ Thái Hòa

ĐÊM XUÂN CHO NGƯỜI YÊU

Em có nghe không - đêm xuân này
Gót giày anh gọi tên em trên từng
phiến đá

Rong ruổi nổi buồn
- Xin em môi cười

Như bông hồng anh gặp sáng nay
- Xin em những sợi tóc rơi
Cuốn lấy cổ anh để đời đời
em hát những tình khúc anh viết
cho em

Bờ môi trống vắng
Nụ hôn đầu yêu
Vòng tay bơ vơ
- anh vẫn chờ

Em có nghe không - đêm xuân này
Trên bãi cát chúng mình ngồi
với nhau
Chỉ còn lại hai trái tim bằng cát bụi
nhặt nhòa
- Hẳn em còn nhớ
Hai trái tim đó em đắp lúc em nói về
thân phận

Lúc nước mắt em thấm ướt áo anh
Lúc mắt em trĩu nặng tình sầu

- Vùng biển trước mặt anh thì tắm tôi
Anh nghe những cánh hoa bên bờ cao
xa reo mừng

Những giọt sương cứ bám chặt những
cánh hoa dại

Để ngày mai - Ngày Xuân
Hoa long lanh tựa nước mắt buồn

Em có nghe không - đêm xuân này
Tay níu hư không

Em không về đêm xuân này
Để cùng anh hát tình khúc mới nhất
anh viết yêu em

Để nghe anh thì thầm trong
tiếng nhạc

- Xin mãi mãi bên nhau
Dù đêm xuân này em không đến
- Xin mãi mãi yêu nhau
Cho lòng mình mãi mãi còn xuân ./.

VŨ THÁI HÒA
(1947-2013)

Lịch Á Đông

NGUYỄN VĂN NHIỆM

Việc làm lịch ở Á Đông thuộc khu vực văn hóa nông nghiệp mang ý nghĩa triết lý nhân sinh, giúp con người sống sao cho hợp với tiết điệu của trời đất: công việc làm ăn như cây cấy, gieo gặt đúng ngày mùa, việc canh gác tuần phòng, ngày lễ Tết, tế tự...

Nói đến lịch Á Đông, người ta thường nghĩ đến âm lịch tính theo chu kỳ mặt trăng để phân biệt với dương lịch. Nhưng trong thực tế lịch được sử dụng là âm dương lịch, trong đó các tháng được tính theo chu kỳ mặt trăng, nhưng tháng nhuận được thêm vào để điều chỉnh sự sai sót, sao cho năm tháng phù hợp với các mùa. Ca dao có hai câu liên quan đến sự việc này:

“Ai về nhắn họ Hy Hòa,
Nhuận năm sao chẳng nhuận vại trống canh.”*

Nội dung ca dao trên có ý trách hai anh em Hy, Hòa đã chế ra tháng nhuận cho năm, sao không chế ra canh nhuận cho đêm. Đó là trách cứ của những con người có tâm sự muốn thời gian giãn dài ra tương tự như mấy câu ca dao sau đây:

*“Đêm khuya nghe vạc cầm canh,
Nghe chuông gióng sáu, nghe anh khuyên nàng.
Anh khuyên nàng, nàng đã hồ nghe,
Trách con gà trống te te gáy dòn.”*

(*Theo Kinh Thư thì vua Nghiêu sai hai anh em Hy Hòa điều chỉnh lịch, đưa thêm

tháng nhuận vào cho vận hành của mặt trời, trăng, sao ăn khớp nhau.)

Lịch Á Đông đặc sắc, có ý nghĩa triết lý ở chỗ có đưa ý niệm về thập thiên can và thập nhị địa chi vào. Tương truyền rằng Hiên Viên Hoàng Đế của Hoa tộc sai người làm lịch, chế ra ý niệm đó, cho nên nói đến lịch Á Đông người ta thường cho là phát minh của Tàu. Nhưng trở lại phần dẫn nhập, ở đoạn trích dẫn:”...*Trong một số cổ thư có câu quen thuộc này: “Tích giả Hoàng Đế đắc Si Vưu nhi minh ư thiên đạo “: Khi Hoàng Đế được Si Vưu (tức tiếp cận với văn minh của Si Vưu) thì hiểu được đạo Trời... nghĩa là tất cả mọi di sản văn hóa Viêm Việt được chuyển êm sang tay Hoàng Đế của Hoa tộc.”* (Cơ cấu Việt Nho. Chương XX- Kim Định). Nếu xét lui trở về nguồn cội nữa thì ý niệm thập thiên can và thập nhị địa chi lại có liên hệ đến những con số của Hà đồ. Xem đồ thư hợp nhất ở phần dẫn nhập, Hà đồ hình tròn ở trong với các con số được phân bố như sau:

Số dương, số cơ, số trời: 1, 3, 5, 7, 9 (màu trắng).

Số âm, số ngẫu, số đất: 2, 4, 6, 8, 10 (màu đen).

Thập thiên can: lấy số 5 ở giữa các số dương, số trời nhân đôi lên thành ra thập thiên can, có tên: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Thập nhị địa chi: lấy số 6 ở giữa hàng số âm, số đất nhân đôi lên thành ra thập nhị địa chi. Mỗi địa chi được tượng trưng bằng một con vật gần gũi với con người: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Hà đồ được Phục Hy làm ra do thấy các chấm trắng đen trên lưng con long mã nổi

lên ở sông Hoàng Hà. Những nhân vật huyền thoại như Phục Hy, Thần Nông thuộc nền văn hóa nông nghiệp của Viêm Việt. Điều này chứng tỏ việc làm lịch đã bắt đầu từ lâu, đời Hoàng Đế kế thừa và có thể có tu chỉnh cho hoàn hảo hơn.

Việc phối hợp thiên can, địa chi vào việc làm lịch, từ cách đặt tên, cách tính năm, tháng, ngày, giờ cho thấy triết lý lưỡng hợp thái hòa của văn hóa nông nghiệp (cơ cấu dọc ngang của thời không) bắt rễ sâu vào đời sống khắp trong dân gian: sống hòa hợp với trời đất theo nhịp thời gian để có hạnh phúc, để xứng đáng là con người có đầy đủ nhân ảnh.

Bốn mùa, hội xuân, Tết

Năm có bốn mùa gọi là tứ quý:

“Xuân vãng, hè lai, thu hồi, đông đáo
Tứ quý anh thương nàng không ráo hội châu.”

Bốn loại trái cây đặc trưng cho bốn mùa cũng được gọi là *cây tứ quý* :

“Lựu, lê, bình bát, măng cầu
Bốn cây tứ quý anh sầu một cây.”

Trong bốn mùa, mùa xuân là lúc trời đất giao hòa, nên là mùa đẹp nhất, cây cối trụi lá từ mùa đông lại bắt đầu đâm chồi nảy lộc, trăm hoa đua nở:

“Đào khoe tươi, liễu khoe mềm,
Cây khô nảy lộc, cành thêm ảm chồi.
Chữ rằng: “ Thiên hữu tứ thời“,
Ngày thời hoa nở, tối trời hoa thom.”

Ở khu vực Á Đông, khi mùa xuân đến thì việc thu hoạch mùa màng đã xong trước đó rồi (tháng mười một, tháng chạp), cho nên mọi người rảnh rang đón xuân:

“Xa kêu náo nức yến anh,
Ngoài đường rậm rịch bộ hành chơi xuân.”

“Mỗi năm vào dịp xuân sang,
Em về Triều Khúc xem làng hội xuân.
Múa cờ, múa trống, múa lân,
Nhớ ai trong hội có lần gọi em.”

Tết Nguyên Đán là lễ dân tộc quan trọng nhất vào mấy ngày đầu năm âm lịch, trùng hợp với những ngày đầu mùa xuân, cho nên rất có ý nghĩa nhân sinh

Bài ca dao sau đây cho thấy tổng quát lịch trình sinh hoạt của người dân ở nông thôn trong cả năm:

“Tháng giêng ăn Tết ở nhà,
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè.
Tháng tư đong đậu nấu chè,
Án Tết Đoan Ngọ trở về tháng năm.
Tháng sáu buôn nhãn bán trám,
Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân.
Tháng tám chơi đèn kéo quân,
Trở về tháng chín chung chân buôn hồng.
Tháng mười buôn thóc bán bông,
Tháng mười một, tháng chạp nên công
hoàn thành.”

Theo bài ca dao trên, người Việt khi xưa ăn Tết rất lâu, kéo dài cả tháng giêng, rồi tiếp theo đó lại còn hội hè, đình đám nữa. *Làm, ăn, chơi* là ba động từ đi liền nhau trong triết lý nhân sinh ở xã hội nông nghiệp (Xem thêm ở tiết mục Lễ hội, chương 10: Quê hương và con người).

Năm và tuổi theo âm lịch

Thập nhị địa chi: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Người bình dân thường gọi địa chi là mười hai con giáp và tin tưởng rằng nó chi phối vận mệnh con người:

“Đàn ông tuổi Tý thì tài,
Đàn bà tuổi Tý thì hai đời chồng.”

“Đàn bà tuổi Mão thì sang,

Tuổi Hợi càng sướng, Mùi càng thanh thoi.”

Thường thì giới phụ nữ dễ tin hơn, xem mười hai con giáp chẳng khác nào mười hai bến nước định mệnh:

*“Phận gái bến nước mười hai
Gặp nơi trong đục, may ai nấy nhờ.”*

*“Linh đình một chiếc thuyền tình,
Mười hai bến nước biết mình vào đâu.
Yêu nhau duyên phận mà thôi,
Của thì như nước hết đầy lại vơi.”*

Có hai thái độ tin tưởng : mê tín thì đi với định mệnh, còn tâm linh thì đi với thiên mệnh hay tính mệnh. Đây là lãnh vực rất tế vi có thể nhầm lẫn, cho nên cần đến những ông thầy chuyên xem tuổi

*“Trai tân vợ con chưa có,
Gái thanh nhàn chờ đợi lấy nhau.
Đôi ta cầm đôi dao cau
Chỉ trời vạch đất lấy nhau phen này.
Chẳng tin đi hỏi ông thầy,
Chàng thì tuổi Ngọ, em nay tuổi Mùi...”*

Đúng ra gọi tuổi theo âm lịch Á Đông phải hội đủ cả thiên can, địa chi. Như ở đây tuổi Ngọ chẳng hạn chỉ mới có phần địa chi mà còn thiếu thiên can, phải là Nhâm Ngọ hay Bính Ngọ...thì mới đầy đủ.

Xét thêm mấy câu ca dao có liên quan đến những biến cố quan trọng được ghi nhận bằng năm âm lịch:

*“Năm Thìn trời bão thành linh,
Kẻ trôi người nổi, hai đứa mình còn đây.
Tơ hồng nay đã về Tây,
Bà Nguyệt ở lại xe dây hai đứa mình.”*

*“Chợ Bà Kè bán cá,
Chợ Giồng Ké bán lươn,
Gặp mặt nhau đây mới biết sống còn.
Hỏi năm Thìn bão lụt tưởng đâu chết đã
khóc mòn con người.”*

Trận bão lụt năm Thìn rất dữ dội xảy ra vào năm 1904, tàn phá nhiều tỉnh ở Nam Kỳ. Gọi là năm Thìn thì còn thiếu phần thiên can. Thử tính xem năm 1904 theo dương lịch là năm nào ở âm lịch? Can: $(1904 + 6) : 10 = 19$, số dư là 0 ứng với Giáp.

Chi: $(1904 + 8) : 12 = 159$ dư 4 ứng với Thìn.

Như vậy năm 1904 dương lịch là năm Giáp Thìn âm lịch.

*“Ra đồng chiêm có liềm thì cắt,
Ra đồng mùa có mắt thì coi.
Được mùa chớ phụ ngô khoai,
Đến năm Thân Dậu lấy ai bạn cùng.”*

Năm 1945 Nhật đốt lúa gạo làm khoảng ba triệu người dân miền Bắc chết đói. Thử tính xem năm 1945 là năm nào ở âm lịch?

Can: $(1945 + 6) : 10 = 195$ dư 1 ứng với Ất.

Chi: $(1945 + 8) : 12 = 162$ dư 9 ứng với Dậu.

Vậy năm 1945 là năm Ất Dậu, còn năm 1944 là Giáp Thân (cũng tính từ 1944)

Thời gian theo âm lịch

Mỗi năm có mười hai tháng cũng được gọi tên bằng mười hai con giáp. Tháng giêng là tháng mở đầu cho năm, cũng là đầu mùa xuân tràn đầy nhựa sống, trăm hoa đua nở, cây cối đâm chồi nảy lộc, vạn vật sinh sôi phát triển, mà trong đó con người được chú trọng hơn cả, cho nên mới có câu: *“Nhơn sinh u Dàn”*. Có lẽ vì vậy, tháng giêng được đặt tên là Dàn để chỉ sức sống mãnh liệt trời dậy ở đầu năm (theo lịch nhà Hạ). Tháng hai gọi là Mão...tháng mười một gọi là Tý v.v...

Việc gọi tên và tính giờ trong ngày cũng căn cứ vào mười hai con giáp:

Tý từ 23 đến 1 giờ.

Sửu từ 1 đến 3 giờ.

Dậu từ 17 đến 19 giờ.

Tuất từ 19 đến 21 giờ.

Hợi từ 21 đến 23 giờ.

Ý nghĩa của việc gọi tên đó có liên quan đến đặc tính của các con vật, ví dụ như giờ Tý là lúc các chú chuột đang hoạt động mạnh nhất:

*“Chuột kêu chít chít sau rương,
Anh đi cho khéo, đừng giởng mẹ hay.”
“Chó giữ nhà, gà gáy sáng”*

Gà gáy vào buổi sáng, nhưng lại vào chuồng vào lúc chiều tối, từ 17 đến 19 giờ. Người ta lấy thời gian lúc gà bắt đầu vào chuồng làm giờ Dậu. Còn từ 19 đến 21 giờ thì đã tối rồi, là lúc chó phải giữ nhà, cho nên có giờ Tuất.

Sau đây là một số ca dao nói về giờ giấc gọi theo tên các con vật quen thuộc với con người:

“Dần tảng sáng, mảo rạng ngày.”

Dần từ 3 đến 5 giờ tảng sáng. Mão từ 5 đến 7 giờ là rạng ngày.

“Không ăn không mần, giờ Dần cũng dậy.”

Thức dậy sớm là do tập quán của đời sống ở nông thôn.

*“Mình nay mở hội long vân,
Để cho hàng xóm xa gần đến xem.
Một năm là mấy tháng xuân,
Một ngày được mấy giờ Dần hời ai?
Duyên kim phận cải Trời xui,
Một năm được mấy cơn vui thế này.”*

Một năm có bốn mùa thì mùa Xuân đứng đầu năm về mọi mặt. Tháng giêng đầu năm là tháng Dần, còn giờ Dần từ 3 đến 5 giờ tảng sáng, là lúc cọp có sức lực sung mần cực độ.

“Mưa chẳng qua Ngọ, gió chẳng qua Mùi.”

Ngọ từ 11 đến 13 giờ trưa. Mùi từ 13 tới 15 giờ.

*“Con của kinh càng bò ngang đấm bí,
Nói với chị mày giờ Tý tao qua.”
“Chắc là giờ Tý canh ba,*

Nếu không bán dạ cũng là nửa đêm.”

Giờ Tý từ 23 tới 1 giờ, tức là nửa đêm và cũng là canh ba. Vậy làm thế nào biết được thời gian tính theo đơn vị canh?

Năm canh, sáu khắc

Ngày xưa người Việt còn chia, tính thời gian đêm, ngày bằng đơn vị đặc biệt gọi là canh và khắc:

*“Đêm năm canh nghe con vạc tác canh,
Con thằn lằn điếm khắc, em thương anh
nhiều bề.”*

*“Đêm năm canh, ngày sáu khắc rõ ràng,
Huệ không sưng phải héo, anh mắng sấu
nàng anh phải hư.”*

Canh là khoảng thời gian bằng một phần năm của đêm. Đơn vị thời gian này có lẽ do nhu cầu đổi phiên canh gác khi xưa mà đặt tên, cho nên nó đi liền với trồng canh:

*“Trồng canh ba nhíp ỳnh ỳnh,
Bầm gan tím ruột để mình có đôi.”*

Còn khắc là khoảng thời gian bằng một phần sáu của ngày. Theo Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh thì: *“Khắc lậu: Cái đồ ngày xưa dùng để ghi thời giờ, lấy một cái bình đựng nước có lỗ nhỏ cho nước giọt dần dần, xem chừng nước thì biết thì giờ. Khắc là có khắc từng độ, lậu là giọt nước rỉ ra.”*

(Nguyên tắc tương tự đồng hồ cát phương Tây)

Những câu ca dao sau đây cho thấy cách sử dụng đơn vị thời gian như trên khi xưa rất phổ biến:

*“Đêm năm canh, ngày sáu khắc,
Thương nhớ chàng không một giấc nào người.”
“Ngày sáu khắc buồn riêng lại tủi,
Năm canh trường hết đuổi lại co.
Hồi khi mô hai đũa hện hò,
Bây chừ xa cách như vò mối tơ.”*

“Đêm thanh cảnh vắng

Thức trắng năm canh
Một duyên hai nợ ba tình
Đường kia nổi nợ phận mình ra sao?"

"Một duyên hai nợ ba tình,
Chiêm bao lẩn khuất bên mình năm canh.
Ngọn đèn đã sáng lại xanh,
Bóng trắng thấp thoáng chung quanh bên ngoài.
Khen cho gái sắc trai tài,
Thức khuya có biết đêm dài hay không?"

"Một đêm là năm trống canh,
Ngủ đi thì nhớ, trở mình lại thương.
Ruột tầm bối rói tơ vương,
Nhớ ai để nhớ để thương trong lòng."

"Em mặc áo Bà Ba đen
Nước da em trắng
Đôi má ngấn đồng tiền
Đêm nằm anh thao thức
Năm canh liền nhớ em."

"Con chim trên núi, con gà dưới suối,
Nó gáy giọng châu đôi, châu ba.
Đêm năm canh chẳng ngủ lại ngồi,
Trông người thực nữ bồi hồi lá gan."

"Đầu làng con chó sủa dai,
Năm canh viếng bậu sữa hoài suốt đêm."

"Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ (Trần Võ) canh gà
Thọ Xương."

"Bên chợ Đông Ba tiếng gà eo óc,
Bên chùa Thọ Lục tiếng trống sang canh.
Giữa sông Hương gợn sóng khuynh thành,
Đêm khuya một chiếc thuyền mảnh giữa
nghiêng."

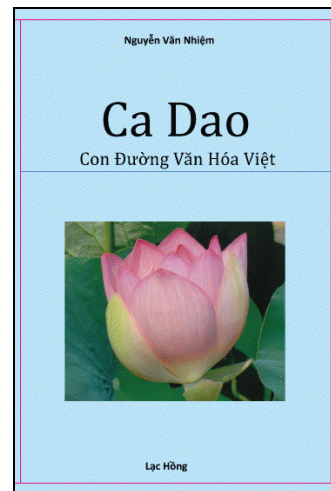
"Ai đi đường ấy xa xa,
Để em ôm bóng trắng tà năm canh."

Nước non một gánh chung tình,
Nhớ ai, ai có nhớ mình hay chăng?"
"Canh một dọn cửa dọn nhà,
Canh hai dặt cửu canh ba đi nằm.
Bước sang cái trống canh năm,
Trình anh dậy học còn nằm làm chi.
Nửa mai chúa mở khoa thi,
Bảng vàng chói lọi kia đề tên anh.
Bỏ công cha mẹ sắm sanh,
Sắm nghiên sắm bút cho anh học hành."

"Năm canh chỉ ngủ có ba,
Hai canh lo lắng để mà làm ăn."

"Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,
Năm canh chầy thức đủ cả năm
Trích trong " Ca Dao- Con Đường Văn Hóa
Việt " Chương 7 của Nguyễn Văn Nhiệm

CỔ THƠM GIỚI THIỆU



Liên lạc: Lạc Hồng
Bismarck Str. 24
78549 Sapichingen - Germany
<songdinh81@gmail.com>
Tel. 07424/7529

TƯỚNG NHỚ
NHÀ THƠ LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ

MÙA XUÂN VỀ KHÔNG

Em ơi mùa xuân về không?
Trời tây cây gầy hoa thắm
Nhớ ai đếm ngày đếm tháng
Kéo dài một khoảng trời đông.

Em ơi mùa xuân về không?
Cuối năm còn hơi gió bắc
Giao thừa em đi hái lộc
Có ai khen má em hồng?

Xuân xưa bạc tình đi mãi
Hoa mai hoa cải còn vàng
Bướm ong có màng trở lại
Âm thầm đậu nhánh sấu đông?

Mắt em vẫn nhìn đăm đăm?
Đường xưa đợi gót phiêu bồng
Người xưa phương trời thăm thẳm
Em ơi! mùa xuân về không?

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ
(1944-2013)

Thi ca dục ái trong văn học Việt Nam

Trần Bích San

Thi ca dục ái xuất hiện từ lâu trong văn chương truyền khẩu. Phong dao, tục ngữ, câu đố có những bài, những câu liên quan đến tính dục nam nữ. Loại tác văn này không bóng bẩy như văn chương chữ viết mà đôi khi còn thô lỗ, trắng trợn, tục tằn nữa. Thực ra đó chỉ là phản ánh đặc tính nôm na, mộc mạc, tượng hình và cụ thể của nền văn học dân gian:

*Sáng trăng em tương tối trời
Ngôi buồn em để cái sự đời em ra
Sự đời như chiếc lá đa
Đen hơn mõm chó, chém cha cái sự đời.*

hoặc:

*Hôm qua em đi hái chè
Gặp thằng phải gió nó đè em ra
Em lạy nó cũng chẳng tha
Nó cứ ấn, cứ nhét cái đầu cha nó vào
Cái gì như cái củ nâu
Cái gì như thể cái cần câu nó gặt gù...*
(Phong Dao)

*Văn chương chữ nghĩa bề bề
Thần l.. ám ảnh cũng mê mẩn đời*

hoặc:

*Không giàu thì cũng đẹp giai
Không thông kinh sử cũng dài con Q.
(Tục Ngữ)*

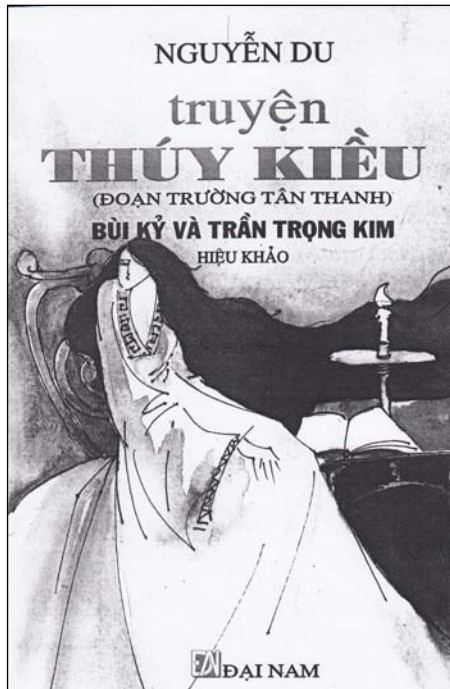
*Canh một thì trải chiếu ra
Canh hai bóp vú, canh ba sờ l..
Canh tư thì lắc xom xom
Canh năm cuộn chiếu ấm con mà về
(Câu đố tả người kéo vó ban đêm)*

Từ ngàn xưa đạo Nho bao trùm xã hội Việt Nam, quan hệ tình dục bị coi là thô tục nên văn gia tránh không đề cập tới. Nội dung thơ văn không hợp với đạo lý thánh hiền đều bị lên án khắt khe như “đàn ông chớ kể Phan Trần, đàn bà chớ kể Thúy Vân Thúy Kiều”. Truyện Phan Trần có đoạn tả Phan Sinh ôm tương tư, si tình đến toan tự tử. Với người xưa, nam nhi mà nhu nhược, ủy mị như thế là điều không thể chấp nhận được. Thúy Kiều vượt vòng lễ giáo đang đem lên sang nhà Kim Trọng tình tự là điều luân lý Khổng Mạnh không cho phép. Truyện Kiều bị lên án là dâm ô, khiêu khích tình dục vì có đoạn tả nàng Kiều tắm và lúc Kiều thất thân với Mã Giám Sinh tuy

rằng chỉ với những nét ước lệ, mờ nhạt
thiếu tính cách cụ thể sinh động:

*Buồng the phải buổi thong dong
Thang lan rủ bức trướng hồng tẩm hoa
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
Dây dấy sẵn đúc một tòa thiên nhiên*
(Kiều tằm)

*Tiệc thay một đóa trà mi
Con ong đã tỏ đường đi lối về
Một cơn mưa gió nồm nê
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương*
(Mã Giám Sinh phá trình Kiều)



Các thi gia có tư tưởng phóng khoáng
như Nguyễn Công Trứ và Nguyễn
Khuyến cũng chỉ dám phớt qua:

Giang sơn một gánh giữa đồng

SỐ 66

Thuyền duyên ừ hự anh hùng nhớ không
(Nguyễn Công Trứ)

*Đàn bà con gái sẵn quần lên
Cái gì trắng trắng như con cúi*
(Nguyễn Khuyến, Chỗ Lội Làng Ngang)
*Hồ Xuân Hương, nhà thơ đầu tiên vượt
trên cấm cản của xã hội, mô tả thật sống
động cuộc mây mưa giữa nam nữ :
Trai co gối hạc khom khom cật
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Hai hàng chân ngọc duỗi song song
Chơi xuân có biết xuân chẳng tá?
Cọc nhỏ đi rồi lỗ bỏ không*
(Đánh Đu)

*Thoạt mới vào chàng liền nhảy ngựa
Thiếp vội vàng vườn phứa tịnh lên
Hai xe hà chàng gác hai bên
Thiếp sợ bí thiếp liền ghênh sĩ
Chàng lừa thiếp đương con bất ý
Dem chốt đầu dú dí vô cung...*
(Đánh Cờ)

Bà không ngại ngùng ca ngợi vẻ đẹp thể
chất con người. Những bộ phận kín phụ
nữ được diễn tả rõ ràng bằng lời thơ đầy
nghệ thuật:

*Thân em như quả mít trên cây
Da nó sù sì, múi nó dày
Quân tử có thương thì đóng nõ
Xin đừng mân mó nhựa ra tay*
(Quả Mít)

*Cỏ gà lún phún leo quanh mép
Cá giếc le te lách giữa dòng*
(Giếng Nước)

25

*Đôi gò bông đào sương còn ngậm
Một lạch đào nguyên nước chứa thông*
(Thiếu Nữ Ngũ Ngày)



Thi ca lục bát Hồ Xuân Hương được lồng dưới hình thức ẩn dụ. Chính phần ẩn dụ chứa đựng những điều bị cho là thô tục, lả lơi, dâm dục có hại cho thể đạo nhân tâm. Thi sĩ Tấn Đà lên án như sau: “Người ta thường có câu Thi Trung Hữu Họa, nghĩa là trong thơ có tranh. Như thơ Hồ Xuân Hương lại là Thi Trung Hữu Quý, nghĩa là trong thơ có quý (An Nam Tạp Chí số 3 ra ngày 1/10/1932). Dương Quảng Hàm viết trong Quốc Văn Trích Diễm: “Suốt tập thơ Hồ Xuân Hương không mấy bài là không có ý lả lơi, dâm tả cảnh gì vật gì cũng vậy” (Quốc Văn Trích Diễm, chương 10).

Trong nền văn học chữ quốc ngữ, thời tiền chiến sự hiện diện của thi ca lục bát chỉ thấp thoáng trong thơ Hàn Mặc Tử :

*Tiếng ca ngắt. Cành lá rung rinh
Một nường con gái trông xinh xinh
Ông quần vo xắn lên đầu gối
Da thịt, trời ơi trắng rợn mình...*
(Thi tập Gái Quê, bài Nụ Cười)

Thi ca lục bát bắt đầu rõ nét hơn trong thơ Bích Khê. “Sự trần trụi dâm dục đã nhường lại cho ý vị nên thơ của hương, của nhạc, của trăng, của tuyết” (Hàn Mặc Tử, Tập thơ Tinh Huyết của Bích Khê):

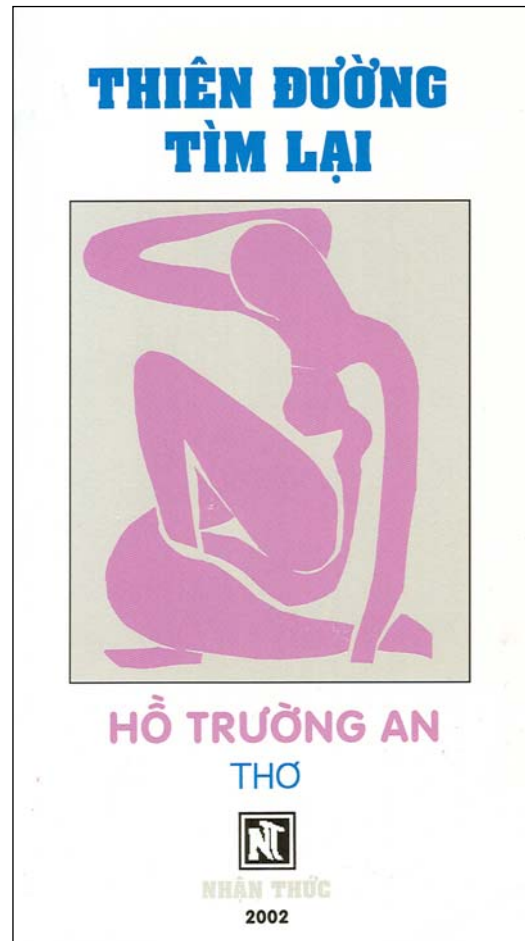
*Dáng tâm xuân uốn trong tranh tố nữ
Ô tiên nương! nàng lại ngự nơi này?
Nàng ở mô? xiêm áo bỏ đâu đây?
Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm
Nàng là tuyết hay da nàng tuyết diễm?
Nàng là hương hay nhan sắc lên hương?
Mắt ngài châu rung ánh sáng nghệ thường
Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc
Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc
Vài chút trắng say động ở làn môi
Hai vú nàng, hai vú nàng, chao ôi !
Cho tôi mút một giòong sòng ngọt lộng
Và ô kìa một tòa hoa nghiêm động
Tay run run hãm lại cánh tình si
Hai tay nàng đã nở ngọc lưu ly
Hai chân nở màu sen ẻo lả
Cho tôi nàng, hãy cho tôi tất cả !...*
(Tranh Lỗ Thê)

Sang thế kỷ 21 thi ca lục bát là sự kết hợp nghệ thuật thơ Hồ Xuân Hương, tính cách phong dao cận nhân tình và thêm chất thực tế trần trụi chói gắt của thi ca hiện đại. Nhà thơ công khai mô

tả, ca ngợi vẻ đẹp lành mạnh tràn đầy nhựa sống, quyến rũ của thân thể con người cả hai phái nam nữ. Các điều đạo đức lánh xa che mặt được nhà thơ biến thành những đối tượng hấp dẫn. Tính dục mang tính cách tất yếu, một bản chất tự nhiên như ăn ngủ, là hạnh phúc hào hứng thực tế nhân loại. Chuyện ái ân nam nữ trong thơ dục ái dồi dào sức sống, bùng bùng sinh lực, đầy ắp không khí tươi mát lành mạnh đất trời. Con người và thiên nhiên hòa nhập, tương ứng, hài hòa với nhau. Thiên nhiên chứa đựng sinh lực con người. Con người thấm đượm màu sắc rực rỡ tươi thắm thiên nhiên:

*Trong gió sớm cuộc hẹn hò cảnh khác
 Rạch sậy lau che kín chiếc thuyền câu
 Dành riêng em hưởng nguyên vẹn tình đầu
 Đang trượt té qua cuộc tình nhục cảm
 Ôi thế sự, ôi cuộc đời bụi cám !
 Có nghĩa gì bằng dâng hiến tình yêu ?
 Trái cảm dành người dám bạo dám liều
 Tòan hoan lạc thường có ngoài cổ tích.
 Hai thân thể trần truồng cùng quấn quít
 Nụ hôn nồng, môi ham hố cơn say
 Chồi nhân sinh gay gắt đỏ, gương dài
 Cứ hăm hở chui huyết sâu khoái lạc.
 Trong gió sớm ôm mộng chàng thật sát
 Em lắng nghe thân ngùn lửa từng cơn
 Chàng vẫy vùng, thọc ngoáy thật sâu hơn
 Cùng bay bổng lên thiên đường cảm giác
 Trong gió sớm nhựa tình chàng thom ngát
 Tuôn vào em từng đợt quánh và trơn
 Em tặng chàng những vết máu tươi son
 Khi chàng sống bản năng con thú dục
 (Hồ Trường An, Trong Gió Sớm)*

SỐ 66



Thơ dục ái không hoang đương nhục cảm. Nhà thơ sử dụng nó như phương tiện chuyên chở nghệ thuật, gây thích thú thưởng ngoạn, kích thích giác quan thẩm mỹ, tạo không khí trân trọng nghệ thuật. Tình yêu trong thơ dục ái là sự thăng hoa toàn diện, triệt để, vô hạn giữa tâm hồn và thể xác, giữa cá nhân với quê hương, giữa con người với thiên nhiên:

Rồi đó một trang đời mở rộng

27

*Anh đưa em dưới vòm lá đêm
Tham lam môi nóng ghì môi ướt
Tay cứng nhồi xoa tăng ngực mềm*

*Đưa đẩy em trong một chiếc giường
Xem thường hiêm họa đập tai ương
Khi nhìn thân thể anh ngồn ngộn
Da thịt nồng nàn như bóc hương*

*Em nghe bật võ nơi sâu kín
Máu thấm tuôn ra vậy cũng đành
Không biết thiên đường hay địa ngục
Khi nằm rạo rục dưới thân anh
(Hồ Trường An, Xa Bến Thiên Đường)*

Thiên-đường-huyền-thoại vốn là không gian ảo chỉ hiện hữu trong ước mơ, nơi hứa hẹn hạnh phúc vĩnh cửu nhưng xưa mai có ai tới được ngưỡng cửa thiên đường ? Thiên-đường-dục-ái là không gian có thật. Trong suốt hành trình đời sống hầu như mọi người ai cũng hơn một lần bước vào. Con thuyền-thơ-dục-ái chở những người yêu nhau chân chính trở lại tìm kiếm không gian và thời gian mà họ đã sống đến tận cùng giây phút tuyệt vời ngút lửa của hoan lạc thân xác trên giòng sông đam mê có thực. Thi ca dục ái là tiếng lòng nức nở và hoài niệm thiết tha của những tâm hồn nghệ sĩ đích thực. Một thời đại mới trong thi ca Việt đã mở đầu và dục-ái-ca thực sự chấp cánh bay bổng rạo rục ca ngợi hạnh phúc trần tục, thiên đường có thật của con người.

TRẦN BÍCH SAN

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bích Khê, Tinh Huyết, Thơ, 1939.
- Dương Quảng Hàm, Việt Nam Văn Học Sử Yếu, Hà Nội, 1944, Bộ Giáo Dục tái bản, Sài Gòn, 1968, Đại Nam in lại, Hoa Kỳ.
- Dương Quảng Hàm, Quốc Văn Trích Diễm, Nghiêm Xuân xuất bản, Hà Nội, 1925.
- Hoài Thanh và Hoài Chân, Thi Nhân Việt Nam, Nguyễn Đức Phiên xuất bản, Hà Nội, 1943, Đông Nam Á tái bản, Paris, 1985.
- Hồ Trường An, Thiên Đường Tìm Lại, Paris, 2002.
- Ngô Gia Vỡ, Khát Vọng Nhân Văn Trong Thơ Nôm Hồ Xuân Hương, Tuần Báo Việt Nam số 636, 6/7/2001, Texas, Hoa Kỳ.
- Nguyễn Du, Truyện Thúy Kiều, Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim hiệu khảo, Vĩnh Hưng Long xuất bản, Hà Nội, 1927, Đại Nam in lại, Hoa Kỳ, 1995.
- Nguyễn Văn Hanh, Hồ Xuân Hương Tác Phẩm, Thân Thế và Văn Tài, Đại Nam in lại, Hoa Kỳ.
- Nguyễn Văn Ngọc, Tục Ngữ Phong Dao, Hà Nội, 1928, Sống Mới in lại, Arkansas, Hoa Kỳ.
- Phạm Thế Ngũ, Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên, Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1962-1965, Đại Nam in lại, Hoa Kỳ.
- Vũ Ngọc Phan, Nhà Văn Hiện Đại, Tân Dân, Hà Nội, 1942, Thăng Long tái bản, Sài Gòn, 1960, Đại Nam in lại, Hoa Kỳ.

MÙA XUÂN PHÙ ĐỔNG

Báo quốc trai hùng diệt giặc Ân
Vươn vai Phù Đổng triệu ba quân.
Thanh niên vào trận vung tay thép,
Thiên tướng lên yên cỡi ngựa thần.
Trăm họ đồng tâm trừ ác quỷ,
Bốn phương hiệp lực cứu lương dân.
Tân Xuân mã đáo bừng hy vọng,
Khổ tận cam lai thoát chuyến vằn!

Tết Giáp Ngọ 2014

Hồ Công Tâm

GIẤC MƠ XƯA

Đợi mãi em về đọc lại thơ
Ngày xanh bút tích chữ phai mờ
Nhìn tranh mai thắm màu loang lổ
Ngắm ảnh bướm vàng cánh xác xơ
Chim bỏ rùng xưa thương nhớ cội
Thuyền lia sông cũ luyến lưu bờ
Đêm xuân mưa viêng thăm thành cổ
Thánh thốt giọt buồn đổ giấc mơ

VA 01/2014

Lý Hiểu

SỐ 66

THƯƠNG GHÉT CHO ĐỜI

Trăng còn đầy khi vầng đông chưa tới
Gió miên man ru giấc ngủ em ngoan
Em tôi ơi, duyên dáng mắt nai tròn
Hương say đắm đưa ta về cõi mộng..

Giữa trần gian men tình căng nhựa sống
Ai ngờ đâu đến đâu bể cuộc đời
Mới cười đó, rồi đem về lại khóc
Sáng trời trong, trưa tuyết đã rơi rơi..

Cuộc tình tan khi nắng xế chơi vơi
Tim rướm máu chảy qua vùng kỷ niệm
Giọt lệ tràn ướt đầm nỗi niềm riêng
Yêu đương lắm, rồi phong ba tiếp nối!

Hồn lãnh đãng đờ bên triền gió nổi
Tím lan dần theo ngọn lửa bi, hoan
Trót thương nhau sao nở để bề bàng
Em xa vắng nhưng sông còn ở lại..

Hôn nhau đó. Dàn ra xa. Ngang trái
Em có nghe cơn đau lặng, tình ta?
Rượu chừa cạn ly, giọng hát đến thiết tha:
“thương cho đời,ghét cho đời, và cũng
chán cho đời..”*

*lời trong bản nhạc Vàng Phai Mấy Lá của
Đoàn Chuẩn

Va, ngày 31- 12-08

Bùi Thanh Tiên

29

ONE DAY IN SPRING

One day in spring, a woman came
In my lonely woods,
In the lovely form of the Beloved.
Came, to give to my songs, melodies,
To give to my dreams, sweetness.
Suddenly a wild wave
Broke over my heart's shores
And drowned all language.
To my lips no name came,
She stood beneath the tree, turned,
Glanced at my face, made sad with pain,
And with quick steps, came and sat by me.
Taking my hands in hers, she said:
'You do not know me, nor I you-
I wonder how this could be?'
I said:
'We two shall build, a bridge for ever
Between two beings, each to the other
unknown,
This eager wonder is at the heart of things.'

The cry that is in my heart is also the cry of
her heart;
The thread with which she binds me binds
her too.
Her have I sought everywhere,
Her have I worshipped within me,
Hidden in that worship she has sought me too.
Crossing the wide oceans, she came to
steal my heart.
She forgot to return, having lost her own.
Her own charms play traitor to her,
She spreads her net, knowing not
Whether she will catch or be caught.

Rabindranath Tagore
(1861-1941)

MỘT NGÀY XUÂN

Một ngày vào buổi xuân sang
Vườn tôi cô độc, một nàng ghé qua
Dáng yêu kiều, vẻ thướt tha
Phô ra hình bóng mượt mà Người Thương.
Khúc ca tôi bỗng du dương
Giấc mơ tôi bỗng toả hương ngọt ngào.
Chợt đâu một đợt sóng trào
Dâng lên bùng vỡ đập vào lòng tôi
Bến lòng rộn sóng trùng khơi
Nhận chìm ngôn ngữ, nghẹn lời bờ môi.
Tên người không thoát nổi rồi,
Dưới cây nàng đứng dừng đôi gót ngà
Quay nhìn tôi về xót xa
Nét buồn vời vợi chan hòa thương đau,
Rồi nàng chợt bước tới mau
Đến tôi ngồi xuống bên nhau cận kề.
Cầm tay tôi, nói khẽ me:
"Anh nào có biết gì về em đâu
Phần em cũng vậy khác sao
Em đâu có biết chút nào về anh
Em thăm tự hỏi chính mình
Chuyện gì xảy đến tốt lành hay chẳng?"
Tôi bèn khẽ nói cùng nàng:
"Hai ta chung sức bắc ngang nhịp cầu
Nhịp cầu vĩnh cửu nhiệm màu
Giữa hai người chẳng biết nhau chút gì,
Bởi niềm khao khát lạ kỳ
Trong tâm sự vật tình si trên đời."

Tim tôi vang tiếng lệ rơi
Cũng là tiếng nấc từ nơi lòng nàng
Chỉ hồng tay ngọc nàng giăng
Buộc tôi cũng quấn cả nàng chung đôi.
Tôi tìm nàng đã khắp nơi
Tôn thờ nàng đã bao đời trong tôi
Ẩn tàng trong cõi tim tôi
Bóng tôi nàng cũng khắp nơi cầu tìm.
Vượt bao biển rộng khắp miền
Tim tôi nàng tới chiếm liền còn đâu.
Đường về nàng lại quên mau
Vi tìm nàng cũng vương vào chốn đây.

Về nàng quyền rũ mê say
Ngờ đâu phản bội lại ngay chính nàng,
Lưới tình nàng mới giăng ngang
Ngờ đâu lại vướng cả nàng trong đây
Tưởng rằng bắt được người ngay
Đâu dè nàng bị lưới này cuốn theo.

Tâm Minh Ngô Tằng Giao
(chuyển ngữ)

Rabindranath Tagore, sinh năm 1861, mất năm 1941, là một nhà thơ Bengal, triết gia Bà La Môn và nhà dân tộc chủ nghĩa.

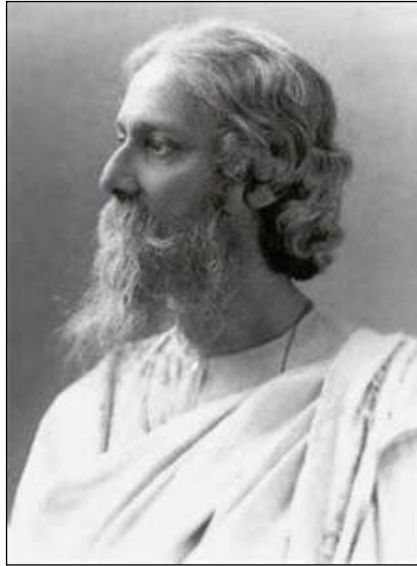
Tagore sinh tại Ấn Độ trong một gia đình trí thức truyền thống ở nhiều lĩnh vực. Bảy giờ, Calcutta là trung tâm giới trí thức của Ấn Độ. Có rất nhiều nhà văn, học giả, kịch tác gia... thường xuyên đến nhà Tagore để đàm luận vấn đề, tổ chức hòa nhạc, diễn kịch... Cha ông là một nhà triết học và hoạt động xã hội nổi tiếng, từ lâu ông muốn con mình trở thành luật sư nhưng Tagore không thích. Khi đi học, Tagore thích nhất thơ ca, tiểu thuyết và kịch.

Mặc dù thơ chiếm ưu thế trong sự nghiệp của Tagore với hơn một ngàn bài (50 tập thơ), ông cũng để lại nhiều tiểu thuyết (12 bộ dài và vừa), luận văn, hàng trăm truyện ngắn, kí, kịch (42 vở) và 2000 tranh vẽ...

Văn xuôi của Tagore đề cập đến các vấn đề xã hội, chính trị, giáo dục và nhân

quan của ông về tình huynh đệ phổ quát của con người. Thi ca của ông, xuất phát từ một tinh thần sâu sắc và sự hiến dâng, thường có nội dung ca ngợi thiên nhiên và cuộc sống. Đối với ông, sự phong phú muôn màu vẻ của cuộc sống là nguồn vui bất tận không mang yếu tố trần tục. Chủ đề tình yêu bàng bạc trong khắp các tác phẩm văn chương của ông.

Các bài hát của ông được chọn làm quốc ca của cả Ấn Độ và Bangladesh. Năm 1913, ông đoạt giải Nobel về văn chương cho bản dịch tiếng Anh của tác phẩm *Gitanjali* (Thơ Dân) của ông. Ông trở thành người Á châu đầu tiên đoạt giải Nobel. Những tập thơ tiêu biểu của ông là *Thơ Dân*, *Balaca*, *Người Làm Vườn*, *Mùa Hái Quả*, *Ngày Sinh*, *Thơ Ngắn*...



Tagore rất nhạy cảm với các sự kiện thế giới xảy ra trong thời đại của mình và biểu hiện niềm đau cũng như nỗi thất vọng đối với chiến tranh. Ông luôn khao khát nền hoà bình cho thế giới.

Các chuyến đi vòng quanh thế giới của Tagore đã mài dũa sự am hiểu các đặc trưng đa dạng của ông về các nền văn minh và dân tộc. Ông được xem là thí dụ điển hình cho sự kết hợp tinh tế của phương Đông và phương Tây trong văn chương. Ông đã từng tới Việt Nam.

JULIUS CAESAR

Danh Tướng của La Mã (102-44 trước TL)

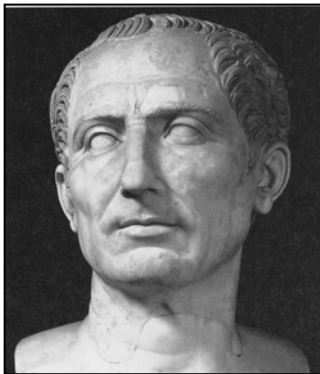
Phạm Văn Tuấn

Trận Chiến Tranh Thứ Ba giữa thành Rome và thành Carthage được gọi là trận Chiến Tranh Punic Thứ Ba (the Third Punic War), đã chấm dứt vào năm 146 trước Tây Lịch (TL). Từ năm này cho tới năm 30 trước TL là giai đoạn với rất nhiều xáo trộn trên bán đảo Ý và trong xứ La Mã. Đã xảy ra nhiều vụ xung đột xã hội, ám sát, tương tranh giữa các nhà độc tài cũng như các vụ nổi dậy của dân nô lệ. Vào năm 134 trước TL, 70,000 dân nô lệ đã đánh thắng đạo quân La Mã trên hòn đảo Sicily, cuộc nổi dậy này về sau thất bại do quân La Mã được tăng cường nhưng các người nô lệ lại tàn phá đảo Sicily vào năm 104. Cuộc nổi dậy đáng kể nhất của sắc dân này được chỉ huy bởi một người nô lệ tên là Spartacus, diễn ra từ năm 73 tới năm 71 trước TL.

Spartacus được huấn luyện theo nghề giác đấu, đã cùng một nhóm nô lệ trốn lên miền núi Vesuvius gần kinh thành Naples, lập nên một căn cứ gồm

toàn các kẻ nô lệ. Trong hai năm trường, dưới sự lãnh đạo của Spartacus, các người nô lệ đã chống cự được các đạo quân La Mã và chiếm đóng một phần miền nam nước Ý cho tới khi họ bị thất bại và Spartacus bị giết trong khi giao tranh. 6,000 người nô lệ nổi dậy này đã bị bắt, bị đóng đinh trên các cây chũ thập dọc theo con đường dài 150 dặm kéo dài từ Capua tới kinh thành Rome.

Trong khi đó kể từ năm 133 trước



TL, đã có các tranh chấp nội bộ giữa các giai cấp cai trị xứ La Mã với mục tiêu cải tổ xã hội và kinh tế, do hai anh em Gracchi. Hai người này thuộc giới quý tộc, muốn chia bớt đất công cho các kẻ chưa có đất đai canh tác. Vào năm 133, Tiberius Gracchus là một pháp quan (tribune), đã đề nghị một đạo luật giới hạn các chủ đất ở tầm 300 mẫu mỗi người cộng với 150 mẫu cho mỗi đứa con trong gia đình. Phần đất còn dư sẽ được chia thành các lô nhỏ cho các người nghèo. Trước đề nghị này, các nhà quý tộc bảo thủ đã phản đối và vận động vị pháp quan đồng nghiệp là Octavius bác bỏ. Vì vậy

Tiberius đã cách chức Octavius và khi nhiệm kỳ cai trị sắp hết, ông ta tìm cách tái cử. Hành động này bị các nghị sĩ bảo thủ chống đối vì họ cho rằng sẽ đưa tới nền độc tài. Trong một cuộc phá phách nhân mùa bầu cử, các kẻ bảo thủ đã giết chết Tiberius cùng các người trong nhóm.

9 năm sau, người em của Tiberius là Gaius Gracchus tìm cách phục hồi cuộc tranh đấu. Mặc dù đạo luật về đất đai của Tiberius đã được thi hành nhưng Gaius còn muốn công cuộc cải tổ này tiến xa hơn. Được bầu làm pháp quan năm 123 và tái bầu năm 122, Gaius đã cho thi hành nhiều đạo luật khác làm lợi cho lớp dân nghèo. Một đạo luật làm ổn định giá ngũ cốc tại kinh thành Rome và vì mục đích này, nhiều vựa lúa công được xây dựng dọc theo giòng sông Tiber. Một đạo luật khác kiểm soát các quan cai trị tại các tỉnh bị nghi ngờ khai thác vì tư lợi. Các biện pháp này đã khiến cho các kẻ trục lợi tìm cách loại Gaius ra khỏi quyền lực, họ vận động Thượng Viện La Mã trục xuất Gaius và kêu gọi các tổng tài bảo vệ nền Cộng Hòa rồi trong các biến động phục thù, Gaius và 3,000 người ủng hộ đã bị giết chết.

Sau thời kỳ thất bại của anh em Gracchi, quyền lực tại La Mã về tay hai nhà lãnh đạo quân sự nổi danh vì công trạng chinh chiến bên ngoài xứ sở. Nhân vật thứ nhất là Marius, được giới bình dân bầu làm tổng tài (consul) vào năm 107 trước TL rồi sau đó được bầu lại 6 lần nhưng Marius đã không lập được thành tích gì trong thời kỳ cai trị.

Khi ông ta qua đời vào năm 82 trước TL, giới quý tộc đã chiếm được quyền hành bằng sức mạnh, đứng đầu là Lucius Sulla, một viên tướng đã từng đoạt nhiều chiến thắng. Được bầu làm nhà độc tài (dictator) vào năm 82 trước TL, Lucius Sulla đã tìm cách tiêu diệt các đối thủ, thêm quyền hành cho thượng viện quý tộc, giảm bớt quyền lực của các pháp quan. Sau 3 năm tại chức, Lucius Sulla về hưu để sống cuộc đời xa xỉ nơi miền đất tư hữu.

Các đạo luật do Lucius Sulla ban ra đã làm lợi cho các nhà quý tộc ích kỷ, vì thế vài lãnh tụ mới đã xuất hiện để tranh đấu cho đa số dân chúng. Hai người xuất sắc nhất trong số các lãnh tụ mới này là Gnaeus Pompey (106-48 trước TL) và Julius Caesar (102-44 trước TL). Đã có thời kỳ cả hai nhân vật này cộng tác với nhau trong âm mưu kiểm soát chính quyền nhưng sau đó, họ đã chống đối nhau để giành sự ủng hộ của dân chúng. Pompey nổi danh vì là nhà chinh phục hai xứ Syria và Palestine trong khi Caesar thành công do chiến thắng xứ Gauls, sát nhập vào đế quốc La Mã các miền đất mà ngày nay là các nước Pháp, Bỉ và Đức nằm tại phía tây của giòng sông Rhine.

Sau nhiều cuộc xáo trộn kéo dài tại Rome, Thượng Viện La Mã vào năm 52 trước TL đã trao quyền cho Pompey và bầu ông ta làm tổng tài duy nhất. Caesar khi đó đang ở xứ Gauls, bị gán cho là kẻ thù của xứ sở và Pompey đã âm mưu với một nhóm trong Thượng Viện để

truất đi quyền lực chính trị của Caesar, vì vậy đã diễn ra cuộc chiến tranh sống còn giữa hai nhân vật kể trên. Vào năm 49 trước TL, Caesar dẫn quân đội vượt qua giòng sông Rubicon vào đất Ý và tiến về kinh thành Rome. Pompey bỏ chạy về hướng đông với ý muốn tập hợp quân lực để chiếm lại quyền thế sau này. Vào năm 48 trước TL, cả hai lực lượng này đối đầu nhau tại Pharsalus, xứ Hy Lạp. Pompey bị đánh bại rồi về sau bị giết do các kẻ lập mưu theo phe Caesar.

1/ Thời kỳ ban đầu của Julius Caesar.

Julius Caesar là một vĩ nhân trong lịch sử La Mã. Nhiều nhà sử học còn cho rằng Caesar là nhân vật còn lớn lao hơn nhiều so với các vua chúa, các hoàng đế của thời cổ xưa bởi vì tuy từ chối làm vua nhưng danh từ Caesar đã tượng trưng cho vương quyền và phong cách uy nghi. Julius Caesar vừa là một danh tướng, một nhà chính trị có tài, một chính khách nhìn xa trông rộng, một văn nhân và đồng thời cũng là một nhà hùng biện, hay nói theo cách mô tả trong vở kịch của đại văn hào William Shakespeare, Cassius đã phải thú nhận rằng “Caesar như người không lò đứng giạng hai chân ở dưới là thế giới nhỏ hẹp”.

Julius chào đời vào năm 102 trước TL hoặc một hai năm gần đó, với tên thật là Gaius Julius Caesar, thuộc một gia đình quý tộc lâu đời. Người đời còn cho rằng ông ta không những từ giòng dõi hoàng gia mà còn có nguồn gốc thần linh bởi vì theo truyền thuyết, Venus là nữ thần của tình yêu, đã kết

hôn với một hoàng tử thành Troy nằm trong miền Tiểu Á, là người khởi đầu gia đình Julian này.

Julius Caesar có một người cô là vợ của Gaius Marius, là nhà lãnh đạo đảng Populares còn chính Julius lập gia đình với Cornelia, con gái 17 tuổi của Lucius Cornelius Cinna, lãnh tụ của một đảng phái chống lại đảng quý tộc của Lucius Sulla. Bà vợ Cornelia này qua đời vào năm 68 trước TL. Cũng vì gia đình và hoàn cảnh mà Julius Caesar thiên về đảng dân chủ Popular. Không rõ Julius Caesar chống đối ra sao mà đã bị Sulla trừ dập, bị coi là người nguy hiểm hơn các người theo phe của Marius. Để được an toàn, Julius phải lần tránh cho tới khi tìm được cách vượt sang miền Tiểu Á (Asia Minor), rồi đầu quân vào lực lượng chống lại Mithridates, vua của xứ Pontus. Trong trận vây thành Mitylene vào năm 80 trước TL, Julius Caesar đã tỏ ra là một chiến sĩ can đảm khi cứu sống được một đồng ngũ trong cơn nguy hiểm.

Hai năm sau khi Lucius Sulla qua đời, Julius Caesar trở về thành Rome, đã làm công tố viên trong vụ kết tội một quan chức thuộc hạ của Sulla vì các tội tống tiền và tàn ác khi quan chức này làm thống đốc của một tỉnh trong vùng Macedonia. Để tra dồi tài năng nói trước công chúng, Julius Caesar đã qua đảo Rhodes, theo học một bậc thầy về nghệ thuật hùng biện và có lẽ trong dịp này con tàu của ông đã bị các kẻ cướp biển trong vùng Địa Trung Hải bắt, ông bị giam giữ chờ tiền chuộc. Trong khi

người nhà trở về xứ lấy tiền, Julius Caesar đã làm quen với bọn cướp, kể chuyện vui cho chúng nghe tới khi đã thanh toán xong tiền chuộc, ông được trả tự do nên trở về miền Miletus, thuê vài con tàu chiến khác cùng các binh sĩ, quay lại tấn công bất ngờ sào huyệt của bọn cướp, bắt tất cả và đóng đinh bọn chúng trên cây thánh giá sau khi lấy lại đầy đủ tiền chuộc đã trả khi trước.

Vào thời gian này Julius Caesar chưa tham gia vào chính trị mà sinh sống như một người sa hoa, theo đuổi phụ nữ, với các món tiền vay mượn cho tới năm 68 trước TL, ông được chính quyền bổ nhiệm làm pháp quan (quaestor), có chân trong Thượng Viện, rồi tới năm 63 trước TL, lãnh chức Pontifex maximus, một địa vị quan trọng, uy tín trong một tổ chức tôn giáo thuộc xứ sở La Mã.

Khi qua Tây Ban Nha làm quan cai trị của một tỉnh, Julius đã thành công nên vào năm 60, được Gnaeus Pompey khi đó là thủ lĩnh của kinh thành Rome, chọn làm một trong ba Tam Đầu Chế (Triumvirate) cùng với Marcus Licinius Crassus. Sau một năm làm Tổng Tài (consul), Julius Caesar xin làm quan cai trị xứ Gaul và xứ Illyricum, vùng đất trải dài từ miền nam nước Pháp tới bờ biển Adriatic. Các kẻ thù của Caesar rất hài lòng khi thấy đối thủ này ra khỏi kinh thành Rome để rồi sẽ chôn vùi danh tiếng. Nhưng chính tại nơi miền đất còn hoang dã này mà Julius Caesar đã bộc lộ thiên tài quân sự. Julius Caesar biết rõ

con đường phải theo, bởi vì các vinh quang quân sự sẽ dẫn tới quyền hành của La Mã. Qua năm 59, Caesar kết hôn với Calpurnia, người con gái của Lucius Piso sống tại Rome còn Pompey cưới con gái của Caesar là nàng Julia.

Caesar là một danh tướng bách thắng, quân sĩ dưới quyền đã sợ hãi ông và tôn thờ ông nhưng ông không phải là vị tướng đi sau hàng quân mà luôn luôn đi sát với họ, dạy bảo họ, phóng ngựa tiến tới trước, ăn cùng thứ thực phẩm giống như binh lính, uống cùng thứ rượu chua và từ chối ngủ trong lều khi binh lính còn nằm trong cảnh giá lạnh. Trong nhiều vụ đụng độ với quân Gauls, binh lính La Mã đã vui mừng khi thấy chủ tướng Caesar của họ xuất hiện, vung kiếm lên và hô lớn lời khuyến khích, như Shakespeare kể lại trong vở kịch: “Kẻ hèn nhát chết nhiều lần trước khi chết thực sự, người dũng cảm chỉ nếm một lần chết mà thôi” (Towards die many times before their deaths, the valiant taste of death but once).

Julius Caesar đã ghi lại trong cuốn “Bình Luận” (Commentaries) các chiến dịch liên tục từ năm 58 tới năm 49 trước TL, đây là một trong các tác phẩm văn chương viết bằng tiếng La Tinh, hấp dẫn nhất là các chương mô tả hai cuộc xâm lăng hải đảo Anh, cuộc chinh phục thứ nhất vào năm 55 khi lực lượng viễn chinh La Mã xuống tàu từ Boulogne và đổ bộ lên bờ biển Deal. Sau lần thám thính thứ nhất, ba tuần lễ sau, tướng Caesar đã băng qua eo biển Channel rồi

qua năm sau, viên tướng này đã tới tận Middlesex thuộc thung lũng của giòng sông Thames. Sau các trận giao tranh ác liệt, quân Britons dưới quyền tướng Cassivellaunus phải xin dân hòa, trao trả các tù binh và đóng tiền triều cống.

Trong nhiều năm chinh phục xứ Gaul, Caesar gặp nhiều thất bại trước tướng trẻ Vercingetorix nhưng rồi đã tập hợp được lực lượng, đè bẹp được quân Gauls tại Alesia vào năm 52 trước TL khiến cho Vercingetorix phải xin quy hàng, đây là chiến thắng cuối cùng. Sau nhiều năm và sau một loạt các chiến dịch, Julius Caesar đã liên tiếp báo tin về Rome các thành quả rực rỡ, đã chinh phục được miền đất Gaul thuộc nước Pháp ngày nay, chiếm cả phần đất thuộc phía đông của giòng sông Rhine và mở rộng vùng cai trị của Đế Quốc La Mã tới tận eo biển Channel.

2/ Các chinh phục và cải cách.

Tại kinh thành Rome, Tam Đầu Chế bắt đầu chia rẽ, các biến động khiến cho Julius Caesar phải chú tâm tới tình hình trong xứ. Tổng Tài Crassus đã qua miền đông, gặp thất bại trước quân Parthians và tử trận. Pompey không thiện cảm với Caesar trong khi thời hạn chức vụ tổng tài của ông sắp hết, các kẻ thù của Caesar tại Rome đang bàn tính sẽ phải làm gì khi ông trở về đời sống dân sự. Họ than phiền rằng Caesar đã lấn quyền, đối xử tàn ác đối với các dân tộc nghèo hèn còn bán khai và đang dự tính các chinh phục lớn lao khác. Vào lúc này

Caesar chỉ có một quân đoàn trong khi Pompey tuyên bố rằng nếu hạ lệnh, các người lính trong quân đoàn này sẽ nổi lên chống lại Caesar. Các báo cáo bất lợi từ Rome trở về khiến cho Caesar quyết định phải ra tay.

Vào khoảng đầu tháng 1 năm 49 trước TL, Julius Caesar hạ lệnh cho 5,000 quân sĩ vượt qua giòng sông nhỏ Rubicon, là địa giới ngăn cách quyền chỉ huy của ông, và ông đã nhủ thầm “cây lao đã phóng đi” (Jacta alea est = the die is cast). Không rõ đây có phải là lời nói thực sự của Julius Caesar hay không, nhưng đây chắc chắn là một hành động thách đố đối với chính quyền của Pompey, một việc làm không thể trở ngược được và sẽ gây nên cuộc nội chiến. Quân sĩ của Caesar tiến nhanh về phía nam, gặp rất ít chống cự do đa số binh lính của Pompey đầu hàng, khiến cho Tổng Tài Gnaeus Pompey phải bỏ chạy qua miền Balkans. Julius Caesar tiến vào kinh thành Rome trong khung cảnh vinh quang rực rỡ.

Sau 60 ngày, Caesar không có đối thủ tại kinh thành Rome. Vào năm 49 trước TL, Caesar tự nhận là nhà độc tài và tổng tài (dictator & consul) nhưng Pompey và các người chống đối đã liên kết lại khiến cho Caesar phải đánh dẹp trong 5 năm trường, thắng Pompey vào năm 48 tại Pharsalia thuộc xứ Hy Lạp. Pompey trốn thoát qua xứ Ai Cập khiến cho Caesar tiến quân sang đó và được biết rằng kẻ thù kẻ trên đã bị các thuộc hạ giết chết. Trong chiến dịch tại Ai Cập,

Caesar đã tư tình với Nữ Hoàng trẻ Cleopatra và đã có một đứa con đặt tên là Caesarion, có nghĩa là “Caesar Nhỏ”. Caesar đã giúp cho Cleopatra trở thành vua của xứ Ai Cập. Trong chiến dịch kế tiếp tại miền Tiểu Á, Caesar đánh thắng Pharnaces II và đã báo cáo về La Mã thắng lợi tại Zela, ngày nay thuộc miền tây bắc xứ Thổ Nhĩ Kỳ bằng thông điệp ngắn gọn “Veni, vidi, vici” có nghĩa là “Tôi đã tới, đã nhìn thấy, đã chinh phục” (I came, I saw, I conquered).

Sau khi Pompey bị giết, các lực lượng theo viên tổng tài này đã tổ chức lại lực lượng. Vào năm 46 trước TL, Caesar đã đánh thắng họ vào năm 46 tại Thapsus thuộc miền bắc châu Phi. Cato Trẻ (Cato the Younger) phải tự sát sau khi nghe được tin chiến bại. Qua năm 45 tại Munda thuộc xứ Tây Ban Nha, hai người con của Pompey cũng thua trận trước Caesar. Đây là trận chiến sau cùng. Caesar trở về kinh thành Rome. Các đám đông đứng hai bên đường chào mừng Caesar diễu hành trên chiếc xe ngựa, tiến về Điện Capitol. Mọi người La Mã đã tung hô lời chào vị “Imperator”, có nghĩa là vị “Hoàng Đế” đầu tiên trong lịch sử của phương tây.

Tới lúc này Julius Caesar trở nên nhà lãnh tụ toàn quyền của thế giới La Mã. Dân chúng đã tôn sùng Caesar vì các chiến công và tài thao lược, đã đồng ý để Caesar nắm quyền độc tài trong 10 năm, rồi về sau trở thành nhà độc tài suốt đời. Trong một đại hội, Mark Antony đã thử lòng Caesar bằng cách đề nghị đổi nhà

độc tài thành nhà vua nhưng vì dân chúng La Mã không ưa thích vua, nên Caesar đã từ chối ngai vàng.

Julius Caesar xử dụng quyền lực một cách khôn khéo và đã thi hành được nhiều cải tổ quan trọng vì ông nhận thấy cần một chính quyền trung ương mạnh để tránh cho xứ sở La Mã không bị suy đồi. Nhà độc tài này đã tìm cách kiểm soát các công việc thiếu minh bạch của các chính quyền trung ương và địa phương, trù liệu việc soạn thành sách các luật lệ La Mã, không cho phép các người cho vay tiền ăn lời cao, làm nhẹ thuế vụ đánh lên mọi công dân, đặt ra loại hội đồng địa phương gọi tên là “municipal” tại các tỉnh, hạ lệnh giải tán các băng đảng chính trị đã cản trở nền Cộng Hòa, lập ra cơ quan đo đạc toàn lãnh thổ La Mã, đề nghị làm thoát nước vùng đầm lầy Pontine, canh tân hải cảng Ostia và làm kế hoạch đào một con sông đào ngang qua eo đất Corinth.

Caesar còn trù tính lập ra các thư viện công lập, đã cải tổ Lịch, khiến cho việc tính niên biểu và thời gian không bị nhầm lẫn và cải cách quan trọng này còn được duy trì cho tới ngày nay. Các tháng của người La Mã đã được đặt tên lại, với tháng thứ bảy được gọi là July để ghi nhớ công trạng của Julius Caesar. Ngoài ra một loại tiền vàng thời đó được đúc mang hình của Caesar, đây là một vinh dự đặc biệt chưa dành cho ai. Julius Caesar đã vui mừng khi được mặc áo gấm thêu rực rỡ, trên đầu đội vòng hoa nguyệt quế (laurel wreath),

đây là biểu tượng của các vị danh tướng đã mang về chiến thắng, nhưng đối với Caesar, vòng hoa này có thể là thứ mũ nón che chiếc đầu hói mà viên tổng tài không muốn cho nhiều người nhìn thấy.

Julius Caesar đã tìm cách hòa giải với các đối thủ, bổ nhiệm họ vào các chức vụ công, tha thứ các kẻ theo Pompey trước kia, chấp nhận các người dân sống trong các tỉnh có quyền công dân La Mã, giúp các người nghèo thực phẩm trợ cấp và khiến họ di cư sang sinh sống trong các xứ thuộc địa như Carthage và Corinth.

Các cải cách của Julius Caesar đã khiến cho một số người còn luyến tiếc loại chính quyền cũ, một số người khác cho rằng Caesar sẽ làm vua trong tương lai. Thượng Viện bị coi như một hội đồng cố vấn nên các thượng nghị sĩ không bằng lòng về cách cai trị này. Trong số 50 kẻ âm mưu có Marcus Junius Brutus và Gaius Cassius là hai người trẻ trước kia đã từng chống lại Caesar và được Caesar ân xá sau trận Pharsalus.

Đã có nhiều huyền thoại kể về vụ ám muội này. Trước đó một thời gian, Spurinna là mục thầy bói đã bảo Caesar phải cẩn thận vào các ngày giữa tháng 3. Nàng Calpurnia là vợ của nhà độc tài kể rằng đã gặp một con ác mộng và bộ áo giáp treo trong nhà bỗng nhiên sụp đổ từ bức tường treo. Nhiều người thân trong gia đình đã khuyên Julius Caesar không nên tới Tòa Nhà Thượng Viện vào ngày 15 tháng 3 năm 44 trước TL trong khi các kẻ âm mưu đã phái Brutus

đi mời Caesar và mặc dù các điềm xấu, viên tổng tài vẫn nhận lời. Tại phòng lớn, các kẻ âm mưu đã đứng thành nửa vòng tròn, làm ra vẻ cầu xin vài ân huệ rồi sau một dấu hiệu, họ đều rút dao đâm trong áo, nhào tới đâm viên tổng tài 23 nhát. Julius Caesar khi gục ngã còn nhận ra trong số các kẻ sát nhân có Brutus, đã thốt lên câu: "Và cả mi nữa sao, Brutus?" (What, you too, Brutus?)

Ngoài các tài năng là một danh tướng trăm trận trăm thắng, một nhà quản trị xứ sở thiên tài, Julius Caesar còn là một nhà hùng biện chỉ đứng sau Cicero, một chính khách kiêm nhà triết học La Mã rất danh tiếng. Julius Caesar còn là một nhà văn với tác phẩm xuất sắc "Bình Luận về cuộc Chiến Tranh tại xứ Gaul" (Commentaries on the Gaulic War) trong đó có mô tả các công cuộc chinh phục, với văn phong rõ ràng của tác phẩm được dùng làm mẫu mực trong cách viết sử.

Vài nhà sử học coi Julius Caesar là thiên tài bậc nhất của xứ sở La Mã. Các cải cách của Julius Caesar đã là nền móng của một trật tự xã hội mới, khiến cho đế quốc La Mã ổn định và tồn tại hơn 200 năm. Ảnh hưởng của nền văn minh La Mã đã lan rộng sang xứ Gaul ở phương bắc, trở thành đế quốc Byzantine ở phương Đông và tràn lan khắp miền Địa Trung Hải./.

Phạm Văn Tuấn
(Virginia)

BẾN CŨ ĐÈN XƯA

Bài xướng

Ánh nắng chiều rơi bóng đổ nghiêng
Lao xao sóng bạc vỗ ven triền
Đôi bờ cách bến sông bồi lở
Một vũng chung dòng nước xoáy xiên
Nền cũ cây đa trơ tróc gốc
Đền hoang tượng đá vội sang biên
“Ngàn năm gương cũ soi kim cổ” (*)
Ngẫm nghĩ mà đau cảnh nhân tiên!

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

Ca, USA:Mar 17-2012

THĂM QUÊ CŨ

Bài họa

Bóng ngả, chiều rồi, bóng chiếu nghiêng
Đường về sông núi cỏ hai triền
Mái tranh vẫn đẹp làn mây phủ
Cây cối còn vui giải nắng xiên
Quán nước cuối thôn chờ khắc khoải
Bến xe đầu xóm nhớ vô biên
Láng giềng chẳng ngóng bên hàng đậu
Bè bạn nào ai đón cổng tiền.

Nguyễn-Phú-Long

HOÀI CẢM

Bài họa nương vậ

Đường về cố quận dốc chênh nghiêng
Xơ xác phi lao rũ dưới triền
Đạo ấy thông già còn đứng thẳng
Bây chừ cỏ thụ đã nằm xiên
Mái chùa thủng nát ngay bên chái
Thành mộ xoi mòn sát cạnh biên
Dấu vết thời gian cay nghiệt quá
Nhớ thương bóng Mẹ thuở sinh tiền!.

Motthoi

Jan. 21st. 2014

DẤU XƯA

Bài họa

Đôi khi từng sợi nắng chiều nghiêng
Cũng vương chân ai tận cuối triền
Nhớ đụn rơm vàng hơi khói tỏa
Thương dòng suối bạc ánh trắng xiên
Đầy trời gió cuộn, chim lia tổ
Kín nẻo mây vắn, cỏ lán biên
Bến cộ con đò phiêu chợ vắng
Tìm đâu nét cũ buổi kim tiền

Nguyễn Vô Cùng

Em Có Nghe Giai Điệu Mùa xuân?

Êm dịu Không nhanh lắm

Nhạc & Lời : Vũ Đức Nghiêm

The musical score is written on a single treble clef staff with a key signature of one flat (B-flat) and a 3/4 time signature. It consists of eight lines of music with Vietnamese lyrics underneath. The lyrics are: "Em có nghe giai điệu mùa xuân ta, / Xao xuyến như tơ lòng nhẹ dang xa / Theo gió bay về miền trời / Em có hay em tâm hồn ta băng khuâng khi / Bay tới em tâm hồn ta băng khuâng khi / mùa về làng làng trong chiều xuân nắng vàng / Em có..... /nhớ thương chan hoà trao em khúc tình / ca / Mùa xuân tươi sáng ngời trong / mắt em long lanh, Mùa xuân xao lá cành rung / cành hoa mong manh Trên đời sương lấp lánh, Chìm". There are first and second endings marked with "1/" and "2/" respectively.

Em có nghe giai điệu mùa xuân ta,
Xao xuyến như tơ lòng nhẹ dang xa
Theo gió bay về miền trời
Em có hay em tâm hồn ta băng khuâng khi
Bay tới em tâm hồn ta băng khuâng khi
mùa về làng làng trong chiều xuân nắng vàng
Em có.....
.....nhớ thương chan hoà trao em khúc tình
ca / Mùa xuân tươi sáng ngời trong
mắt em long lanh, Mùa xuân xao lá cành rung
cành hoa mong manh Trên đời sương lấp lánh, Chìm

rủ nhau tung cánh, Tiếng chim ca vang bầu trời trong
 xanh. Mùa xuân tươi thắm hồng trên
 nét môi thơ tình, Cỏ non xanh biếc mềm nâng
 gót chân em xinh, Mây nhẹ bay thấp thoáng ,Tâm
 hồn ta phiêu lãng, Nhớ thương em vô hạn lúc mùa
 sang



Ảnh: Nguyễn Huy Linh

TRÀU CAU TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

Phạm Thị Nhung

Kỳ IV

7- Trầu Cau Qua Những Câu Ca Dao Ví Von

Trong kho tàng văn chương bình dân của ta có rất nhiều câu ca dao ví von, liên quan tới trầu cau thật hay.

Điều này chứng tỏ, người bình dân VN xưa rất ưa ví von. Và trầu cau đã thực sự gắn bó thiết thân vào đời sống tâm tư của họ, đến độ mỗi khi họ nhìn một người nào, nghĩ đến một chuyện gì, họ thường có thói quen liên tưởng, so sánh để cảm nhận về người đó, chuyện đó qua những hình ảnh, hương vị, màu sắc của trầu cau, hay những vật dụng liên quan tới trầu cau. Sự ví von so sánh này rất tài tình khiến cho những vấn đề dù khó nói, dù tế nhị đến đâu cũng trở thành rõ ràng trong sáng, đôi khi còn dí dỏm và sâu sắc nữa.

Như nói về nhan sắc của người thiếu nữ, khi vừa chớm tuổi dậy thì, đôi nhũ hoa mới nhú lên trông khác nào “cau buồng còn non”?

- Trên đầu em đội khăn vuông

Nhìn xuống dưới ngực, cau buồng còn non.

Lại đến khi các nàng vào độ đào tơ mơn mớn, xinh tươi, hấp dẫn, thì quả đúng thời “cau non vừa độ hái”:

- Vào vườn hái quả cau non

Anh thấy em giòn muốn kết nhân duyên.

Hai má có hai đồng tiền

Càng nom càng đẹp, càng nhìn càng ưa.

Cô gái nào có vẻ mặt bầu bĩnh dễ thương thì lá trầu nõn vàng, hình trái tim duyên dáng kia hẳn sẽ là một hình ảnh điển tả thi vị nhất:

- Trầu vàng nhỏ lá, rau giấp cá nhai giòn

*Khéo khen phụ mẫu sinh em mặt tròn
dễ thương.*

Vẻ đẹp của phái nữ thường chia làm hai loại, có vẻ đẹp ngoan hiền:

- Trầu lên nửa nọc trầu vàng

Đội ơn phụ mẫu sinh nàng dễ thương.

Có vẻ đẹp sắc sảo:

- Cổ tay em trắng như ngà

Con mắt em biếc như là dao cau.

Người phụ nữ khi có cả bầy con, dẫu đã đứng tuổi, nhưng nếu nàng biết khéo léo điếm trang thì ai dám bảo là không đẹp?

- Cau già, dao sắc lại non

Nạ dòng trang điếm lại giòn hơn xưa.

Những câu ca dao ví von về hạnh phúc tình yêu và hôn nhân cũng thật là dí dỏm. Như trường hợp trai gái vừa nhìn thấy mặt nhau đã ưng liền, chịu liền, khác nào “con dao vàng rọc lá trầu vàng”. Người ta bảo đó là “diện cảm thường tình” hay “phải lòng mặt” rồi. Trường hợp này đó tránh khỏi cảnh mất đi, mây lại:

- *Con dao vàng rọc lá trầu vàng
Mắt anh anh liếc, mắt nàng nàng đưa.*

Trong thời đang yêu, người con trai thường thực tế, luôn luôn ao ước được gần gũi người thương:

- *Ước gì anh hóa ra coi
Để cho em đặng cau tươi, trầu vàng.*

Trong khi đó người thiếu nữ lại ưa mơ mộng, hay tư tưởng tới những chuyện hạnh phúc, tình nghĩa còn xa vời:

- *Trầu xanh, cau trắng, chay hồng
Vội pha vội nghĩa, thuốc nồng vội duyên.*

Lại nói đến chuyện hâm hui, nếu chẳng may người thiếu nữ đã đến tuổi trăm cài, lược giắt, má phấn môi son, mà vẫn chưa có đối tượng thương yêu thì tránh sao khỏi tủi buồn cho số phận:

- *Cau non, trầu lộc mĩa mai
Da trắng, tóc dài đẹp với ai đây?*

Đêm đêm nàng nhìn chần, nhìn chiếu mà than thầm cho cảnh ngộ cô đơn bóng chiếc của mình:

- *Có trầu, có vỏ, không với
Có chần, có chiếu, không người nằm chung.*

Nói chi đến những nàng đã từng được yêu, nay vì gặp cảnh trắc trở không lấy được người thương thì càng

muộn phiền đến đâu, đến nỗi chẳng còn thiết làm ăn gì:

- *Yêu nhau chẳng lấy được nhau
Con lợn bỏ đôi, buồng cau bỏ già.*

Lại những kẻ bị phụ tình nghĩ sao mà cay đắng, “Khi xưa ta vẫn ăn trầu một coi”, hạnh phúc chung đôi là thế mà giờ đây phải xa lìa nhau. Vì sao? Vì sao?

- *Bây giờ anh bắt gặp nàng
Hỏi sao lá ngọc, cành vàng xa nhau?*

*Xa nhau, ta mới xa nhau,
Khi xưa ta vẫn ăn trầu một coi.*

Những kẻ thất tình đã vậy, những người đàn bà lấy chồng, gặp phải chồng hư hèn không xứng đôi vừa lứa, kém bè kém bạn cũng buồn sao là buồn, đến tiêu tụy cả thể xác:

- *Hai tay sách nước tưới trầu
Trầu bao nhiêu lá, dạ sầu bấy nhiêu.*

- *Trầu vàng ăn với cau sâu
Lấy chồng kém bạn những rầu mà hư.*

Nhiều người đàn bà khác lại không chịu nổi nỗi cay đắng của cảnh gia đình nay hợp mai tan, tình duyên trông tránh, chẳng có gì bền vững; thôi thì đành một lần dứt đi cho xong, nuôi tiếc làm gì, kéo dài chỉ thêm mua khổ vào mình:

- *Trầu nào cay bằng trầu xà-let
Thịt nào khét bằng thịt kê kên.*

*Đôi ta gá nghĩa không bền
Dứt đi cho rảnh, xuống lên làm gì?*

Ngoài ra, ca dao cũng còn mượn hình ảnh cây trầu, cây cau để ví von về nhiều vấn đề tế nhị khác nữa. Như khi nói về thời gian mà người ta nhắc tới thành ngữ “nhai đập bã trầu”, thì phải hiểu họ muốn nói đến một thời gian rất ngắn,

chùng một hai phút đồng hồ mà thôi. Trái lại, khi nói tới một thời gian dài, ca dao có khá nhiều câu ví von để chúng ta có thể dựa vào đó mà ước tính:

- *Thương thì chờ đợi năm sau*

Chờ cau lớn trái, lột tầu sẽ hay.

- *Thương nhau hẹn lại năm sau*

Cho trâu ra lộc, cho cau trở buồng.

Tất nhiên chúng ta hiểu ngay, thời gian chờ đợi ở 2 câu trên dài hơn ở 2 câu dưới.

Lại như câu:

- *Thương nhau cau hết nửa buồng*

Trâu hết nửa chợ chưa tường mặt nhau.
là muốn nói, chàng trai than phiền về thời gian “ở rề” đã lâu mà chưa được gặp mặt vợ.

Còn như khi nói về :

.Cảnh nhà nghèo :

- *Nhà anh lợp những mo nang*

Nói láo với nàng nhà ngói ba gian.

.Tình cảnh nghèo:

- *Đôi ta như thể cây cau*

Anh bẹ, em bẹ, nương nhau ở đời

Anh đừng thấy khó đôi đời

Tiền tài phán thổ, nhân ngãi đời thiên kim.

.Mẹ già cả lo :

- *Mẹ già lo bầy lo ba*

Lo cau trở muộn, lo già hết duyên.

.Số phận không may:

- *Chẳng qua cái số muộn màng*

*Buôn trâu gặp nắng, buôn đàng(đường)
gặp mưa.*

.Những kẻ ngu dần :

- *Mặt nạc, đóm dầy*

Mo nang trôi xấp biết ngày nào khôn.

.Trai già chưa vợ :

- *Cau không buồng gọi là cau đực*

Trai không vợ cực lắm ai ơi!

Nhưng trong tất cả các câu ca dao của ta thuộc loại ví von, có liên quan tới trâu cau thì bài “Thằng Bờm có cái quạt mo” phải kể là hóm hỉnh và sâu sắc nhất.

Thật thế, cái quạt mo của thằng Bờm chẳng có giá trị là bao, ấy vậy mà lại được phú ông gạ gẫm xin đánh đổi với bao nhiêu tài sản quý giá, có thứ cả đời Bờm cũng không dám mơ ước tới:

-*Thằng Bờm có quạt mo*

Phú ông xin đổi ba bò chín trâu

Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu;

Phú ông xin đổi ao sâu cá mè

Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè;

Phú ông xin đổi một bè gỗ lim

Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim;

Phú ông xin đổi đôi chim đồi mồi

Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi;

Phú ông xin đổi năm xôi, Bờm cười !

Mặc phú ông muốn đề nghị gì thì đề nghị, Bờm vẫn lắc đầu quầy quậy; chỉ đến khi phú ông đưa năm xôi ra đổi, nó mới khoái chí cười chấp thuận.

Tại sao thế? Bờm có ngu không? Không đâu, vì nó rất hiểu, chỉ có năm xôi mới ngang bằng giá trị cái quạt mo của nó, đổi như thế mới là hợp lý; lại nữa, vì năm xôi là vật cụ thể trước mắt, mới có thể “tiền trao, cháo múc”. Còn những lời đề nghị về những thứ của cải cao sang kia, ở mãi đâu đâu, chắc chắn chỉ là những lời hứa hẹn hão huyền, không bao giờ được thực hiện.

Bài ca dao Thằng Bờm không chỉ mang tính cách bông đùa dí dỏm quanh

cuộc trả giá cái quạt mo giữa phú ông và thằng Bờm, mà còn hàm chứa một ý nghĩa sâu sắc.

Ở đây sự ví von đã đạt mức trình độ nghệ thuật cao, thằng Bờm và phú ông là những nhân vật biểu tượng :

- Thằng Bờm tượng trưng cho những người bình dân Việt Nam, xưa nay vốn tính hiền lành, chân thật, nhưng có đầu óc tinh táo, thực tế, chỉ yêu quý những gì thiết thân với đời sống hàng ngày của mình, như cái quạt mo, như nắm xôi .

- Phú ông tượng trưng cho những kẻ ăn trên ngồi trốc trong xã hội, vì lòng tham không đáy, họ sẵn sàng dùng thủ đoạn phỉnh phờ để lường gạt dân đen hầu cướp đoạt của cải, ngay đến những thứ nhỏ nhoi nhất - như cái quạt mo - chẳng đáng giá gì đối với họ, họ cũng không từ.

Như thế, bài ca dao Thằng Bờm đã cho chúng ta một bài học khôn ngoan : Hãy bắt chước Bờm, phải luôn luôn tỉnh thức để không bao giờ bị những lời đường mật của kẻ quyền thế (tiền tài luôn luôn đi đôi với quyền thế) phỉnh gạt hòng cướp không của cải của ta. Ngày nay chúng ta còn có chiều hướng

bàn xa hơn khi nói đến quyền sống tự do, dân chủ căn bản của mỗi con người.

Tóm lại, cái lối ưa ví von để diễn đạt tình cảm, tư tưởng này đã tạo nên một phong cách riêng cho ngôn ngữ nói và cho văn chương bình dân truyền khẩu Việt Nam. Đây cũng là một sắc thái độc đáo trong đời sống văn hóa dân tộc.

Kết luận

Sau khi đã trình bày một số vấn đề có liên quan tới trâu cau trong đời sống văn hóa dân tộc, chúng tôi xin đi đến kết luận:

Kể tất cả các dân tộc có tục ăn trâu ở miền Á Đông này, có lẽ chưa một dân

tộc nào lại quý và khoác cho miếng trâu, quả cau nhiều ý nghĩa như dân tộc Việt Nam ta.

Trong văn chương Việt Nam thì chưa có một loại cây cỏ

nào lại được ca ngợi và nhắc nhở đến nhiều như cây trâu, cây cau.

Trong các loại thảo mộc được trồng trọt ở xứ ta cũng không có một loại thảo mộc nào lại được người dân khai thác kỹ lưỡng như cây trâu, cây cau. Từ giá trị vật chất nhỏ nhoi “*ba đồng một mớ trâu*



cay” đến giá trị cao quý khi nó trở nên một tặng phẩm hay một lễ vật. Từ đời sống tinh thần cá nhân (tình cảm riêng tư) đến đời sống gia đình (tình cảm anh em khăng khít, tình vợ chồng đầm thắm, thủy chung trong sự tích Trầu Cau), đến tinh thần xã hội (trầu cau biểu tượng cho một triết lý nhân sinh đặc thù Việt Nam, lấy tình nghĩa mà khu xử ở đời).

Ngày nay xã hội Việt Nam đã quá đổi thay, một phần vì hoàn cảnh chiến tranh kéo dài hàng mấy thập niên, một phần do ảnh hưởng văn hóa Âu Mỹ đưa tới ... Những thế hệ Việt Nam sinh từ 1930 trở đi đã bắt đầu bỏ dần tục ăn trầu, người ta không còn coi miếng trầu là phương tiện giao tế hàng ngày nữa, giới trẻ cũng không còn mượn miếng trầu để tỏ tình, và nhiều gia đình cũng đã bỏ luôn tục lệ chia trầu cau trong dịp Lễ hỏi...

Rồi đây hình ảnh thơ mộng của những giàn trầu, những hàng cau sẽ không còn phấp phới trên khắp các nẻo đường quê hương đất nước. Nhưng... văn chương bình dân truyền khẩu còn đó, lại được giảng dạy tại học đường, thì tôi hy vọng rằng, dẫu xã hội thay đổi thế nào, chúng vẫn đóng được vai trò giáo dục và bồi dưỡng tâm hồn người Việt, để không bị tha hóa trước hoàn cảnh. Con cháu chúng ta cũng sẽ nhận biết và trân trọng giữ gìn những nét tinh hoa trong đời sống văn hóa truyền thống của dân tộc, như sống theo quan niệm triết lý tình nghĩa trầu cau chẳng hạn...

Còn người Việt chúng ta hiện đang sinh sống ở hải ngoại, việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa cổ truyền tốt đẹp của nòi giống, tất nhiên là hoài bão chung của bà con chúng ta. Sự bảo tồn này chắc chắn sẽ không làm trở ngại bước tiến của giới trẻ trên đường hội nhập vào xã hội mới; mà trái lại, còn tạo cho họ một tiềm năng, một cơ sở để nhận biết, so sánh, phê bình và lãnh hội những giá trị mới. Cuộc sống của họ vì thế càng thêm ý nghĩa và phong phú.

PHẠM THỊ NHUNG

(Paris)

Tài Liệu Tham Khảo

- .Bảo Định Giang - Nguyễn Tấn Phát – Trần Văn Vĩnh - Bùi Mạnh Nhị, Ca dao dân ca Nam bộ. Nhà xb TPHCM, 1984.
- .Đỗ Thị Kênh G, Đám cưới, Thế Kỷ 21 xb, số 88, tháng 8-96.
- .Đỗ Tất Lợi, Những cây thuốc và vị thuốc VN, KHKT xb, Hà Nội, 1983.
- .Diên Khánh, Hôn lễ, Làng Văn xb, số 142, Canada, 1996.
- .Jacques Gernet, Le monde Chinois, A Colin, 2è éd 1987.
- .Khiếu Đức Long, Đặc tính gốc nước của nền văn hóa VN, Vietnamologica, số 1, Canada, 1996.
- .Lê Hữu Mục, Lĩnh Nam chích quái, Tân Việt xb, Hoa Kỳ, 1982.
- .Nguyễn Trúc Phương, Văn học bình dân, Sống Mới xb, Sài Gòn, 1964.

.Nguyễn Hương (Dallas), Nam
phổ...trèo cau, Làng Văn xb, số 135,
Canada 1995.

.Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Tục ngữ -
Phong dao, Mạc Lâm xb, Sài Gòn 1967.

.Phan Kế Bính, VN Phong tục, Bút Việt
xb, Sài Gòn, tháng 2 1975.

.Ta Chí Đại Trường, Thần, Người và
Đất, Văn Nghệ xb , Cali 1989.

.Thái văn Kiểm, Lá tràu định
mệnh,Nguyệt san Thế giới xb, Austin
Texas, tháng 8-1996.

.Thúc Nguyên (Paris) Vài nét về tục ăn
trầu trên thế giới (chưa in).

.Trần Quốc Vượng, Trong Cối.

.Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược, Bộ
Quốc gia Giáo dục xb, Lần thứ nhất, Sài
Gòn 1971.

HỘI HOA ĐĂNG

Đêm vũ hội cả vàng trắng chợt tối
Hội Hoa Đăng mở lối Em vào
Ngập hồn anh bát ngát những vì sao
Em, nữ chúa đã lên ngôi hoàng hậu
Cả trần gian chấp chờn hư ảo
Cả trần gian giống bão đã quay cuồng
Giữa cung đình hoàng hậu gặp quân vương
Bốn mùa chuyển vang lừng nhã nhạc
Ngọc nữ, kim đồng ngân ngọc tiếng hát
Khúc ca thiều diu dặt năm cung
Lòng ta rung vờn vợi điệu tơ chùng
Đêm bất tuyệt ngợi ca thiên tình sử
Mời Em vào thăm Uyển ngự đêm nay
Vi vút sáo thần màu nhiệm thơ say
Ta mở ngõ thuở xuân tình phơi phới
Hoa lá vườn khuya thì thầm tiếng gọi
Tắt trắng đi, đèn rọi dấu chân son
Mỗi đóa hôn ngọt lịm vị môi hồng
Thân quán quýt dây leo ngoài vũ trụ
Hãy tắt đi cả muôn ngàn tinh tú
Thấp lên nào mờ tỏ hội Hoa Đăng.

HOÀNG SONG LIÊM

PHÙ DU

Đây bóng tà dương ánh nhạt vàng
Xa nhau để đã mấy thiều quang
Tơ chùng, liễu rủ bao phen đến
Nắng cháy mai sầu mấy bận sang
Đường đạo dò lần còn khoảng cách
Nợ đời rũ sạch bóng thời gian
Phù du một kiếp không rồi có
Đếm lá vàng rơi giữa gió ngàn.

LAN ĐIỀN



Hình: **TRƯƠNG MINH CHÂU**

KIỆP TRẦM LUÂN

NGUYỄN LÂN

(Tiếp theo Cỏ Thơm 65)

Cả bọn bắt tay vào việc. Thịnh sút đi vòng vòng nghe động tĩnh, Hùng điên lên vào ngõ sau cậy cổng hậu, Cương ngồi thoải mái trên xe phì phèo điếu thuốc lá canh chừng, Côn hí hoáy mở khoá cửa chính. Đồ nghề của nó chỉ vồn vện một cái móc thép mà dù cánh cửa khoá có cầu kỳ thế mấy, có khoá số hẳn hoi, dù mấy vòng khoá chữ nó cũng mở ra, nghề của nó mà; và nhờ thế mà tụi ăn cắp chuyên nghiệp phục nó xát đất. Đã nhiều băng đảng mời nó ra nhập, nhưng Côn từ chối. Côn không muốn dưới quyền ai, tiếng nó đã vang rền khu Sài Gòn-Chợ Lớn vì tài mở khoá, vì vẻ lì lợm và vì lòng gan dạ. Cũng nhờ vậy mà chưa một đứa nào dám động đến nó, họ muốn thu phục bọn Côn hơn muốn là muốn tranh tài. Tuy nhiên, Côn rất biết điều, nó đã gặp nhiều tay anh chị đầu sỏ bàn nhau chia vùng làm ăn, khỏi đụng chạm. Vùng ngã Sáu này thuộc về bọn Côn vì thế Côn mới khiến Thịnh sút đi chọn địa điểm. Côn vẫn thích khu chợ Sài Gòn, chỗ đó sô bồ mà béo bở, dễ động thủ nhưng đã có bọn du đảng khác đông hơn, mạnh cánh hơn tụi nó thâu rồi. Vùng ngã

Sáu này cũng có nhiều tay máu mặt nhưng khó động thủ vì các chủ tiệm thường cho tiền tụi canh sát và thuê cớm ngấm nên khó ra tay.

Mười phút trôi qua cánh cửa chính bật mở, khoá chữ lớn bé tung ra hết dưới bàn tay phù thủy của Côn. Ba đứa ùa vào chỉ thiếu có Hùng điên vẫn còn hí hoáy chưa nậy được cổng sau. Ánh đèn bật lên sáng chói, cả ba cùng lóa mắt vì những chiếc xe đạp mới toanh, sơn đủ màu nằm song song trên giá, dựa vào tường, treo lủng lẳng trên trần trông thật đẹp mắt, thật kêu gọi lòng ham muốn của chúng. Côn ra lệnh:

- Lấy đồ phụ tùng thôi nhé, tụi bay. Đừng động đến những xe đã ráp.

- Đại ca ơi! Tiếng Thịnh sút van vỉ. Em mê chiếc xe sơn màu vàng cứt này quá. Đại ca cho em nắnng chiếc xe này đi!

- Tao thích chiếc xe đua kia, xe cuộc đẹp thiệt, màu máu đỏ bầm, guidon cong veo, gò người xuống đạp vừa nhanh vừa êm! Tao cột nó lên xe tao trước đã rồi vào khiêng hàng sau. Cương cứng phụ họa.

Biết có nạt nộ cũng bằng thừa, Côn chỉ gật đầu rồi bắt tay vào việc. Nếu như Thịnh sút nói sớm độ nửa buổi thì chắc Côn đã mượn được xe hơi tải hàng cho đầy đủ; thế này là phải đi mấy chuyến mới xong. Mong cho trót lọt!

Cả ba đứa đang hăng say lục lạo quên hẳn Hùng điên nãy giờ chưa thấy mặt mũi

đâu. Những chiếc xe đạp mới toanh đẹp quá, quyến rũ quá, những đồ phụ tùng nhiều loại mang đi bán được khối tiền, tha hồ mà xài! Chúng mê man lục lọi, chúng chẳng còn biết gì nữa. Đêm Trừ Tịch thế này thì nhất rồi!

Bỗng ánh đèn pha chói loà, tiếng lên đạn sành sạch ngay bên tai, tiếng ai quát vang rền: “Giờ tay lên! Đứng tại chỗ!”

Cả ba đưa giạt mình, đồng loạt ngừng lên. Côn liêu linh nhẩy xổ vào người cảnh sát đang chìa súng vào nó, cùng một lúc nó xoay người lăn tròn dưới đất đá vào tay súng, Tiếng súng nổ vang. Thờ lúc mấy người cảnh sát chú ý tới Côn, Cương cứng chạy nhanh vào bên trong, tính thoát qua lối sau, nhưng cổng sau vẫn khóa kín; cái thằng Hùng điên đâu, nó không còn thì giờ suy nghĩ nữa vì một họng súng lục đã sát bên sườn. Hai người cảnh sát dùng võ lực quật Cương xuống đất. Côn định phi thân ra ngoài thì phát súng thứ hai nổ sứt trên đầu nó, nó không còn cách nào nữa, đành đứng chết trân. Người cảnh sát dí súng vào thái dương nó, ra lệnh: “Úp mặt xuống đất!”

Cương đã bị còng, bị dẫn ra xe bí bùng trước, Côn bị khóa chéo tay vì nó đã phản ứng chống đối từ đầu. Chiếc còng sắt nghiến vào hai cổ tay xương xẩu đau thốn, nó vẫn bình thản. Chúng nó mãi mê đồ vật quá, quên hẳn cửa sau, quên hẳn thằng Hùng điên. Thằng này chắc bị bắt trong khi mở cổng hậu! Một vụ làm ăn lớn đầu tiên không thành công, cả tội còn non quá!

DALAT LOINTAIN

**Comme l'horizon change en
rappelant**

**Les souvenirs de notre ville d'amour
Que de rendez-vous ont passé
Et gravé dans notre coeur de
chagrins.**

**Comme je souffre loin de toi
Dans ces couleurs pourpres du temps
Qui boivent ma jeunesse dans
la rosée claire
Empêchant ce ciel bleu de rêver.**

**Des monts enveloppent ce torrent
de soupirs
Même Dalat déclare notre amour
Près du Lac où s'aiment les pins
Voguant dans le vent de tes cheveux.**

**Qu'il est loin notre bonheur d'antan
Dalat,c'est fini pour nous deux
Dire que ces nuages roses d'un soir
Nous rappellent notre première
rencontre.**

Diễm-Hoa
Février 2014

Chắc có đứa nào tố rồi! Thằng Thịnh sút tại đào, thế nào cũng ra manh mối. Cả ba đứa ngồi trong xe bít bùng nhìn nhau ngao ngán. Giao thừa đã qua, một năm mới sui sẻo!

Sau khi điều tra lý lịch, Côn bị giam riêng, nó buồn lắm. Nó biết lỗi tại nó, quá ỷ y. Nó nghĩ tới những tay anh chị đã nhấn nó cộng tác mà nó chối từ, chúng đã gài bẫy bọn Côn, bây giờ chưa rõ tụi nào nhưng rồi thế nào nó cũng biết. Ngày ra tù cũng phải có, đứa nào gieo gió thì gặt bão. Máu người tuy tanh tươi nhưng Côn không sợ, không chùn bước.

Mặt Côn đanh lại khi nó bị đẩy vào phòng giam với bốn bức tường bít bùng trừ một vuông cửa nhỏ bằng hai bàn tay có những hàng song sắt khít khao vừa đủ luồn hai ngón tay ra ngoài. Trong căn phòng chật hẹp, ẩm thấp, hôi hám, nhớp nhúa, Côn đặt mình nằm xuống đất một cách thản nhiên vì so với nhà nó cũng chẳng tệ hơn gì, có chăng ở nhà được tự do, không bị còng tay như lúc này. Nhưng nghĩ không biết bao giờ mới ra khỏi nơi đây, không biết nhờ cậy ai bảo lãnh, Côn thấy ghen trong cuống họng; chẳng phải nó sợ cảnh tù đây, nhưng một tuần lễ mà không có thuốc chịu làm sao thấu, rồi ai cũng biết nó đã nghiện ma túy nặng. Nhìn những vết sẹo chằng chịt trên tay, chứng tích của những vết thuốc rịt vào cơ thể, Côn thật sự lo ngại, nếu cha nó hay thì còn mặt mũi nào, chẳng thà tù một kiếp còn hơn để mang tiếng xấu cho gia đình. Nghĩ thế là Côn đã có chủ định, nó sẽ không khai ra tông tích cha nó, cứ coi như con côi là xong.

Côn bị đưa vào phòng hỏi cung; trong đó có sẵn một tên công an mặt sắt đen sì hằm hằm nhìn nó như muốn ăn tươi nuốt sống. Hấn ta hất hàm nhìn chòng chọc vào mặt Côn: “Mày tên gì, bao nhiêu tuổi?”

Côn thản nhiên đến lạnh lùng: “Rồi, tôi xin khai. Tên tôi là Côn, mười lăm tuổi, không cha không mẹ”.

Người công an gầm lên: “À, thì ra cái thằng trôi sông lạc chợ! Mày đã có tiền án, tao biết mày đã vào tù ra khám, nhưng mày còn vị thành niên, mày có muốn nhả bà con nào bảo lãnh, còn không là nằm trong trại giáo huấn ít nhất cũng năm năm trời”.

Côn vẫn cứng cỏi: “Tôi không còn bà con ruột thịt. Ông cứ cho tôi vào trại giáo huấn bao nhiêu lâu cũng được.”

Người công an chột đời thái độ, tỏ vẻ ngọt ngào dụ Côn khai ra tên cha mẹ, chốn cư ngụ nhưng Côn cố tình giấu giếm, ngay cả tên ông thầy dạy của Hấn, Côn cũng không đề cập tới. Đã hơn hai năm, hồ sơ của thằng bé Côn móc túi ngày xưa như chìm vào quá khứ. Côn cố tạo một vẻ thản nhiên dù trong thâm tâm nó có những lúc sôi sục chỉ muốn thọc huyết tên công an khi tên này túm tóc, hất mặt Côn lên, tát hai tát nổ đom đóm mắt. Làm gì thì làm nhưng Côn kị nhất có ai sờ vào đầu vì nó quan niệm cái đầu là nơi thờ tự mẹ nó bất khả xâm phạm. Thay đổi lối hỏi cung nhiều lần mà không lay chuyển nổi thằng bé mười lăm tuổi, tên công an bực mình, ký giấy chuyển can phạm sang trại giáo huấn những trẻ vị thành niên.

Côn đến trại giáo huấn trong một xe sắt bít bùng, nó không được nhìn thấy khung cảnh bên ngoài, nhưng ước chừng khoảng thời gian ngồi trên xe hơn hai tiếng đồng hồ, nó phỏng đoán nó bị đưa tới trại trường giáo ở Biên Hòa. Khi ra khỏi xe, trời đã chạng vạng tối, Côn hít thở không khí ướp mát của chiều tà miền Nam một cách sáng khoái vì chắc chắn chốc nữa đây nó lại phải đối phó với một bọn người giả nhân giả nghĩa khác, bọn cai tù đội lốt quần giáo! Nó chẳng ngại gì, duy chỉ một điều không có thuốc sẽ bị vật dữ lắm; mới chích được hơn một bữa, thuốc có hiệu lực kéo dài cùng lắm là trong vòng tuần lễ, chắc chết mất!

Côn được dẫn vào văn phòng trại trưởng, nhưng lúc đó đã hơn sáu giờ chiều, ông ta đã đi ăn cơm tối. Cô thư ký bảo với người phụ trách trông các thiếu nhi phạm pháp: “Đưa nó vào thẳng cantin vì giờ ăn đã tới. Ăn xong, đưa nó trở lại đây làm thủ tục nhập trại”. Thế là Côn được đưa thẳng tới phòng ăn trong tòa nhà lớn nhất của trại cải huấn này.

Những dãy bàn dài song song trong căn phòng ăn ồn ào. Đã đông người đang xếp hàng tới phiên mình trước quầy thực phẩm, trai có, gái có; toàn những đứa lau nhau bẩn thỉu, gầy còm ốm yếu. Hai cánh tay giờ đây được tự do thoát khỏi cái còng nhưng vẫn còn in dấu hằn đau nhức. Côn xoa nắn chỗ đau trong khi đứng chờ tới phiên mình. Một giọng con gái rất chua bên tai: “Mới vào phải không?”

Côn ngạc nhiên: “Sao đằng ấy biết?”
Côn chăm chú nhìn con bé đương chau mỏ

trả lời: “Dễ quá mà! Vết còng còn in trên dấu tay đau nhức mất mấy hôm, chịu khó vậ”. Con bé này nhỏ thó, đen đũi, gầy đét nhưng nhìn kỹ trông nó cũng xinh, đậm đà có duyên. Mới vào mà đã có bạn ngay cũng đỡ buồn dù Côn không thích con gái, bọn con gái hơi một tí là khóc. Côn chỉ thương mỗi mình chị Uyên thôi mặc dầu nó cũng không bằng lòng cái lối ỡng ẹo điệu bộ của chị khiến các cậu trai si tình. Nhưng thôi, có người ngồi ăn nói chuyện cũng đỡ chán hơn cù ky một mình.

Hai đứa ngồi đối diện với nhau trước hai cái khay thức ăn. Con bé nói gọn lỏn: “Tên tao là Oanh, Kim Oanh. Tên mày là gì?”

Côn lạnh lùng: “Côn, du côn, được không?”

Con bé phá lên cười, thành thật: “Ừ, thì có du côn mới vào đây, thì đã sao? Tao thích nói thẳng thừng kiểu đó!”

Hai đứa bắt đầu tâm sự. Kim Oanh mồ côi cha mẹ tự thuở nhỏ, đâu như năm, sáu tuổi, dì ruột nuôi cho đến lúc nó lên mười thì dì đi lấy chồng; dưỡng sáu, chồng dì không ưa bản mặt con bé nên dì phải gửi nó vào nhà các bà phước; ở được vài tháng nó trốn khỏi dòng tu, bắt đầu cuộc đời vô định, bắt đầu bước vào ngõ lầy cuộc sống. Đám ma cạo dạy nó đi rạch túi, dạy nó đi ăn cắp. Những trò lưu manh lừa lọc nó đã biết đủ, có điều nó chưa bị ép đi bán dâm là vì thể xác nó còm cõi, choắt chéo dù nó đã mười bốn tuổi, tuổi trở mã của gái xuân. Hai đứa cùng một hoàn cảnh, cùng một tâm trạng nên dễ thân nhau, dễ thương nhau; tình đồng điệu đó từ từ chuyển dần thành tình tha thiết cần nhìn

thấy nhau mỗi ngày dù chỉ một vài tiếng đồng hồ; chúng lo lắng cho nhau thật tình. Những ngày Côn bị thuốc vật vì thiếu là những ngày kinh hoàng cho nó. Côn quần quai đau đớn, nôn mửa thốc tháo, mắt hoa, tai ù, miệng khô đắng, đầu nhức như búa bổ, tay chân rã liệt, mềm nhũn; nó như không còn sức sống, như có tử thần kề bên; may mà Oanh tình nguyện luôn luôn có mặt khích lệ, săn sóc Côn như một nữ y tá khiến cả trại khen ngợi. Côn thoát khỏi những ngày ghê rợn chưa từng có phần lớn là nhờ sự hiện diện của Kim Oanh. Sáu tháng sau khi dứt thuốc, Côn trở nên mạnh khỏe, làm việc hăng hái, tham gia vào bất kỳ một công tác nào trong trại, từ trồng lúa đến nuôi gia cầm, gia súc; bên cạnh nó lúc nào cũng có Kim Oanh. Đó là thời gian Côn hiểu thế nào là hương vị ngọt ngào của tình thương yêu, đó là thời gian Côn biết thế nào là cuộc đời có ý nghĩa.

Suốt năm năm Côn ở trong trại cải huấn, Uyên vào thăm em nhiều lần. Lần nào cũng mang đầy quà cho cả hai đứa, lần nào Uyên cũng ôm em khóc, và lần nào Côn cũng bắt chị hứa không cho cha biết rõ nó đang ở đâu. Thời gian trôi sao lẹ! Mới đây mà đã năm năm! Vì là những đứa trẻ tuân theo kỷ luật, tuân theo nội qui của trại Giáo Huấn Thiếu Niên nên chỉ còn vài tháng nữa cả hai đứa được xuất trại cùng lúc. Biết ngày xuất trại gần kề, biết những bạn bè có cảm tình với chúng, biết những nhân viên trong trại, những người có phận sự rèn luyện thiếu niên phạm pháp và ngay cả những nhân viên

canh giữ chúng đều thương mến hai đứa, Côn bàn với Oanh lên nói thật với Ban Giám Đốc trại mối chân tình của hai đứa và xin Ban Giám Đốc tác thành cho đôi trẻ trước khi chúng rời trại giam.

Ngày cưới trước ngày phóng thích đúng một tuần. Một ngày đặc biệt, một ngày trọng đại của Oanh và Côn, một ngày vui chưa từng có trong cuộc đời hai đứa. Ông Giám Đốc đứng chủ hôn, quan khách toàn là những bộ mặt quen biết, những bạn tù trong trại thiếu niên phạm pháp, những cai tù, những nhân viên giáo huấn, ai nấy đều hân hoan chứng kiến, mừng cho đôi trẻ mới mười chín hai mươi tuổi đầu bước vào một cuộc đời mới, cuộc đời lương thiện. Côn chỉ ngậm ngùi vì thiếu mặt cha và chị Uyên, nhưng thôi, thế cũng đủ, ra khỏi trại giam sẽ gặp lại những người thân thương, sẽ xây dựng lại cuộc đời một tương lai tươi sáng

Đôi vợ chồng trẻ trở lại đời sống bình thường chưa được một tháng thì biến cố 30/4/1975 khiến toàn thể đất nước lọt vào tay Cộng Sản. Côn và Oanh trở về sống với cha. Ông Quyền may mắn thoát được học tập cải tạo vì ông chỉ lái tàu cho hãng tư trước 75, một may mắn nữa, ông được Ủy Ban Quân Quản tiếp thu trọng dụng, ông trở thành thuyền trưởng một con tàu quốc doanh đưa hàng từ Nam ra Bắc. Ông không ưa thích gì bọn Cộng Sản nhưng ông cũng không ưa gì chính trị, khái niệm Quốc-Cộng đối với ông từ xưa đến nay không quan trọng, rất mù mờ vì thế ông vui vẻ lái con tàu quốc doanh tải hàng

hàng lớp lớp phẩm vật miền Nam ra Bắc mà lòng ông bình thản. Uyên đã theo gia đình người bác sang Mỹ. Bây giờ, ông chỉ còn mỗi thằng con trai kế bên và mấy bà tình nhân, ông vui vẻ chấp nhận. Thằng Côn từ ngày có vợ trở nên ngoan ngoãn, theo ông đi tàu, học nghề thủy thủ. Nó nhanh nhẹn, tháo vác, học việc nhanh, tương lai sẽ là một thủy thủ tài ba, sẽ theo cha trong nghề, sẽ ấm thân. Ông Quyền thấy nhẹ mình, ông lại tiếp tục ăn chơi, ông vẫn có tiền vì bọn Cộng Sản còn cần đến ông trong lúc này, ông là một thuyền trưởng lão luyện; trên con tàu giữa biển chỉ nghe hơi gió ông Quyền cũng định hướng cho tàu chạy không cần đến địa bàn. Cũng đã bao nhiêu người có máu mặt muốn trốn ra khỏi nước, tìm đến ông đặt cọc những số tiền khá lớn để ông lấy tàu trở lén họ, họ hứa hẹn sẽ nuôi vợ chồng thằng Côn học thành tài nơi xứ người. Suy đi tính lại, ông Quyền từ chối, ông đương sống đầy đủ, có việc làm thích hợp, có đàn bà, có rượu, ông còn cần đi đâu nữa. Ra ngoại quốc, chắc gì ông đã sung sướng; mọi việc đều xa lạ, tiếng nói lại khó cảm thông, đàn bà Mỹ đâu có dễ yêu như đàn bà Á Đông; vả nữa, thằng Côn đương thực tập nghề lái tàu, sẽ có một tương lai đầy đủ. Ông chỉ giản dị nghĩ như thế và ông lại lao vào những cuộc ăn chơi.

Sống gần cha, Côn mới hiểu rõ ông Quyền, những gì chị Uyên nói về ông thật đúng, Côn không còn thần thánh cha như xưa nhưng nó vẫn thương yêu và hết lòng với ông. Gần bên cha được hơn một năm

thì lại một biến cố tang thương xảy ra cho nó. Một buổi sáng, như thường lệ Côn ngồi tại bàn ăn chờ cha trong khi Oanh sửa soạn cà phê cho hai người trước khi họ lên tàu. Mãi không thấy ông Quyền xuống, Côn chạy lên phòng cha trên lầu thì ông đã mất, không biết từ lúc nào, có lẽ trong đêm khuya, người ông đã lạnh, có lẽ đứt mạch máu não Trời ơi! Cuộc đời thật lắm đau thương!

Tang ma cho ông Quyền xong, Côn không được nhận đi tàu nữa. Có đứa tố cáo với ban điều hành hàng hải là thành tích Côn tồi tệ, là Côn trộm ăn cướp khi xưa. Bây giờ không còn ông Quyền, không còn ai bao che cho Côn cuộc đời tối tăm lại trở lại Kim Oanh chạy gạo từng bữa không đủ sống. Hai vợ chồng gửi thư sang cầu cứu chị Uyên bên Mỹ, chỉ còn chị Uyên thương chúng thôi! Uyên vội vàng gửi tiền về; nhờ món tiền đó hai vợ chồng Côn có một số vốn, buôn bán đủ thứ trong khả năng, trong tầm tay của chúng. Nhưng đời sống tại Đô thành nhiều khó khăn, lắm cạnh tranh; hơn thế lại bị bọn công an Cộng Sản làm khó dễ, nay bắt đóng thuế chỗ ngồi, mai hạch sách gốc thành phần tư bản, bòn rút tiền bạc của những người buôn bán vỉa hè như vợ chồng nó. Biết không thể kéo dài tình trạng như thế mãi, Côn bàn với Oanh về vùng cao nguyên sinh sống, hai vợ chồng lại cầu cứu chị. Uyên gửi một số tiền lớn đủ cho em mua một căn nhà gỗ rẻ tiền tại gần thị trấn Bảo Lộc. Với số tiền chị gửi về, với một chút

tiền dành dụm, Oanh và Côn về định cư ở vùng cao nguyên.

Một căn nhà gỗ đơn sơ hai trái, một khoảng đất thên thang bao quanh, hai đứa bắt đầu một cuộc sống làm lụng vất vả nhưng đầu óc thanh thoi một cuộc sống an bình, hạnh phúc. Hai đứa bàn tính với nhau tự làm rẫy, cuốc đất trồng khoai, trồng đủ loại rau ăn, nào mồng tơi, bầu, bí, mướp, rau cải, rau lang, rau muống, rau dấp cá, rồi đến những loại rau thơm, nào ngò, húng, tía tô, canh giới, cải cúc. Hai đứa còn cố gắng gieo mạ tự kiếm lấy hạt gạo; ấy vậy mà chúng thành công. Khi số trâu hoạch đã nhiều, Oanh chở hàng ra tuốt tận Bảo Lộc, Côn thò các loại rau, các loại ngũ cốc dân cao nguyên không biết sản xuất đổi lấy những phẩm vật khác, nào da thú rừng, da rắn mang tới tận chợ Bảo Lộc bán lấy lời. Đời sống tuy cực nhưng nhiều năng hoạt, tự tại. Riêng Côn cảm thấy vô cùng thoải mái. Suốt cuộc đời lọc lừa dối trá; bây giờ có một đời sống lương thiện, tiếp xúc với dân miền Thượng hiền lành, chất phác, hít thở không khí trong lành núi đồi sơn cước, tận mắt ngắm nhìn những ngọn thác xối bọt trắng xóa từ những đỉnh núi cao đổ xuống bất tận tưởng như cuộc sống thoát thai sẽ đẹp mãi mãi.

Uyên về thăm hai vợ chồng Côn được một lần. Ngày gặp gỡ mừng mừng tủi tủi. Hai chị em ôm chặt nhau, Uyên khóc một cách sung sướng, không ngờ đồng tiền gửi về cho em có giá trị đến thế, không ngờ thằng em “trời đánh” đã cải hóa, tự tạo một cuộc đời có nghĩa, không ngờ nó có

được một con vợ tận tình với chồng như thế. Uyên hứa với em hàng năm sẽ về thăm nhà; bao nhiêu tiền để dành Uyên sẽ gửi sang cho em để “thằng bé” làm ăn, khuếch trương ruộng đất, Uyên còn hứa cô sẽ mang gia đình về ở hẳn với vợ chồng Côn khi điều kiện cho phép, hay khi đã lớn tuổi cho có chị có em. Ôi! Chân hạnh phúc từ đây.

Nhưng, Uyên không thể về thăm vợ chồng Côn thường xuyên như hai chị em mong ước, Uyên còn bận bịu với công việc làm ăn ở xứ người, chị em vẫn mỗi người mỗi ngả. Thời gian trôi là mức rút ngắn dần sự xa cách mà thôi. Nào ngờ một buổi chiều vừa về tới nhà, Uyên nhận được một điện tín khẩn với dòng chữ: “Côn đã mất tuần qua. Em, K. Oanh”. Uyên lặng người, nàng không khóc nhưng nàng cảm thấy bầu trời như tan rã thành từng mảnh vụn Côn ơi! Chẳng bao giờ chị em còn được gặp mặt nhau nữa, chẳng bao giờ chị em còn bàn tính tới tương lai xum họp nữa, chẳng bao giờ chị em còn ôn chuyện lúc thiếu thời nữa! Nhưng, em đã về với mẹ chạ bên kia thế giới, bên kia mức màn sương bí ẩn, cha đang mỉm cười, mẹ đang dang tay chờ đón em, em sẽ được ngã vào vòng tay mẹ như suốt đời em hằng ao ước, Côn ơi!

Uyên vội vã lấy máy bay về Việt Nam. Côn đã chết, nàng còn có bốn phận lo cho vợ nó, cho Oanh, tội nghiệp con bé. Nghĩ tới Oanh, tự nhiên Uyên ứa nước mắt đời nó sẽ ra sao?

Lần này xuống phi trường, không ai đón, Uyên về khách sạn một mình rồi hôm sau lấy vé xe đò lên Tùng Nghĩa. Nàng sẽ biết về cái chết của đứa em thân yêu duy nhất, nàng sẽ biết về những giây phút cuối cùng của Côn, nàng sẽ biết nguyện vọng của nó, nàng sẽ chu toàn những ý nguyện của nó. Côn ơi! Ngồi trên xe mà Nước mắt Uyên ròn ròn! Thằng Côn sao xấu số, mồ côi mẹ từ thuở lọt lòng, một cuộc đời lang bạt vào tù ra khám, một cuộc sống thiếu thốn cả vật chất lẫn tinh thần, ngày ra đi chưa đầy ba mươi tuổi, tiền kiếp của nó ra sao, tổ tiên đã làm điều chi ác đức để cho thằng bé có một kiếp người khổ khổ, kiếp trầm luân!

Kim Oanh khóc vui trong tay chị chồng; con bé trông xơ xác, hốc hác, gầy như một bộ xương, mặt xanh xám, mắt thâm quầng, nước nở kè:

Côn phát bệnh gân sáu tháng trời, ngày một rộc rạc như mất dần sức sống, Côn vẫn cố gắng trồng khoai, cuốc rẫy, vẫn cố gắng thô đồ lên tỉnh, vẫn mộng một ngày nào đó dư dả, của ăn của để, vẫn hy vọng tự túc sang thăm chị Uyên bên Mỹ. Hai tháng gần đây, ốm quá, lết đi không nổi, ăn gì cũng không tiêu, Oanh thúc giục chồng lên tỉnh khám bệnh mới biết rằng trong máu có vi khuẩn dương tính HIV đã từ lâu, kết quả của thời ngang dọc chích choác, sa đọa. Vì quá yếu, Côn phải nhập viện những ngày đau đớn bất đầu, thêm vào bệnh sưng phổi vì nhiễm lạnh, vì làm việc cật lực trong thời gian qua, Côn không còn tự mình đứng dậy nổi nữa đau đớn, khó thở, tay chân rũ liệt,

Côn chỉ chờ vợ vào bón cho từng muỗng cháo cầm cự thời gian chờ đợi tử thần. Dù biết mình sắp ra đi, Côn vẫn khuyến khích vợ làm việc để vui sống, Côn vẫn mong ước vợ có được một gian nhà gạch. Trước khi nhắm mắt, Côn còn nói đùa với Oanh là anh ta rất bối rối, rất hồi hộp cho cái ngày đầu tiên gặp mẹ. Cái ngày ấy rồi cũng đến Côn đau đớn khôn tả nhưng không còn đủ sức lăn lộn, chỉ thấy nước mắt chảy dài trên đôi gò má hóp. Khi bác sĩ tới, Côn gắng gượng chấp hai tay lạ, cầu xin ông ta cho một mũi thuốc ngăn chặn cái đau đang xé nát từng bộ phận trong cơ thể. Lượng morphine có hạn, không còn đáng thần linh nào cứu Côn, không còn thần dược nào làm Côn giảm đau đớn. Nước mắt, chỉ nước mắt là dấu hiệu của sự sống, là dấu hiệu của cơn bạo bệnh đang dấy vò cơ thể Côn. Từ thần đến một cách tàn nhẫn, mang Côn ra khỏi cõi đời trong đớn đau thê thảm. Côn nhìn thấy mẹ xa xa: “Mẹ ơi!”

Mẹ ơi! Tội nghiệp Côn quá! Nhưng bây giờ nó đang sung sướng đoàn tụ với cha mẹ. Những gì nó muốn, Uyên sẽ làm. Tiền! Tiền! Phải chi nó có tiền thì cũng không đến nỗi chết đau đớn trong nhà thương thí! Sao nó cần răng không để Oanh tin cho nàng hay; từ bé đến giờ không bao giờ nó làm phiền chị nó. Côn ơi! Kiếp trầm luân này em đã trả, kiếp sau em sẽ có một cuộc sống bình thường như em vẫn ước mơ.

NGUYỄN LÂN

Tưởng nhớ Tướng Bùi Thế Lân

Văn Quang

Tin Thiếu tướng Bùi Thế Lân từ trần đến với tôi quá đột ngột. Có lẽ cũng như nhiều người quen khác của ông. Bởi mới 3 hôm trước đây, tôi nghe nói ông còn khỏe mạnh và còn đi ăn với gia đình. Hơn một tháng trước, ông gửi cho tôi khoảng 50 bức ảnh về ngày sinh nhật thứ 82 của ông tại nhà riêng ở San Jose. Trong ông rất khỏe mạnh, vui tươi, hạnh phúc cùng bạn bè. Có một bức ảnh ông gửi riêng cho tôi và hỏi đùa là “Trông giống Nhật hoàng không?”. Tôi trả lời “Giống đến nỗi ông bà đi ngoài đường phố Tokyo, dân bỏ ra đường chào hết”. Thỉnh thoảng tôi điện thoại sang thăm ông, không có một dấu hiệu nào về bệnh tật của ông cả.

Sáng 15-1-2014, tôi dậy vào lúc 05 giờ, mở e-mail đọc. Người đầu tiên báo tin buồn cho tôi là anh Nguyễn Gia Quyết, một sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến (TQLC), hiện ở Houston. Chỉ có một dòng ngắn ngủi “Anh ơi, Thiếu Tướng Bùi Thế Lân đã từ trần sáng nay 14-1 rồi, anh biết tin chưa”. Sau đó một nguồn tin của anh BMH thông báo một số chi tiết cùng 2 tấm ảnh của ông. Tôi lập tức gọi điện thoại sang cho ông Hùng Sùi, người bạn cùng khóa 4 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức với tướng Lân và

tôi, hiện ông Hùng ở San Jose cùng thành phố với ông Lân. Ông Hùng Sùi xác nhận tin này và cho tôi biết thêm bác sĩ Luyện, cùng khóa với chúng tôi, sau này là bác sĩ tại Mỹ và cũng là BS của gia đình tướng Lân. Theo vị BS này, tướng Lân ra đi đột ngột vì bệnh tim mạch. Ông Hùng cũng nói thêm về dự tính của anh em cùng khóa trong tang lễ của tướng Lân là bạn bè trong Khóa 4 dự tính sẽ phủ cờ, nhưng anh em trong binh chủng TQLC nói đề binh chủng của anh em đảm nhận việc này. Tôi nghĩ đó cũng là điều hợp lý. Từ đó chúng tôi ôn lại những kỷ niệm xa gần với người bạn cùng khóa này. Điềm lại Đại Đội 3 - khóa 4 Thủ Đức của chúng tôi có lẽ “sản xuất” ra nhiều vị Tướng nhất trong các khóa Sĩ Quan, kể cả hiện dịch và trừ bị. Từ chuẩn tướng Nguyễn Đình Bảo “người ở lại Charlie” sớm nhất rồi đến tướng Hồ Trung Hậu, Ngô Quang Trưởng, Lê Quang Lưỡng ... có lẽ tướng Lân là vị ra đi sau cùng.

Những ngày mới gặp

Ông Bùi Thế Lân và tôi cùng được động viên vào khóa 4 Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức năm 1953 và ra trường với cấp Thiếu Úy vào năm 1954. Ông Lân và tôi cùng các ông Hùng Sùi, Mai Hắc Lào, Ngô Quang Trưởng, Lê Quang Lưỡng... cùng ở chung Đại Đội

3. Lúc đó, đại đội trưởng là một sĩ quan nhảy dù người Pháp - Trung Úy Bardet, đại đội phó là Trung Úy Kỳ Quan Liêm. Trước khi mãn khóa, đại đội 3 của tôi từ Thủ Đức được di chuyển bằng tàu thủy Gascogne ra Bãi Cháy- Quảng Ninh học “Stage Commandos”. Một khóa học rất gian khổ. Lúc đó ông Lân cũng đã đeo cặp kính trắng dày cộm nên được anh em tặng cho cái biệt danh là “Lân mù”. Ông là một sinh viên sĩ quan bình thường như bao nhiêu anh em khác. Cũng đi câu khi, bơi thuyền, leo núi, tập trận bắn đạn thật và hàng chục bài tập nguy hiểm khác đến mờ người, song lúc nào cũng tươi cười, thân thiện với mọi người. Sau 2 tháng chúng tôi về thi cuối khóa và làm lễ mãn khóa ngày 01-6-1954 cùng khóa 10 Sĩ Quan Võ Bị Đà Lạt tại Sài Gòn. Cuộc duyệt binh khá rầm rộ, vắc khẩu Garant lạch vai.

Chúng tôi là dân Bắc Kỳ mới vào Nam nên thường thân thiết với nhau hơn, nhất là khi được phép ra Sài Gòn vào những ngày Thứ Bảy - Chủ Nhật. Chúng tôi đi thành nhóm và đôi khi có anh em sống ở miền Nam hướng dẫn đi khắp Sài Gòn, từ Sở Thú đến Chợ Lớn. Năm bảy anh em chỉ dám thuê chung một phòng trong một khách sạn lem nhem trong những con phố hẹp. Nhưng ông Lân thường không hay đi lang thang, không lần mò vào những nơi xa lạ như Kim Chung Đại Thế Giới, Chợ Bến Thành, ông tìm những nơi yên tĩnh nghỉ ngơi. Có lần tôi thấy ông nằm trên ghế đá Thảo Cầm Viên ngủ tỉnh bơ như ở nhà.

Sau khi mãn khóa, tôi về làm huấn luyện viên ở Trường Commandos Nord VN từ Bãi Cháy di chuyển vào Đồng Đế - Nha Trang sau hiệp định Genève. Một thời gian sau, ông Bùi Thế Lân cũng về Nha Trang, đó là thời kỳ Binh Chung TQLC mới thành lập. Có lẽ vì thế ông là Đại Đội Trưởng Đại Đội 1- Tiểu Đoàn 1 của binh chủng này. Chúng tôi thời còn trẻ, tâm hồn phơi phới lại cùng gặp nhau vui đùa trên bãi biển Nha Trang.

Vị chỉ huy trẻ đầy tài năng

Khi tôi thuyền chuyển về Nha Chiến Tranh Tâm Lý Bộ Quốc Phòng, Bộ Tư Lệnh của TQLC cũng đặt ở một khu doanh trại tại Sài Gòn. Tôi nhớ vào khoảng năm 1970, lúc đó ông là Đại Tá Tham Mưu Trưởng TQLC, có lần tôi hỏi ông có muốn cho nữ xướng ngôn viên Đài Truyền Hình Quân Đội mặc quân phục của TQLC không? Ông gật ngay: “Ừ sang đây, tao cho vải may quân phục”. Rồi ông cười nói: “Nữ xướng ngôn viên thì chỉ thấy nửa thân hình trên màn hình ti vi, chứ đâu có thấy toàn thân nên không cần quần, đũng không?”. Tưởng ông nói đùa, tôi sang lấy vải, ông chỉ cho vải đủ may một cái áo thật. Tôi chê ông hà tiện, ông nói “của quân đội đâu phải của chùa”. Từ đó nữ xướng ngôn viên đài truyền hình Quân Đội mặc quân phục TQLC và tất nhiên chỉ có cái áo trên màn hình.

Vào thời kỳ ông chỉ huy mặt trận Quảng Trị, ông nổi tiếng là một sĩ quan có kinh nghiệm và biệt tài chỉ huy, đến

ngay cả sĩ quan và nhà báo Mỹ cũng ca ngợi tài năng cũng như phẩm chất của ông. Mỗi khi có trận đánh lớn như trận tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị, tôi thường gửi phóng viên chiến trường ra và luôn điện thoại “gửi ông chăm sóc giùm”. Nhờ vậy ông cho phóng viên của Đài Phát Thanh Quân Đội luôn đi theo sát các đơn vị chiến đấu và được chăm sóc cẩn thận. Tôi còn nhớ phóng viên Nhật Lệ đã làm tường thuật truyền thanh ngay tại mặt trận giữa thành phố khi các đơn vị TQLC tiến chiếm Cổ Thành Quảng Trị. Rất hiếm có phóng viên nào có thể làm được công việc trực tiếp truyền thanh ngay tại mặt trận nếu không được vị tư lệnh chiến trường yểm trợ.

Ông là một vị tướng trẻ, được hầu hết Sĩ Quan và Binh Sĩ dưới quyền kính trọng, nể phục. Tính kỷ luật của ông nổi tiếng trong quân lực, gần giống như tác phong của Tướng Đỗ Cao Trí. Song ông 2 vị tướng này cũng là những sĩ quan rất hào hoa. Đôi khi ở chiến trường về đến Sài Gòn, ông đưa cả Bộ Tham Mưu đi ăn đi chơi. Những lúc đó ông rất bình dị và cởi mở với mọi người.

Có lẽ kể về thành tích chiến trận của ông phải là một tập sách dày, tôi không đủ sức làm công việc ấy, xin dành cho nhà viết quân sử VN. Sau những ngày gian khổ, chiếm được cổ thành Quảng Trị, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã có một bức thư ca ngợi tinh thần chiến đấu dũng cảm của các đơn vị tham gia trận đánh này, đặc biệt là Thiếu tướng Bùi Thế Lân và Sư Đoàn TQLC.

Ở đây tôi chỉ chú trọng đến một vài kỷ niệm riêng tư mà chắc ít người biết.

Vị tướng hào hoa

Khi tôi nói chuyện với ông Hùng Sùi sáng 15-1-2014, ông Hùng còn nhắc lại một kỷ niệm ngày họp Khóa 4 ở Câu Lạc Bộ Công Binh – Phú Thọ. Năm ấy dường như là lần họp thứ tư hay thứ năm gì đó của anh em trong khóa. Ông Lân đã là Đại Tá nhưng khi trình diện trước khóa, chúng tôi vẫn giữ đúng tư thế của thời là Sinh Viên Sĩ Quan. Ông đứng nghiêm, giơ tay chào và trình diện: “EOR (Eleve Officier de Reserve) Bùi Thế Lân, Onzième Brigade, Troisième Compagnie”.

Sau một ngày ở bên nhau với đủ thứ chuyện, buổi tối chúng tôi có chương trình dạ hội. Tất nhiên tôi phải lãnh phần cung cấp ca nhạc sĩ cho dạ hội. Hầu như tất cả các ca sĩ nổi danh của Sài Gòn đều có mặt góp vui. Hôm đó có cả Kiều Chinh và Kim Vui đến với tư cách khách mời. Ông Lân khoái nhảy Mambo Cha Cha Cha, ông “múa” cũng điệu nghệ lắm. Ông Hùng Sùi nhắc lại một chuyện vui với Tướng Lân.

Tôi đó bỗng có 2 người đẹp lạ mặt đến tìm Đại Tá Lân. Chúng tôi không hề biết 2 người đẹp này là ai. Ông Lân ngờ ý không muốn gặp, ông chỉ ngồi tiếp khách vài phút rồi đứng dậy. Tôi nói Kim Vui ra sàn nhảy với tướng Lân rồi giữa khung cảnh đèn màu chớp choạng và piste đông nghẹt, một người bạn khác ra mời Kim Vui nhảy Tango.

Ông Lân lịch sự nhường bạn rồi đi theo lối hậu trường sân khấu ra chiếc xe của tôi có tài xế chờ sẵn, đưa thẳng ông về nhà. Hôm sau chúng tôi mới biết đó là 2 người đẹp “mê” tiếng “anh hùng hào hoa” của người sĩ quan TQLC nên tìm đến gặp mặt. Ông Lân không muốn dây dưa nên “chuồn” thẳng. Sau này, mỗi lần gặp nhau, chúng tôi thường nói lại chuyện vui này.

Lân gặp cuối cùng

Tôi gặp tướng Lân lần cuối cùng vào những ngày cuối tháng 4-1975, khi ông đưa quân từ Đà Nẵng về Vũng Tàu. Hôm đó ngồi ăn trưa với tướng Lân ở doanh trại Bộ Tư Lệnh TQLC tại bờ biển Vũng Tàu. Bữa ăn trưa đó còn có ông Nguyễn Quang Đan (hiện đang ở Mỹ) là Chánh văn phòng của tướng Lân và cũng là ông chú họ của tôi cũng biết khá rõ. Trong khi ngồi ăn, có chiếc trực thăng của Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại cùng một sĩ quan Mỹ đáp xuống gặp tướng Lân. Tôi lánh mặt vào phòng trong để cuộc nói chuyện của họ tự nhiên hơn. Chừng nửa giờ sau, chiếc trực thăng cất cánh ra biển. Chúng tôi tiếp tục cuộc nói chuyện. Thật ra cuộc gặp này để nói về cuộc đảo chính khi “tình hình đất nước đã lâm nguy”. Ông đồng ý tham gia cuộc đảo chính để “cứu vãn tình hình” và nhận lời chiếm dinh Độc Lập. Những người chủ trương đảo chánh tin tưởng tướng Lê Quang Lương – Tư lệnh binh chủng Nhảy Dù, đang đi hành quân song cũng hứa nếu về được

sẽ giữ vững cửa ngõ Sài Gòn. Ngoài ra còn Tướng Lê Minh Đảo Tư Lệnh Sư Đoàn 18 ở Long Khánh, các binh chủng thiết giáp, pháo binh, các trường huấn luyện xung quanh khu vực Saigon, số quân nhân còn lại trong các đơn vị, sẽ tham gia với tất cả những gì còn lại.

Vì cú lừa ngoạn mục

Biết rằng cuộc đảo chính thì dễ nhưng giữ Sài Gòn mới khó vì quân Mỹ đã rút hết, cả những bom đạn, vũ khí yểm trợ cũng chẳng còn gì. Giữ Sài Gòn, đóng cửa phi trường và mang theo, bảo vệ số gia đình người Mỹ còn sót lại. Sau đó nếu thế ta quá yếu, sẽ rút về vùng 4, lúc đó tình hình còn rất sáng sủa. Các vị Tướng lãnh nổi danh như Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng... và toàn thể quân nhân vùng 4 sẵn sàng chiến đấu tới phút cuối cùng. Như thế tình hình có thể cứu vãn được bằng một cuộc thương thuyết. Nếu có cuộc đảo chánh đó, biết đâu tình hình có thể sẽ khác đi rất nhiều.

Nhưng rồi một ông Trung tướng Mỹ của tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn vào thuyết phục người đứng đầu cuộc đảo chính rằng “Các ông không cần đảo chánh, nếu Tổng Thống Thiệu ra đi, chỉ còn các ông chứ ai nữa. Nếu các ông làm người dân thiệt hại nặng nề, thành phố tan hoang, sẽ mang tội với lịch sử. Chi bằng các ông cứ đợi đó, bất chiến tự nhiên thành”. Cú lừa ngoạn mục này đã khiến người đứng đầu đảo chánh dễ dàng buông tay.

Lúc đó ở Sài Gòn có Trung Tá Lê Mộng Hoan (hiện ở Orange County) đang là phi đoàn trưởng Phi Đoàn Phản Lực Vùng 4 cũng về nằm trong Tân Sơn Nhất chờ làm đảo chánh. Nhưng phút chót, nếu không ôm được chiếc phản lực còn để ở phi trường quân sự bay về Cần Thơ chắc cũng kẹt lại rồi. Ông Lân thường nhờ ông Nguyễn Quang Đan, liên lạc qua điện thoại với tôi cho kín đáo. Nhưng đợi mãi không có tin tức gì khác nên Tướng Lân buộc phải đưa quân xuống tàu di tản. Trước khi đi, ông cũng cho người gọi điện thoại cho tôi nhưng tôi không thể gặp ông được.

Mãi sau này, sau hơn 12 năm ở cái gọi là “trại cải tạo” ra, một thời gian nữa rồi tôi mới liên lạc lại với ông Lân. Nhắc lại chuyện xưa, tướng Lân hỏi tôi có viết hồi ký về cuộc “đảo chánh hụt” đó không. Tôi nói không có ý định gì cả. Ông Lân cũng do dự một chút rồi nói “Quên đi cũng phải, viết cũng chẳng có lợi gì”. Tuy nhiên ông vẫn nói nếu tôi viết lại toàn bộ câu chuyện ông Lân sẽ là một nhân chứng. Nhưng cho đến nay, trước lúc từ biệt người anh hùng TQLC, tôi chỉ nhắc lại một phần chuyện đó để chứng tỏ rằng ông là người sẵn sàng chiến đấu tới phút cuối cùng.

Trước nỗi mất mát lớn lao và rất bất ngờ một vị tướng đáng kính và cũng là niềm hãnh diện của Khóa Cương Quyết. Xin giơ tay kính chào vị anh hùng của chúng tôi lần cuối và xin chia buồn cùng tang quyến. Tôi không dám đại diện cho ai cả, nhưng tôi cho rằng đó

cũng là nỗi tiếc thương của toàn thể anh em khóa 4 Trường Sĩ Quan Thủ Đức và những anh em Thương phế binh của binh chủng TQLC còn ở lại Sài Gòn mà tôi đã từng gặp mặt.

Tiểu sử Thiếu Tướng Bùi Thế Lân (1932-2014)

Cố Thiếu tướng Bùi Thế Lân sinh Tháng 11, năm 1932, tại Hà Nội.

Ông là học sinh hai trường trung học Chu Văn An và Dũng Lạc ở Hà Nội.

1953: Động viên vào Khóa 4 Cương Quyết Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, năm 1954 tốt nghiệp với cấp bậc Thiếu Úy-Sau đó làm Đại Đội Trưởng, Tiểu Đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến.

1960: Trung Úy Tham Mưu Trưởng Liên Đoàn TQLC

1961: 1-6 Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 4 TQLC

1963: Bàn giao chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 4 TQLC cho Đại Úy Lê Hằng Minh, du học khóa Chi Huy và Tham Mưu TQLC tại căn cứ TQLC Quantico, Virginia Hoa Kỳ

1964: Tham Mưu Trưởng Lữ Đoàn TQLC thay thế Thiếu Tá Trần Văn Nhật nhậm chức Tùy Viên Quân Sự tại Phi Luật Tân.

- Thăng cấp Thiếu Tá

1965: Ngày 1-11, thăng cấp Trung Tá

1966: Thăng cấp Đại Tá

1971: Tư Lệnh Phó kiêm Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn TQLC

1972: Ngày 4-5 Tư Lệnh Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến thay thế Trung

Tướng Lê Nguyên Khang nhận chức vụ
Tổng Thanh Tra QLVNCH.

- Ngày 28-5 Vinh thăng Chuẩn
Tướng nhiệm chức

1973: Vinh thăng Chuẩn Tướng thực thụ

1975: Đầu tháng 4 vinh thăng Thiếu
Tướng nhiệm chức

1975: Định Cư tại Houston, Texas và
San Jose California

Huy Chương:

- Được ân thưởng nhiều huy chương
Quân Sự và Dân Sự cao quý kể cả các
huy chương của Đồng Minh.

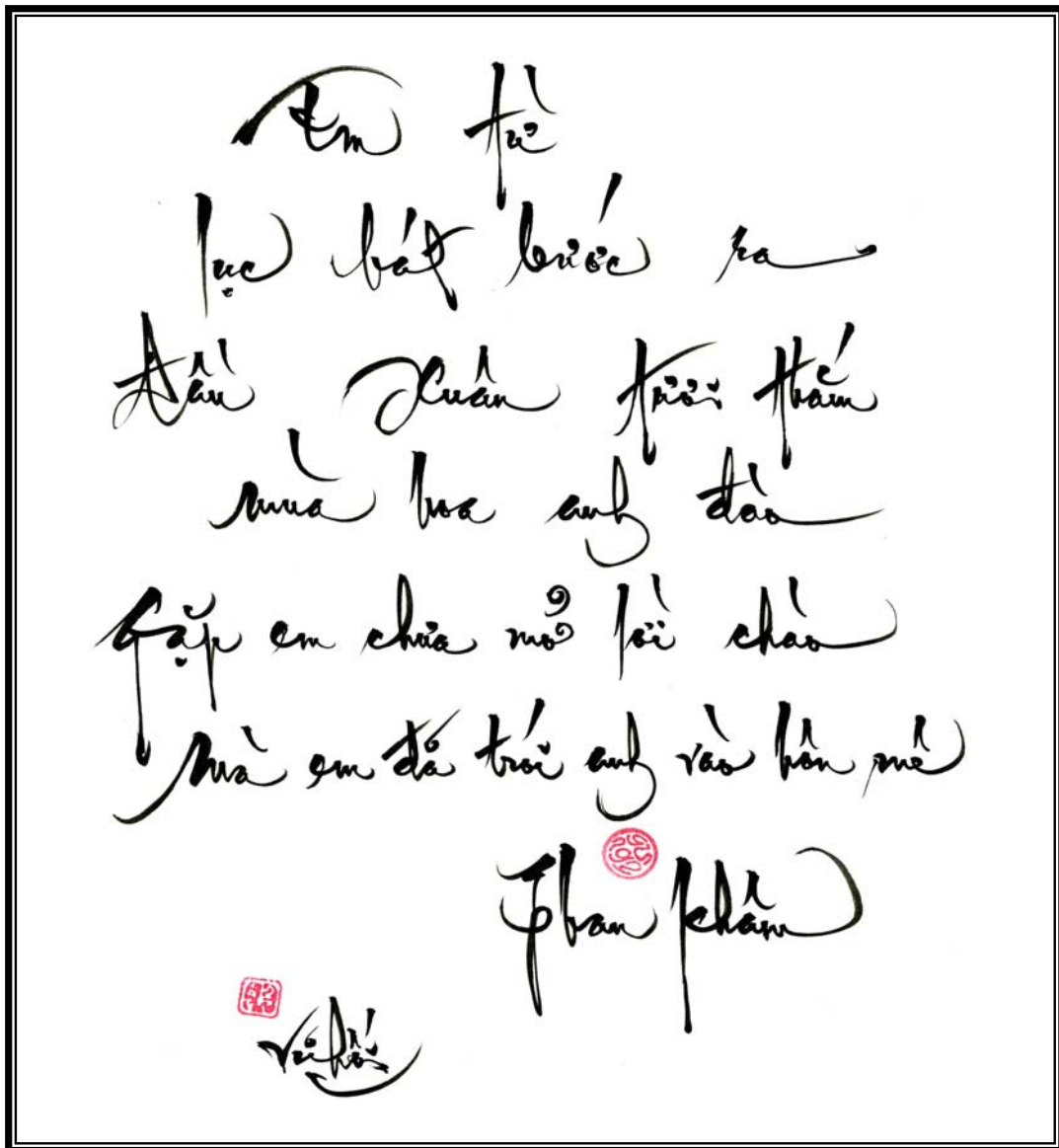
- Legion of Merit (Degree of Commander)

Văn Quang – Sài Gòn 16-1-2014

+++++



Ảnh **NGUYỄN HUY LINH**



101 bài EM TỪ LỤC BÁT BƯỚC RA
Thơ: Phan Khâm - Thư họa: Vũ Hối
Sẽ phát hành vào mùa hạ 2014

Nói Chuyện Ca Hát Và Kịch Ảnh

HỒ TRƯỜNG AN

Chị Ngọc Dung thân,

Lóng rày tôi bắt đầu mê phim tập Hoa ngữ. Đó là phim Đài Loan, phim Hồng Kông, phim Trung Quốc lục địa. Nhưng tôi biết qua loa về các tên các minh tinh. Thôi thì biết bao nhiêu, nói bấy nhiêu. Ai dám mổ xẻ gì mình mà sợ, phải không chị? Đó là Lưu Tuyết Hoa, Xà Thi Mẫn, Thái Thiếu Phân, Tôn Lệ, Trương Hân, Viên San San (nữ), Huỳnh Hiểu Minh, Hoắc Kiến Hoa, Hồ Quân, Lâm Chí Dĩnh, Cổ Đại (nam). Phim tập của Mỹ, của Đức, của Đại Hàn, của Hoa Ngữ (Hồng-Kông, Đài Loan, Tân-gia-ba, Tàu lục-địa) đều hay. Về các phim bộ Hoa Ngữ, xem hồi thứ nhất của truyện phim là tôi mê ngay, coi tới hồi thứ 70 cũng không ngán, mà không chừng coi tới 100 cũng chưa chán. Thích chưa! Phim bộ Hoa Ngữ có đào đẹp, kếp đẹp. Kếp Ba Tàu bây giờ o bé thân hình đẹp như thân hình Lex Barker trong vai Tarzan, như Steve Reeves trong vai Hercule.

Những truyện kiếm hiệp của Kim Dung đều được đưa vào các bộ phim tập. cũng như bộ phim " *Thiên Long Bát Bộ* ". Kim Dung là nhà văn lớn, dù truyện kiếm hiệp là truyện giải trí. Tác phẩm của Kim Dung về mặt triết học và

tâm lý cùng sử ký địa dư được nghiên cứu kỹ lưỡng. Hèn chi các nhà văn hàng đầu của chúng ta như Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên mê các tác phẩm của ông ta, kể ra cũng có lý chớ bộ. Họ phục Kim Dung về nghệ thuật và về tư tưởng (triết học và tâm linh). Nhạc sĩ Vũ Đức Sao Biển viết một cuốn sách phân tích cái nghệ thuật của Kim Dung rất công phu. Nhưng nhà văn Nguyễn Mộng Giác viết về Kim Dung chỉ ở lớp da thôi, chưa đi sâu, tuy nhiên cũng là cuốn sách đáng quý.

Tôi coi bộ phim " *Thiên Long Bát Bộ* " phải mất 3 ngày mới xong (mỗi ngày bỏ ra 6 tiếng đồng hồ). Nữ tài tử vai chánh Lưu Diệc Phi khá đẹp có cặp môi trái tim, nhưng lạy má non họ Lưu nên khép môi lại cho trái tim thành hình. Má non cứ dãn dãn môi trên làm trái tim biến dạng. Theo tôi, nữ tài tử vai phụ Trương Hân đẹp hơn Lưu Diệc Phi.

Nam tài tử Lâm Chí Dĩnh đẹp trai hơn cả Vân Hùng và La Thoại Tân của điện ảnh chúng ta. Kếp Cổ Hồ đóng vai chú tiểu hòa thượng xấu xí, nhưng trời ơi đất ả, Cổ Hồ lại khôi ngô, đóng vai kờ khạo hay không chê, ngon lành như cá trê chiên dầm nước mắm gừng. Hồ Quân trong vai Kiều Phong, oai nghiêm thì có mà thân vóc không to lớn như

thân của trang mãnh hán Kiều Phong. Lê Tất Điều lấy biệt hiệu là Kiều Phong. Kiều Phong họ Lê này đẹp trai hơn Hồ Quân, nhưng gầy gò, mảnh khảnh, giẻu tươi, nói nhiều, viết bài công kích tàn độc chửi bọn tham nhũng, bọn mua thần bán thánh hồi còn ở trong nước trước năm 1975.

Nhắc tới những nữ nghệ sĩ có tên đôi gồm có chữ Kiều đứng đầu như Kiều Chinh, Kiều Phượng Loan, Kiều Oanh, tôi mới nhớ một vận sự đáng tức cười như sau. Chị Năm Xuân Liễu (hôn danh là chị Năm Thọ) của tôi có cô bạn là chị Huỳnh Yên, có hôn danh là chị Hai Xí Xọn cũng là bạn đảng chị của tôi. Tôi đã viết về họ Trong quyển " *Ảnh Trường Kịch Giới* " vì họ là khán giả trung thành của xi-nê VN. Con gái chị Hai có bầu, bác sĩ sản khoa bảo rằng cháu sẽ sanh song thai một trai một gái. Chị Hai Xí Xọn muốn cho đứa cháu ngoại trai có cái tên mà chữ đầu là Kiều (phải ngang tàng quân tử như tên Kiều Phong). Chị Năm Thọ đề nghị những tên Kiều Uy, Kiều Hùng, Kiều Dũng, Kiều Minh. Chị Hai Xí Xọn không chịu. Chị còn bảo cái tên Kiều Hùng, rùi có kẻ bần mồm ác miệng thêm chữ K trước chữ Hùng thành ra Kiều Khùng thì sao đây ? Chị Năm Thọ tức mình:

-- Thôi đi má non! Kiều nào má non cũng chê tuốt luốt.

Chị Hai Xí Xọn cười ngất thiếu điều hụt hơi rồi bảo :

-- Thôi thì bà chọn tên cho cháu ngoại gái tui đi.

Chị Năm Thọ chọn một lô tên có chữ Kiều đứng đầu. Nào là Kiều Lan, Kiều Hạnh, Kiều Mai, Kiều Mộng Thu... Chị Hai Xí Xọn cũng chê tuốt luốt vì những Kiều do chị Năm đề nghị quá phổ thông không độc đáo, không sánh bằng tên Kiều Chinh, Kiều Hạnh... Và lại Kiều Chinh là nghệ danh của một ảnh hậu VN, Kiều Hạnh là một nữ kịch sĩ tài nghệ đứng hàng đầu bên cạnh Kim Cương, Xuân Dung. Còn Kiều Mộng Thu là nhà thơ và cũng là dân biểu trong quốc hội dưới thời Tổng thống Thiệu. Chúng ta không nên chọn những cái tên đụng độ với cái nghệ danh của họ .

Chị Năm Thọ bực mình :

-- Mụ hay chê bai những gì tui đề nghị. Thôi thì đặt tên cho cháu ngoại gái của bà là Kiều Tàu, nói lái lại là Câu Tiêu.

Chị Ngọc Dung có lẽ không biết hai nữ kịch sĩ Giáng Kiều và Giáng Hương. Trước năm 1945, Giáng Kiều nổi tiếng tài hoa sau khi đóng những vở kịch của Vi Huyền Đắc, của Đoàn Phú Tứ. Giáng Kiều còn thành công quá sức tưởng tượng khi đóng vai chánh trong vở kịch " *Lôi Vũ* " của ông vua kịch nghệ Trung Quốc là Tào Ngụ; bên cạnh đó Kiều Hạnh xuất sắc không kém trong vai phụ. Còn Giáng Hương đóng kịch chút chút, ngâm thơ khá truyền cảm hồi mờ ma đài phát thanh Pháp Á. Khi nghe Giáng Hương tỉ tê ngâm thơ trên làn sóng điện của đài Pháp Á, chị Năm Thọ của tôi ré lên :

-- Thành hoàng Thổ địa ơi, cái mụ Giáng Hương này ngâm thơ bằng cách rên

ri nên biến đài phát thanh Pháp Á thành đài phát thanh Pháp Ôn đó bà con ơi !

Giáng Hương có đóng vai phụ trong phim " *Đất Lành* " bên cạnh Lê Quỳnh và Khánh Ngọc, lại còn đóng thêm vai phụ trong phim " *Nước Mắt Đêm Xuân* " bên cạnh Nguyễn Long. Giáng Kiều tên thật là Kiều Đình, Giáng Hương tên thật là Kiều Hinh. Họ có 4 chị em đẹp nổi tiếng ở Hà Nội là Kiều Đình, Kiều Vinh, Kiều Hinh và Kiều Hương. Cả 4 chị em được giới thanh niên nam nữ tân thời ở Hà Nội gọi là " *Tứ Kiều ở phố Hàng Bông* ". Kiều Vinh và Kiều Hương chỉ đẹp thôi chứ không tham gia một bộ môn nghệ thuật nào. Lại nữa Kiều Hương vốn cùng cha khác mẹ với ba nàng Kiều kia.

Đồng thời với Tứ Kiều ở Hà Nội, có Tam Mỹ ở Hải Phòng. Đó là 3 cô Trâm, Loan, Nga. Chị em họ đều đẹp và duyên dáng. Cô đầu lấy biệt hiệu Mai Trâm, khi di cư vào Miền Nam đóng phim " *Chúng Tôi Muốn Sống* " rất thành công. Cô giữa lấy biệt hiệu Kim Loan, không muốn làm nghệ sĩ, chỉ bằng lòng lấy chồng xứng lứa vừa đôi. Còn cô út lấy nghệ danh Ngọc Nga, được nhạc sĩ Tu Mi (tác giả bản nhạc " *Tan Tác* ") dạy học ca hát, lấy tên Ngọc Nga, kỹ thuật luyện ca hát không thua Mộc Lan, Kim Tước, Châu Hà... Ngọc Nga từng hát cho ban Ngọc Bích, chung với Ánh Tuyết, Thái Hằng. Lại có thêm một vận sự. Thời buổi đó, thiếu nữ con nhà giàu kén chồng thì mong tìm chàng trai học giỏi có bằng cấp chứng minh, *phi cao*

đẳng bắt thành phu phụ mà lại. Ngọc Nga yêu một chàng công tử đẹp trai lấy biệt hiệu là Phương Thế Ngọc. Chàng khoe mình đậu cử nhân nên Ngọc Nga bằng lòng nhận lời cầu hôn của chàng. Chưa làm lễ thành hôn, Ngọc Nga và chàng thành thân nhau để thòi ra thẳng kim đồng bé tí. Dè đâu có người phát giác với Ngọc Nga rằng chàng ta chưa đậu bằng Tiểu học. Rõ ràng là : " *Người đầu mặt dạn dày dài* " / " *Cử nhân không có, tú tài cũng không* "). Thất vọng, Ngọc Nga leo lên cây cao buông mình xuống đất để tự tử. Nhưng chị ấy không chết, chỉ lợi chân trái, phải nằm bệnh viện Hà Nội bốn tháng. Chị Thái Hằng có vào thăm bảo: " *Nga ơi, đừng tìm cái chết nữa nhé. Nga phải sống để hát chung với Thái Hằng chứ* ". Khi cuốn sách " *Theo Chân Những Tiếng Hát* " của tôi trình làng sau đó nửa năm, Ngọc Nga ở Gia-nã-đại tìm số téléphone của tôi, làm quen với tôi. Chị kể hết cuộc đời của chị cho tôi nghe và ngậm ngùi nói : " *Ánh Tuyết không may trong cuộc hôn nhân, đã trải qua bao phen kết hôn và ly dị. Người chồng thứ hai là Mỹ trắng, người chồng chót là Mẽ-tây- cơ cũng đã ly dị nốt. Thái Hằng có ông chồng mèo mỡ quá nhiều, nhưng vẫn được chồng yêu kính. Hằng vừa đẹp vừa hiền, rất thương mến tôi. Tôi nghiệp quá! Hằng lại bỏ chồng con, bỏ tôi mà đi về cõi vĩnh hằng. Bây giờ tôi biết lấy ai mà tâm sự? Ông chồng chính thức của tôi là sĩ quan cấp bậc trung tá, rất yêu thương tôi, quên cuộc đời lầm lỡ*

trước kia của tôi, lại không chú ý tới cái chân què quặt của tôi. Nhờ đó mà tôi tiếp tục sống, tìm được hạnh phúc, nhưng rồi anh ấy chết trước năm 1975 ".

Sau đó ít lâu, chị Ngọc Nga qua đời, chị bị bại cả tay lẫn chân.

Trước khi ve vãn Ngọc Nga, Phương Thế Ngọc xà quần bên Kiều Hinh (tức là nghệ sĩ Giáng Hương) khi Kiều Hinh chưa rời Hà Nội để vào Sài Gòn trước năm 1950. Chàng Phương Thế Ngọc khoe mình con nhà giàu, học giỏi, đẹp trai. Giàu có và đẹp trai thì ô kê chàng nói không ngoa. Nhưng học giỏi thì chắc phải đợi muôn kiếp về sau chàng phải tu nhơn tích đức mới có. Rồi có những tin đồn tới Kiều Hinh, chị ta điều tra tin đồn thì ông bà ông vãi oi, tin đồn là sự thiệt « một chăm phần

chăm ». Kiều Hinh co giò đá Phương Thế Ngọc một cái cho chàng Phương Thế Ngọc văng ra khỏi cuộc đời mình. Kiều Hinh về sau gặp một chàng bô trai, ca hay hát giỏi. Đó là chàng Từ Ngọc Toàn, khi vào Sài Gòn Từ Ngọc Toàn lấy nghệ danh Anh Ngọc. Chàng là một ông vua hát Tân nhạc, kỹ thuật giỏi chiếm hàng đầu. Anh Ngọc và Giáng Hương có ba bốn mặt con rồi chia tay.

*

Nãy giờ tôi nói toàn chuyện cà chớn chắc chị chán ngán nên ngáp tới ngáp lui vì buồn ngủ. Thôi để dịp khác, tôi sẽ đĩa dộc thêm cho chị ngủ luôn suốt bảy tiếng đồng hồ.

Chúc chị vui khỏe trẻ đẹp.

HỒ TRƯỜNG AN



Ngọc Dung ghé bàn bán sách Tổ Hợp Xuất Bản Cảnh Nam của Nhà văn Trương Anh Thụy, trong chợ Tết giáp Ngọ.

The time is now

*If you ever going to love me,
Love me now while I can know
The sweet and tender feelings
Which from true affection flow.*

*Love me now
While I am living.*

*Do not wait until I'm gone
And then have it chiseled in marble,
Sweet words on ice-cold stone.*

*If you wait until I am sleeping
Never to awaken*

*There will be death between us
And I won't hear you then.*

*So, if you love me, even a little bit,
Let me know while I am living*

So I can treasure it

(Anonymous)

--

Chính lúc này đây

Nếu yêu Mẹ thì con ơi hãy tỏ
Lúc này đây là lúc Mẹ ước ao
Lời ngọt ngào êm dịu con dâng trao
Ấm lòng Mẹ bằng nỗi niềm cảm xúc

Yêu Mẹ đi khi Mẹ còn nhận thức
Cõi đời vui tràn ngập tiếng con thương
Đừng đợi khi bụi trần Mẹ thôi vương
Lời luyến tiếc mới khắc vào bia đá

Cầm thạch quý nhưng Mẹ nào có xá
Bởi không tường lời tha thiết đây với
Thôi thì thôi mặc nước cuốn mây trôi
Tình con cho đành vùi chôn đáy mộ

Nếu con vẫn mãi hoài không thổ lộ
Mẹ ngủ quên trong an giấc nghìn thu
Nói tuổi vàng trong chốn cõi âm u
Nào nghe được tiếng lòng con thổn thức

Nếu thương Mẹ dù chỉ là đôi chút
Cõi dương trần trao mẹ vạn lời yêu
Để hồn Mẹ áp ủ mộng mơ nhiều
Vui sống mãi với tình con trao tặng

Uyên Phương Minh Nguyệt

+++

Mùa Xuân Viễn Xứ

Đón chờ mai nở nắng vàng rơi
Dáng nhỏ cô em tận cuối trời
Phương này xuân đến buồn xa Mẹ
Lòng cố tìm vui với cuộc đời.

Ngày tháng dần trôi bao ước mơ
Ấm thầm ghi lại mấy vần thơ
Phương trời thăm thăm buồn ly cách
Hạnh ngộ ngày mai vẫn đợi chờ.

Mơ giấc tương phùng nào thấy đâu
Gặp nhau chắc hẳn mắt vương sầu
Bao năm viễn xứ buồn xa vắng
Ta kể nhau nghe chuyện bể dâu.

Mùa Xuân gọi cảm chút hồn thơ
Dịu dịu tình xuân vương ý tơ
Tri kỷ người ơi xin hãy đến
Tri âm hoài vọng giữa trời mơ.

ĐỖ THỊ MINH GIANG

Mùa Xuân Nói Yêu Em - Trần Chí Phúc

Rumba

Mùa xuân nói yêu em ý tình bao thiết
 Mùa Xuân thăm môi em má hồng duyên đắm

tha nghìn chim chóc reo vui Bướm vờn quanh khóm
 say tình e ấp trao tay ước nguyện cầu mãi

mai Mùa Xuân nói yêu
 lâu Mùa Xuân mãi em

người cỡi lòng dáng phơi phơi trong ánh nắng ban
 bồng tia ngày mai chan chúa nghe câu hát quê

mai hoa khoe sắc tươi đời
 hương trong như tiếng em cười

Mùa Xuân chim én bay lừng không

gian Mùa Xuân em
bé nô đùa cười vang tin đất nước thanh
bình gió reo mừng lúa mới đón mong tình yêu tới

“Mùa Xuân nói yêu em, ý tình bao thiết tha, nghìn chim chóc hát ca, bướm vờn quanh khóm mai. Mùa Xuân nói yêu người, cõi lòng dang phôi phới, trong ánh nắng ban mai, hoa khoe sắc tươi đời.

Mùa Xuân chim én bay lừng không gian. Mùa Xuân em bé nô đùa cười vang. Tin đất nước thanh bình, gió reo mừng lúa mới, đón mong tình yêu tới.

Mùa Xuân thấm môi em, má hồng duyên đắm say, tình e ấp trao tay, ước nguyện câu mãi lâu. Mùa Xuân mắt em bình, tia ngày mai chan chứa, nghe câu hát quê hương, trong như tiếng em cười.”

Tiếng hát Thái Hiền trong trẻo, tiếng đàn dương cầm thánh thót, tiếng trống rộn ràng, tiếng sáo bay lượn cùng đàn chim trên bầu trời mùa Xuân - nhạc đệm của bài hát do Đặng Xuân Thìn hòa âm và các nhạc sĩ Hoa Kỳ trình diễn tạo nên nét đặc biệt cho ca khúc Mùa Xuân Nói Yêu Em.

Mùa Xuân đang đến, mời các bạn nghe bài này và nếu có ai thích thì xin hát tặng người:

<http://cothommagazine.com/nhac1/TranChiPhuc/MuaXuanNoiYeuEm-TCP-ThaiHien.mp3>

Trần Chí Phúc

Nhạc sĩ **Trần Chí Phúc**, quê ở vùng Tuy Hòa, hiện cư ngụ ở San Jose, California sau một thời gian định cư ở Canada. Anh viết nhạc từ 1979, đã sáng tác trên dưới 60 nhạc phẩm với nhiều thể loại: tình cảm, quê hương, xã hội, tranh đấu ... Ngoài sáng tác nhạc, anh còn viết văn và viết báo với bút hiệu Trần Cung Sơn.

Một số nhạc phẩm của Trần Chí Phúc đã được phổ biến rộng rãi ở hải ngoại như: "*Sài Gòn Em Ở Đó, Chiều San Francisco, Chiều Winnipeg, Thu Tiễn Người, Mùa Thu Đến Rồi Đó Em, Tuy Hòa Quê Anh, Hoa Ngọc Anh Nở Chưa Em, Mời Em Khiêu Vũ, Đêm Giáng Sinh Tha Hương, Này Người Yêu Hỡi, Xin Cám Ơn Tấm Lòng Thế Giới, Cờ Vàng Bay Trên Thành Phố Ta Lưu Vong, Phiêu Bạt, Sài Gòn Một Thoáng 30 năm, Một Thuở Yêu Người, Xác Em Nay Ở Phương Nào, Cô Gái Việt Phố Đèn Đò ...*"

Anh đã cho ra đời 4 CDs: "Sài Gòn Em Ở Đó - 1986", "Chiều San Francisco - 1995", "Sài Gòn Em Vẫn Còn Đây - 1998", "Chào Em Năm 2000"

qua tiếng hát của Ngọc Trọng, Jo Marcel, Khánh Ly, Mai Hương, Thanh Thúy, Ý Lan, Duy Quang, Thái Hiền ... Trần Chí Phúc thường xuyên gửi nhạc cho website Cỏ Thơm và Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Một số sáng tác gần đây của anh là: *Mùa Hè Sắp Qua Rồi Em Oi, Ngư Dân Bám Biển, Hoàng Sa Trường Sa Quần Đảo Quê Ta, Áo Trắng Giữa Phiên Tòà...*

Phan Anh Dũng (Richmond, Virginia - 10 tháng 1, 2014)



Phan Anh Dũng & Trần Chí Phúc ở một tiệm cà phê Starbucks (San Jose, California 2011)

NGÀY XUÂN VÀ LỄ HỘI CẦU NGƯ

+++

Đào Đức Chương

Làng Hưng Lương và Xương Lý [1] chỉ cách nhau một đôi cát, đều ngó ra biển và nằm về phía đông bán đảo Triều Sơn. Hưng Lương xoay mình hứng gió bắc nên thường gọi là Vũng Bắc. Xương Lý lại nghiêng về đông nam hưởng trọn gió nồm nên gọi là Vũng Nồm. Ở vào địa thế ba mặt cát trắng vây phủ, dân chúng hai làng này sống về nghề đánh cá biển; cuộc đời gắn bó với sóng nước, may ít rủi nhiều. Vì thế họ tin rằng, có đấng thần linh cứu giúp họ.



*Đôi cát ngăn cách Vũng Bắc và Vũng Nồm.
Ảnh của Trần Quang Kim, từ Cuongde.org*



*Toàn cảnh làng Xương Lý và Vũng Nồm.
Ảnh do Phan Minh Châu cung cấp.*

Ngày xuân đối với ngư dân là những ngày bận rộn nhất trong năm, vì đang mùa cá. Ăn Tết Nguyên Đán xong, dân chài làm lễ cáo Thủy Thần, trước khi ồ ạt ra quân cho vụ mùa năm mới. Tuy hai làng nằm sát cạnh nhau, nhưng Xương Lý tổ chức lễ vào mồng 10 tháng giêng âm lịch, còn Hưng Lương vào mồng 10 tháng 5 âm lịch, và cũng gọi là Lễ Cầu Ngư. Đây là lễ hội lớn nhất trong năm của hai làng này [2].

Buổi chiều trước ngày hành lễ, ngư dân trong làng tề tựu đông đủ, chỉ trừ phụ nữ đang có kinh nguyệt, không được bén mảng đến. Họ túc trực tại đình thờ, chờ nghinh đón Thủy Thần Nam Hải [3]. Đám rước rất long trọng, có nhà kiệu cổ lầu đặt

trên sàn thuyền, có đủ mặt ban Nghi lễ áo mào chỉnh tề, và đội hình Bả trạo hóa trang đẹp đẽ. Rồi cờ mở, trống giông, tưng bừng suốt cuộc thủy trình. Và khi đoàn thuyền đón rước về bến, dải vải đỏ được căng trên dây khung, cách đất, dẫn đến nơi hành lễ, làm lối đi cho Thủy Thần. Nếu không đủ vải trải dài suốt lối đi, cũng phải có một đoạn vải đỏ tượng trưng, do ban Nghi lễ cung kính giương cao khỏi đầu, tiến về chánh điện. Tất cả đều sẵn sàng, và đến đầu giờ sủu (1 giờ sáng), bắt đầu hành lễ.



Thuyền ra khơi rước Thủy Thần. Ảnh của Nguyễn Xuân Vinh, từ Cuongde.org

Ban tế lễ gồm vị Chánh tế [4] mặc áo rộng xanh, đội mũ lễ, mang giày hia đứng giữa chiếu tế, trực diện với chánh điện. Bồi tế cũng mặc lễ phục như Chánh tế và đứng sau, cách một bước sải chân (khoảng 1 mét). Ngoài ra, có bốn lễ sinh mang trống chiến [5], từng cặp đối xứng, đứng hầu hai bên án trong, và hai bên tiền đường. Ban nhã nhạc, ngoài nhóm kéo đàn cò và thổi kèn, còn có một người đánh

chiêng đứng bên tả, một người đánh trống chầu đứng bên hữu sân tế. Lễ vật gồm có bò, heo, bánh mứt, hoa quả. Các con vật chịu lễ, bị trói chặt, tắm rửa sạch sẽ, đặt nằm trên sạp trước sân tế.

Đứng đầu ban tổ chức là vị Hương lễ [6], tuyên bố khai mạc và ra lệnh khởi chinh cổ. Ba hồi chín tiếng chiêng giông lên, rồi đến ba hồi chín tiếng trống chầu vang dậy. Trên bàn thờ, hương trầm nghi ngút, tăng thêm vẻ uy nghiêm. Bốn lễ sinh vừa đi, vừa đánh nhịp trống, từ từ tiến vào vị trí định sẵn. Rồi đến lượt Chánh tế và Bồi tế, hai tay chấp lại cung kính, tiến vào chiếu tế trước chánh điện, theo nhịp trống của các lễ sinh.

Các đồ tế gọn gàng, buộc thắt lưng đỏ, cầm dao phay bén nhọn, đứng bên sạp, đợi lệnh. Một lần nữa, ức và cổ con vật chịu lễ, được chùi sạch bằng khăn ướt và lau lại bằng khăn khô. Rồi cắt tiết, máu tươi được hứng vào thau sạch, đem dâng tế Thủy Thần.

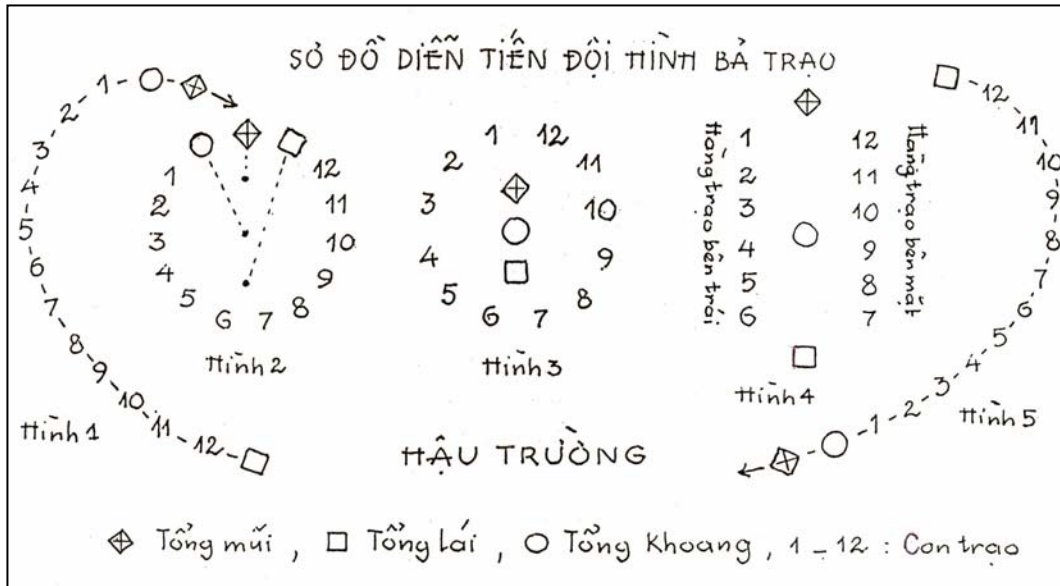
Bốn lễ sinh đồng loạt xướng hưng, bái. Khi xướng “hưng”, hai vị Chánh tế và Bồi tế đứng thẳng người, chấp tay trước ngực. Khi xướng “bái”, cả hai vị quỳ xuống, đầu cuối sát, trán chạm đất. Lạy đúng ba lần, lễ sinh xướng “hưng, bình thân”.

Xong tiết mục lễ bái, vị Hương lễ đọc văn tế, đại ý cầu xin Thủy Thần Nam Hải

(đúng ra, phải gọi là Đông Hải) phò hộ cho trời yên bể lặng, năm mới được mùa cá.

Sau đó, màn hát bả trạo (hát có cầm mái chèo) tượng trưng cho con thuyền ra khơi đánh cá. Đây là loại dân ca nghi lễ, ở vùng ven biển miền Nam Trung Việt, trình bày hoạt cảnh bơi thuyền, qua nghệ thuật diễn tuồng. Diễn viên toàn là đàn ông, vừa hát, vừa múa nhịp nhàng, theo động tác chèo, lái.

- Về trang phục và trang cụ, Tổng mũi cùng Tổng lái mặc lễ phục cổ truyền, khăn đóng, áo dài cặp trong trắng ngoài đen, quần trắng, nhưng cũng có khi trang phục như hát bội để làm nổi bật vai tuồng. Tổng mũi hóa trang rục rỡ, nai nịt oai vệ như một vị tướng, tay cầm cặp sênh, quay về phía bạn chèo, gõ nhịp điều khiển. Tổng lái, hai tay cầm mái chèo dài khoảng 2 mét, múa động tác lái thuyền. Tổng



Đội hình bả trạo xếp theo mặt bằng của chiếc thuyền, đầu đuôi nhọn, phần giữa phình ra, gồm: Tổng tiên (tức Tổng mũi) đứng trước. Tiếp theo có 8 hay 12 hoặc 16 con trạo, còn gọi là bạn chèo (luôn luôn số chẵn) xếp hai hàng dọc. Đứng giữa hai hàng bạn chèo là Tổng thương (tức Tổng khoang). Và sau cùng là Tổng hậu (tức Tổng lái).

khoang và các bạn chèo, ăn mặc gọn gàng, đầu chít khăn, thắt lưng đỏ. Nhưng để phân biệt, Tổng khoang mặc áo ba màu, trang trí thành từng vằn xen kẽ nhau theo hình lát chả, quần xắn quá gối, tay cầm gàu, cúi xuống ngẩng lên, theo nhịp điệu diễn cảnh tát nước trong thuyền ra. Các bạn chèo, đồng phục trắng, chân đi đất, ống quyển quần xà cạp, tay cầm mái chèo

ngắn độ 1,2 mét, sơn đầu trắng đầu đen. Con trạo theo nhịp sênh, đồng loạt cúi về phía trước, rồi ngã mình ra sau, biểu diễn động tác chèo thuyền. Thiết kế theo lối cổ truyền là thế, nhưng với sáng kiến và linh động, đôi khi có vài thay đổi về trang phục và diễn xuất, cho hoạt cảnh thêm phần mới lạ, miễn sao vẫn giữ nét chính của truyền thống.

- Về nghệ thuật, các động tác của diễn viên, tuy diễn lại những việc làm của nghề nghiệp, mang tính dân gian, nhưng đã được cách điệu hóa, phối hợp nhịp nhàng với tiếng nhạc lời ca. Hát bả trạo còn chịu ảnh hưởng của hát tuồng, sử dụng các làn điệu như xướng, nói lối, ngâm, hát nam, hát tấu, hát ban... Mỗi lời nói là một câu thơ, mang đậm nhạc tính. Vì vậy, phần đệm âm của hát bả trạo, ngoài tiếng sênh ngắt nhịp, còn có đàn cò, trống cơm, và kèn để đưa hơi.

- Về diễn xuất, khi dàn nhạc trở lên, đội hình bả trạo xếp hàng một, tiến ra sân diễn. Đi đầu là Tổng mũi, rồi đến Tổng khoang, tiếp theo là các bạn chèo, sau cùng có Tổng lái (sơ đồ hình 1).

Mái chèo được cầm dựng đứng bên tay phải, bàn tay bồng lấy đuôi chèo, mũi hướng thẳng lên trời. Đến chỗ quy định, các diễn viên đi quanh theo chiều kim đồng hồ, xếp thành vòng tròn (sơ đồ hình 2).

Ba ông tổng bước lui vào trong vòng tròn và xếp hàng dọc, đứng trước là Tổng mũi, giữa có Tổng khoang (đứng đúng vị trí tâm điểm của vòng tròn), sau cùng là Tổng lái (sơ đồ hình 3).

Nghe hiệu lệnh hai tiếng sênh, các con trạo ở cung tròn bên tả và cung tròn bên



Diễn hát Bả trạo. Ảnh của Nguyễn Xuân Vinh, từ Cuongde.org

hữu tách vòng, xếp thành hai hàng dọc. Tổng khoang đứng yên vị trí, tức ở giữa hai hàng bạn chèo. Tổng mũi tiến tới đứng trước, cách đều hai hàng dọc bạn chèo. Tổng lái lùi lại, đứng sau bạn chèo, thẳng hàng với hai tổng kia (sơ đồ hình 4).

Tổng mũi gõ hai tiếng sênh, các bạn chèo ở hai bên hàng dọc, từng cặp đối xứng, đầu mũi chèo bắt chéo vào nhau ở trên cao khỏi đầu. Gõ hai tiếng sênh kế tiếp, mái chèo lộn nửa vòng đối xứng từng cặp, để mũi chèo chéo nhau dưới đất. Hai tiếng sênh nữa, các con trạo vung mái chèo

khua một vòng, rồi hai tay đỡ mái chèo nằm ngang trước bụng, trong tư thế đứng nghiêm. Tiếp hai tiếng sênh, Tổng lái tiến lên đứng phía bên trái Tổng mũi, còn Tổng khoang thì đứng phía bên phải, thành hàng ngang trước điện thờ Ông Nam Hải.

Lễ bái bắt đầu. Trong lúc vị chủ lễ long trọng đọc văn tế, Tổng mũi ra hiệu lệnh cho đám bạn chèo nâng mái chèo lễ bốn lạy. Khi dứt bài văn tế, hai tiếng sênh báo hiệu, Tổng lái và Tổng khoang lui về vị trí cũ, đội hình y như hình 4. Rồi hai tiếng sênh tiếp theo, các con trạo bật mái chèo, hai tay cầm cán và hướng mũi chèo ra phía ngoài, đối xứng nhau từng cặp, sẵn sàng trong tư thế chèo thuyền.

Xong phần biểu diễn đội hình, đến lượt hát bả trạo, cũng do Tổng mũi điều khiển. Hai tiếng sênh ra hiệu cho Tổng lái cất giọng trước.

Tổng hậu (Tổng lái) xướng [7]:

Án nội lễ nghi chỉnh túc

Đặng chúc huy hoàng

Truyền cho bả trạo lưỡng ban

Xếp chèo vào bái yết.

Con trạo (đồng thanh):

Dạ!

Tổng hậu:

Xuân thu lộ tiết

Thốn niệm thanh hương

Tửu cúc trà lan

Hạ các đặng cung khiên

Ở bả trạo!

Cái [8] khai thuyền hầu trạo.

Trạo (đồng thanh):

Dạ!

Hạ thiên quan thủy sắc

Hối nhất chiếu huy hoàng.

Khai thuyền hầu linh vị

Đặng bá trạo quý vương!

Đặng bá trạo vương!

(Theo tiếng phách của Tổng tiền, các con trạo diễn động tác chèo thuyền. Khi Tổng mũi quay về phía con trạo gõ sênh, đám bạn chèo cuối rạp mình, hai tay nắm chui chèo với ra đằng trước, giả làm động tác chèo thuyền. Khi Tổng tiền quay về phía mũi thuyền rồi gõ sênh, đám bạn chèo ngã mình ra sau, hai tay co lại, giả như động tác làm đẩy con thuyền lướt trên mặt nước. Các động tác phải đồng bộ và nhịp nhàng).

Tổng hậu (tay lúc nào cũng làm động tác giữ chèo lái) xướng:

Chơi rạng hai vầng nhật nguyệt

Thắm sâu một dải ngân hà

Ngàn năm vang tiếng âu ca

Muôn thuở đền ơn báo bổ

Dâng lễ tế Cầu Ngự lạc lợi

Đội ơn nhuần lệ nhỏ chứa chan.

(Lối ai)

Chứa chan cất mái chèo

Cơ lại đòi cơ

Anh em bả trạo ơi!

(Nam ai)

Phong phát phát, thủy phau phau

Buồm dong biển ái, lèo sang mặt sâu.

Trải qua mấy dặm biển dâu

Ngàn năm tế độ sông sâu khôn lường.

Tổng tiền:

Truyền cho bả trạo lưỡng ban

Đồng thanh ca nhất loạt.

Con trạo (đứng tại chỗ) đồng thanh:

Dạ!

Lan tương lưu phiếm phiếm

Quế chấp trạo khinh khinh

Độc tạ quyền linh ứng

Âu ca khùng khải hành

Âu ca khùng khải hành!

(Diễn động tác chèo thuyền).

Tổng hậu (điệu nam ai):

Khải hành ngàn trùng vời vợi

Nghĩ như Ông [9] ta là

Giữa sóng dồi vùng vẫy lượn xoay

Đến khi phụ mẫu rằng nghe

Thấy tin lên dọi [10] quay lui trở về.

Tổng khoang (vào, nói lối, xưng tên):

Trước kính thờ tôn vị

Sau vâng lệnh toàn ban

Ngô biểu hiệu trung khoang

Như tôi là đạo tôi con giữ trọn một niềm

Ngó xuống thuyền, nước đã đầy khoang

Gàu gáo nọ tay sang

Khi gàu gáo nọ nước kia ta tát.

Tát nước kia cho ráo

Anh em bả trạo ơi!

(Nam ai)

Hễ làm người phải biết công ơn

(Nói lối)

Anh em bả trạo ơi!

Rán mà chèo

(Nam ai)

Chèo cho bỏ mái qua lui

Nhờ ơn buồm thuận gió xuôi hội này.

(Nói lối)

Ở bả trạo ơi! Anh em rán mà đưa thuyền

Cho tới Giang đảo xứ túc hộ trì

(Nam ai)

Dầu cho sóng ngã gió day chi sờn.

Tổng tiền:

Truyền cho bả trạo nghe tổng tiền

Hò cho tử tế chứ chẳng phải chơi nghe.

Con trạo (đồng thanh):

Dạ! (tay chèo)

Tổng tiền (bắt ban hát đồng thanh):

Trời cao đất dày rộng vơi vơi

Ngàn thu ân đức muôn đời oai linh!

.....

Trong khi diễn hát, Tổng mũi có thể tùy sáng kiến mở rộng vai tuồng. Với khả năng nhập vai tài tình, khi thì như một ngư ông trên biển cả, khi thì như một tiên ông uống rượu ngâm thơ, luận sự tích cổ kim, khi thì như một vị thuyền trưởng tài ba, lèo lái con thuyền trong cơn bão táp... Tất cả thủ thuật đều được phô diễn, gây nên không khí sống động. Một điều tối kỵ, Tổng mũi không được làm hề. Trong cương vị người chỉ huy, Tổng mũi phải giữ nghiêm trang cho buổi lễ. Như vậy, vai Tổng mũi phải là một nghệ sĩ thành thạo, biết đủ các làn điệu dân gian từ ca, ngâm, lý, hò, hát bài chòi, phú... đến các làn điệu hát tuồng như nói lối, tán, oán, thán, xưng, hát nam...

Tổng lái cũng là một nghệ sĩ chuyên nghiệp, mới có thể đối đáp, phụ họa và phối hợp nhịp nhàng với Tổng mũi.

Vai Tổng khoang có thể vận dụng tối đa khả năng giễu cợt, bằng dáng điệu, bằng nét mặt, cả giọng nói, tỏ vẻ lảng xãng rộn ràng, chọc cười khán giả càng nhiều càng tốt, như đoạn sau đây:

Tổng hậu (báo):

Dông! Bớ chú Tổng, dông! dông!
Tổng khoang (đang ngủ, giật mình, vẻ
dở dác):

Dông hồi nào?

Tổng hậu:

Dông hồi này chớ hồi nào!

Tổng khoang:

Thôi cấp dã, chơn cấp dã!

Nguy tai, thậm nguy tai!

Xem đầu hôm sao tỏ, trăng thanh,

Sao khuya lại mây giăng mù mịt?

Ấu là ta lánh chốn ba đào hưng vãng.

Tổng hậu:

Ở Trung khoang!

Phó cho Trung khoang gìn giữ nội thuyền

Đặng canh lấy nước non mà tát.

Tổng khoang:

Dạ! Dạ! Ngô thọ giáo, ngô thọ giáo

Nguyện đương nguy, nguyện đương nguy.

Ấu là ta giữ vạt ngô hầu

Nhảy xuống khoang tát nước.

.

Màn diễn bả trạo kéo dài với 329 câu
hát qua 46 lượt đối đáp giữa ba ông Tổng
và các con trạo. Khi sắp văn tuồng, Tổng
hậu gọi các bạn chèo:

Ở bả trạo!

Án tiền hành lễ kỹ

Đồng thanh hát:

Phụ tạ anh linh chi tí

Ngưỡng mong đằm nội siêu thăng

Trạo tử đồng thành tâm

Tạ ân an vị!

Tổng mũi gõ hai tiếng sênh ra hiệu kết
thức buổi diễn. Bạn chèo dừng tay, dựng
mái chèo thẳng đứng bên tay phải. Tổng

khoang vác gàu lên vai, tiến tới đứng sau
Tổng mũi. Hai tiếng sênh kế tiếp, Tổng
mũi và Tổng khoang rẽ về phía bên phải,
rồi hướng về phía hậu trường. Tiếp đến là
bạn chèo, theo số thứ tự từ nhỏ đến lớn,
con trạo hàng dọc bên trái đi trước, rồi tới
hàng dọc bên phải. Sau cùng là Tổng lái,
lần lượt đi khuất vào trong (sơ đồ hình 5).

Xong màn hát bả trạo, buổi lễ vẫn
chưa dứt, vì còn một tiết mục quan trọng là
hát án, tức là hát bội cho thần thánh xem.
Dân làng dựng sẵn nhà tạm, ngay trong
khuôn viên đình thờ, trần thiết hương án,
với đầy đủ nghi trượng và đối diện với sân
khấu. Để tỏ hết lòng cung kính, ban tổ
chức thuê những gánh hát danh tiếng trong
tỉnh như ban Bầu Thơm, Bầu Phàn, Chánh
ca Mi ở phủ Tuy Phước, hay ban Chánh ca
May ở phủ An Nhơn, hoặc lên huyện Bình
Khê thỉnh gánh hát Bát Ín. Tuồng hát
cũng được chọn lọc, hợp với sự cung
nghiêm, như *Hoa Dung Lộ* (Quan Công tha
Tào Tháo), *Cổ Thành* (Quan Công quá
quan)... và phải diễn cho hết tuồng, có khi
đến sáng mới xong. Đào kép được mời hát
án, phải giữ mình sạch sẽ, tinh khiết, lời ca
điệu múa phải nghiêm túc. Khán giả dù
sang hèn, chức cao quyền trọng, cũng phải
tự coi mình là kẻ xem ké của thần linh.
Mọi người đều tỏ ra cung kính, khép nép,
giữ yên lặng và trật tự.

Tiếp sau đêm tế lễ Ông Nam Hải, dân
làng còn tổ chức hát bội ba đêm liền. Sân
khấu được dời ra bãi cát rộng, bên ngoài

đình thờ, cho mọi người xem, tránh sự xâm nhập tà tạp, mang ô uế đến nơi thờ phượng.

Không khí Tết ở đồng quê kéo dài suốt cả tháng giêng âm lịch. Mùa gặt chưa đến, dân chúng rảnh rang dạo chơi xuân, kéo về đây xem Lễ hội Cầu Ngư đông như kiến. Nhất là đêm trình diễn bả trạo, ai cũng muốn xem nghệ thuật ca múa điệu đào của dân chài. Một bộ môn dân ca nghi lễ, vừa đậm màu sắc dân gian, vừa thể hiện trình độ cao của nghệ thuật hát tuồng.



Lăng thờ Ông tại Hưng Lương, Nhơn Lý.
Ảnh từ *Lịch Sử Thành Phố Qui Nhơn*, sau trang 112.

Ngày nay, Lễ hội Cầu Ngư vẫn còn, nhưng thu gọn lại nhiều, màn trình diễn bả trạo được sửa đổi và giản tiện nhiều, còn hát bội thì năm có năm không. Lễ cất tiết các con vật trước sân tế, bỏ hẳn từ lâu, không ai muốn đem vào cuộc vui, cảnh lưu huyết thương tâm.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Thôn Hưng Lương và Xương Lý dưới thời Minh Mạng, sau năm 1832, thuộc tổng Trung An, huyện Phù Cát, phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Trước năm 1945 thuộc tổng Chánh Lộc, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Khoảng đầu năm 1946 (có tài liệu chép cuối năm 1946) cải tổ hành chánh, bỏ cấp tổng, lập xã và duy trì cấp thôn, Hưng Lương và Xương Lý vẫn thuộc huyện Phù Cát. Khoảng đầu năm 1948 (có tài liệu chép tháng 7-1947), cải tổ lần thứ 2, hợp các xã nhỏ thành xã lớn, thôn Hưng Lương và Xương Lý thuộc xã Cát Xương, Phù Cát. Khoảng cuối năm 1949, hai thôn này nhập vào xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước.

Ngày 22- 12- 1960, Nghị định số 1811-BNV/NC8/NĐ của Tổng Thống VNCH, thành lập xã Phước Lý; trên cơ sở trích 3 ấp Hưng Lương, Xương Lý và Hội Lộc của xã Phước Hòa để lập xã mới (Nguyễn Quang Ân; *Việt Nam Những Thay Đổi Địa Danh và Địa Giới các Đơn Vị Hành Chính 1945- 1997*; Hà Nội, nxb Văn Hóa Thông Tin, 1997; trang 138).

Khoảng năm 1975 đổi tên là xã Nhơn Lý, thuộc ngoại thành Qui Nhơn, và chia Hưng Lương Xương Lý thành 4 thôn: Lý Hưng, Lý Lương, Lý Chánh, Lý Hòa. Ngày 24- 3- 1979, Quyết định số 127- CP của Hội Đồng Chính Phủ, tách thôn Hội Lộc của xã Nhơn Lý, lập thành một xã mới, lấy tên là Nhơn Hội, cũng thuộc ngoại thành Qui Nhơn. Như vậy, xã Nhơn Lý chỉ còn 4 thôn mới thành lập do sự giải

thể của hai thôn Hưng Lương và Xương Lý ngày xưa.

[2] Theo ngư dân Nhơn Lý, hằng năm vào tháng giêng âm lịch Vũng Nôm đón cá lên, tức là đàn cá di chuyển từ Nam ra Bắc, họ thường gọi “Mùa lên”. Đến tháng 5 âm lịch, Vũng Bắc đón cá lại, tức là đàn cá di chuyển từ Bắc xuống Nam, gọi là “Mùa lại”. Vì thế, tuy hai làng ở cạnh nhau, nhưng Xương Lý ảnh hưởng của Vũng Nôm, nên tổ chức Lễ Cầu Ngư vào mồng 10 tháng giêng. Hưng Lương thuộc Vũng Bắc, đến mồng 10 tháng 5 mới cử hành Lễ Cầu Ngư (có người cho rằng làng Hưng Lương làm lễ Cầu Ngư vào mồng 6 tháng 3 âm lịch).

[3] Ông Nam Hải: Dân trong vùng gọi cá voi là Ông để tỏ lòng tôn kính. Và họ quen gọi Biển Đông của nước ta là Nam Hải.

[4] Chánh tế còn gọi là Chủ tế, làng cử ra một người phải thập toàn: không khuyết tật, không tang chế, tuổi tác phải hạp với năm tổ chức Lễ Cầu Ngư.

[5] Trống chiến: mặt trống gần bằng trống châu nhưng thân trống ngắn bằng một phần ba.

[6] Hương lễ: chức coi về phép tắc và việc cúng tế trong làng. Trong thời quân chủ, mỗi làng, ngoài Lý trưởng ra còn có ngũ hương: Hương bộ, chuyên lo việc sổ bộ ruộng đất và lập giấy khai sinh, khai tử; Hương bản giữ tài chánh và lúa nghĩa thương của làng; Hương kiểm lo an ninh, trật tự; Hương dịch coi việc xâu bơi, tạp

dịch; Hương mục phụ trách cầu đường trong làng.

[7] Các câu hát bả trạo trong bài này do các cụ Nguyễn Tam Chiến và Nguyễn Thanh Cao ở làng Xuân Thạnh, xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định đọc thuộc lòng. Thanh Phương và Ngô Quang Hiến ghi lại, phổ biến trong *Ca Dao Nam Trung Bộ* (Sài Gòn, nxb Khoa Học Xã Hội, 1994), trang 392- 408.

[8] Cái: thỏ ngữ xưa, nay không còn dùng, có nghĩa là tất cả, thảy đều.

[9] Ngư dân tin rằng khi thuyền gặp nạn, họ được cá voi cứu sống và đưa vào bờ. Để tỏ lòng tôn kính và biết ơn, họ gọi cá voi là Ông Nam Hải (đúng ra nên gọi là Đông Hải), hoặc gọi tắt là Ông.

[10] Dọi là tiếng lóng của dân chài, biểu thị hiện tượng dậy sóng ở biển khơi, mà họ tin rằng nơi đó có Ông (tức cá voi) xuất hiện.

TẠP CHÍ CỔ THƠM
có bán tại
WASHINGTON MUSIC
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

TRONG ĐÊM KHUYA

* Truyện của: **VARLAM SHALAMOV**

* Chuyển ngữ: **TÂM MINH**

Varlam Shalamov sinh vào khoảng năm 1907 và mất ngày 17 tháng 1 năm 1982. Tác giả thường viết những truyện ngắn mô tả về cuộc sống trong các trại tù. Truyện được bí mật lưu truyền ở Liên Bang Xô Viết và sau đó được phổ biến rộng rãi tại phương Tây. Truyện sau đây được chuyển ngữ từ bản dịch tiếng Anh của John Glad với nhan đề "In The Night".

*

Bữa ăn tối vừa xong. Glebov chậm rãi liếm sạch cái chén rồi vét những mẩu bánh vụn trên bàn vào trong lòng bàn tay trái một cách lành nghề. Hắn không nuốt ngay. Hắn ngậm những mẩu bánh nhỏ xíu đó trong miệng lẫn với bao nhiêu nước miếng để rồi cảm nhận bánh một cách thèm thuồng. Glebov cũng chẳng có thể nói là bánh ngon hay không nữa. Vị giác là cái quái gì, đâu đáng được mang ra để mà so sánh với cái khoái cảm của hắn lúc này. Glebov không vội vã nuốt bánh xuống làm chi, để yên đấy, bánh sẽ chậm chậm tan dần trong miệng và lạ lùng biến mất đi mà!

Cặp mắt sâu hoắm của Bagretsov sáng lên và nhìn trừng trừng mãi vào miệng Glebov. Chẳng anh chàng nào có đủ nghị lực quay đầu đi mà không ngó chằm chằm vào miệng bạn mình khi cái

miệng đó đang ăn. Glebov nuốt nước miếng xuống và Bagretsov lúc đó mới chịu lập tức quay nhìn ra phía khác, ra phía chân trời nơi mặt trăng vàng lớn đang lừng lững mọc lên.

"Tối giờ rồi!", Bagretsov nói. Họ chậm rãi đi dọc theo lối mòn dẫn tới một tầng đá lớn và trèo lên khoảng đất trống nhỏ ven đồi. Mặc dù mặt trời vừa mới lặn đây thế mà mấy tầng đá đã lạnh ngắt rồi, chính mấy cái tầng đá này ban ngày nóng bỏng đến cháy cả gót chân trợ trụ của họ đi trong đôi dép cao su. Glebov cài nút áo khoác dày. Đi như vậy mà người cũng chẳng ấm lên được. Hắn hỏi khẽ: "Còn xa nữa không?" "Chút nữa thôi!", Bagretsov thì thào trả lời. Họ ngồi xuống nghỉ. Họ chẳng có chuyện quái gì để nói hay để suy nghĩ cả. Mọi việc đều đã rõ ràng và đơn giản. Trong một chỗ đất phẳng phiu ở

cuối cái bãi trống này là những đồng đá mà người ta đã đào từ dưới đất lên để lẫn với rêu đã tróc ra khô queo.

"Tớ làm chuyện này một mình cũng dư sức mà!", Bagretsov nở một nụ cười nhăn nhúm. "Nhưng hai đứa mình cùng làm thì vui hơn. Hơn nữa tớ lúc nào cũng coi cậu là bồ tèo..." Cả hai anh chàng đồng hội đồng thuyền này cùng được chuyển vào nơi đây mới năm ngoái thôi.

Bagretsov ngừng lại: "Cúi xuống không tụi nó trông thấy chúng mình đấy!". Họ nằm xuống và bắt đầu liệng những cục đá sang một bên. Chẳng có cục đá nào quá to để đến nỗi phải cần hai người xúm lại khiêng vì những kẻ chất đá sáng nay cũng không khỏe gì hơn Glebov.

Bagretsov khẽ chửi thề. Hắn bị đứt tay và chảy máu. Hắn đắp chút cát vào vết thương, xé một miếng giẻ trên áo khoác và buộc vào chỗ bị thương nhưng máu vẫn cứ rỉ ra. "Máu loãng, khó đông!", Glebov nói tỉnh khô. "Này! Bỏ là bác sỹ đấy à?" Bagretsov hỏi, miệng mút vết thương.

Glebov lặng thinh. Cái thời mà hắn còn làm bác sỹ có vẻ như xa xôi lắm rồi, dường như không phải là chuyện có thực nữa? Luôn cả cái thế giới ở phía bên kia núi đồi, bên kia biển cả hầu như cũng không có thực nữa, nó mờ mờ mịt mịt như trong giấc mộng vậy. Chỉ còn những

ngày giờ, những giây phút từ lúc góc đầu dậy bởi tiếng keng báo thức buổi sáng cho tới khi hùng hục "lao động" xong công việc hàng ngày mới là có thực mà thôi. Hắn chẳng muốn nghĩ ngợi gì thêm, chẳng còn hơi sức đâu để nghĩ. Mà cũng chẳng còn ma nào muốn nghĩ ngợi gì thêm nữa.

Hắn không biết được quá khứ của những người xung quanh, mà cũng chẳng muốn biết làm gì! Bởi thế nếu ngày mai đây cái anh chàng Bagretsov này mà có tự tiết lộ rằng y là một ông tiến sỹ hay một ông tướng tàu bay gì đi nữa thì Glebov cũng tin ngay, chẳng cần suy nghĩ gì thêm. Chính Glebov có thực sự từng là thầy thuốc không nhỉ? Chẳng phải hắn chỉ mất tiêu đi cái thói quen suy xét sự việc mà còn mất luôn ngay cả cái thói quen quan sát sự việc nữa. Glebov nhìn Bagretsov mút máu ở đầu ngón tay nhưng không nói gì. Mọi việc thoáng qua, hắn nhận thức thấy nhưng không thể tìm ra và cũng chẳng muốn tìm ra lời giải đáp. Cái ý thức còn sót lại trong hắn - có lẽ không còn là cái ý thức của con người nữa - nó rất phiến diện và giờ đây chỉ nhắm vào một mục tiêu mà thôi, đó là làm sao khuân những tảng đá ra càng nhanh càng tốt.

"Có sâu không?", Glebov hỏi khi họ tạm nghỉ tay. "Sâu thế quái nào được?" Bagretsov trả lời. Và Glebov nhận thấy câu hỏi của mình thật là vớ vẩn, cái hồ này tất nhiên chẳng thể sâu được. "Nó đây rồi!", Bagretsov nói. Y vươn tới và đập vào một ngón chân người. Một ngón chân cái thò ra từ phía dưới những tảng đá, nhìn rõ mồn một dưới ánh trăng. Cái ngón chân khác hẳn các ngón chân của Glebov và Bagretsov, không phải chỉ khác vì nó cứng ngắc và hết sinh khí; về cái khoản này thì ngón chân người chết cũng chẳng khác ngón chân người sống bao nhiêu. Nó khác vì móng chân của cái ngón chân người chết đó đã được cắt gọn ghẽ, và ngay chính cái ngón chân đó thì đầy đặn và mềm mại hơn ngón chân Glebov. Họ vội vã vứt những tảng đá còn chất đống ở trên xác chết qua một bên.

"Tên này còn trẻ mà!", Bagretsov nói. Cả hai kéo lê cái xác chết ra khỏi huyệt. "Tên này to con và phốp pháp quá!", Glebov vừa nói vừa thờ hớn hển. "Nếu tên này không mập ú như vậy thì tội nó đã chôn hẳn theo cái kiểu tội nó thường chôn anh em mình rồi và chúng mình đâu còn lý do gì mà tới đây hôm nay nữa", Bagretsov nói.

Họ kéo cho cái xác chết nằm dài dưới đất rồi lột chiếc áo ra. "Bỏ thấy không, cái quần đùi này gần như mới tinh đấy!", Bagretsov nói một cách mãn nguyện. Glebov dấu cái quần lót vào trong áo khoác. "Tớ nghĩ bỏ mặc nó vào thì hơn!", Bagretsov nói. "Không! Tớ không thích mặc đâu!", Glebov làm bằm.

Họ khiêng cái xác chết đặt lại vào trong mộ huyệt và khuôn đá chát kín lên trên. Mặt trăng đang mọc. Ánh trăng xanh tỏa sáng phủ lên những tảng đá và lên cả khu rừng thưa khiến đá và cây cối có một vẻ đặc biệt nhìn không giống lúc ban ngày. Mọi vật đều tỏ ra hiện hữu, có thật, nhưng khác hẳn lúc ban ngày. Dường như vũ trụ đeo vào một bộ mặt thứ hai, một bộ mặt về đêm. Glebov cảm thấy cái quần lót của người chết nhét trong áo khoác của hắn giờ đây ấm áp, không còn lạ lẫm nữa.

"Tớ thèm rít tí khói quá!", Glebov mơ màng nói. "Ngày mai sẽ hút!". Bagretsov mỉm cười. Ngày mai họ sẽ bán cái quần lót đi, đổi lấy bánh, và có lẽ ngay cả kiếm được chút thuốc lá nữa không chừng... ./

Thơ Lê Phương Nguyên

Chúc Mừng Thượng Thọ 82 tuổi Nhà Thơ Họa Vũ Hối

老來才不盡
筆畫施人間
國情終身累
謫地看月光

Phiên âm:

Lão lai tài bất tận

Bút họa thi nhân gian

Quốc tình chung thân lụy

Trích địa khán nguyệt quang

Tam dịch:

Tuổi già tài vẫn chưa vơi,

Khung tranh nét bút cho đời điểm trang.

Tình quê trọn kiếp cưu mang,

Đất người một ánh trăng vàng rạng soi.

(nguyễn vô cùng)

Xuân Giáp Ngọ - 2014

Hoa Đào Vẫn Nở

Nhất-Phương

Có được người bạn chí thân như Tử Thúy, Yên Trâm lấy làm vui mừng và hãnh diện lắm. Tử Thúy, tên con chim két màu xanh diệp lục, món quà ân tình quý giá của Tử Liêu thân ái gửi tặng nàng, trước ngày lên đường trở về cố quốc...

Đó là giờ X, ngày Y năm 1981. Buổi sáng đầu tuần đầy sương mù. Nơi phòng làm việc của Yên Trâm bỗng thơm lừng mùi cà phê Taster Choice đậm đà quyến rũ. Người cộng sự viên mới của nàng đã đến tự bao giờ? Một mái tóc đen, một khuôn mặt trẻ, một nét da vàng, một dáng dấp rất Việt Nam thật gần gũi, thật thân thương ở nơi chốn tạm dung này. Hơn hai tháng trường nhậm chức, ông giám đốc của Yên Trâm mới tăng cường thêm nhân lực, cho Yên Trâm có cơ hội gặp được người cùng quê hương xứ sở? Quá mừng rỡ, quên cả sự cẩn trọng thường nhật, Yên Trâm đơn đả cất lời, rộn ràng như gặp lại người tri kỷ:

- Chào anh, anh mạnh giỏi ?

Người thanh niên trẻ vội vàng đứng lên, mỉm cười. Một thoáng suy tư, chàng trả lời Yên Trâm bằng tiếng Anh:

- Chào cô, tiếng nói cô giống như chim hót, dù tôi không hiểu gì, tôi vẫn có một ấn tượng rất tốt đẹp về quốc gia cô. Chẳng hay cô từ đâu đến ?

Bấy giờ đến lượt Yên Trâm nhìn chàng. Sự kết hợp của toàn khuôn mặt không có vẻ gì ngoại quốc, tại sao chàng không thể thấu hiểu nỗi lòng hân hoan phơi phới của mình?

Dường như bị chinh phục bởi ánh mắt bán khoản đầy ý nghĩa trách hờn, hụt hẫng của Yên Trâm, chàng nhả nhận tiếp lời:

- Thưa cô, tôi đến từ Nhật Bản, tên gọi Tử Liêu.

- À, a...Anh Liêu, hân hạnh, hân hạnh. Tôi là người Việt Nam...

Thế là cảm thông, thế là trở thành tri kỷ. Người con trai của Thái Dương Thần Nữ du học sang Hoa Kỳ, rất xuất sắc trong lãnh vực điện tử, biết khổng chế...từ trường của nam châm, rất yêu nghề, hăng say làm việc. Yên Trâm thích Tử Liêu ở sự chân thành, thẳng thắn và cởi mở. Chưa bao giờ Tử Liêu có những cử chỉ kiêu kỳ hay cau có với nàng. Trái

lại, tánh tình hòa nhã, hiền dịu của Yên Trâm cũng thu hút Tử Liêu không kém, bởi hơn một lần Tử Liêu bất ngờ thốt ra, không tự chủ:

- Yên Trâm, cô thật là tuyệt vời. Ước gì tôi có người em gái như cô, để được cô săn sóc, “thủ-thỉ” khi phải xa gia đình, chắc không còn diễm phúc nào hơn.

- Anh nghĩ như vậy à ? Tôi đâu dám nhận. Thân tôi còn lo chưa xong nữa là...

Rồi thôi. Không ai nhắc đến em gái anh trai gì nữa, ngày qua ngày, xa lần cơn mơ. Quen Tử Liêu là tháng Mười, bây giờ là tháng Chín, một năm gần trôi qua. Tình cảm tự nó là căn bệnh ngặt nghèo, hay lây và lan tràn nhanh chóng. Một hôm Tử Liêu vừa vào sở, chàng chưa kịp chào Yên Trâm thì điện thoại reo vang. Bên kia đầu giây là giọng nói của ai đó, có đủ năng lực làm thay đổi nét mặt Tử Liêu. Lần đầu tiên suốt một năm dài, Yên Trâm cảm thấy những làn rung địa chấn dường như đang lan tràn mãnh liệt, làm đau nhói trái tim nàng.

Yên Trâm định bước ra khỏi phòng thì Tử Liêu vội lạnh lùng ngăn lại:

- Điện thoại của cô, tự nhiên nhé.

Chàng bước đi lặng lẽ, bề bàng hơn khi chàng đến. Nhìn dáng dấp Tử Liêu lúc đó, Yên Trâm mới thật sự ngỡ ngàng, mới biết rõ niềm xúc cảm của anh không chỉ đơn thuần là tình bạn.

Thời khắc trôi qua thật chậm đến không thể nào chậm hơn, Tử Liêu trở lại bàn làm việc với thái độ “Ninja”, thản nhiên chịu đựng. Yên Trâm ái ngại nhìn chàng:

- Anh giận tôi à, tại sao vậy?

- Tôi không nghĩ rằng cô không hiểu. Đôi khi sự im lặng đáng giá hơn ngàn vạn lời bày tỏ, có phải không?

Yên Trâm cảm thấy niềm hạnh phúc dâng lên thật tràn đầy, thật gần và thật sự đến nỗi nàng tưởng như những lời trách hờn êm ái vừa nghe trong một vở kịch câm, được diễn xuất bởi những đợt sóng ngầm cuộn cuộn.

Lần thứ nhất sau mười một tháng dài lẩn tránh bên nhau, Yên Trâm đặt tay mình lên đôi tay nắm chặt của người bạn chí thân không cùng ngôn ngữ:

- Tử Liêu à, nếu anh cảm thấy bất an chỉ vì cuộc điện đàm ban sáng, thì Yên Trâm xin nói ngay để anh được yên lòng. Bé Yên Trinh không phải là con của Trâm đâu. Cháu là con của chị Chiêu Anh, người chị họ đã ngủ yên dưới lòng biển cả. Trong cuộc nội chiến tương tàn khốc liệt trên xứ sở Yên Trâm, trong cuộc vượt thoát tìm Tự Do, bất cứ nơi nào cũng có thể xảy ra thảm cảnh. Và ngay chính cuộc đời của Yên Trâm này, thảm cảnh dường như cũng đang ngùn ngụt bắt đầu.

Không biết trải qua bao nhiêu thời khắc, sự yên lặng bất thường của Tử Liêu đã giúp Yên Trâm đếm được từng nhịp tim đứt quãng của chàng. Cuối cùng, cái

cần thiết cho sự tỏ bày đã vỡ ra, phá tan miền ngăn cách vô hình biên cương hai nước, Tử Liễu cầu hôn với nàng.

Trong tất cả mọi niềm bất hạnh, khi định mệnh đã an bài cho mỗi kiếp người, không thể nào thoát khỏi. Yên Trâm, cô gái Việt Nam lạc loài trên xứ người với dáng dài, tóc dài, những ngón tay dài, nên lý tưởng đời nàng không thể nào ngăn được. Từ sau buổi chiều biết vì nhau để phơi bày tâm sự, Yên Trâm bỗng trở thành chiếc lá lạ lùng trôi theo dòng đời êm ả của Tử Liễu. Nàng yêu Người không giống như Tử Liễu yêu nàng. Trái tim nàng như lớn hơn lồng ngực, chứa đựng mọi buồn vui, phiền muộn của đồng loại chung quanh. Yên Trâm, người con gái da vàng mang nhiều mộng tưởng, mang trọng trách dưỡng nuôi con gái của chị mình. Tình yêu của nàng không thể quá ích kỷ, hiến dâng riêng chỉ một người. Nàng chia sẻ với bạn bè từng nỗi cô đơn, từng giây thống khổ. Ngược lại, cho dù Tử Liễu có cho nàng toàn vẹn mỗi tình thủy chung, giữa hai người đã không chung dòng tư tưởng. Quốc gia giàu sang của Tử Liễu không thể dạy dỗ cho chàng thấu hiểu nỗi đọa đày tang tóc của đồng bào Yên Trâm. Nhiều lúc chàng rất khó chịu khi thấy Yên Trâm tỏ ra quá nhiệt tình với các Hội Đoàn Ái Hữu, các buổi sinh hoạt quan trọng của Cộng Đồng hơn những cuộc giải trí riêng tư chỉ có hai người,

càng không thể hiểu được tại sao nàng lại chối từ xuất ngoại đi du lịch với chàng chỉ vì bé Yên Trinh một mình ở lại. Yên Trâm thương yêu chàng, và nàng cũng thương yêu hoàn cảnh của nàng. Tử Liễu rất độ lượng với nàng, nhưng không hề độ lượng với Yên Trinh, đưa bé mồ côi vì quốc nạn. Chàng ghen tương, hờn dỗi. Chàng không thể nào lay chuyển được Yên Trâm, người thiếu nữ xinh đẹp, kiên cường đã đi vào cuộc đời chàng bằng những bước chân vững chắc. Vì tình yêu, Tử Liễu đã trở thành cơn mộng dữ của Yên Trâm. Một năm qua rồi không trở lại, muốn tìm quên chắc hẳn phải ngàn sau:

-Yên Trâm, em hãy suy nghĩ đi. Mùa Thu này mình về Nhật thành hôn. Ba má anh chưa hề phản đối cuộc hôn nhân tốt đẹp của chúng mình. Được nàng dâu như em, chắc hẳn người vui mừng lắm. Sau đó, hai đứa mình sẽ nán lại đến mùa Đông để ngắm miền tuyết trắng Phú Sĩ Sơn như em hằng ao ước. Rồi Xuân sang, hoa Đào thi đua nở. Anh nguyện một đời thương yêu em, trăm năm gắn bó như núi Tuyết với Anh Đào của Tiên Đảo Phù Tang. Yên Trâm, em hứa với anh đi. Em đừng yên lặng như đang sống trong cõi xa xôi nào. Em từng làm anh thất vọng đến chết được mà. Đừng như vậy nữa có được không em?

Trong một thoáng mơ hồ vọng về từ trái tim chứa đựng tình yêu đầu đời, Yên

Trâm rất muốn chấp thuận lời tỏ tình của Tử Liêu. Nhưng kia, chiếc thuyền con trong cơn bão dữ, tiếng chị Chiêu Anh chìm nổi theo sóng đùa...*“Yên Trâm, đừng bao giờ em nhé, đừng để cháu phải khổ vì niềm đau mất mẹ. Hứa với chị đi em, em sẽ là chị, là mẹ ruột... mẹ ruột...”*

Phải rồi anh Tử Liêu, Yên Trâm đã hứa. Trong tiếng thét gào của cuồng phong, lời hứa em thiêng liêng như một lời thề, làm sao em chối bỏ? Cha mẹ anh thương yêu anh vô bờ bến, người không thể chấp nhận một nàng dâu đã có con rồi. Mà em thì không muốn giải bày. Nói ra với anh một lần, đã quá đủ để riêng mình xót xa. Phải nói thêm một lần nữa với cha mẹ anh, chắc Yên Trâm đau khổ muôn vàn. Và cháu Yên Trinh sẽ nghĩ gì về người thân duy nhất của mình? Người ngoại quốc các anh, phần đông rất tha thiết trong tình yêu nhưng thiếu tế nhị trong tình thương. Còn em thì khác. Quốc gia em thống khổ, lưu đày. Dân tộc em điêu linh, chìm nổi. Chúng em phải nương tựa vào nhau mà sống, mà tạo lại niềm tin cho mọi người. Em và Yên Trinh phải liên hệ với nhau vĩnh viễn, không thể tách rời. Em càng không thể lấy chồng bỏ mặc con em. Cho đến khi nào gặp được người rộng lượng, tự nguyện xem cháu như con ruột của mình. Tử Liêu, anh đã hiểu chưa? Mối tình thanh khiết gần một năm dài anh trao cho em, gần giống như chuyện hoang đường, thần thoại, sao

chẳng chút nhân từ dành cho bé Yên Trinh? Giữa ta thiếu nửa vạc mây Chuyên-Chở-Tử Trường-TÌNH-YÊU. Chúng ta chỉ nên làm bạn với nhau thôi, cho đến khi nào...



Trời đất vẫn xoay dần trong vũ trụ, ngày đến đêm đi, mới đó không gian đã len lén vào Xuân, chắc hoa Anh-Đào đang nở rộ trên quê hương xinh đẹp của chàng. Yên Trâm lặng ngắm bầu trời. Nắng nhạt vương ngoài khung cửa.

- Chào Yên Trâm, cô mạnh giỏi?

- A, anh Tử Liêu, có phải anh đó không?

Ồ, mà không phải đâu, Tử Liêu đã lên đường về Nhật, chính ta đưa chàng đi, lẳng chìm dưới màn mưa nước mắt đây mà...

Có còn lại chẳng chỉ là Tử Thúy mà thôi.

NHẤT PHƯƠNG

BÀI THƠ HOA TÍM và MÀU HOA TÍM GIẤY

Nhân dịp Xuân về, các bạn hữu, thân hữu văn nghệ sĩ, thường chúc Xuân cho nhau bằng những trang thơ trân trọng, thanh nhã. Bài thơ còn được trang trí thêm nhiều tranh ảnh tuyệt đẹp. Hôm ấy, nhận được 101 đoạn thơ "Em Từ Lục Bát Bước Ra" của nhà thơ Phan Khâm. Ngần ngợ vì những câu lục bát tuyệt vời, sau vài lời chúc Xuân, Mây Thu liền gửi tặng nhà thơ Phan Khâm ảnh hoa giấy tím, chụp trong vườn hoa cảnh ở Montpellier, bổ túc thêm, với ước mong được thưởng thức nhiều bài thơ lục bát nữa. Không ngờ, bức ảnh hoa giấy tím đã nảy sinh cảm đề "Bài Thơ Hoa Tím" của nhà thơ Phan Khâm, và "Màu Hoa Tím Giấy" của Mây Thu. Một giai thoại thật thú vị về hai bài thơ trong những ngày xuân.

NGUYỄN MÂY THU



Bút hiệu: Nguyễn Mây Thu, Sinh năm 1951 tại Tân Định (Sài Gòn)
Cựu học sinh trường nữ trung học Lê Văn Duyệt (Gia Định), niên khóa 1963-1970.
Làm thơ từ năm 17 tuổi. Thơ, Văn đăng trên các báo:
- Trước 1975: Công Luận, Tuổi Ngọc (Chủ Nhiệm Duyên Anh)
- Sau 1975: Tuổi Ngọc, Lúa Mới (Chủ Nhiệm Hồ Văn Xuân Nhi)
- 1987-1997 : Mười năm ngưng viết.
Góp mặt trong Thi Văn Viễn Xứ II, 2007 (Hoàng Xuyên Anh)
Cộng tác với các tạp chí: Hải Ngoại Nhân Văn, Diễn Đàn Việt Nam-VN Forum,
Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.

BÀI THƠ HOA TÍM

(Cảm đề khi nhìn hình ảnh hoa giấy tím. Thân tặng Chị Mây Thu)

Em từ lục bát bước ra
Anh ơi màu tím hoa cà phải không?
Màu hoa tím giấy anh trồng...
Trong vườn hoa cảnh ở Mont-pel-lier

Em từ lục bát bước ra
Mời em đi ngắm vườn hoa nở rồi
Màu hoa anh vẫn nhớ đời
Màu bông giấy tím một trời
vương mang

Anh nhìn lục bát nở hoa
Em vừa trở gót bước ra hẹn hò
Dù cho xa bến lìa bờ
Đổi đời dâu bể không ngờ có nhau

Em từ lục bát nở hoa
Lá xanh bông tím xuân qua hè về
Một vườn hoa lá sum sê
Hỏi em anh đã si mê kiếp nào

Em từ lục bát bước ra
Gần hoa khác với "xa hoa" vô cùng
Gần hoa thắm thiết tương phùng
Xa hoa ngơ ngác ngại ngừng xiết bao

Phan Khâm
Maryland (29-01-2014)

MÀU HOA TÍM GIẤY

(Kính tặng anh Phan Khâm)

Em từ lục bát bước ra,
Đem hoa tím giấy mà pha mực hồng.
Mực hồng, giấy tím, phải không?
Anh đem viết với ý nồng, tình mơ.

Lục bát tình - Lục bát thơ,
Em ơi, ngày mới bây giờ đầu xuân.
Anh về tấc dạ băng khuâng,
Trăm câu ngàn chữ, nối vãn tơ vương.

Mực hồng, giấy tím luyến thương,
Điệu luân vũ, khúc nghệ thường,
mơ hoa.
Em từ lục bát bước ra,
Đem hoa tím giấy mà pha rượu nồng.

Rượu nồng, giấy tím, phải không?
Quỳnh, Lan, Đào, Huệ, Mai, Hồng,
Hoàng Anh,
Lá xanh, bông giấy, lá xanh,
Nhụy vàng, hoa tím, xinh xinh lạ thường.

Tấm lòng tri kỷ muôn phương,
Nào ai hay biết hoa thường gần, xa.
Em từ lục bát bước ra,
Màu hoa tím giấy, màu hoa tím cà.

Nguyễn Mây Thu
Paris (31-01-2014)

LY RƯỢU ĐẦU XUÂN

DUY AN ĐÔNG

Sài Gòn trước 1975 được báo chí nước ngoài tặng danh hiệu “Hòn Ngọc Viễn Đông”. Đây là kinh đô chính trị, kinh tế và văn hoá không chỉ của VNCH mà là của cả vùng Đông Nam Châu Á. Những trai tài gái sắc đa số được tập trung nơi Thành Đô phồn hoa đa dạng này. Trà Mi là một trong những đóa hoa đẹp ở Đô Thành Sài Gòn, là nữ sinh viên Đại Học Sư Phạm, được các chàng sinh viên điển trai ái mộ, mời nàng về quê chàng vui Tết, nhưng Trà Mi từ chối khéo, với lý do cha mẹ nàng gọi về có số công việc cần bàn.

Trà Mi là cô con gái đầu lòng của ông bà Tú Ngân, nàng về quê ăn Tết, chúc thọ ông bà thân sinh, các cô chú, cậu dì ... Rút những bao lì xì màu đỏ thắm trao cho những đứa em, nàng tâm tình căn dặn các em chăm lo học hành để tương lai được rạng rỡ. Trà Mi khi nào cũng gương mẫu trong mọi việc nên những đứa em nàng luôn kính nể và noi theo chị. Theo truyền thống, Ông bà Tú Ngân thường khuyên con gái gắng học hành: - Ông bà ta ngày xưa thường nói và làm “dù cho bán ruộng bán trâu cũng ráng nuôi đứa con đầu dẫn dắt đàn

em”. Cha mẹ chẳng có trâu bò, ruộng nương để bán, nhưng có bao nhiêu đồng lương thu nhập hàng tháng tập trung hết cho con, con phải học thành công và thành công thì con mới có khả năng dẫn dắt đàn em được.

“Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh” và không phụ lòng Vua Thành Thái đã tặng cho dân xứ Quảng tám biển có khắc 4 chữ: ”Ngũ Phụng Tề Phi” vào năm 1896 khi 5 thí sinh Quảng Nam đỗ đại khoa một lúc. Trà Mi thấu rõ lời khuyên của cha, xem đó là kim chỉ nam, nàng đã tự lo cho mình và tỏ ra người con có hiếu thảo, viết thư về cha mẹ, biết nhắc nhở đàn em khi nàng đi học xa nhà.

Quang Minh người cùng quê đang học ở Sài Gòn, thỉnh thoảng giúp cho Trà Mi làm tròn bổn phận như lời khuyên của cha mẹ nàng: “Hãy gắng học trước đã, mọi chuyện tình cảm xếp một bên, chờ khi ra trường đã”. Quang Minh biết lối suy nghĩ của cha mẹ Trà Mi cũng giống quan niệm sống của cha mẹ chàng, nên hai người tâm đắc, chỉ trao đổi quanh chuyện học hành. Lâu ngày tình cảm thấm dần, “tình trong như đã, mặt ngoài còn e”. Họ ngầm yêu nhau, nhưng phần ai nấy giữ, không nói nên lời.

Khi Quang Minh ra trường, trước ngày chàng về quê để nhận việc giảng dạy, chàng mời Trà Mi đi dùng cơm chiều, trong bữa cơm này họ trao đổi nhiều tình cảm rất dễ thương. Quang Minh nhìn vào đôi mắt Trà Mi, quả là đôi cửa sổ tâm hồn đang tỏa ra một cái gì diễm tuyệt... qua làn nước mắt từ trái tim rộn ràng xao xuyên. Nàng cảm thấy trống vắng khi xa chàng trong những ngày tháng sắp tới nên đôi mắt buồn rướm lệ, làm cho Quang Minh thêm xúc động và nói lên những lời ân cần ưu ái hơn:

- Anh tạm xa em trong hai năm cuối, khuyên em tập trung cho việc học, thực hiện đúng lời khuyên của cha mẹ Trà Mi. Khi em ra trường, nếu có phép anh sẽ vào dự lễ và trao đổi với em một số chuyện liên quan đến tương lai của chúng mình!

Trà Mi hiểu ý Quang Minh, nàng sung sướng được Quang Minh cho biết tình cảm và dự tính của chàng; nhưng cô cũng làm như mình tối dạ hỏi lại Quang Minh:

- Chuyện tương lai liên quan đến chúng mình là chuyện gì mà nghe có vẻ quan trọng vậy anh? Anh nói cho em biết được không?

Quang Minh nhìn nàng đầy thương yêu, mỉm cười nói:

- Em lo tập trung học, mọi việc khi em tốt nghiệp anh mới nói chuyện được.

Anh không muốn em phân tâm trong việc học. Cuối cùng họ trao cho nhau những vắn thơ ngắn trong quyển sổ tay mỗi người. Quang Minh viết:

*Anh về quê, đợi chờ em tốt nghiệp
Đi đón em trao đổi chuyện tương lai*

Trà Mi viết lại cho chàng cũng hai câu để Quang Minh hiểu tâm sự mình:

*Em xin khép cửa phòng khuê
Lãnh bằng tốt nghiệp trở về gặp anh.*

Hàng tháng họ biên thư cho nhau và luôn nhắc những vắn thơ mà họ đã ghi trong quyển sổ tay này khi hai người tạm xa nhau và hẹn hò chờ đợi.

Cha mẹ Quang Minh là nhà giáo, làng trên xã dưới người ta quen gọi ông bà thầy Hùng, ông bà Hùng cũng muốn con mình nối nghiệp cha, họ cũng tâm đắc với gia đình ông Tú Ngân nữa. Hai gia đình qua lại thân thiện. Do đó, Quang Minh và Trà Mi cũng thường qua lại như người nhà, họ hiểu qua cái nhìn, cái liếc nhưng họ giữ kín.

Trà Mi sẽ về nhà trước Tết, Quang Minh biết, nhưng trước đó một ngày, chàng qua nhà ba mẹ Trà Mi, hỏi dò tin tức về nàng. Bà Tú Ngân cho biết, ngày mai Trà Mi về ăn Tết, em nó xuống Ga Đà Nẵng khoảng 6 giờ chiều. Quang Minh mạnh dạn ngỏ lời: “Xin phép hai Bác cho con ra đón Trà Mi”. Ông bà Tú Ngân cũng muốn để cho Quang Minh ra đón con gái mình, với ý nghĩ tốt, bà nói ngay: “À cảm ơn con, nếu vậy quá quý, em nó khỏi đi xích lô, mấy đứa nhỏ khỏi ra đón”, cận Tết nhà có nhiều việc.

Chiều hôm sau, Quang Minh ra bên nhà Ga chờ đợi, chàng cảm thấy sao thời gian dài quá, nóng ruột! Tàu đến,

nhìn đúng toa số 6 thấy Trà Mi trên toa tàu đưa tay ra vẫy, nàng kêu “anh Minh”! Minh đáp lại. Chàng chạy theo, tàu ngưng, Quang Minh dừng lại nơi cửa sổ chỗ Trà Mi đang ngồi. Nàng đưa tay ra, chàng từ dưới mặt đất đưa tay lên nắm chặt tay trà Mi. Bốn mắt nhìn nhau đắm đuối. Sau đó Trà Mi chuyển cái xác lớn cho Quang Minh, còn nàng mang xách tay theo đoàn người từ từ ra cửa xuống.

Quang Minh đưa tay đón Trà Mi và nắm chặt tay nàng, rồi diu nàng ra một bên và bảo: “Nhuờng cho bà con đi trước, mình chậm rãi em”. Họ đứng sát nhau. Minh vòng tay ôm eo Trà Mi. Hai con tim loạn nhịp, hai làn da hực nóng. Hơi ấm chạy thâu tâm can cả hai người. Quả là “trao thanh nam... chiêm” gặp “nàng thanh nữ... sát’ “, hít chặt khó rời. Chàng muốn ôm nàng và siết thật chặt cho đã cơn ghiền, cho vui bớt bao nhớ thương, nhưng họ biết còn phải giữ ý tứ. Lễ giáo không cho phép họ hành động như vậy khi chưa có lễ hỏi. Cái thời buổi của Trà Mi và Quang Minh lễ nghi còn nghiêm khắc đến vậy, chớ không phải dễ dãi như bây giờ. Bốn mắt nhìn nhau, cái mỉm cười của Trà Mi cuốn hút quả tim chàng, như nó muốn nhảy ra khỏi lồng ngực để trao cho nàng cất giữ chung và cùng nhau thờ. Sau cùng chàng chỉ biết hôn nơi bàn tay Trà Mi và cảm khoái.

Quang Minh muốn đưa Trà Mi đi ăn tối nhưng nàng bàn phải về nhà ngay cho

phải phép, việc ăn uống để ngày khác. Quang Minh phải chiều theo ý nàng.

Quang Minh hiểu ý phải để dành thời gian cho Trà Mi và gia đình trao đổi việc nhà, nên chàng tới thăm nàng vào xế chiều hôm sau, họ tâm sự dưới gốc cây sau nhà suốt buổi chiều, trong đó chàng có nói chuyện hai gia đình lo chuyện mai sau, Quang Minh nắm chặt tay Trà Mi đề nghị:

- Chiều mai mình đi ăn cơm tối với nhau, khoảng 5 giờ. anh sẽ trao đổi thêm với em về chuyện đó, em đừng hẹn ai ha!

- Để em vào xin phép cha mẹ, nếu có trở ngại chi, em xin cho chúng ta một ngày khác. Em cũng nhắc lại chuyện anh mời hôm trước.

Trà Mi vào nhà xin phép rồi quay ra, mặt nàng vui tươi và tùm tùm cười.

- Nhìn em vui vẻ là anh biết rồi. Bây giờ anh cũng phải vào xin phép hai Bác đưa em đi từ 5 giờ đến 9 giờ tối, có nghĩa là anh phải bảo vệ em trong thời gian ấy.

- Anh làm như em là quan chức gì, sợ người ta ám sát?

- Có chớ sao không em, bà giáo sư chớ bộ! Không sợ ám sát, nhưng sợ người ta “rình trộm”, hoặc phồng tay trên, rồi mình ôm bầu sấu hận hay sao?

- Nếu em lơ mơ thì bị người ta rình lâu rồi, đời em sẽ hỏng và mất cả anh!

Quang Minh nghe cảm động, buông lời:

- Cảm ơn em rồi chàng vào xin phép cha mẹ Trà Mi. Ông bảo: "được rồi con". Chàng báo cho Trà Mi hay kết

Xuân Hòa

Tết ấm trời đất khách
Cây chuyển mạch đơm hoa
Một nụ vàng vừa hé
Đã rực ánh xuân hoà.

Ý Anh

quả đó. Trời đã về đêm, Quang Minh nắm tay Trà Mi và nói nhỏ:

- Em còn có công việc nhà bếp với mẹ, anh sẽ qua đón em 5 giờ chiều mai. Hôm sau 5 giờ chiều, Quang Minh đã có sẵn tại sân nhà Trà Mi, chàng dựng xe, vào xin phép ông bà Tú Ngân đưa Trà Mi đi. Nhìn quanh thấy vắng, Trà Mi cho hay là cha mẹ nàng đã đi công chuyện từ hồi trưa, mấy đứa nhỏ mang bánh trái qua nhà bà nội, bà ngoại cúng Tết, nhà còn mình em chờ anh, mình đi là đóng cửa.

Trong ngôi nhà lớn trống vắng, chừ chỉ còn có hai người. Quang Minh nhìn Trà Mi, tình yêu bốc cháy, con tim hồi

thúc.. Chàng nhìn nàng một cách đắm say và nói ngay: "nhớ thương em nhiều quá"! rồi ôm hôn trên má Trà Mi. Trà Mi hiểu Quang Minh quá thương nên đã làm vậy. Nàng bất ngờ nhưng cũng cảm thấy sung sướng, tâm hồn nàng lâng lâng và thỏa mãn phần nào ao ước, nhớ mong lúc tương phùng. Nàng nhìn chàng rồi mỉm cười, nói nhỏ: "anh ra xe, em đóng cửa, khi đi chúng ta nói chuyện tiếp".

Chiếc Honda nổ máy, Quang Minh bảo:

- Em ôm eo cho chặt để được an toàn vì có những đoạn đường không được tốt. Được Quang Minh nhắc nhở, đây cũng là lý do để Trà Mi ôm eo chàng thật chặt và tận hưởng những cảm xúc theo luật tự nhiên của tạo hoá. Trên đường đi Trà Mi hỏi:

- Em có nghe mẹ nói bên nhà bàn chuyện bỏ trâu cau. Hai bên đang coi ngày và chắc ông bà bên nhà cũng đã nói anh ngày nào rồi chứ ?

- Anh định nói với em vấn đề đó trong bữa cơm tối nay, nhưng bây giờ em hỏi anh nói luôn. Ngày thì chưa biết, nhưng trước khi em trở lại Sài Gòn.

- Bên nhà có trâu cau bỏ lễ thì khi ra Trường em sẽ mời anh vào dự lễ là người bạn đời chính thức, khi ấy mình đi đây đi đó không bị tiếng thị phi bàn tán gì hết.

- Cảm ơn em đã cho anh hào ý vừarồi, anh tưởng tượng ngày ra trường của em đã sát bên lưng rồi.

Trà Mi cũng nói:

- Em cũng muốn ngày ấy chóng đến.

Quang Minh đưa Trà Mi đi dạo một vòng nơi bờ Bạch Đằng, rồi chàng hỏi:

- Bây giờ đi ăn chỗ nào em?

- Tùy anh.

- Vậy thì mình đi nhà hàng “Hương Quê” ở bờ sông Bạch Đằng, trước Toà Thị Chính ha! Ngồi ở đó lịch sự và mát mẻ.

Khí hậu Miền Trung, tháng chạp làm gì có chuyện mát mẻ. Lạnh buốt người, nhưng Quang Minh dùng chữ mát mẻ có nghĩa là thơ mộng. Nhà hàng cửa kính đóng kín, nhìn ra sông tàu thuyền qua lại đủ màu. Những ngọn đèn trên phố, dưới sông nhấp nhô qua sóng nước, tạo khung cảnh mát diệu, quyến rũ tuyệt vời.

Chưa bao giờ Trà Mi và Quang Minh ăn bữa cơm chiều ngon như hôm nay. Có lẽ khí trời lành lạnh mà họ trao đổi chuyện tình nóng bỏng, hai quả tim như quyện vào nhau thật chặt, họ lại mặc những chiếc áo len đan thật đẹp, tăng thêm độ ấm cho cả hai tâm hồn lẫn thể xác. Họ bộc bạch tất cả những tâm tư tình cảm của hai người mà họ tự giấu kín xưa nay.

Hai bên gia đình đã tổ chức lễ đính hôn cho hai người trước Tết. Tết năm ấy ông Tú Ngân và ông bà thầy Hùng qua lại như người nhà. Trà Mi và Quang Minh đưa nhau đi thăm bà con hai bên tự nhiên, thật là hạnh phúc. Bây giờ họ có thể trao cho nhau những nụ hôn đầy nồng ấm, nhưng cũng chỉ lúc không người và trong bóng tối. Sự thể hiện

hoàn toàn chỉ sau khi có lễ cưới, khi được “đưa nàng về Dinh”.

Khi Quang Minh vào Sài Gòn dự lễ ra Trường của Trà Mi, làm cho bao chàng “Công tử Bạc Liêu” phải ngỡ ngàng. Trong khi đó, hai gia đình ở nhà tính chuyện tổ chức lễ cưới. Chàng và nàng giao du Sài Gòn mấy hôm rồi về ngay để kịp lên xe hoa, “lọng anh đi trước võng nàng theo sau”. Hai nhà hiểu ý nhau rồi, nên họ tự sắp đặt cũng dễ dàng. Đám cưới linh đình, bà con khen ngợi, người người chúc mừng đôi uyên ương trăm năm cầm sắt. Trà Mi và Quang Minh sống với nhau hạnh phúc, họ được hai con và tiếp tục sống cuộc sống khiêm nhường sau ngày 30-4-1975 tại quê nhà.

Theo chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ, cho những người Việt Nam tị nạn chính trị bảo lãnh thân nhân trực hệ được đoàn tụ. Do đó, gia đình Trà Mi được sang Hoa Kỳ theo diện bảo lãnh của bố mẹ Trà Mi. Họ sống với nhau như cặp chim non, như đôi vợ chồng son trẻ, thông cảm, khéo léo, đầy vui vẻ trên đất nước tự do này. Cứ mỗi lần tân niên, Trà Mi chúc ly rượu hai người uống chung, nhắc nhau nhớ “Ly Rượu Đầu Xuân” ở lần đầu tiên nào đó, mà “hai thân mình gắn liền” sống chung đã mấy chục năm mãi đến hôm nay./-

Duy An Đông

TỔNG BIỆT HÀNH

Ta tưởng Người
đi về phương Đông
Ta rót cho Người
chén rượu hồng
Rượu sẽ mềm môi
Người sẽ khóc
Ta cười, Người
có hiểu gì không?

Ta tưởng Người
đi về phương Tây
Ta rót cho Người
chén rượu đầy
Rượu sẽ làm cay
đôi mắt ướt
Ta nhìn, lệ rót
giữa lòng tay...

Ta tưởng Người
đi về phương Nam
Ta rót cho Người
chén rượu tràn
Rượu sẽ làm hoen
thân áo bạc
Người về, khật
khưỡng dưới vầng trăng...

Ta tưởng Người
đi về phương Bắc
Ta rót cho Người
chén rượu ngọc
Rượu sẽ vì ta
nói với Người:
Vĩnh biệt. Đừng
quay nhìn ngõ trúc.

Ta tiễn Người. Ô,
ta tiễn Người

Rừng phong không gió
trời không mây
Hoa đầu, để
ngát thơm vườn ngự
Ta tiễn Người mà,
ta tiễn Người!...

VI KHUÊ

A FAREWELL SONG

*I understood you were leaving for the East;
I filled for you this glass of rosy yeast.
The wine would soften your lips, you would cry;
And I laughed – Did you understand why?*

*I felt as if you were departing for the West;
I served you with this fermented glassful of quest.
The wine would spice your eyes like balm;
And I watched tears dropping into my palm.*

*It seemed as if you were setting out for the South;
I entrusted to you this brandy to douse the drouth.
The wine would stain your jacket, smirched;
And, from the party, in the moon you lurched.*

*You made as if you were going to the North;
I have invested in your glass the pearls henceforth.
The wine would bid you "Adieu!" for my sake;
Do not look back at your small bamboo gate!*

*I gave you the send-off, oh, the parting time!
No winds in woods and clouds in sky could rhyme.
Flowers, let pervade this royal park sweet scent!
It was, indeed, a farewell – my bosom friend!*

Translation by **THANH-THANH**

DÒNG MÊ LỘ

Tùy bút

Trần Tam Nguyên

Ngày qua lại ngày, như người mộng du trên con đường sỏi đá, em chấp nhận hiện hữu của dòng đời trôi nhanh như bóng chiều chạy từ triền núi xuống đồng ruộng rồi chợt mất, chỉ còn để lại một trạng thái triền miên nửa vời. Em mang hình tượng kéo dài bằng chuỗi ngày nặng trĩu trên vai, bằng hình vóc đón nhận hiện tại nhưng tư tưởng ở trong một giấc mơ dài Trang Tử.

Trong dòng mê lộ, em đã tìm thấy hai trăm năm sau thi sĩ anh hùng ca Hy Lạp Homère sống vào 850 năm trước Tây Lịch vẫn luôn luôn ở miền Trung đông. Ở trên các bờ biển Địa trung hải Trung đông này tràn đầy những thiên phú với những thánh thần và cũng trong miền này, truyện Iliade và Odyssée được xem như do Homère sáng tác, đã nằm trong đầu óc và trên miệng lưỡi của mọi người. Một nhân vật tên là Thalès đi ngang qua đây để giải trí và làm một chuyện vụng về là mỗi ngày trong suốt cuộc đời cố gắng hết sức để ngắm các vì sao trên trời, để nghi ngờ rằng mặt trăng được chiếu sáng bởi mặt trời và gây dựng lên trường triết học và hình học đầu tiên.

Trong thời cổ đại này, chưa có nghề nghiệp triết học, những triết gia vừa là những nhà thông thái, những nhà toán học, những nhà thiên văn học. Họ chú trọng nghiên cứu đến những hiện tượng thiên

hiên như nhật thực, nguyệt thực, đến những số, những hòn đá, những hình thể hình học và những thứ khác cùng loại. Đó là những tinh thần rất mạnh mẽ so với sự hiểu biết về thời gian hay sự kiện tổng quát. Họ đã khám phá hiệu năng của những con số và của một lý trí có khả năng giải thích một số tình trạng hay những biến cố và thiết lập được những liên hệ có vẻ mang lại được một chút hiển nhiên và vững chắc trong bất định của con người và vũ trụ.

Một đồ án cách mạng được thiết lập trên một khái niệm gần như không dịch nghĩa ra được mà người Hy Lạp gọi là "logos". Logos là một tiếng Hy Lạp xuất hiện vào thời kỳ đó, được lập lại sau đó trong một ý nghĩa hơi khác do bởi Platon (428-348 trước TL), rồi sau đó bởi thánh Jean l'Évangéliste và có ý nghĩa là "lý trí", "luật lệ", "hợp lý", "diễn văn", "động từ", "cần thiết tổng quát" chữ logos tự diễn đạt trong các ngôn ngữ và nó tạo dựng con đường ưu tiên để đạt đến được bản chất nhiều sự vật, đến được cái cốt yếu của chúng và đến được con người của chúng. Nó liên hệ với toán học và hình học. Cuối cùng nó là dấu hiệu của ý kiến mơ hồ và xao động, của những tương đối, vội vã, của sự mê tín, và của phép thuật.

Phép lạ Hy Lạp bao la, sự bước ra từ thế giới huyền thoại để đi vào thế giới khoa học nhờ vào logos đã phải trả giá bằng một cố gắng siêu nhân. Khoa học được sinh ra ở vùng Trung đông Hy Lạp này từ thời Homère hay nói một cách rộng rãi hơn, miền Địa trung hải cận đông này do bởi người Hy Lạp tạo ra trong vòng hai ngàn năm, trở thành trung tâm của thế giới.

Những gì người Hy Lạp khám phá được khởi từ thế kỷ thứ 6 trước TL, trong một

chuyển động của một sức mạnh phi thường, đó là thiên nhiên đã hiến dâng một vấn đề suy nghĩ và đẩy lui thánh thần sang một bên.

Con người đã tự thay thế huyền thoại trong những cấu tạo tư tưởng, trong việc nhận thức những hiện tượng thiên nhiên. Địa dư, khí tượng, sinh vật, không gian học, toàn thể thiên nhiên đều cùng ghi ra những con số theo toán học. Pythagore cho rằng các con số là những yếu tố của mọi sự vật, là người nghiên cứu những lý thuyết đầu tiên và tạo dựng những ngành toán học. Do bởi một trực giác bộc phát bất ngờ, Leucipe và Démocrite đã tưởng tượng rằng vật chất có thể chia ra từng mảnh thành những nguyên tử, Euclide khám phá ra những nguyên tắc về hình học.

Giống như những người Bồ đào nhà, Tây ban nha, Hòa lan, sau đó người Anh, những người Hy Lạp đã là những thủy thủ. Dựa vào kinh nghiệm mỗi ngày họ đã hiểu ra rằng một chiếc tàu đi xa trên biển cả với trời tốt hình như tàu xuống dần dần phía dưới chân trời xa thẳm và ngược lại chiếc tàu được thấy trước tiên là cánh buồm sau đó mới thấy thân tàu nếu người ta quan sát từ bờ. Những người du hành trên tàu cũng học được rằng ngôi sao bắc cực hiện ra ở phía dưới chân trời trong những miền phía nam Địa trung hải hơn là phía bắc.

Những người Hy Lạp cuối cùng đã hiểu rằng những người khác trước họ đã đoán được gần như hiển nhiên rằng nguyệt thực đã xảy ra khi trái đất đi ngang qua giữa mặt trời và mặt trăng. Họ đã quan sát thấy rằng bóng được chiếu trên mặt trăng luôn luôn hình tròn, nên họ giả thiết rằng trái đất hình tròn. Với những người Hy Lạp, trái đất hoàn toàn chấm dứt là hình thể một cái đĩa bẹp sống được chỉ một phía, giống như nhiều

thầy tu hay nhiều nhà thông thái vẫn còn tưởng tượng trong thời gian đầu, mà cho trái đất hoàn toàn có hình thể một quả cầu.

Em vẫn đi trong dòng mê lộ của ngàn xưa và nhận thấy tất cả những đặc trưng Tây ban nha đều chỉ xuất phát từ một vùng đất duy nhất, đó là Andalousie, ở phía nam là Seville thủ phủ của Andalousie, là quê hương của nàng Carmen với điệu vũ Flamenco lẫn Don Juan. Môn đấu bò, đàn Tây ban cầm với nhạc điệu Flamenco cũng xuất phát từ nơi này. Nếu ai có chút thiết tha với lịch sử, với những sắc dân ngày nay đã tàn suy, đều phải biết đến công trình chói lọi của họ và nỗi lòng u uẩn còn vọng lại trong tiếng nhạc Flamenco của người du mục Bohemien, hậu thân của người Berber ở Bắc Phi.

Flamenco không hề là vũ điệu đặc trưng và vui nhộn của Tây ban nha như nhiều người lầm tưởng. Đó là tiếng than thở về một quá khứ đã mất. Trong thời xa xưa người Berber đã đưa tiết điệu âm nhạc của họ vào Tây ban nha trong thế kỷ thứ 8 trộn lẫn với dân ca của Andalousie. Đó là Flamenco còn mang rõ âm hưởng Ả Rập. Nhạc Flamenco truyền thống thường chỉ có một giọng ca nam trầm, khàn và buồn, vang đầy âm sắc tiếc nuối của những người mất quê hương và tình yêu, của những ai bị đẩy ra bên lề của xã hội. Hòa với lời ca chỉ là tiếng vỗ tay và nhịp chân trên sàn gỗ vì truyền thống người du mục chỉ đơn sơ nghèo nàn như thế. Mãi đến thế kỷ thứ 16 đàn Tây ban cầm mới được hòa điệu cùng Flamenco. Quê hương của cây đàn guitar cũng lại là châu Phi, cũng do chính người Berber đưa vào Tây ban nha trong thế kỷ thứ 8 nhưng nó chỉ đến với vũ điệu của

người Bohemien sau khi cả hai mang phận lạc loài.

Mê lộ đưa bước chân em về miền đất Ấn, đằng xa kia có núi Hy mã Lạp sơn cao vời vợi, có ngài Thích ca mâu Ni (thế kỷ thứ sáu trước TL) với đạo cứu khổ vì ngài nhận ra tứ diệu đế (có khổ đau, nguyên nhân khổ, có thể diệt khổ, phương pháp diệt khổ) hiện hữu trong đời sống con người, để rồi ngài thiết định cái lý duyên khởi, vô thường, vô ngã, để tìm đến cho được giải thoát đau khổ bằng "chân không và diệu hữu", cùng đích của Thiền như bài kệ:

Chư pháp từng bản lai.
Thường tự tịch diệt tướng
Xuân đảo bách hoa khai
Hoàng oanh đề liễu thượng.
*(Mọi thứ từ xưa nay
Hình thể tự hủy diệt
Xuân về trăm hoa nở
Cành liễu hoàng oanh hót.)*

Nhìn mặt "tướng" của sự vật thì tất cả đều là có. Nhìn mặt "tính" của sự vật thì tất cả đều là không. Đó là ý nghĩa của lý "chân không, diệu hữu" của đạo Phật.

Nữ họa sĩ Jia Lu nói rằng rồi một ngày rặng Hy Mã Lạp Sơn kia biến thành biển cả, bởi mọi vật đều đang đổi thay trong một chu kỳ bất tận. Cuộc sống chỉ là một phần của cuộc biến thiên vĩ đại này. Chỉ có một phần trong chúng ta sẽ còn mãi mãi qua tất cả những đổi dời: linh hồn ta, một ánh chớp linh thiêng, một phần của vĩnh cửu mà ta luôn mang theo bên trong chính mình.

Theo bước chân lạc loài trong mê lộ, em đến các miền núi trùng trùng Thiếu thất, Tung sơn, Hàn sơn, Hoa sơn, Nam, Bắc Hành sơn... của xứ Trung hoa, rồi có Lão tử với vô vi, có Khổng tử với nhập thế, có

Trang tử với con mơ dài giữa cuộc đời (ở vào cùng thế kỷ thứ sáu trước TL), rồi em bỗng thấy có Tám Ngọn Gió Đồi. Trong cuộc sống hàng ngày, con người luôn đối diện với "Bát phong", tức tám ngọn gió (được, mất, khen, chê, vinh, nhục, khổ, vui). Có cách nào để có thể đứng vững trước tám ngọn gió ấy không? "Bát phong xuy bất động" (tám gió thổi không động) là một giai thoại vui, thâm thúy và tràn đầy Thiền vị về mối thâm giao giữa thi hào Tô Đông Pha (1037-1101) và Thiền sư Phật Ấn (1032-1098).

Chuyện kể rằng, một hôm Tô Đông Pha sáng tác được một bài thơ và ông rất hài lòng, bèn cho người đem tặng Thiền sư Phật Ấn lúc bấy giờ đang ở chùa Kim Sơn. Nguyên văn bài thơ của Tô Đông Pha như sau:

"Khê thủ thiên trung thiên
Hào quang chiếu đại thiên
Bát phong xuy bất động
Đoan tọa tử kim liên".
*(Đánh lễ bậc Giác ngộ
Hào quang chiếu vũ trụ
Tám gió thổi chẳng động
Ngôi vững tòa sen vàng).*

Ngài Phật Ấn xem qua bài thơ xung tán cảnh giới giải thoát của bậc giác ngộ, thấy chữ nghĩa và ý tứ rất hay nhưng biết quá rõ bạn mình nhờ văn hay, chữ tốt, dùng tâm thức bén nhạy để làm thơ chứ không phải là bậc thượng sĩ thâm nhập nghĩa lý sâu xa của Phật pháp, đạt đến thượng thừa "Tám gió thổi không động" nên thay vì khen ngợi ngài liền cầm bút phê vào hai chữ "phóng thí" và bảo gia nhân đem về trình lại cho Tô Đông Pha.

Quả như điều mà ngài Phật Ấn đã dự đoán. Tô Đông Pha sau khi xem lời nhận

xét của Phật Ân xong liền đùng đùng nổi giận, lập tức buơn bả vượt sông sang chùa Kim Sơn để bắt tội Phật Ân.

Gặp nhau ở bên sông, Đông Pha liền lớn tiếng trách: “Bài thơ của tôi sai sót ở chỗ nào mà ngài lại phê vào hai chữ “đánh rắm” kia.

Thiền sư Phật Ân liền cười xuề: Ông nói “Tám gió thổi không động” mà chỉ một cái “đánh rắm” thôi đã bay sang sông rồi”. Đến đây, Tô Đông Pha mới chợt hiểu ra mình chưa bắt động.

Cuộc sống của con người chẳng mấy khi được bình an, vì luôn bị tám ngọn gió này chi phối. Do vậy, muốn thiết lập hạnh phúc và an vui trong đời sống, chúng ta phải giữ vững tâm ý khi tiếp xúc, đối diện với tám ngọn gió này. Đại thừa vô sanh phương tiện môn chỉ rõ: “Nếu thân tâm vắng lặng an ổn thì tám gió thổi không động” Cũng như chuyện “gió động hay phướn động” thì ra tâm người động chứ gió và phướn chỉ là chuyện bên ngoài.

Bước chân đưa em vào thực tại, em nhận ra trong đời sống thực, tất cả có nhiều mùi vị và xương thịt hơn, không giới hạn trong thức ăn. Không khí có nhiều dưỡng khí hơn, phong cảnh tràn đầy những màu sắc làm cho người ta ham muốn khoái trá thường xuyên và thể giới ảo tưởng thật sự nằm trong khuôn khổ hạn định. Tuy nhiên có những người vẫn đọc tiểu thuyết để trốn chạy, để vượt ra khỏi thực tế.

Ồ quây rượu hầu như trống rỗng, nhưng có một vài người khách hiện diện nhìn nàng với vẻ đam mê như bị phù thủy quyến rũ bởi những gì nàng làm thoát ra: một thứ nhạc pha trộn giữa huyền bí của Marlène Dietrich và quyến rũ của Anna Netrebko cộng thêm vào chất tình dục của Melody Gardot. Còn hấn không chữa lành gì cả,

bệnh ghiền rượu cũng không chữa được, hấn là nạn nhân cùng một thứ với những hấp dẫn đó. Thật là đau đớn khi thấy lại nàng ở đó. Khi nàng rời khỏi hấn, nàng đã mang theo tất cả ánh nắng mặt trời trong hấn: những hy vọng của hấn, lòng tin cậy của hấn, niềm tin tưởng lại của hấn.

Nàng đã làm khô cạn sự hiện hữu của hấn, trút hết trống rỗng nụ cười của nàng và những màu sắc của nàng. Nhất là nàng đã làm nghẹt thở trái tim của hấn, đem đi mất tất cả khả năng yêu đương một lần nữa. Hiện tại đời sống nội tâm của hấn dường như là một mảnh đất bị cháy rụi, không còn cây cối, không có chim chóc và đang chết lặng trong giá băng của tháng giêng. Hấn không còn ham muốn gì cả, từ nay hàng ngày hấn đốt cháy thần kinh bằng những viên thuốc để pha loãng những kỷ niệm quá đau đớn phải chống đỡ.

Hấn đã yêu nàng như người ta trúng phải một con vi khuẩn trí mạng và tàn phá. Hấn gặp nàng ở phi trường Los Angeles, trong dãy sắp hàng lên chuyên máy bay của hãng United Airlines đi Hán thành. Hấn đến Đại hàn để ký tên đề chữ kỷ niệm cho các độc giả hâm mộ trên quyền sách ăn khách của hấn theo chương trình của nhà xuất bản. Hấn yêu nàng ngay từ phút đầu mới gặp, một nụ cười buồn bã, một cái nhìn sáng chói như thủy tinh, một cử chỉ đặc biệt dùng để vén mái tóc về phía sau tai vừa quay đầu lại một cách chậm chạp. Rồi hấn đã yêu cái êm đềm của giọng nói, vẻ thông minh sáng láng, nét dí dỏm của nàng, cái dáng nghiêng về phía sau của nàng. Tiếp đến hấn đã yêu những cái sơ hở bí mật của nàng trên sự đau khổ trong đời sống, những vết thương dưới cái vẻ bóng loáng bề ngoài của nàng. Trong vài tháng sau cả hai biết

được một hạnh phúc lẻ loi đã đưa họ đến những bầu trời cao hơn, đó là những chỗ cheo leo, con đường đưa đến thoải mái và chóng mặt quay cuồng.

Lắng nghe tiếng nhạc nàng tưởng tượng đến những ngọn gió quét sạch những cánh đồng của xứ này không bị một chút cản trở nào và nàng để cho tâm hồn mình phiêu lãng trên dòng lịch sử. Nàng cho rằng lịch sử giống như những môn thể thao mà nàng rất thích, nàng ít khi bỏ quên những tác phẩm về lịch sử, ngược lại nàng không thích đọc tiểu thuyết cho lắm. Nàng rẽ những ngón tay trong những sợi tóc đen lượt là để chải chúng bằng những ngón tay xòe nhẹ nhàng. Một cử chỉ thật dễ thương. Những ngón tay thật duyên dáng. Có thể nói rằng mỗi ngón tay nhỏ nhắn của nàng mang theo được cái cố ý và dự tính riêng tư của nàng, có thể nói giống như là ảo thuật.

Trước mặt cô nàng 17 tuổi, hấn cảm thấy tim rung động một cách mạnh mẽ. Cái cảm giác đó giống như lần đầu hấn được xem tấm ảnh của nàng. Nhưng hiện tại nàng đang đứng trước mặt hấn và nội tâm của hấn rung động mạnh hơn. Một thứ cảm giác không phải tình yêu, không phải sự ham muốn tình dục, hấn có cảm giác của một thứ gì đó đã chui vào bằng một khe hở và tìm cách lấp đầy khoảng trống bên trong hấn. Không phải nàng đã tạo ra khoảng trống đó, mà nó đã hiện hữu từ lâu. Nàng chỉ mang đến ở đó một thứ ánh sáng đặc biệt của nàng và thấp lên ở đó một thứ ánh sáng mới.

Trong cách trả lời nhát gừng của nàng có một sự thuyết phục lạ lùng. Người ta có cảm tưởng rằng mỗi chữ nói ra, miệng nàng uốn giọng trong góc miệng để gia tăng sự chính xác, nhưng hấn không thể đoán được

đến mức độ thành thật nào của nàng. Ở nơi nàng có một "tôi không biết gì cả" ngông cuồng một cách khác thường. Có lẽ điều đó giữ được những phẩm chất tự nhiên của nàng. Cũng có thể hiện tại dưới mắt hấn đó là một tài năng chính xác hay cũng có thể đó chỉ là một sự giả vờ sai lầm.

Nhiều khi có những đứa trẻ thông minh thường chơi trò như thế, có khi chúng còn giả vờ làm một sự lộ bịch nhân tạo, như nói bằng một phương thức bóng gió, trùu tượng để làm xao lãng đối phương. Hấn đã gặp những trường hợp này rồi, nhiều khi rất khó khăn phân biệt sự thật của vở kịch.

Hấn đã cảm thấy trước chắc rằng sẽ có một giá phải trả, hấn tìm đọc văn chương, đã giữ lại và chú ý đến những tác giả mà hấn yêu thích, ưa chuộng, tôn thờ: một Stendhal và sự kết tinh của tình yêu, một Tolstoï và nàng Anna Karénine đã tự lao mình dưới con tàu sau khi hy sinh tất cả cho yêu đương, Ariane và Solal hai tình nhân trong Belle du Seigneur đã kết thúc sự mất quyền khắc nghiệt bằng cách uống chất độc trong sự cô đơn cam lạng trong một căn phòng ngủ của khách sạn.

Đam mê như là một thứ nghiện ngập vẫn biết những hậu quả tai hại nhưng không bao giờ ngăn cản được một ai không tiếp tục tự hủy hoại sau khi đã nhúng tay vào sự tai hại đây chuyền đó.

Sống trong ý nghĩ sai lầm giả tạo này chỉ có hấn và nàng, kết cuộc hấn nhận thức được rằng tình yêu của hấn và nàng đi đến trường cửu và sẽ thành công mà những người khác đều thất bại. Nhưng nàng đã không làm thể hiện được những ý tưởng tốt đẹp trong hấn, nàng đã cho hấn thấy những nét cá tính mà hấn không ưa và hấn từ lâu tranh đấu để chống lại, đó là một số những

ham muốn sở hữu, một sự đam mê sắc đẹp, một niềm tin rằng linh hồn tốt đẹp chắc chắn sẽ được tìm thấy đằng sau một khuôn mặt lộng lẫy, tính tự yêu mình quá đáng đối với một người đàn bà đẹp và dấu hiệu sở hữu khác biệt đối với những loại đàn ông như hắn.

Hắn tự hỏi hắn thích gì trong những bài toán học? như để tránh sự chú ý trên ngực của hắn và những ngón tay của nàng. Hắn tự trả lời : toán học giống như là nước chảy. Hắn thêm: dĩ nhiên bên trong có những nguyên tắc phức tạp, nhưng những phán đoán hoàn toàn giản dị. Tất cả đều giống như nước chảy luôn luôn theo một con đường ngắn nhất có thể được và từ trên cao xuống thấp. Bài vở về những con số không có một ý nghĩa nào cả. Nếu nhìn bài đó thật kỹ, con đường tự nó hiện ra, chỉ cần nhìn nó thật kỹ, không cần phải làm gì cả. Nếu người ta tập trung tinh thần trong khi nhìn nó thì cái nhìn bị dính chặt trên đó và nó tự giải bày hoàn toàn một cách rất rõ ràng. Trong thế giới rộng lớn này không có gì báo trước cho cái nhìn của hắn ngoài những bài toán học.

Đời sống thực tại và toán học không có gì giống nhau. Trong đời sống mọi vật trôi chảy theo con đường ngắn nhất không tự giới hạn, còn toán học quá hiển nhiên, giống như một phong cảnh đẹp hay nói một cách đơn giản là mọi vật đều ở đó, không có gì thay đổi cả. Vì vậy khi hắn ở trong thế giới toán học nhiều khi hắn có cảm tưởng mình trở thành trong suốt và đôi khi làm cho hắn sợ sệt. Khi hắn viết một cuốn tiểu thuyết, hắn tìm kiếm nhờ vào những từ ngữ của hắn, thay đổi phong cảnh chung quanh để nó làm cho hắn trở thành tự nhiên. Nói chung là hắn đã thực thi một tái kiến trúc và

đó là một cách để hắn bảo đảm sự hiện hữu của hắn trong thế giới này như một con người. Sự thực thi đó hoàn toàn khác hẳn khi hắn ở trong thế giới toán học.

Những bài toán học đã cho hắn một lối giải thoát. Trong khi xâm nhập vào thế giới những công thức, hắn có thể thoát ra ngoài ngục tù khả ố của thực tại. Hắn đã hiểu được từ lúc còn nhỏ, chỉ cần nó bật chữ "on" để đi vào thế giới khác này mà không mệt nhọc gì cả. Hắn cảm thấy tự do một cách tuyệt đối mà hắn cải tiến trong mảnh đất lý tưởng thứ tự không hạn chế.

Hắn đi theo con đường hành lang cong queo của một dãy nhà to lớn được mở ra từ dãy này sang dãy khác bằng những cánh cửa được đánh số. Cứ mỗi lần lại một phong cảnh mới tự hiện dâng dưới mắt của hắn, những dấu vết ghê tởm của thế giới thực tại tự tan biến dần và tự kết thúc bằng sự biến mất. Thế giới phản ánh bởi những phân số dành cho hắn một nơi chôn hợp pháp, bí mật và chắc chắn.

Khi còn ở trung học đệ nhất cấp, hắn đã ngập lặn với đam mê trong thế giới toán học. Sự hiển nhiên và sự tự do tuyệt đối đã làm cho hắn say mê hơn tất cả. Đó là những điều cần thiết cho đời sống của hắn. Nhưng khi hắn đến tuổi dậy thì, tình cảm của hắn phát triển và hắn cảm thấy những điều đó không còn đầy đủ cho hắn nữa. Hắn không có vấn đề gì khi hắn lưu lại trong đam mê đó. Tất cả đều tốt đẹp, không một trở ngại nào chặn đường của hắn. Tuy nhiên mỗi khi hắn muốn trở về trong thế giới thực tại, từ nơi hắn đã rời bỏ, thì hắn không thể trở lại chỗ đó được nữa vì hắn tìm thấy lại trong cái ngục tù đê tiện của hắn luôn luôn không thay đổi, ở đó không một chút cải thiện, ngay cả hắn nghĩ rằng bị nô lệ giam cầm.

Từ đó toán học có thể làm gì cho hần? Phải chăng chúng chỉ không hơn là một phương tiện xâm chiếm tạm thời? hay phải chăng chúng không làm tình trạng hiện tại của hần tồi tệ hơn.

Nàng cũng thế, vì cuối cùng nàng cũng làm giống như thế, khi nàng viết truyện, phong cảnh mà nàng ngắm nhìn, nàng tạo dựng nó trở lại, nàng đã thay đổi nó bằng những từ ngữ của nàng, như thế nàng thực ra muốn bảo đảm rằng nàng hiện hữu rõ ràng là con người. Cái tiến trình dẫn đến như một công trình và nếu công trình này tạo ra được sự đồng ý và thiện cảm của một số nhiều người thì lúc đó nó trở thành một công trình văn chương có được một giá trị khách quan.

Một buổi tối trời đẹp nào đó, tương lai được gọi là quá khứ thì lúc đó con người sẽ tự quay trở lại và thấy thời trẻ trung của họ. Em cảm thấy yêu thích tương lai vì đó là dấu hiệu em còn yêu thích và muốn sống trong những năm tới. Tình yêu không phải là khối xi-măng chắc chắn nhất giữa hai người mà chính là tình dục. Nhưng đồng thời tình dục lại không phải là khối xi-măng chắc chắn nhất giữa hai người mà chính là tình yêu. Em làm lụi lại cái chết vì ham muốn sống, vì sợ khổ sở, vì phải tự dối mình, vì muốn tránh nguy hiểm, vì lo sợ phải cho và mất mát.

Vào tuổi đôi mươi, em nhảy nhót giữa thế giới, vào ba mươi em đi lang thang quanh quần. Vào năm mươi em đi vòng quanh tránh nhìn phía ngoài cũng như phía trong. Rồi sau đó sáu mươi không còn gì quan trọng nữa chỉ còn ưu tiên cho trẻ con và người già, có lẽ em trở thành trong suốt không nhìn thấy nữa.

Trong cuộc sống điều quan trọng nhất là luôn luôn sống trong khả năng tự bảo vệ chính mình. Khi người ta không còn cách nào khác để tự vệ, đành phải chịu để bị tấn công, và chính cái cảm giác bất lực kinh niên đó sẽ kết thúc bằng sự hủy hoại con người.

Ngay khi có sự trống rỗng trong trí óc thì phải lấp đầy nó lại. Mọi người đều làm như thế. Ngày nay sự trống rỗng và các kỷ niệm còn có thể chống đối nhau. Nhưng đến một ngày nào đó sắp tới đây, dù có muốn hay không đi nữa thì những gì còn lại trong những kỷ niệm sẽ hoàn toàn bị nuốt chửng bởi sự trống rỗng. Đó là vấn đề thời gian. Tiếp theo sự trống rỗng sẽ phải đối diện với chính nó, cũng giống như thế, ngay từ chỗ trống rỗng mà mọi người được sinh ra. Một con người chỉ có thể hiện hữu ở một nơi duy nhất và một thời gian duy nhất Einstein đã chứng minh điều đó và chân lý là một điều hoàn toàn không bao giờ lạnh lẽo, không bao giờ cô đơn.

Và dòng đời vẫn trôi, ngày qua lại ngày, như người mộng du trên con đường sỏi đá...em vẫn luôn đi trong mê lộ và chấp nhận hiện hữu của dòng đời trôi nhanh như bóng chiều chạy từ triền núi xuống đồng ruộng rồi chợt mất, chỉ còn để lại một trạng thái triền miên nửa vời. Phải chăng thực tại hiện hữu của dòng đời cũng chỉ là dòng mê lộ?! ./.

Trần Tam Nguyên

MƯỜI THƯƠNG BÀ XÃ CỦA TÔI

Một thương đôi mắt biết cười.
Hai thương cái miệng xinh tươi ngọt ngào.
Ba thương răng khểnh xinh sao.
Bốn thương đôi má chớm đào xuân sang.
Năm thương cái nét đắm đàng.
Sáu thương em biết lo toan mọi điều.
Bảy thương cần kiệm chi tiêu.
Tám thương em rất nuông chiều ý anh.
Chín thương khuyên giải ngọn ngành.
Mười thương ngon ngọt cơm canh bốn mùa.
Mười thương như thế đủ chưa?
Cho anh biết nhé, Nàng Thơ tuyệt vời.
Mười thương bà xã của tôi,
Nắm tay du lịch rong chơi mọi miền.

Kim-Vũ

TEN REASONS WHY I LOVE AND ADORE MY BETTER HALF

First, your smiling eyes when you look at me.
Second, your pretty mellow mouth when you give me a kiss.
Third, your singular, sensual little buck tooth.
Fourth, your radiant rosy cheeks, fresh as the air in Spring.
Fifth, your resourceful, resolute, remarkable strength.
Sixth, your household managing aptness.
Seventh, your thrifty, orderly habits.
Eighth, your cheerful willingness to accommodate all my wayward whims.
Ninth, your clear-headed counsel when times are trying.
Tenth, your superb skill as a consummate cook,
making meals that are wholesome and taste good.
Would these top ten suffice for my unqualified praise, my lady of the house?
Just tell me, my wonderful, wondrous, marvelous Muse.
Ten reasons why I love and adore my incomparable, beautiful better half.
Hand in hand, we span the glamorous globe,
celebrating the treasured time we're sharing together.

Kim-Vũ

MÙA XUÂN BỎ LẠI

Ỡ-Nguyên

Gần hai chục năm xa quê nhà, hễ vào dịp Lễ Noel, khi nghe lại những bài hát Giáng Sinh, nước mắt tôi lại rung rung, nghẹn ngào...Hình ảnh quê hương thân yêu bất chợt hiện về trong ký ức, làm sống lại dĩ vãng xa xưa...Đã từ lâu tôi hằng ao ước có một ngày được trở lại Việt Nam để thăm mẹ già và hưởng một cái Tết thực Việt Nam trên quê hương thân yêu của mình. Ngay vào thời gian này, tôi nhận được hung tin từ Việt Nam cho hay cậu em út của tôi vừa qua đời tại Sài Gòn, nên tôi không thể do dự được nữa. Tôi đem chuyện này bàn với ông xã và được anh đồng ý, dù anh không an tâm để tôi về một mình.

Tôi rời phi trường Albuquerque sáng Thứ Hai, ngày 4 tháng 1, 1993 để đi Los Angeles qua hãng Delta Air Line #1511 rồi sau đó chuyển sang máy bay khác đi Mã Lai trước khi về Việt Nam.

Vậy là tôi đã có mặt tại phi trường Mã Lai lúc 11 giờ sáng ngày Thứ Tư. Sau hơn 15 tiếng đồng hồ ngồi trên phi cơ, lúc này tôi mới cảm thấy được thư giãn và khoẻ khoắn trong người. Hãng máy bay cho xe buýt đưa tôi và một số bạn đồng hành khác về khách sạn để lấy phòng và cất hành lý. Tôi phải nghỉ lại ở Mã Lai một tối để sẵn sàng tiếp nối

cuộc hành trình ngắn hơn vào sáng hôm sau. Tính ra còn có tới cả hơn nửa ngày rảnh rỗi, nên chúng tôi đi thăm viếng mấy khu phố thương mại của Mã Lai gần bên khách sạn. Sáng hôm đó, thời tiết tại Mã Lai ấm áp, với nắng vàng dịu dịu, không khí trong lành miền nhiệt đới làm tôi phấn khởi, thích thú vô cùng. Thành phố Mã Lai trông đẹp quá! Xe cộ chạy tấp nập, nối đuôi nhau dường như không bao giờ dứt. Cứ nhìn nếp sống của họ và phương cách xe cộ di chuyển trên đường phố ở Mã Lai, người ta có thể biết rõ được nếp sống văn minh của xứ sở này ra sao.

Chiều đến, chúng tôi dùng cơm tại cafeteria trong khách sạn. Phòng ăn khoáng đãng, sạch sẽ. Những món ăn thuần túy Á Đông, có nhiều món tương tự giống món ăn của người Việt mình rất hợp khẩu vị như cá cơm rang ròn ăn với cháo trắng, thịt lợn kho tiêu, thịt bò kho cà rốt v.v... cùng các loại rau trái khác nhau của miền nhiệt đới làm tôi ăn đến tức cả bụng mà vẫn muốn ăn thêm.

Đêm ấy, tôi không sao ngủ yên giấc. Giờ phút mong đợi này mới thực nôn nao làm sao! Chỉ còn ít tiếng đồng hồ nữa là tôi sẽ thấy lại quê hương, thấy lại mọi cảnh vật, gặp lại mẹ già, gặp lại người thân quen. Tôi sẽ được nghe tận tai và thấy tận mắt những lời đồn đại, để không còn hoang mang nữa. Tôi làm sao mà

nhắm mắt cho được khi bao nhiêu thao thức đợi chờ dồn dập đến với tôi.

Hôm sau, mới 6 giờ sáng, dùng điêm tâm xong, tôi sẵn sàng hành lý để ra phi trường. Tại khu chờ đợi, chúng tôi trao đổi những mẩu chuyện vô thưởng vô phạt, những tin tức thân thập được của mấy người đồng hương vừa từ VN trở về Mỹ. Ôi thôi, không biết mình đã đặt ra bao nhiêu câu hỏi và họ đã vui vẻ trả lời cặn kẽ.

Máy bay cất cánh. Thành phố huy hoàng của xứ sở Mã Lai mờ dần trong từng từng, lớp lớp mây trắng đục, quấn quện vào nhau khiến lòng tôi bồn chồn nôn nóng. Tiếng chào đón hành khách bằng Việt ngữ của mấy cô chiêu đãi viên hàng không VN giúp tôi định thần vị trí hiện tại của mình. Ngắm nhìn các cô đang giúp du khách sắp xếp hành lý vào các ngăn trống ở phía trên đầu, tôi cảm thấy lòng mình lâng lâng thư thái. Cô nào cô nấy trông rất duyên dáng, uyển chuyển thướt tha qua lại trong bộ y phục VN với chiếc áo dài màu xanh lơ, quần dài trắng. Tóc bới cao, kiểu cách, gọn ghẽ dễ nhìn. Nước da trắng mỏng ửng hồng. Một vẻ đẹp giản dị và tự nhiên thực dễ thương. Người Việt từ nhiều quốc gia trên thế giới đã về ăn Tết rất đông. Cả chuyến bay, tôi chỉ thấy thấp thoáng vài ba người ngoại quốc.

Khung Trời Kỷ Niệm

Chẳng mấy chốc chiếc máy bay Air Việt Nam đã đưa tôi về vùng trời quê hương. Và đây, phi trường Tân Sơn

SỐ 66

Nhất đang thực sự trong tầm mắt. Tôi hiện đang có mặt tại Việt Nam, đang hít thở không khí của đất mẹ. Tôi vẫn không biết mình đang tỉnh hay mơ...

Tôi theo đoàn người xếp hàng đi vào khu quan thuế, qua các thủ tục khám xét thông thường và nộp thuế theo tiêu chuẩn. Thực ra tôi đã được cảnh giác ngay khi gặp mấy người Việt Nam ở Phi Trường Mã Lai nên không còn cảm thấy "lạnh căng" nữa. Do đó không gặp trở ngại gì, vì đã thi hành "*đúng luật*", nên được nhân viên tại đây chào đón ân cần phải điệu.

Đáo dác nhìn quanh để tìm mấy đứa cháu hẹn ra đón, tôi lách ra khỏi hàng rào người ... kia mẹ tôi ... trời ơi! Mẹ tôi đây sao? Người ôm yếu, gầy gò đang nức nở nghẹn ngào khi thấy tôi. Ôm chầm lấy mẹ... Tôi khóc, khóc thực sự, khóc thực nhiều. Nếu đem thời gian ra để so sánh với nỗi mừng vui này, sau gần 20 năm trời xa mẹ, làm sao diễn tả được bằng lời nói hay bằng nước mắt. Tôi quay sang các cháu. Cô cháu mừng mừng tủi tủi quấn quít lấy nhau, ai nấy hai mắt đều đỏ hoe vì xúc động.

Lúc này là khoảng hơn 4 giờ chiều, giờ tan sở và vào dịp Tết nên đường phố xe cộ quá đông đúc. Qua khung cửa kính của chiếc xe van 8 chỗ ngồi mà mẹ tôi thuê bao để trình trọng đón tôi, cảnh huyên náo, nhộn nhịp trên đường phố làm tôi rạo rục khó tả. Khách bộ hành rầm rập nối đuôi nhau băng qua các ngã tư. Xe đạp, xe gắn máy và xe xích lô thì nhau chạy thực mạng, mạnh ai nấy

105

phóng bất chấp luật lệ. Họ như vô tư ngang nhiên vượt qua xe hơi, thấy mà sợ. Rồi cứ chạy tà tà trước mũi xe, thân nhiên như "đường ta,ta cứ đi ". Nhìn cảnh lái xe vô trật tự này, trong đầu óc tôi tự nhiên lại hiện lên một sự so sánh giữa xứ sở mình và Mã Lai mà tôi mới vừa chứng kiến ngày hôm qua, sao thấy khác biệt quá chừng. Tim tôi đôi lúc như muốn tung ra khỏi lồng ngực vì những người lái Honda qua mặt chiếc xe van chở gia đình chúng tôi. Những giây phút căng thẳng như vậy tôi nghĩ anh tài xế sẽ bực mình và chửi thề, văng tục, nhưng liếc nhìn anh, tôi thấy anh vẫn thân nhiên và bình tĩnh điều khiển chiếc xe một cách an toàn. Sau vài ngày trở lại Sài Gòn và chứng kiến cảnh xe cộ di chuyển kiểu này tôi mới thấu hiểu tình trạng giao thông ở Việt Nam mình lúc đó là vậy.

Tôi ngỡ ngác nhìn thành phố giờ đây đã thay đổi quá nhiều. Các đường phố hầu như không còn mang tên cũ. Hai bên lề đường, hàng quán bày bán la liệt chiếm hết cả lối đi, rác rưởi đầy ngập, vung vãi trông thực dơ dáy, bẩn thỉu. Không khí ô nhiễm của Sài Gòn vì khói xe hơi và bụi bặm quện trong cái nóng oi ả của tháng Tết làm người ta cảm thấy ngột ngạt.

Từ phi trường Tân Sơn Nhất về đến nhà mẹ tôi cũng phải mất nửa giờ xe chạy. Khi xe rẽ sang đường Lê Văn Duyệt, Gia Định, nay là đường Đinh Tiên Hoàng nổi dài, tôi cảm thấy nao nao. Tôi không ngờ sự thực là đây!

Phải chăng đây là con đường mà tôi đã đi đi, về về trong suốt 20 năm trời trước đây. Con đường đã ghi lại trong tôi biết bao kỷ niệm buồn vui của tuổi học trò, của tuổi mộng mơ với nhiều đam mê, nhiều ước muốn viễn vông. Tôi đã nằm mơ không biết bao nhiêu lần đi trên con đường này để về nhà mẹ...Nhưng lúc này không phải là mơ, mà thực sự tôi đang đi trên "Đường Xưa Lối Cũ."

Rồi căn nhà của mẹ tôi đã thực sự hiện ra. Tôi xuống xe đi vào nhà. Bà con lối xóm theo sau. Kê vào nhà, người đứng ở ngưỡng cửa. Nhiều người chưa hỏi han gì tôi mà nước mắt đã chạy quanh, sụt sùi. Ai nấy vẫn còn nhớ đến tôi. Họ vây quanh hỏi thăm rồi rít. Thấy họ vồn vã, chân tình làm tôi rất cảm động.

Tôi đang có mặt tại căn nhà mà tôi đã từng được áp ủ thương yêu bởi bố mẹ và anh em. Bố mẹ đã thuê căn nhà này từ năm 55 khi gia đình chúng tôi mới di cư từ Bắc vào Nam. Sau năm 75, với sự trợ giúp của vợ chồng tôi nên mẹ đã mua lại và cho sửa sang thêm trông khá khang trang. Nhà được cho lên hai tầng lầu suốt. Bàn thờ Phật ở trên lầu. Bàn thờ Gia-Tiên được đặt ở phòng khách dưới nhà. Có phòng ăn, nhà bếp và buồng tắm gọn ghẽ, sáng sủa. Mẹ tôi cũng chẳng ao ước gì hơn và có vẻ mãn nguyện có được căn nhà như vậy để mẹ con, bà cháu có nơi tránh nắng che mưa.

Tôi rảo mắt nhìn ra con hẻm trước nhà. Con ngõ này trước kia rộng rãi lắm

thì phải, sao bây giờ hình như nó nhỏ hẹp lại chỉ đủ cho một chiếc xe Honda chạy lọt vì nhà cửa chiếm ngụ, lấn ra hai bên quá nhiều làm choán hết cả lối đi. Ngày xưa mẹ tôi đã từng gất gông mỗi khi tôi quét dọn rác rưởi trong ngõ mà bà con xả ra một cách vô tội vạ:

- Cô hơi đâu hoài công dọn quét suốt ngày. Cha chung không ai khóc; chẳng ai thèm thò tay thu dọn mà cô cứ cong lưng ra làm!

Mẹ tôi luôn luôn phát biểu như vậy đó. Làm việc cho kẻ khác, thiệt đến mình, cụ khó chịu lắm. Những lúc mẹ la rầy như vậy, tôi chỉ biết lặng thinh. Mẹ cũng có cái lý của người, còn riêng tôi, nếu ai cũng chỉ nghĩ về mình thôi tất nhiên đường hẻm này sẽ đầy ngập rác rưởi, hôi thối mất vệ sinh. Thời kỳ đó, hầu hết những nhà ở trong xóm nhỏ thường thường là thiếu mọi tiện nghi. Cổng nước chẳng có, cầu tiêu trong nhà cũng không, phải dùng cầu tiêu nổi công cộng ở ngoài bờ sông Cầu Bông, ôi thực dơ bẩn! ... Cứ thế tôi để cho tâm tư mình miên man đón nhận những kỷ niệm thân thương của ngày nào!

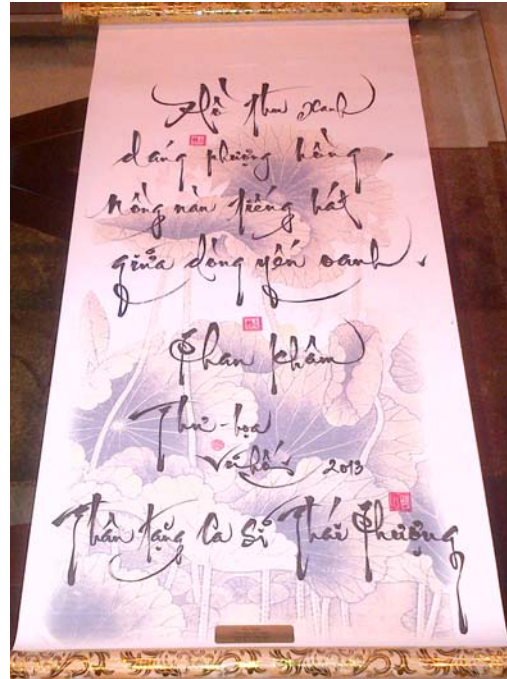
Trong chuyện về thăm mẹ lần đầu tiên này, tôi đã may mắn có thằng cháu Khánh con bà chị làm tài xế Honda đưa đi hết chỗ này đến chỗ khác, vừa thuận tiện vừa an toàn. Lúc này tôi đã bắt đầu được nếm lại cái nóng của Sài Gòn, nhất là vào lúc trưa, hai mắt tự nhiên cứ nhắm nghiền vào nhau. Hơi nóng từ dưới đường nhựa bốc lên tạt vào mặt ran rát khó chịu. Hai cô cháu tôi

phoong phoong trên đường phố suốt ngày ghé thăm nhiều thắng cảnh trong thành phố mới, gặp lại họ hàng bạn bè thân quen. Đến trưa hay chiều tối, chúng tôi thường ghé vào mấy tiệm ăn ở bên lề đường hay trong các ngõ hẻm. Có bữa ăn món Bắc với cá thu kho, gà mái tơ luộc vàng óng, chấm nước mắm nguyên chất vắt chanh và ớt tươi, thực ngon miệng. Có bữa ăn món Nam, như canh chua, cá kho tộ, dưa giá hoặc hủ hoa nhồi tôm thịt. Đôi khi thêm món ăn miền Trung lại ghé đâu đó ăn bánh bột lọc, bánh lá, thịt nướng, nem nướng cuốn bánh tráng rau sống hay bún bò Huế. Thêm phở gà ghé vào đường Hiền Vương, phở bò ghé tiệm phở Bà Đậu ở trong một ngõ hẻm trên đường Trương Minh Giảng, một tiệm phở Bắc đặc biệt từ thời Việt Nam Cộng Hòa xưa kia cho tới bây giờ vẫn còn nổi tiếng. Tiệm này mở cửa từ 7 giờ sáng đến 1 giờ trưa. Có lần chúng tôi quên giờ giấc nên đến trễ đành phải đem bụng đói đi nơi khác. Tiệm quả là đông khách, ngày nào cũng như ngày nào, người ta phải xếp hàng nối đuôi nhau để vào ăn vì phẩm chất của phở Bà Đậu vẫn ngon như bao giờ. Có lần cậu cháu đưa tôi đi ăn bánh xèo Đinh Công Tráng, có tiếng từ hồi trước 75, sau này và bây giờ bà con Việt Kiều về thăm nhà đều tìm đến đây để thưởng thức. Tuy nhiên những ai không dám ăn rau sống như rau cải xanh, rau thơm đủ loại như tôi thì hương vị của món bánh xèo này cũng giảm đi rất nhiều. Ăn với dưa leo gọt vỏ chán chết. Tôi không tin

ở cái bụng của mình nên không dám đụng đến một cọng rau tươi. Tuy nhiên được thưởng thức lại những món ăn này thấy khoái khẩu làm sao. Trông những quầy bán nước mía ép thực hấp dẫn ở góc phố mà chẳng dám ghé vào cũng chỉ vì sợ bụi bặm, ruồi nhặng bu quanh. Ngay như nước ngọt trong chai nếu uống với đá tôi cũng sợ luôn. Mẹ biết tôi lo xa nên luôn luôn nói mợ út đun nước sôi để nguội cho tôi uống. Mẹ thực chu đáo!

Lúc này dân chúng Sài Gòn đang tung bừng sửa soạn đón Xuân Ất Dậu. Thiên hạ ai nấy đều lo sắm Tết. Từ sáng sớm đến khuya tối, lúc nào xe cộ và người ta cũng tràn ngập đường phố. Tôi chợt nghĩ tới những năm trước 75 vào thời chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, người ta háo hức ăn Tết như vậy đó. Sài Gòn thực sự thanh bình rồi sao? Tôi thấy bộ mặt mới của Sài Thành mà mừng trong lòng.

Sài Gòn vẫn mưa nắng bất thường nên đôi khi cô cháu tôi phải ghé vào quán nước bên đường để trú mưa. Con mưa đã làm dịu hẳn cái nóng bức nhưng lại lộ ra cảnh dơ dáy, nhớp nháp của đường phố. Nước mưa đọng ngập ở các chỗ trũng vắng bắn tung tóe mỗi khi có xe hơi chạy qua. Hơi đất từ mặt lộ xông lên nồng nực khó chịu. Làm sao tôi quên được những trận mưa rào bất chợt của Sài Gòn ngày nào. Những cơn mưa xối xả làm tôi ướt như chuột lột trên đường đi làm về. Những trận mưa kéo dài hàng tiếng đồng hồ, níu chân tôi và



người yêu tại quán nước bên đường để chờ mưa tạnh. Ôi, kỷ niệm ngày nào lại chợt đến...

Tối ngày tôi cứ mãi lo chuyện đầu đầu, mãi khi chiều tối về đến nhà mới có thì giờ chuyện trò với mẹ. Cụ biết tính tôi từ hồi nào hay đa đoan chuyện thiên hạ hơn chuyện nhà. Cụ la rầy nhưng rồi cũng thông cảm cho con gái của cụ. Sau bữa cơm chiều tôi gần gũi bên mẹ để nghe mẹ kể lại những kỷ niệm xa xưa ... Những ngày tản cư vào Thanh Hoá, những ngày hồi cư về Hà Nội rồi Hải Phòng. Mẹ còn sáng suốt và nhớ rất kỹ mọi chuyện, kể ra vanh vách. Nhất là những gì mà mẹ tôi đã trải nghiệm qua

suốt 20 năm ở lại, nghe sao xót xa mà thương mẹ đến thế! Tôi biết mẹ tôi không hài lòng với hoàn cảnh hiện tại nhưng thuyết phục mẹ sang đoàn tụ với gia đình tôi ở Mỹ cụ lại từ chối vì sau khi thằng em Khôi qua đời, mẹ không muốn rời xa hai đứa cháu nội Thi, An và cô con dâu bệnh hoạn

Thời tiết vào tháng Tết sao mà nóng đến thế. Chiếc quạt máy để bàn mà tôi mua về, hễ vận lên được một lúc mẹ lại tắt đi, có thể cụ chịu lạnh không quen, hay cụ sợ tốn điện không chừng, còn tôi nóng nực đến đổ mồ hôi. Tôi mua một cái TV màu cho Thi và An để hai cháu khỏi phải sang hàng xóm coi cạp. Tôi sắm cho mợ Khôi chiếc xe đạp đằm mới toanh vì thấy mợ ấy mỗi sáng chở hai đứa nhỏ đi học trên cái xe đạp cũ rích, lỏng lẻo như muốn văng cả bánh xe. Mẹ tôi gàn đưng sắm sửa tốn tiền, nhưng khi mang đồ về cụ có vẻ vui vui. Thấy mẹ vui tôi cũng vui lây.

Mẹ tôi ở trong khu xóm lao động nên từ 5 giờ sáng đã bị đánh thức bởi mùi khói than, khói củi từ nhà bếp của mấy bà hàng xóm nấu đồ ăn bán sáng. Rồi tiếng xe Honda chạy rầm rầm, bóp còi inh ỏi. Tiếng rao bán quà sáng. Tiếng mèo gọi đực eo eo, tiếng chó sủa oang oang. Tất cả những âm thanh khuấy động ấy đã như tiếng đồng hồ báo thức, cho dù tôi ngủ say đến mấy cũng phải bừng giấc.

SỐ 66

Vào tuần lễ kế tiếp mẹ muốn tôi làm một bữa cơm tại nhà để mừng ngày họp mặt của cô con gái cùng với tất cả họ hàng hai bên nội ngoại, cùng các bạn bè thân thiết. Số người dự trừ mời quá đông mà nhà cửa lại chật chội nên tôi đề nghị với mẹ để mời họ ra tiệm ăn cho tiện. Một bữa tiệc thân mật được tôi thiết đãi tại nhà hàng bò bầy món Duyên Mai, Phú Nhuận cũng không tốn kém là bao. Phòng ốc rộng rãi, mát mẻ vì có máy điều hoà và món ăn rất ngon miệng. Mẹ có vẻ hài lòng và hãnh diện về bữa tiệc khiến tôi cũng vui trong lòng.

Trưa đến, tôi đi loanh quanh trong xóm thăm hỏi mấy người quen, tìm hiểu thêm về đời sống và sinh hoạt của họ ra sao. Ghé vào căn nhà đầu ngõ thăm chị Oanh. Lúc này chị cũng đã ngoài 70. Nhìn chị già hơn tuổi. Chị là người bạn hàng xóm láng giềng thân quen với gia đình tôi từ năm 1955. Nhớ lại hôm trước, khi gặp chị ở đầu ngõ, hai chúng tôi đã ôm nhau nức nở. Ngày xưa, mỗi chiều Thứ Bảy, tôi thường ngồi ở đầu hè giặt quần áo và nghe chương trình "Tiếng Tao Đàn" của Đinh Hùng. Chị thường ngồi bên tôi để cùng thưởng thức chương trình "Thi Nhạc Giao Duyên" của đài Tiếng Nói Quân Đội. Chẳng hiểu sao lúc đó tôi mê say giọng diễn ngâm của Hồ Điệp đến thế. Buổi thiếu thời, tôi thích thơ phú và văn chương vớ vẩn nên thường nghe ngao

109

suốt ngày. Đi học thì thôi, về đến nhà là hàng xóm đã nghe tiếng tôi ca hát om xòm. Lúc đó tôi sống thực hồn nhiên như chim non líu lo trong bình minh, nhìn đời với toàn màu hồng yêu thương và màu xanh hy vọng. Hôm nay gặp lại tôi, chị kể cho nghe bao nhiêu chuyện từ ngày Sài Gòn thay tên đổi chủ. Tình đời, tình người cứ thế mà đổi thay theo thời gian và nếp sống của xã hội mới. Từ trắng sang đen, từ tốt thành xấu. Ôi thôi không sao diễn tả cho hết.

Lúc này Việt Nam đã mở cửa, chính phủ chấp nhận cho người Việt ở hải ngoại hồi hương thăm gia đình do đó người dân Sài Gòn bắt đầu cảm thấy thoải mái đôi chút. Tuy nhiên sự giàu nghèo vẫn chênh lệch trông thấy. Nghèo vẫn hoàn nghèo, còn giàu lại giàu thêm. Đồng đô la bắt đầu được buôn qua bán lại. Hầu hết các tiệm buôn bán vàng bạc là đầu não của chỗ đổi tiền đô theo giá chợ đen, nghĩa là cao hơn giá chính thức tại các ngân hàng. Một ngày tiền đô la lên xuống 2, 3 lần. Tiền phải đếm bằng máy và đựng vào bao tải.

Lúc tôi ở Sài Gòn, tiền giấy 5 ngàn đồng đang lưu hành. Sau đó giấy 10 ngàn, 20 ngàn, 100 ngàn, 200 ngàn và rồi 500 ngàn đã được phát hành. Một trăm đô la đổi được một triệu đồng tiền VN lúc ấy (1993). Thuốc lá 3 con 5 đèo

bị giấu kỹ để bán chợ đen. Mọi thứ hàng xa xỉ, ngoại quốc đều được bán theo giá chợ đen. Tại khu chợ trời, (chợ Cũ trước kia) mấy bà buôn bán chợ đen ngụy trang bằng những quầy bán vé số nho nhỏ, nhưng thực sự họ là những người mách mồi ăn tiền và bán những vật dụng trái phép như tape nhạc, CD, video của nước ngoài, thành thử nhiều thứ thiên hạ không mua được ở các tiệm sách thông thường, đành phải ghé khu chợ trời.

Giàu nghèo lẫn lộn trong cùng một cuộc sống thường nhật... Những người già cả, tàn tật; những thương phế binh cụt cẳng, cụt tay; những bà mẹ trẻ bỗng con thơ; những người cùi hủi lở loét khắp thân mình lang thang đi ăn xin trên mọi đường phố... Chỗ nào có nhà hàng, quán ăn là có bóng dáng những người bạc phước này. Đôi khi thực khách chưa kịp ăn mà 2, 3 người ăn xin đã châu chực đứng bên chìa tay ra, thử hỏi làm sao không khỏi khó chịu cho được. Đây là tình cảnh bi đát của Sài Gòn lúc đó. Chính phủ chỉ biết ngó ngơ. Nghề kiếm tiền dễ nhất cho người dân nghèo đói ở Sài Gòn bấy giờ là nghề hành khất.

(Còn tiếp)

Ỗ Nguyên

Maryland - Xuân Giáp Ngọ - 2014
(Trích "Từ Một Vùng Ký Ức")

XUÂN GỢI TÌNH THƠ

Ngày xuân man mác gợi tình thơ
Một bóng quê hương đã khuất mờ
Thân vẫn lênh đênh ngoài xứ lạ
Hồn còn vương vấn cuối trời mơ
Lòng đau nhỏ mực nhòe trang giấy
Nỗi nhớ lay đàn lạc phím tơ
Khắp nẻo non sông rền tiếng gọi
Ai người thương nước lẽ nào ngờ?

Nguyễn Kinh Bắc

XUÂN LƯU LẠC (Bài họa (1))

Thuở ấy xuân về đẹp ý thơ
Non sông hoa gấm nét chưa mờ
Hương bay để gió xua sầu muộn
Lộc tro cho người dệt ước mơ
Miếu lạnh đèn hoang tê ngọn bút
Hồn xưa nếp cũ quận đường tơ
Đầu năm ở cuối trời lưu lạc
Đón tết nghe lòng thoáng ngẩn ngờ!

NGUYỄN VÔ CÙNG

Mùng 2 tết Giáp Ngọ-2014

ĐÊM XUÂN (Bài họa (2))

Đêm xuân ngậy ngát cả hồn thơ
Trời đất mang mang bóng nguyệt mờ
Sương đọng đầu cành say huyền mộng
Gió lay ngọn lá tỉnh hoài mơ
Buồn vui chuyện cũ mờ trang sử
Thương tiếc đàn xưa bật tiếng tơ
Hương sắc giao mùa gây nỗi nhớ
Khiến lòng ra ngẩn lại vào ngờ.

NGÂN SƠN

Đêm Xuân Giáp Ngọ-2014

Ở CHỐN VÔ CÙNG...

*Tìm em ở chốn vô cùng
Tìm em ở chốn nghìn trùng xa xăm..*

*

*Ta lắng nghe tiếng vọng của dòng sông
Như tiếng vọng mệnh mệnh của ghềnh thác
Như tiếng trùng dương muôn đời ào ạt
Lông lộng về vùng yên lặng bãi cát xa..*

*Có những lúc lê chân trên bước đường dài quá
Mà cuộc đời lại ngán ngùi bơ vơ
Đầy cảnh đoạn trường, trần ai gian khổ
Cả quê hương đang nghiêng đổ điêu tàn..*

*Một trời hiu quạnh, dờ khóc, ly tan
Ta nhỏ lệ, tiếc cho người nằm xuống
Còn gì nữa, những túi hồn đau đờn
Thương cho phận người lưu lạc, tai ương*

*Tâm tư ta mang khắc khoải, đoạn trường
Hơn ba mươi năm nổi dấy thế lương
Dòng sông định mệnh ở nơi nào đâu thấy?
Trọn kiếp người còn lại cảnh phù vân!*

*Bỗng một ngày, mây buồn giăng vương vấn
Năm mộ nào mang dấu vết đìu hiu
Tám bia khắc, vội vã lúc xế chiều:
“ Nơi ngàn thu yên nghỉ “*

*Hoàng hôn xuống, gió hiu hiu gợn tí
Em nằm đây.*

*Yên trong giấc ngủ muôn đời !
Em có thấy những cành hoa thương tiếc?
Và có nghe những lời chào vĩnh biệt ?..
Em ơi ...*

Bùi Thanh Tiên

Xem Bói

NGUYỄN BẠCH

Năm nay là năm con ngựa gỗ, bà thầy bói vừa xoa vào bụng Hoàng vừa nói “nếu con trai thì tốt mà con gái thì coi chừng long đong”. Bà còn nói một thôi một hồi những chuyện, mà tôi nghĩ chẳng có ích gì nghe thêm. Hoàng ngồi nghe người ra nghe, có vẻ tin lắm. Tôi ngồi bên cạnh mỉm cười, nghĩ thầm, cái con bé chẳng bao giờ tin trời đất gì cả, mà bây giờ lại bày đặt đi xem bói, chuyện này coi chừng mất ăn mất ngủ. Hoàng đang hí hửng vì sắp sửa có một cô công chúa. Nay lại nghe phán một câu... rõ là rách việc. Sau khi trả tiền cho bà thầy bói hậu hĩnh, Hoàng gượng cười nói với tôi:

- con nghe đũa bạn nói là bà này xem hay và đúng lắm cô à.

- sao tự dưng con lại tin bói toán thế?

- Con cũng không biết, từ ngày con có bầu con đâm ra hay lo. Mấy hôm nay con không thấy khỏe, tâm không an... rồi con bạn giới thiệu bà thầy này nên con rủ cô đi cho khuây khỏa. Con cũng lớn tuổi mà có em bé lần đầu nên cứ lo lo. Con không muốn con gái con long đong, tội nghiệp quá cô à.

Tôi và Hoàng rời khỏi nhà bà thầy bói, đi dọc theo con đường nhỏ ra chỗ đậu xe. Tôi nói với cô bé:

- Trước khi gặp bà thầy bói, con của con chưa khổ và long đong. Bây giờ, nó chưa ra đời mà tự nhiên con và bà thầy bói đã đặt cho nó cái tên không hay là “long đong”. Năm nay là năm Giáp Ngọ. Con không nghe người ta thường nói: “trai Nhâm, Đinh, gái Quý, Giáp” hả. Năm nay sinh con gái thì tốt lắm – Giáp Ngọ là cùng tuổi với bà ngoại nó đó. Bên này bác sĩ lo lắng cho mình từng chút, chồng con lại là dược sĩ, lo gì cơ chứ!

Trời mùa đông cây cối trơ cành và ẩm ướt. Ra đến xe, hai cô cháu tóc lấm đẫm những giọt mưa. Nhắc đến mẹ, Hoàng nhìn tôi mắt rơm rớm:

Bên này buồn quá cô ơi. Con sang đây 3 năm rồi mà vẫn chưa quen. Con chẳng biết ai ngoài cô. Phải chi con ở gần mẹ con thì con cũng đỡ buồn. Chồng con thì đi làm suốt ngày. Bên Mỹ cũng cực ghê cô nhỉ.

Tôi và mẹ Hoàng là đôi bạn thân từ nhỏ. Chơi với nhau một nhóm ba đứa. Hoa (Mẹ Hoàng) từ bé đã khổ. Nó tuổi Giáp Ngọ, nên chúng tôi hay chọc nó là con ngựa hoang. Cái tên trêu chọc từ nhỏ thế mà vận vào nó cả đời. Sống với người mẹ khắc nghiệt, Hoa bỏ nhà lên ở với bà Nội. Học vừa hết trung học, nó phải lòng một chàng lính, chữa hoang rồi sinh ra một thằng con trai. Vài năm sau, chẳng chồng con gì, lại thêm một cô con gái với một ông bây giờ chẳng biết tông tích nơi nào. Tuy vậy, tánh nó tháo vát, tần tảo nuôi con cũng tạm ổn qua ngày. Thêm một vài mối tình sau

cũng chẳng đi đến đâu rồi sống một mình đến bây giờ. Đứa con trai lớn lên cũng không có nghề nghiệp gì. Lấy vợ, nghèo, lại nheo nhóc một bầy con, nên Hoa cũng phải lặn lội ra giúp. Từ ngày Hoàng sang Mỹ, gia đình cũng đỡ hơn. Tôi bảo Hoàng bảo lãnh mẹ sang, nhưng Hoa không muốn vì còn phải săn sóc những đứa cháu nội. Hoàng sinh ra trong một hoàn cảnh khó khăn, nhưng cô bé có một phong cách rất sang và xinh đẹp. Hoa hay tâm sự với tôi: “Tao bình ván chút, cho nó lấy thằng Việt Kiều, chứ ở đây toàn đàn ông hủi thôi. Đời tao là đồ bỏ... đời con ngựa hoang”. Hoa có đôi mắt ướt át, khuôn mặt gợi cảm, và cũng nổi tiếng là người đẹp một thời. Sau nhiều năm lặn lội, nét đẹp ngày xưa thay vào khuôn mặt răn ròi và chai đá.

Hoàng làm đứt dòng tư duy của tôi bằng giọng lo âu:

- Cô à, tại mẹ con tuổi Giáp Ngọ nên long đong cả đời phải không cô?

- Tôi thờ dài trấn an cô bé: thời này mà con còn tin vào chuyện “bói ra ma, quét nhà ra rác” nữa. Mẹ con sống và trưởng thành trong hoàn cảnh đất nước sau 75. Cô mà sống ở bên đó thì cũng ăn mày chứ không được giỏi như mẹ con đâu. Ở bên Mỹ này chẳng ai khổ lắm. Mình ở Việt Nam sang đây là “tây phương cực lạc” rồi. Tới đời con của con, thì tất cả mọi thứ đều computer hóa. Không chừng nó lớn lên không phải động móng tay. Muốn gì... chỉ một cái là có. Thời buổi nhấn nút con không thấy sao? với lại sướng khổ là do mình. Con thấy không, rõ ràng là mẹ con có khổ,

SỐ 66

nhưng con đâu có khổ. Con đang hạnh phúc mà, sao lại nghĩ ngợi lẩn quẩn cho nó khổ.

Hoàng đến lạ, nói cái gì rồi cô bé cũng không quên lời của bà thầy bói.

- Cô biết không, con ít lo lắng và cũng không có tánh mê tín. Nhưng từ khi có bầu thì con hay buồn lo. Con nhớ mẹ con kể lúc mẹ con mang thai anh con và con thì mẹ con khổ như con chó. Mẹ con cũng nói là thầy bói nói số mẹ con long đong.

Tôi rủ Hoàng vào một tiệm ăn trong Mall. Tự dưng tôi thấy mình có bồn phận phải tẩy não cô bé này mới được. Từ lúc xem bói xong, trở chứng bị quan thấy rõ. Ăn xong, chúng tôi vào những tiệm bán giường tủ và quần áo cho em bé. Hai cô cháu ngắm đồ tạm quên đi chuyện vừa rồi.

Chia tay với Hoàng, tôi ra về thấy mình tự nhiên cũng đâm ra băng khuâng. Tôi nhớ vào thời sau 75, ai cũng đi xem bói. Ngày xưa, chưa có chuyện vượt biên, ít có thầy bói nào đoán chuyện xuất ngoại. Đến khi nghèo, giàu, sang, hèn, gì cũng tìm đường vượt biên, thì đi xem bói là lúc nào cũng đề cập đến chuyện xuất ngoại. Mọi người chỉ bàn chung quanh chuyện rời xa cái xứ khổ ải này. Đi đâu cũng được, cứ đi là được... Bạn bè tôi thường kháo nhau rằng: “thầy bói bảo tao có số xuất ngoại hoặc thầy bói bảo tao khoan đi đã, hoặc có đi thì đừng đi tàu bè...” rồi đứa nào cũng lao ra đại dương. Có đứa biệt tăm, có đứa bị lính biên phòng bắn chết.

113

bụi đầy áo phủ hoài tay cũng mới

*bụi đầy áo phủ hoài tay cũng mới,
trong như nhiên ai khẽ gọi tôi về,
ngước mắt nhìn chiều tím... ngõ hồn quê,
lòng lộng gió ngát trời hương sắc thắm.*

*nơi xa thăm chân bước đi chầm chậm,
thành thoi cười hoa nở rộ trên môi,
thong dong cùng trăng gió chón mù khơi,
mắt nhắm lại thấu cõi đời sương khói.*

*trong sâu thăm phạm âm đồng vang vọng,
chón đại thiên trời dậy khúc điệu đàn,
giữa cung trời lấp lánh những tinh quang,
mắt nhắm lại thấu vi trần vô ngã.*

*bụi đầy áo phủ hoài tay cũng mới...
cố nhân ơi! hạt bụi hoá châu ngà!*

mộng tâm

Khi tôi về thăm mẹ để từ giã trước ngày đi., mẹ tôi cũng dẫn tôi đi xem bói để xem chuyến vượt biển có trót lọt không? Chắc lúc đó mặt tôi u ám lắm,

nên ông thầy bói đoán tôi đi chắc không xong. Thấy mặt mẹ tôi biến sắc, ông liền cho tôi một lá bùa, bảo tôi phải đeo vào cổ đêm vượt biển. Trên chuyến xe đò về Sài Gòn, tôi mất cái giỏ xách, mất luôn cả lá bùa hộ mệnh. Hú vía, chuyến vượt biển tuy có nhiều sóng gió nhưng cũng đến bến bờ bình yên.

Thời buổi điện toán, dịch vụ xem bói đủ mọi hình thức nhan nhản trên mạng và trên những tờ báo biểu. Ở Việt Nam còn có những phố đầy những gian hàng bói toán. Con người có một mẫu số chung là yếu đuối. Thích cầu khẩn và thiếu tự tin, ít nhất ở trên một bình diện nào đó!

Người khổ đi xem bói để xem mình chừng nào bớt khổ. Người sung sướng cũng đi xem bói để xem mình có may mắn hơn không? Cứ đầu năm là thấy mọi người đi đến các đền, chùa, xin xăm. Trong số người được quẻ tốt, thì cũng có người có quẻ xấu. Có người vui thì có người buồn. Con người nghĩ ra đủ điều để mua vui chuốc khổ...

Bước chân về nhà, thấy ông xã tôi đã vác về ba bốn quyển báo xuân để đầy bàn. Mở ngay một trong những tờ báo xuân, lật qua lật lại, tìm mục “Từ Vi trọn năm”. Đọc xong phần tuổi của mình với lời bàn của Từ Vi Gia trước hết... rồi tôi bật cười tự diễu mình: “dzậy mà cũng bày đặt... chê bói toán”!

Nguyễn Bạch
(Seattle)

Kỷ Niệm Nikko

*Thân tặng anh Liên và Thắm
Tháng giêng 2014*

Bạn tôi đưa tôi đi ngắm cảnh
Nơi bông lai vui hưởng thú nhàn
Qua đèo ngang dãy núi mờ sương
Mây giăng phủ đầu non ban sáng
Mưa phùn bay tạo vẻ nên thơ
Nhu tranh vẽ núi non mờ ảo ảnh
Ngừng xe lại bạn và tôi dạo bước
Nhìn hồ xanh thanh tịnh cô liêu
Thu sắp đi đông vừa chớm đến
Giữa rừng thơ cây nhớ lá vàng
Núi vẫn ngao nghêu câu hùng vĩ
Thác rơi cuộn cuộn nước trôi nhanh
Trời chớm lạnh gió chưa thổi buốt
Văng bóng người cảnh của riêng ta
Kìa bạn đưa tôi đến ryokan
Mang áo khoác của hotel cho khách
Bạn và tôi uống trà ăn bánh
Ngắm cửa hàng rồi đi tắm onsen
Suối nước nóng tâm thần
khoan khoái

Âm nụ cười bên cạnh bạn thân
Không lo âu ngày chơi thông thả
Để mai này không nuôi tiếc thời gian
Ta cần chi ngọc ngà hay châu báu
Khi có rồi hạnh phúc nắm trong tay
Tình bạn thân quý hơn vàng bạc
Vì bạc vàng đâu đem lại cho ta
Những nụ cười hay niềm vui lớn nhỏ
Mà bạn bè từng trao tặng cho nhau
Sau giờ chơi thì đến giờ ẩm thực
Những món ngon như dạ tiệc đầy bàn
Rượu sa kê ta uống nồng nàn
Bạn rót mãi nên mùi chai mới hả
Ta gờ chén mong ngày tái ngộ
Trong tương lai nơi khung cửa
trường xưa
Lòng lâng lâng ta hẹn hôm mai
Hàn huyên vui thú thêm ngày cuối thu
Giờ ta tạm chia tay chìm giấc
Khi đêm về thả giấc mộng thần tiên
Kỷ niệm này tôi sẽ mãi không quên
Này bạn hỡi nụ hôn này tặng bạn

DIỆM TRÂN

KIỆP NGHÈO

Tiểu Thu

Sau một tháng về thăm lại làng cũ, phố xưa, thích nhất là được nhìn giòng sông tuổi thơ. Con sông với bao nhiêu kỷ niệm êm đềm của thời thơ ấu. Cái tuổi chỉ biết ăn, học và chơi đùa không biết mệt. Hôm nay Thơ từ già bà chị dâu và đám cháu gần chục đứa để trở lên Sài Gòn. Ngày một vợ chồng Thơ và bà chị gái phải đáp máy bay trở về Montréal, nơi các con đang mong đợi. Một tháng trôi qua nhanh quá. Nhất là ở vào tuổi của Thơ, không ai mong thời gian đi nhanh như mây bay, gió thoảng!

Nhớ hôm mới về. Vừa bước vào nhà, bà chị dâu nhìn Thơ trần trời rồi òa lên khóc khiến Thơ cũng mũi lòng rơi lệ. Bà chị dâu năm nay gần tám mươi, bị tai biến mạch máu não hai lần. Lần thứ nhì ai cũng tưởng bà sẽ đi sum họp với ông anh của Thơ trên cõi vĩnh hằng. Nhưng may quá, bà qua khỏi và đi lại được, dù rất chậm chạp. Chỉ có trí nhớ là bị ảnh hưởng nặng nề, lúc quên lúc nhớ khiến có lần hai nàng dâu thiếu điều thượng cẳng tay, hạ cẳng chân với nhau. Chỉ vì bà nói với cô này là cô kia cả ngày không cho bà ăn uống gì cả. Cô nàng mét với chồng và chiến tranh bùng nổ! Từ đó những gì bà phàn nàn đều được xét lại kỹ càng hơn.

Thơ thương bà chị dâu vô cùng. Bà đã sinh cho gia đình chồng mười bốn đứa con, cả trai lẫn gái. Mà đứa nào cũng đẹp đẽ và khỏe mạnh sồn sột. Cuộc đời bà cực khổ trăm chiều. Đầu tắt mặt tối nuôi nấng đàn con, không hề được hưởng bất cứ một thú vui hào nhoáng nào của cuộc đời. Đến khi anh của Thơ qua đời thì bà đã ngoài sáu mươi và ở với đứa con gái út. Con bé thật hiếu thảo. Săn sóc mẹ cẩn thận từ miếng ăn, giấc ngủ. Thế mà xã hội Á Đông, cho đến ngày nay, vẫn quý con trai hơn con gái! Hôm vợ chồng Thơ từ già để lên Sài Gòn, bà chị dâu lại khóc. Bà cầm tay Thơ siết đi siết lại khiến trái tim của Thơ muốn chảy ra thành nước. Ôi bà chị dâu đáng thương! Không biết lần tới, bà có còn đó để cầm tay Thơ siết tới siết lui như lần này nữa không? Cuộc đời chẳng thường dành cho chúng ta những điều bất ngờ nhất hay sao? Mà không phải điều bất ngờ nào cũng thú vị!

Chiếc taxi bảy chỗ mới chờ nổi tám cái vừa valise, vừa xách tay, nhét đầy áo quần và quà cáp các thứ. Thì bà con biểu dài dài từ Bắc vào tới trong Nam mà lị! Ông xã cần nhẫn, nhưng Thơ cứ mặc kệ, nhét đầy đến nổi tét luôn cái túi xách Adidas bằng vải nylon! Cái túi nàng đã mua, để chứa sách do bạn bè tặng, cách đây 3 năm nhân dịp đi chơi Los Angeles. Thơ tức cái hãng máy bay chết tiệt Air Canada chỉ cho mỗi hành khách có đúng một kiện miễn phí. Chỉ có hành khách mua vé từ tháng mười

một trở lại mới được hai valises. Mà nàng thì đã mua từ tháng chín! Muốn thêm một valise í à? Thì phải sùỵ ra đúng một trăm đô la chứ sao! Cũng đành cắn răng chi ra hai trăm cho hai chuyến đi và về. Thơ còn cái tội nữa là lần đi du lịch nào, bất cứ ở đâu, cô cũng lén dấu một vài nhánh cây cảnh hay hoa hoét gì đó đem về nhà trồng. Mà ác cái là cành cây nào cũng đâm rễ và mọc lên phôi phôi. Lần này Thơ dấu đúng năm cành đâm bụi lá ngũ sắc. Vừa thấy bụi đâm bụi trước nhà cô em chồng và mắt Thơ sáng rực như đèn pha! Trước hôm xếp đồ vào va ly, Thơ ra chợ Sài Gòn mua vài cành hoa giả, sau đó trộn lẫn giả và thật để đánh lận con đen mấy ông nhà đoan ngoài phi trường. Chiêu này Thơ học từ một người bạn thích đi du lịch và mê trồng trọt (đồ chôm) như cô.

Phi trường TSN vẫn tấp nập người đưa, kẻ đón như thường lệ. Nhiều gia đình đông người ngồi lê la cả dưới đất. Trẻ con thì rượt đuổi nhau âm ỉ, cản trở hành khách với những chiếc xe đẩy đầy ắp hành lý. Một hoạt cảnh có một không hai.

Trong khi chờ đợi đến phiên xếp hàng cân hành lý, chị em Thơ ngồi nơi hàng ghế sát tường. Hai người đang nhắc lại những chuyện vui buồn xảy ra trong suốt tháng vừa qua, bỗng có một cặp Á Châu tới ngồi bên cạnh. Người đàn ông khá trẻ, cao ráo, mặt xương xẩu, kéo đúng một va ly nhỏ và một chiếc ba lô khoác trên vai. Cô gái trạc

ngoài ba mươi, tóc nhuộm hoe hoe vàng, mặt đầy mụn, dù làn da rất trắng, tay xách chiếc ví nhỏ. Vừa ngồi xuống là cô nàng quay sang gật đầu chào chị em Thơ, miệng cười toe toét. Nhưng người đàn ông mặt mày lạnh lùng. Thơ mỉm cười chào lại. Cô gái bắt chuyện, giọng miền Nam, có pha chút hương đồng gió nội:

-Cô ơi, cô đi Mỹ hả?

-Không, cô đi Canada. Còn vợ chồng cháu?

Cô gái cười, liếc sang người đàn ông rồi trả lời:

-Ông này không phải chồng cháu. Ông người Đại Hàn, sang đây xem mắt vợ. Hôm nay ông trở về bên.

Thơ không dấu được sự tò mò:

-Ông sang xem mắt cháu hay sao?

Cô gái vẫn cười, Thơ nhìn thấy lúm đồng tiền trên má xinh ra phết:

-Ông sang xem mắt con bạn cháu.

Tại cháu thấy ông hiền nên muốn làm mai cho con bạn cháu dưới quê. Con nhỏ chịu mà má nó còn ông ẹo nói để bả suy nghĩ rồi mới trả lời. Tại con bạn cháu đẹp lắm cô ơi.

Bà chị Thơ bây giờ mới lên tiếng:

- Vậy cháu cũng lấy chồng Hàn quốc hả? Mà quê cháu ở đâu lận?

-Cháu ở Đồng Tháp. Cháu có chồng Việt Nam, nhưng cháu đi lao động bên Hàn Quốc. Tại cháu có một bà chị với một con em lấy chồng Hàn. Chị cháu bảo lãnh cháu sang đó đi làm. Chồng và con gái cháu ở dưới quê. Cháu đi làm

bên đó ba tháng, về quê ba tháng...Cứ như vậy từ mấy năm nay đó cô.

-Vậy là cháu cùng quê với cô. Mà sao không làm một lèo vài năm rồi về có phải bớt tiền vé máy bay đi lại hay không?

Nghe nói người cùng quê, có lẽ cô gái cảm thấy gần gũi hơn nên sẵn sàng "tâm sự":

-Cô ơi, nếu cháu đi một lèo chỉ sợ ông xã có bồ. Cô biết không, ở bên đó cháu đi làm mỗi tháng kiếm được hai ngàn đô. Ba tháng sáu ngàn đô. Nhờ ăn ở nhà chị nên cháu đâu có tốn kém đồng nào. Trừ một ngàn tiền vé máy bay, cháu cũng còn được năm ngàn. Bên mình, dưới quê, mỗi tháng giỏi lắm kiếm được một hai trăm đô là cùng.

Thơ thật sự ngạc nhiên:

-Cháu làm nghề gì bên đó mà kiếm được nhiều tiền vậy?

-Cháu làm ngoài cảng cá. Mỗi ngày tàu đánh cá về bến, họ cần rất nhiều người khiêng và lựa cá. Làm cực nhưng họ trả lương cao lắm. Lại còn cho rất nhiều cá, mực tươi về ăn nữa. Rồi cô gái cười lớn lên, chỉ lên mặt mình, hồi xưa da cháu tốt lắm, tại ăn nhiều đồ biển quá nên nổi mụn tùm lum! Chớ họ cho, không ăn cũng uống. Có khi cho nhiều quá mình ăn không hết, bán bớt cũng có tiền đó cô. Ông này thấy gái Việt Nam làm việc giỏi nên năn nỉ cháu làm mai dùm ông một cô Việt nam. Bên đó ông có tiệm cơm gần nhà chị cháu.

Thơ đôi đũa tãi:

-Chị cháu lấy chồng về bên đó lâu chưa?

Nghe nhắc đến chị, mặt cô gái bỗng thoáng buồn. Nụ cười tắt trên môi

-Chị cháu lấy chồng về bên đó mười lăm năm rồi. Con gái lớn năm nay mười ba tuổi rồi cô. Mà tội nghiệp chị cháu lấy ông chồng mù!

Thơ tưởng mình nghe lầm:

-Chị cháu lấy ông mù?

-Dạ. Chồng chị cháu bị mù cả hai mắt. May mà ba đưa con đều bình thường. Hai cô biết không, nhà cháu đông anh em lắm. Tới mười hai đứa lận. Nhà nghèo không đủ ăn nên chị cháu phải lên Sài Gòn làm mướn cho người ta. Một hôm có người xúi chị cháu đi tới chỗ mấy ông Đại Hàn coi mắt mấy cô gái để lấy làm vợ. Mà mỗi ông coi tới cả trăm cô lận nghen. Hồng biết con gái đâu mà nhiều dữ thần! Hai cô biết hông, tới phiên ông mù không cô nào chịu ra gặp hết. Tại vì nếu lấy ông, đem về quê làm đám cưới xóm riêng cười chết. Ai cũng mắc cỡ nên đều từ chối. Năm đó chị cháu đã ba mươi bảy tuổi rồi, hơn nữa muốn có tiền giúp ba má nên mới chịu lấy ông. Lúc đó ông cũng ngoài năm mươi tuổi.

Thơ cắt ngang:

-Vậy ông biếu ba má cháu bao nhiêu tiền khi cưới chị cháu?

Giọng cô gái như reo vui:

-Tới hai ngàn đô lận đó cô. Thời đó hai ngàn đô là nhiều lắm. Mấy người khác có khi chỉ được vài trăm đô!

Tự nhiên Thơ cảm thấy xót xa. Giá một cô con gái Việt nam chỉ ngần đó thôi sao?

Giọng cô gái vẫn phấn khởi:

-Vậy mà chị cháu hên (?) vì ông đó giàu lắm. Không ngờ ông có tới năm, sáu căn nhà cho mướn. Với lại ông còn là một thầy chiêm tinh nổi tiếng. Nhiều người bên Đài Loan cũng qua coi ông nữa đó cô.

Khách Đại Hàn thì đông lắm. Mỗi ngày ông kiếm bao nhiêu là tiền. Thành ra chị cháu chỉ ở nhà đẻ con và săn sóc nhà cửa. Nhờ chị cháu mà con em gái kế cháu lấy được chồng Hàn. Người này cũng khá lại rất cưng em gái cháu. Mấy đứa em dưới quê bây giờ đứa nào cũng được chị cháu giúp đỡ có nhà cửa khang trang. Chị ấy còn bảo lãnh ba má qua ở bên đó để chị phụng dưỡng. Ba cháu mới mất cách đây hai năm. Má cháu chịu lạnh hồng nổi nên trở về Việt Nam. Nhà ba má cháu dưới quê cũng được chị xây lại đẹp lắm.

Thơ tò mò:

-Cháu đi làm cực khổ đem tiền về cho chồng, không sợ chồng rượu chè, đàn đúm phá hết hay sao?

Cô gái cười tươi rói, nhưng ánh mắt mơ màng:

-Dạ đâu có. Tiền cháu làm chị cháu giữ dùm. Cháu có ra 1 tiệm cà phê cho chồng cháu trông coi để có đồng ra đồng vào tự nuôi sống. Chùng nào đủ tiền, cháu sẽ về quê xây một căn nhà thiệt lớn.

Thơ nghĩ thầm đây mới đúng ý chàng câu tục ngữ "Một người làm quan cả họ được nhờ". Đấng này thì một người lấy Hàn cả nhà được nhờ. Sự hy

sinh của người chị thật đáng vinh danh. Lòng nhân ái của cô đã được đền bù bằng một cuộc sống hạnh phúc êm đềm, ba đứa con kháu khỉnh và người chồng khiêm thị nhưng tận tụy yêu cô. Còn hơn ở lại quê nhà, lấy phải một ông chồng suốt ngày bê tha nhậu nhẹt đánh vợ đờ con. Trong muôn ngàn trường hợp xui xẻo, bất hạnh của những cô gái lấy chồng Hàn quốc, cũng có những trường hợp ngoại lệ như câu chuyện Thơ vừa nghe. Nhất là sự hy sinh cao cả của người chị khiến Thơ cảm phục. Cô nghiệm ra rằng chính trong tầng lớp nghèo nàn, quê mùa, thất học lại thường xuất hiện những viên ngọc quý chói sáng rực rỡ. Có lẽ đầu óc chơn chất, thật thà của họ không hề có những suy nghĩ xa vời, những âm mưu thâm độc, những toan tính bất lương chẳng? Như cô chị trên đây, để giúp đỡ gia đình nghèo đói, cô nhắm mắt lấy ông chồng khiêm thị, không màng đến lời khinh chê của chòm xóm, láng giềng. Rồi nhờ vào sự hy sinh này, các em cô đã vượt ra khỏi sự nghèo túng.

Đáng trân quý lắm tấm lòng cao cả của những người phụ nữ Việt Nam.

Cô gái bỗng đứng lên theo người đàn ông bên cạnh:

-Cô ơi, cháu phải đưa ông này đi cân hành lý. Chào hai cô. Chúc hai cô đi mạnh giỏi. Đưa ông đi rồi, cháu trở về Cao Lãnh liền.

Thơ cũng chúc cô gái nhiều may mắn. Nhìn theo dáng đi tất tả của cô, Thơ không khỏi bàng hoàng và chợt nhớ nàng không biết tên cô gái!

Tiểu Thu (Canada)

NHỮNG NGÀY THÁNG CŨ

Nguyễn Mây Thu

Ở đây, mùa đông về âm ỉ, thê lương bên những hàng cây trơ cành trụi lá. Mùa hạ đến êm đềm, từng chùm hoa tử đinh hương tím tím đong đưa trước sân nhà. Mùa thu sâu man mát, đơm hoa cúc huyền hoặc lung linh dưới nắng tơ vàng. Và mùa xuân sang tưng bừng, rực rỡ khoe muôn sắc màu. Từng lẵng hoa dã yên thảo, phong lữ thảo màu hồng hạnh hay ngọc lựu treo lững lờ bên tường đá quét vôi trắng, cánh mỏng như tơ lụa. Những cánh hoa liên kiều, thủy tiên, hồng đào tươi thắm không ngớt đua chen cùng những nụ hồng muợt mà xinh xắn, hồng trắng, hồng nhung, hồng vàng, hồng tím hoa cà... lóng lánh đọng giọt sương ban sớm, thơm mùi hương dịu dàng thoang thoảng bay trong gió.

Nghĩa là tuần tự theo tháng năm, bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Diễm không ngớt nghĩ về Duy, gọi tên Duy hay băng khuâng nhớ về kỷ niệm thuở xưa xa, những ngày đậm ấm đùa vui xen lẫn chút giận hờn vụng dại... Không biết bây giờ Duy đang ở đâu? Có những mùa đẹp nhất trong năm, nhưng chỉ có một mùa duy nhất trong một đời người. Đó là mùa tình yêu đợi mong mà hoa tình yêu là những cánh vô ưu không bao giờ tàn phai, để cho đôi trái tim cùng

hòa một nhịp và để cho ngày tháng thanh xuân đầu có qua đi cũng còn ở mãi rất lâu trong tâm hồn. Có phải thế không? Như mới ngày nào, vào mỗi dịp hè đã cùng Duy nắm tay đi nhau đi bên ngàn hoa, trên nền cỏ xanh và rừng thông xanh uốn lượn vòng quanh núi đồi Đà Lạt, hay trên những con đường khi tan trường về, Sài Gòn rợp đầy bóng mát vào mùa mưa tháng sáu, chiếc lá me như hoa giấy bay bay trên đầu, rơi rơi trên tóc làm ngây ngất say sưa.

Gọi đó là kỷ niệm, những gì nằm sâu trong ký ức tưởng đã xa xôi lại vô cùng gần gũi... Ngôi nhà, mái trường, dòng sông, con đường. Cha mẹ, anh em, bạn bè, thân thích... đã tản mạn khắp nơi, ly tan mọi nẻo. Biết bây giờ Duy có nhớ gì không? Những buổi đi chơi xa, họp bạn, nhóm lửa trại cùng với Thảo-Tâm, Minh-Hà, Lan Anh, Vân Anh, Minh Nguyệt... Tất cả những âm thanh như quyện lẫn vào nhau. Tiếng những đóm lửa tàn kêu tí tách trong đêm, tiếng côn trùng rên rĩ, tiếng gió vi vu, tiếng mưa êm đềm và những tiếng cười hồn nhiên tươi trẻ... Minh Nguyệt bày ra nhiều trò chơi, vỗ tay ca hát, nhảy múa rồi mỗi người đưa ra một câu danh ngôn nói về ý nghĩa của tình yêu. Lan Anh hỏi:

- Tình yêu là gì nhỉ? Thảo trả lời:

- Alfred de Musset nói: “*Tình yêu là tất cả*”. Minh Nguyệt bồi thêm:

- Robert Browning nói: “*Tình yêu là điều tuyệt hảo*”.

Duy cất giọng trầm ấm. Bạn ơi, câu này của Victor Hugo:

- *Cái sung sướng nhất trên đời là tin chắc rằng mình đã được yêu.* Diễm phụ họa theo, câu này cũng của Victor Hugo:

- *Ai khổ vì yêu hãy yêu hơn nữa. Chết vì yêu là sống trong tình yêu.*

Vân Anh vội reo lên:

- Hai người này “tâm đầu ý hợp nhĩ”? Tục ngữ Việt Nam có câu: “Yêu nhau lắm thì cắn nhau đau” đấy!

Cả bọn cùng cười, tiếng cười vang lên trong đêm thâu, bên ánh lửa và Diễm đã dấu mặt mình sau lưng áo của Duy mà nghe lòng tràn đầy hạnh phúc...

Còn nhớ hôm đám cưới của đôi bạn Thảo và Tâm, trên căn gác nhỏ vào một sáng mùa xuân dịu êm, những mái đầu chụm vào nhau to nhỏ, vừa mân mê trang điểm cho cô dâu, vừa nhìn Thảo với ánh mắt sáng ngời hạnh phúc để những giọt lệ lăn chảy rung rung trên má, Diễm bỗng dưng đỏ bừng mặt lên vì thẹn thùa khi Chị Vân, vợ anh Phúc đã nói thầm thì bên tai Diễm:

- Mai một tới đám cưới Diễm chắc là vui lắm!

Diễm không thể tưởng tượng ra khung cảnh ấy như thế nào nhưng khi tiệc tàn, chia tay từ giã bạn ra về, Thảo dúi vào tay Diễm cuốn tập thơ bìa đỏ được bao lại bằng giấy kính mờ với dòng chữ nắn nót:

SỐ 66

- Gửi lại cho bồ đó, những bài thơ Nhã Ca.

Diễm còn giữ mãi bên mình cuốn tập thơ của Thảo gửi tặng, mặc dù mọi thứ đã vô tình hăng rơi vào một cõi vắng im mù xa, nhưng mỗi khi đọc lại, Diễm vẫn mang trong lòng nỗi bồi hồi xao xuyến, niềm luyến tiếc băng quơ của một thời trẻ dại: “*Tôi làm con gái buồn như lá cây, chút hồn thơ dại xanh xao thánng ngày...*”. Làm sao Duy biết được có những buổi Diễm đi ngang qua nhà Duy mà không dám gọi kêu, chỉ lẳng lẳng đứng nhìn Duy ở một góc tối. Chiếc áo len xám mùa đông Duy mặc là do chính Diễm đan. Gương mặt Duy trong sáng, ánh mắt Duy bình thản dưới ngọn đèn néon dịu nhẹ, tay hý hoáy viết không ngừng, quyển Vạn Vật của thầy Đỗ Danh Tâm dày cộm đang mở tung ra. Diễm chỉ yên lặng đứng nhìn đến không dám thở, sợ làm vỡ tan đi cả không gian đậm âm của Duy trong ngôi nhà hạnh phúc có cha mẹ, anh chị em quây quần đông đủ...

*

Một buổi sáng mùa xuân có những hạt mưa bụi nhỏ bay lất phất, tình cờ gặp lại Minh Nguyệt ở Paris trong khu phố Tàu quận 13. Tay bắt mặt mừng, Nguyệt nói: “Lan Anh vẫn phòng không chiếc bóng, hiện đang ở Đức với người em gái. Đôi bạn Thảo-Tâm vượt biên nhưng không tới bến bờ. Vân Anh còn ở lại Sài Gòn và đã lập gia đình. Minh-Hà, đôi uyên ương ấy xây dựng cuộc

MỘT NỬA MÙA XUÂN

Tặng em một nửa mùa xuân
Em năn nỉ cả trăm phần trăm sao?
Nghe em còn nói là bao!
Em đang dành dụm bước vào hồi xuân
Còn nhiều thứ nữa... vân vân...
Biết rồi trời sẽ xoay vần cho em.

Phan Khâm

đời ở Toronto”. Rồi Minh Nguyệt thoảng lặng im.

- Còn Duy, Nguyệt không có tin tức gì của Duy sao? Diễm hỏi:

- Nghe nói anh cũng vượt biên cùng Mẹ và hai em, Ngọc Huệ, Ngọc Hân, sau đôi bạn Minh-Hà một tháng, nhưng Nguyệt hoàn toàn không biết gì thêm nữa.

Bật vô âm tín. Bóng chim tăm cá. Ôi Duy! Chuyện gì đã xảy đến cho Duy? Diễm bỗng quay lại, giọng ngập ngừng hỏi Minh Nguyệt:

- Hay là Nguyệt có điều gì giấu Diễm?

- Không đâu Diễm à. Không bao giờ!

Minh Nguyệt nhìn Diễm áy náy như muốn gửi lời ủi an, nở môi cười giữa hai hàm răng trắng đều mà đôi mắt long lanh ngấn lệ:

- Diễm có nhớ bài “La Chanson d’Automne” của Paul Verlaine không?

- “Bài Hát Mùa Thu”. Sao lại không?

Trong đó có câu: “*Je me souviens*

des jours anciens et je pleure”. Ngày ấy trước khi rời trường, chia tay, cả bọn đã xúm nhau chơi trò cắt dán từng chữ một trong tập lưu bút của Thảo. Rồi Lan Anh cứ nhất định viết ngược để đọc xuôi vào trang bên kia, còn bảo rằng: “Tình yêu chỉ như một giấc mộng, không bao giờ có thật”, ngày ấy Lan Anh vừa chia tay với Vĩnh, đau điếng, đôi mắt lúc nào cũng ướt rười rượi như những giọt mưa thu in trên gương mặt buồn bã. Trời bỗng dưng đổ mưa không dứt, tiếng mưa rơi đều đặn, dai dẳng triền miên. Đứng trú mưa dưới mái hiên của một cửa hàng, đôi bạn cùng nhìn nhau ngậm ngùi. Cùng nhìn những hạt mưa trong suốt như thủy tinh, lóng lánh từ trời cao rơi xuống rồi vỡ tan ra, chảy xuôi theo vỉa hè hai bên đường, Diễm nghe dâng tràn một nỗi buồn không đầu, co rút đôi vai và đưa tay vuốt những giọt nước lăn trên má, không biết là nước mưa hay nước mắt. “*Tôi nhớ ngày xưa và tôi khóc*”.

Nhớ làm sao ngày xưa trong ngôi nhà của ba mẹ Lan Anh ở Đà Lạt, với những cánh hoa tương tự màu vàng anh lung lay trong nắng và hoa cẩm tú cầu hồng, tím ửng xanh ngoài sau vườn, Diễm đã đem về ép khô vào quyển vở nháp. Hôm ấy lần đầu tiên quen biết Duy, trong ngày sinh nhật của Lan Anh vừa tròn mười tám tuổi. Để rồi từ đó cứ mỗi khi hè đến, Diễm lại được dịp ghé thăm Đà Lạt với Lan Anh, làm nơi hẹn hò cùng với Duy, tung tăng viếng Thác Prenn, Thác Cam Ly, đi dạo quanh bờ

Hồ Xuân Hương xinh đẹp và nghe tiếng gió reo vi vu của rừng thông đầy thơ mộng. Lòng Diễm đau buốt. Ngày xưa vô tư hồn nhiên và hạnh phúc êm đềm quá... “ *Bạn ơi, khi chúng ta còn thơ ấu. Chân bước trên hoa thơm đường vui. Dàn trôi, ngày tháng trong tiếng cười. Tình xuân qua hôn vẫn xanh hương đời...* ” Mưa Trên Phím Ngà của Nhạc sĩ Văn Phụng. Ngày ấy, đã biết bao lần cùng hát chung với Duy trong gian phòng âm cúng của Lan Anh, đệm theo tiếng mưa tí tê trên mái ngói mà Duy gọi đó là tiếng dương cầm thánh thót. Không dung Diễm muốn để cho mưa rơi làm ướt áo, ướt tóc, ướt đôi bờ vai, tắm đẫm trên làn môi. Mưa. Như thể Duy đang ở gần đâu đây, cùng nói cười với Diễm, hát với Diễm như mới ngày nào thôi. Nắm chặt tay Minh Nguyệt vội buông lời từ giã, dặn dò nhắn nhủ, Diễm băng mình qua làn mưa trắng xóa, rẽ qua phía bên kia đường nhiều xe cộ rồi mất hút...

*

Có lần Lan Anh hỏi : “ Tình yêu là gì nhỉ ? ”. Có phải tình yêu là những gì xuất phát từ trái tim thì không cần giải thích. Cảm xúc ấy được trân trọng gìn giữ, chia sẻ, từ tấm lòng son sắt của đôi tâm hồn đồng điệu, cùng hướng về tương lai để ước mơ hạnh phúc lứa đôi, biết cho đi và được nhận lại. Nhưng cho đi là đã mất rồi và nhận lại là còn mãi mãi. Diễm đã cho đi nên Diễm đã mất rồi. Từ những giây phút đầu tiên, thấy

SỐ 66

trong ánh mắt long lanh như muôn nghìn vì sao rơi vỡ.

Ở đây, ngày tháng dài lênh đênh, buồn mông mênh. Diễm vẫn mang canh cánh bên mình một kiếm tìm vô vọng. Tuổi thanh xuân qua đi, nhưng kỷ niệm theo với thời gian không thể xóa nhòa. Ngày ấy đã cùng xem với Duy trong rạp Rex ở Sài Gòn: “ *Yêu nghĩa là không bao giờ phải nói hối tiếc* ”. Love Story đó ! Biết Duy còn nhớ gì không, dưới ánh đèn mờ mờ, tay Diễm đan trong từng ngón tay Duy vô cùng gần gũi, thân thiết? ... “ *Thuyền trôi xa về đâu ai biết.*

Thuyền có về ghé bến tự do. Trời cao xanh hay trời oan nghiệt. Trời có buồn hay trời chỉ làm ngờ... Lời Kinh Đêm của Nhạc sĩ Việt Dzũng. Bài hát xé lòng đó, Diễm thường nghe vào những đêm canh khuya thanh vắng, để cảm thấy được vỗ về, an ủi khi lòng buồn chạnh nhớ đến Duy, rồi bỗng dưng lặng lẽ nước mắt ở đâu tự nhiên lăn chảy. Diễm vẫn thường tự hỏi, không biết bây giờ Duy đang ở đâu ? Lang thang phiêu bạt ở một nơi nào tận cùng trời cuối đất. Có điều gì trắc ẩn để cho Duy không thể tìm gặp lại Diễm? Nào có giận hờn gì nhau mà Duy lánh mặt đi? Diễm đã tìm hỏi tin tức khắp nơi, từ Minh Nguyệt khi chia tay trong khu phố Tàu quận 13, từ những bạn bè quen biết. Và cả gia đình Duy nữa, sao mà im bần bật! Hay là... cũng như đôi bạn Thảo và Tâm, số phận không may mắn... xác thân Duy đã gửi vào lòng biển cả! Ôi! Diễm đã không muốn tin, nghĩa là Diễm

còn muốn nuôi hy vọng, một ngày nào đó Duy sẽ đến trước sân nhà gọi tên Diễm, kể lể, nói cười, cho bỏ đi bao tháng ngày thương nhớ mong chờ, và Diễm sẽ vui mừng đến ngẩn ngơ.

Có một chút gì vương vãi của mùa đông còn sót lại và hình như mùa xuân đang bắt đầu. Trời mới vừa hừng sáng, khoát chiếc áo ấm, mở tung các cánh cửa, Diễm ra đứng ngoài ban công, nhìn mông lung qua những mái nhà lợp ngói đỏ, trên các cành cây khô thấy thấp thoáng ẩn hiện vài hoa lê, hoa táo trắng phơn phớt, có tiếng chim hót líu lo trong không khí thơm mát chợt se lạnh khi cơn gió thổi qua, chợt ấm áp khi nắng sớm ủa vào. Phía sau sân nhà, dẫn tới con đường ngoài công viên dài hun hút, hàng thùy liễu xác xơ vào buổi đông tàn như mái tóc của một người vừa thoát qua cơn bệnh, đang bắt đầu hồi sinh, trỗi dậy mọc lên những chiếc lá non tươi xanh mơn mớn. Màu xám sáng loáng của nền trời, lẫn trong màu hồng nhạt phai của mấy nụ hoa đào nhỏ li ti xinh xắn. Tia nắng yếu ớt buổi ban mai len lỏi vào tầng mây bàng bạc, xa xa, xuyên qua cành cây kẻ lá, vẽ nên bức tranh tuyệt vời diễm ảo.

Thiên nhiên rất đúng hẹn, bước nhịp nhàng đem mùa xuân tới, gửi yên vui hạnh phúc đến muôn người. Cho nên Diễm vẫn nuôi hy vọng, vẫn ước mơ có một ngày được gặp lại Duy nhưng đồng thời cũng mang trong lòng biết bao nhiêu hụt hẫng. Sống nơi đây một mình tha hương lưu lạc, cô đơn, lẻ loi không

người thân thuộc. Lòng bồi hồi chợt nhớ đến quê nhà. Dù có một lần tưởng nghĩ trở về, nhưng hình ảnh chốn quê xưa bây giờ đâu còn nữa. Thời gian trôi qua với quá nhiều đổi thay, mất mát. Vân Anh có đôi lần viết thư cho Diễm kể lể : *“Người ta không còn biết gì đến lòng bác ái, lễ công bằng, nề nếp đạo đức nhân, nghĩa, lễ, trí, tín giữa thời buổi nhiều nhưong này. Người hung tợn gian trá nhiều hơn người hiền lành, họ quan niệm khôn thì sống dại thì chết, hay nếu muốn được sinh tồn phải thích nghi với hoàn cảnh. Lòng người đã héo khô, tình người đổi trắng thay đen nào ai soi thấu được. Diễm cứ nhắm tình đi, ba mươi mấy năm qua rồi, Sài Gòn bây giờ, đời sống, tâm tình đều đổi khác. Sài Gòn của chúng mình và của bao nhiêu lớp người đã từng sinh sống hạnh phúc, bình yên, vô tư hồn nhiên thuở trước, nay chỉ còn là dĩ vãng mà thôi.”*

**Còn gì nữa đâu! Có còn chăng là
mớ kỷ niệm cũ càng của những ngày
xưa thân ái, tiềm tàng trong ký ức mà
Diễm mãi nâng niu, gìn giữ. Biết làm
sao quên và biết tìm đâu những ngày
tháng cũ. Diễm ngược nhìn ra phía
trước sân nhà, ngạc nhiên thấy cánh
hoa báo xuân đầu tiên màu hồng
phấn vừa hé nụ. Nơi đây, xuân vẫn
đến rồi đi, xuân lại trở về theo lẽ tuần
hoàn của đất trời.**

Nguyễn Mây Thu
(Paris, 26-01-2014)

"THẾ-GIỚI TRUYỆN NÔM" CỦA MAURICE DURAND (1914-1966)

Nguyễn Ngọc Bích giới-thiệu

Trong những sách tôi mới nhận được từ Việt-nam, có một cuốn tôi đặc-biệt chú ý, đó là cuốn *L'Univers des Truỵện Nôm* mà người dịch ở Hà-nội đã dịch thành "Thế giới của Truỵện Nôm" (tôi thiết nghĩ chữ "của" hoàn-toàn không cần thiết). Đây là một ấn-phẩm nằm trong Tủ sách Việt Nam (số IV) của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp (Ecole française d'Extrême-Orient) "được xuất bản với sự tài trợ của Trung tâm ngôn ngữ và văn minh Pháp và Đại sứ quán Pháp" tại Việt-nam ("publié avec le concours de l'Alliance Française et de l'Ambassade de France en République Socialiste du Vietnam").

Cuốn sách đáng chú ý vì nhiều lý-do. Trước hết là tác-giả của nó, ông Maurice Durand, một trong những chuyên-gia hàng đầu của Pháp--và ta dám nói là của cả thế-giới--về Việt-nam-học. Từ thập niên 1950 chúng ta đã được chứng-kiến những nghiên cứu và tác-phẩm sâu sắc, nổi tiếng của ông như:

- *La pagode Một Cột* ("Chùa Một Cột," Hà-nội, 1949)

- *La pagode Lý Quốc Sư* ("Chùa Lý Quốc Sư," Hà-nội, 1949)

- *La Complainte de l'Epouse du Guerrier de Đặng Trần Côn* (dịch "Chinh-phụ-ngâm," BSEI, 1953)

- *Connaissance du Vietnam* ("Tri-thức về VN," Hà-nội, 1954) viết chung với Bác-sĩ Pierre Huard

- *Technique et Panthéon des médiums vietnamiens* ("Kỹ-thuật và Phù thánh của các đồng cô Việt-nam," 1959)

- *L'imagerie populaire vietnamienne* ("Tranh dân-gian Việt-nam," 1960)

- *Les impressifs en vietnamien* ("Những tiếng lấp láy hay ấn-tượng trong tiếng Việt," 1961)

- *La transcription de la langue vietnamienne et l'oeuvre des missionnaires français* ("Việc chuyển-tả tiếng Việt và sự-nghiệp của các nhà truyền giáo người Pháp," 1961)

- *Le Phan Trần* (chủ thích và dịch "Truyện Phan Trần" sang tiếng Pháp, có cả bản Nôm đi kèm, Paris, 1962) chưa kể những bản dịch của ông trong *Dân Việt Nam* như dịch *Lĩnh Nam chích quái* hay một phần *Cương mục* (tức *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục*), đoạn viết về nhà Tây Sơn v.v. hoặc phần giới-thiệu về "Littérature vietnamienne" ("Văn-học Việt-nam") trong bộ *Histoire des littératures* trong collection

Encyclopédie de La Pléiade (Paris: Gallimard, 1956). Hay tuyển-tập các bài nghiên cứu mang tên *Mélanges sur Nguyễn Du* (Réunis à l'occasion du Bicentenaire de Nguyễn Du, "Tập-văn về Nguyễn Du," làm chung với G.S. Tạ Trọng Hiệp, Paris: EFEO, 1966) hoặc cuốn *Introduction à la littérature vietnamienne* ("Dẫn nhập vào Văn-học Việt-nam") viết chung với B.S. Nguyễn Trần Huân (Paris: G.-P. Maisonneuve et Larose, 1969). Cuốn sau này có được dịch sang tiếng Anh và do Columbia University Press in ra.

Sau khi ông mất vì bạo-bệnh vào năm 1966, Trường Viễn Đông Bác Cổ ở Paris tiếp-tục cho in những tác-phẩm gần xong của ông như cuốn *L'oeuvre de la poétesse vietnamienne Hồ Xuân Hương* (Paris: EFEO, 1968),

Góc gác của cuốn "Thế-giới Truyện Nôm"

Ông Maurice Durand sinh ra ở Hà-nội vào ngày 2 tháng 8 năm 1914, con của ông Gustave Durand, trưởng phòng dịch-thuật Toà Án Đông Dương đồng-thời là giáo-thụ tiếng Hoa ở Trường Đại-học Hà-nội, và bà Nguyễn Thị Bình, người tỉnh Kiến-an gần Hải-phòng. Từ nhỏ, như vậy ông đã được nuôi dưỡng trong hai thứ tiếng, Pháp và Việt, mà ông coi như tiếng mẹ đẻ, và hai nền văn-hoá mà sau này sẽ ghi đậm dấu ấn lên sự-nghiệp và trứ-tác của ông.

Sau khi tốt nghiệp ở trường trung-học Albert Sarraut (Hà-nội), ông được gởi đi Pháp học tiếp và nơi đây ông đã lấy được

bằng cử-nhân văn-khoa ("license de lettres," mà Hà-nội dịch miệt-thị là "tấm bằng văn khoa") và bằng Cao-học ("Diplôme d'Etudes supérieures," mà Hà-nội dịch bậy là "bằng cử nhân đại học") với luận-án *Loti et Extrême-Orient* (tức nhà văn "Pierre Loti và Viễn-Đông") vào năm 1937.

Có lẽ vì biết tiếng Anh nên trong thời-gian Thế-chiến II, ông được gởi sang Mỹ làm liên-lạc-viên cho quân-đội Pháp ở bên ấy. Năm 1946, ông đã trở lại Việt-nam với tư-cách là giáo-viên Trung-học. Một năm sau (1947), ông trở thành thành-viên không chính-thức của Trường Viễn-Đông Bác Cổ Pháp và năm 1949 thành thành-viên chính-thức. Ông là Giám-đốc Trường Viễn-Đông Bác Cổ Pháp ở Hà-nội từ năm 1954 cho đến năm 1957 khi Hà-nội đòi đóng cửa chi nhánh này ở VN.

Trở về Pháp, ông phụ trách nghiên cứu môn lịch-sử và môn ngữ-văn ở Trường Cao-học Thực-hành Pháp (Ecole pratique des Hautes Etudes) ở Paris, vị-trí mà ông đã đảm đương trong chín năm và luôn luôn giữ quan-hệ mật-thiết với Trường Viễn-Đông Bác Cổ, nơi ông đã tin tưởng giao toàn-bộ trách-nhiệm xuất bản những công-trình nghiên cứu của ông. Đó là lý-do vì sao cuốn "Thế-giới Truyện Nôm" đã xuất hiện như một sản-phẩm của Trường Viễn-Đông Bác Cổ Pháp ở Hà-nội.

Song câu chuyện không phải là đơn-giản. Ông mất năm 1966 và sau khi ông ra đi, bà Durand đã cho gom hết cả những giấy tờ của ông vào một chỗ. Mãi đến

năm 1994, gần 30 năm sau, bà mới trao lại cho ông Louis Vandermeersch, lúc bấy giờ là Giám-đốc Trường Viễn-Đông Bác Cổ ở Pháp. Về những tài-liệu rải rác mà ông Durand để lại về đề-tài truyện Nôm, ông Vandermeersch đã gợi ý cho bà Durand để nhờ Giáo-sư Lê Hữu Mục, một chuyên-gia Hán-Nôm, ở Canada xem lại xem có thể đúc kết lại thành một cuốn sách không. Song G.S. Lê Hữu Mục, có thể vì sức khỏe đã yếu nên sau một thời-gian đã hoàn lại khối tư-liệu ngồn ngang đó cho Trường VĐBC. Tới đây, ông tân-Giám-đốc Trường VĐBC Denis Lombard đã mời được Giáo-sư Đinh Gia Khánh ở Hà-nội tham-gia vào việc tu soạn lại cuốn sách từ những ghi chép chưa hoàn-hảo của ông Durand. Nói như ông Philippe Papin viết trong bài giới-thiệu, "công việc phức tạp không chỉ vì phải thêm phần phụ lục ngay từ lần đầu biên soạn mà còn vì sự lộn xộn, đan xen nhiều lần lẫn nhau giữa các ngôn ngữ trong cùng một văn bản có nguồn gốc từ những bản nháp và những ghi chép." Để dò lại các trích dẫn của ông Durand, một nhà Hán-Nôm khác, ông Nguyễn Văn Nguyên, đã "dây công đôi chiếu, tìm kiếm những văn bản cổ và đem so sánh một cách tỷ mỉ chữ Nôm trong các văn bản."

Tương như vậy thì sản-phẩm cuối cùng phải gần như hoàn-hảo. Nhưng không hẳn, bởi tình-trạng thủ-bản như ông Maurice Durand để lại đã không được đồng đều. Nếu phần viết về *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, 45 trang khổ lớn

chữ nhỏ (từ trang 57 đến 101), xem ra khá chi-tiết, sâu sắc và đầy đủ, thì những tác-phẩm còn lại xem ra hơi sơ sài. Nguyễn Đình Chiểu, tác-giả *Lục Vân Tiên*, *Ngũ tiều vãn đáp y-thuật* và *Văn tế nghĩa sỹ Cần giuộc* được 18 trang; *Hoa tiên* sáu trang; *Tỳ bà truyện* của Kiều Oánh Mậu được chín trang; *Nhị-độ-mai* được ba trang; *Bích-câu kỳ-ngộ* (tức truyện Tú Uyên) được sáu trang, kèm theo là *Từ Thức tiên hôn lục* ("Truyện Từ Thức lấy tiên") ba trang. Còn hầu hết những truyện còn lại (*Lý-công truyện*, *Ngọc Hoa*, *Nguyễn Đạt Nguyễn Sinh tân-truyện*, *Lưu Bình - Dương Lễ*, *Tổng Trân Cúc Hoa truyện*, *Phương Hoa truyện*...) phần lớn chỉ được 1-2 trang, nhiều là ba trang (như *Hoàng Trừ truyện*, *Tuyển phụ ngô-phối tân-truyện*), chưa kể có truyện chỉ được có nửa trang hay hơn một chút: *Hữu Kế truyện*, *Phù Dung tân-truyện*. Ngoại-lệ là *Truyện Quan-âm Thị Kính* được tới 10 trang (các trang 165-174). Sự chênh lệch này có thể là do tầm quan-trọng tương-đối giữa các tác-phẩm song cũng có thể là do soạn-giả, ông Maurice Durand, chưa kịp có thời giờ viết đầy đủ theo như ý muốn của ông. Tỷ như ông chưa viết gì về các truyện thuộc hạng cổ nhất của VN như *Nghĩa-sĩ truyện*, *Lâm tuyền kỳ-ngộ* là những truyện viết dưới dạng một số bài thơ Đường-luật (thất ngôn bát cú) chấp lại và nối tiếp theo nhau. Hay có những truyện rất nổi tiếng như *Song Tinh bắt dạ* của Nguyễn Hữu Hào (mất năm 1713) hoặc *Sơ kính tân*

trang của Phạm Thái (1777-1813) cũng không được nhắc tới. Cũng tương-tự, các truyện cổ vô-danh-thị như *Trinh-thử*, *Tré Cóc*, *Lục Súc Tranh Công* hay *Thạch Sanh...* cũng chưa kịp đưa vào sách. Tóm lại, đó là một số thiếu sót của cuốn sách mà nếu tác-giả còn sống sau năm 1966, có thể ông đã có thời giờ bổ sung cho thành đầy đủ hơn.

Nhưng dầu sao, cứ vẫn trong trạng-thái (thiếu sót) hiện-tại, cuốn sách cũng đã tỏ ra rất phong phú và có rất nhiều điều cho một độc-giả Việt-nam bình-thường của ngày hôm nay học hỏi. Tỷ dụ như trong chương II ("*La prosodie vietnamienne*," Thi-pháp VN), ông đã tỏ ra tỉ mỉ hơn cả Dương Quảng Hàm trong *Việt-nam văn-học sử-yếu* khá nhiều, với nhiều bằng-chứng đưa ra (ghi trong chữ Nôm và chữ Quốc-ngữ) để minh-hoạ

những điều ông nói--tóm lại, nói có sách, mách có chứng.

Để kết, tôi thiết nghĩ: Nếu ta đọc cuốn "Thế-giới Truyện Nôm" này của Maurice Durand song song với một cuốn như *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm* của Đặng Thanh Lê (Hà Nội: Nhà xb Khoa học xã hội, 1979) thì ta sẽ có được một cái nhìn khá toàn-diện và sâu sắc về truyền-thống truyện thơ Nôm, một thể-loại rất phong phú của văn-học Việt-nam, một thể-loại hoàn-toàn không có và do đó khác xa văn-học Trung-quốc.*

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Thị-xã Đồng Xuân
Quận Fairfax, Bang Trinh Nữ
Đêm 7 tháng 2, 2014

* Ngoài phần viết về truyện thơ Nôm (là phần chính), *Thế-giới truyện Nôm* của Maurice Durand còn có phần "Phụ-lục" viết về các thể-loại "ngâm, ca, hành" bàn đến những tác-phẩm nổi tiếng như *Hoài Nam Ca* của Hoàng Quang, *Chinh-phụ-ngâm khúc*, *Cung-oán ngâm-khúc*, *Trường-hận ca* và *Tỳ-bà hành* là một số trong những tuyệt-tác-phẩm của văn-học VN. Chúng tôi xin dành chuyện bàn về phần này cho một dịp khác.

Phụ-chú: Hơi tiếc là cuốn sách, tuy được biên-tập đã khá kỹ vẫn còn sót một số lỗi khá nổi bật như thân-phụ của Nguyễn Du mà lại ghi là "Nguyễn Nhiệm" (trang 63) thay vì "Nguyễn Nghiễm," một chức của Nguyễn Du ghi là "cai bộ" (trang 65) thay vì "cai bạ" (Quảng-bình). Nhưng tệ hơn cả là chuyện xuyên-tạc lịch-sử khi cho là cụ Huỳnh Thúc Kháng, trong thời-gian cụ làm Phó-chủ-tịch Nước, "*il élimina le Việt-Nam quốc dân Đảng*" (cước-chú trang 79) trong khi đó đích-thật là trọng-tội giết cả chục nghìn "anh em, đồng-bào," giết các đảng phái Quốc gia (VNQDD, Đại Việt, Duy Dân, Cao Đài, Hoà Hảo, Đệ Tứ) là của Võ Nguyên Giáp trong thời-gian Hồ Chí Minh vắng mặt đi sang hội họp với Pháp ở Fontainebleau (tháng 5-tháng 10, 1946).

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG BÃO TUYẾT

Phong Thu

Bão tuyết lại trở về trên miền Đông Bắc Hoa Kỳ. Nửa đêm Hiền nghe gió lồng lộng vi vút thổi ngoài sân. Nàng không thể ngủ được vào những đêm bão tuyết như thế này. Hiền trở dậy, nàng choàng chiếc áo len và đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài trời. Nàng không còn nhìn rõ mọi vật. Tuyết như những cánh hoa trắng nở từ trên trời cao rơi xuống nhân thế. Hàng cây khẳng khiu trơ trọi lá như được bao phủ những cánh hoa trắng muốt sáng rực trong đêm đen. Cây Cornus Kousa, Dogwoods, Crab apple, đang oằn mình dưới sức nặng của tuyết. Gió nổi lên từng hồi và cuốn tuyết từ trên mái nhà, từ trên những cành cây cao và từ mặt đất ném vào không gian. Tuyết mù mịt bao phủ cả một bầu trời cao rộng. Hiền cứ đứng đó nhìn không biết chán. Nếu bây giờ là ban ngày nàng sẽ không ngần ngại gì mặc áo choàng, mang ủng và đi dưới cơn mưa tuyết.

Hiền trở lại giường nằm và cố dỗ giấc ngủ nhưng không hiểu sao lòng nàng cứ bồi hồi không yên. Chiếc đồng hồ nhỏ đặt trên bàn cứ lách kích đều đặn. Quả chuông nhỏ xíu di chuyển không ngừng và gõ đúng hai tiếng. Hiền trở mình một lúc khá lâu rồi thiếp đi. Tiếng điện thoại reo vang,

Hiền mệt mỗi thức giấc. Nhìn hàng số trong máy Hiền chợt tỉnh hẳn.

– Tỉnh đó hả? Sao vậy?

Giọng Tịnh vang lên bên kia đầu dây có vẻ hốt hoảng:

– Chị Hiền, em chuyển bụng. Chị đưa em vô nhà thương có được không?

Hiền luống cuống chưa biết trả lời ra sao thì Tịnh nài nỉ:

– Chị giúp em đi vì em sợ quá! Em không còn có ai giúp đỡ trong lúc này.

– Còn chồng Tịnh đâu?

– Anh ấy đã bỏ đi từ lâu rồi – Giọng Tịnh run run.

– Trời đất! Thiệt hôn. Đi từ bao giờ?

– Chuyện dài lắm. Em không tiện nói cho chị nghe đâu. Chị giúp em đêm nay.

Hiền lật đật ừ bừa và mặc vội chiếc áo khoát rồi hối hả lên xe. Xe nổ máy, nàng cố gắng lái xe thật chậm để không gây ra tai nạn nhưng đường quá trơn trượt. Chiếc xe không tuân theo sự điều khiển của nàng. Mỗi lần nàng thắng lại trước một ngã tư có đèn đỏ, chiếc xe cứ xoay tròn trên đường trước khi ngừng hẳn. Tuyết cứ rơi mịt mù trắng cả đất trời. Đường xá giờ này vắng tanh không một bóng người. Thỉnh thoảng chỉ có vài chiếc xe chạy chậm chạp vượt qua mặt nàng và cuốn theo phía sau những đám tuyết như một dải sương mù dày đặc. Hiền biết lái

xe trong lúc này rất nguy hiểm nhưng nàng không còn nghĩ đến mình. Tịnh đang cần sự giúp đỡ. Chẳng lẽ nào nàng từ chối. Nhất là lúc này, Tịnh đang đi biển một mình? Có điều gì bất ổn đang xảy ra cho Tịnh? Kể từ ngày Tịnh thay đổi công việc, rồi sau đó tuyên bố lấy chồng, Tịnh hầu như không còn liên lạc với Hiền thường xuyên. Ngày cưới của Tịnh, Hiền đã đến dự. Đám cưới Tịnh rất lớn và đa số bạn bè của Tịnh đều là giới làm Nail nên lắm bạc nhiều tiền. Chồng Tịnh cũng ở trong ngành Nail nên vàng vòng đeo đầy tay. Nếu Hiền đoán không lầm thì sợi dây chuyền anh ta đeo trên cổ nặng cỡ 3, 4 lượng vàng y. Không hiểu sao, Hiền cảm thấy xa lạ và lạc lõng trong ngày cưới của Tịnh. Nhất là nhìn chồng Tịnh, người đàn ông có khuôn mặt tròn quay như hột mít, đôi mắt nhỏ che dưới hàng mi lụp xụp và chiếc mũi ngắn to bè thô kệch đã khiến Hiền có cảm giác khó thân thiện. Hiền đã bỏ dở dang bữa tiệc ra về. Kể từ ngày cưới cho đến hôm nay đã hai năm, Tịnh chỉ gọi điện thoại nói chuyện với nàng duy nhất hai lần. Tình bạn trở nên xa cách. Hiền không trách bạn. Nàng hiểu sống ở đây ai cũng bận rộn lo sinh kế gia đình, lo tiền nhà, tiền điện, nước... hàng trăm thứ chi phí khác nhau đã khiến cho mọi người dành hết thời gian cho công việc nên bạn bè thường không có dịp để gặp nhau. Hiền hay tin vợ chồng Tịnh đã mua một căn nhà lớn và sang một tiệm

Nail. Như vậy cũng mừng cho bạn thành công. Nhưng bỗng dưng hôm nay Tịnh đột ngột gọi điện thoại nửa đêm và nhờ nàng đưa vào bệnh viện. Có điều gì bất thường xảy ra? Tịnh có bầu từ bao giờ và vì sao chồng Tịnh không ở nhà để giúp đỡ vợ? Bao nhiêu câu hỏi đó đã làm cho Hiền không an tâm.

Khó khăn lắm xe của Hiền mới leo lên được con dốc dẫn đến nhà Tịnh. Căn nhà thật đồ sộ ngoài dự đoán của Hiền. Nàng chưa bao giờ đến đây nên hơi ngỡ ngàng trước sự giàu sang của bạn. Hiền bấm chuông. Tịnh ra mở cửa. Vừa gặp nàng là nước mắt Tịnh rơi như những cánh hoa tuyết đang bay ngoài trời. Khuôn mặt Tịnh hốc hác, gầy rộc khiến đôi gò má nhô cao. Đôi mắt Tịnh quầng thâm và lơ đãng mệt mỏi. Chiếc áo ngủ rộng thùng thình đang cố che lấp cái bụng đã nhô cao. Hiền lấp bắp hỏi:

_ Tịnh chuyển bụng hả?

Tịnh vẫn còn khóc nức nở:

_ Bác sĩ nói ba tuần nữa Tịnh mới sanh nhưng không hiểu tại sao Tịnh cảm thấy đau lâm râm từ hồi chiều tới giờ.

Hiền ôm vai bạn dỗ dành:

_ Bây giờ vô bệnh viện ngay đừng chần chừ. Tịnh đã chuẩn bị hết chưa?

Tịnh gật đầu và chậm rãi quay vào trong mang túi xách ra. Hiền đỡ lấy rồi lật đật đưa Tịnh ra xe. Lòng Hiền sôi sục cơn giận. Hấn đi đâu trong lúc người vợ đang chuẩn bị sanh nở? Tàn nhẫn. Tàn nhẫn

quá! Hiền lẩm bẩm với mình. Chiếc xe chồm tới. Bốn chiếc bánh trơn trượt trên đường và bò dần như một con rùa đen giữa đêm đông giá rét. Tuyết vẫn rơi trắng xóa đất trời.

* * *

Tịnh đã tỉnh dậy sau hai ngày đêm nằm trên bàn mổ. Đứa bé bị nhau quấn cổ nên cuối cùng bác sĩ phải quyết định phẫu thuật lấy đứa bé ra. Tịnh nhìn quanh không thấy con đâu. Nàng có cảm giác nửa phần thân thể tê dại đi và không còn có cảm giác gì. Đầu óc nàng hoang mang vô kể. Con nàng đâu? Tịnh quờ quạng hai tay nhưng bị vướng lại vì những ống chuyển nước biển. Nàng ray rức không yên khi biết mình sinh nở khó khăn và con nàng đã không ở cạnh nàng trong lúc này. Bà y tá già người Đại Hàn bước vào. Bà ta nắm tay nàng trấn an:

_ Chúc mừng bà sinh nở một cháu bé khaú khỉnh.

_ Trai hay gái?

_ Cháu trai.

Một hàng nước mắt vui mừng rơi ướt tóc nàng. Tịnh reo lên khe khẽ:

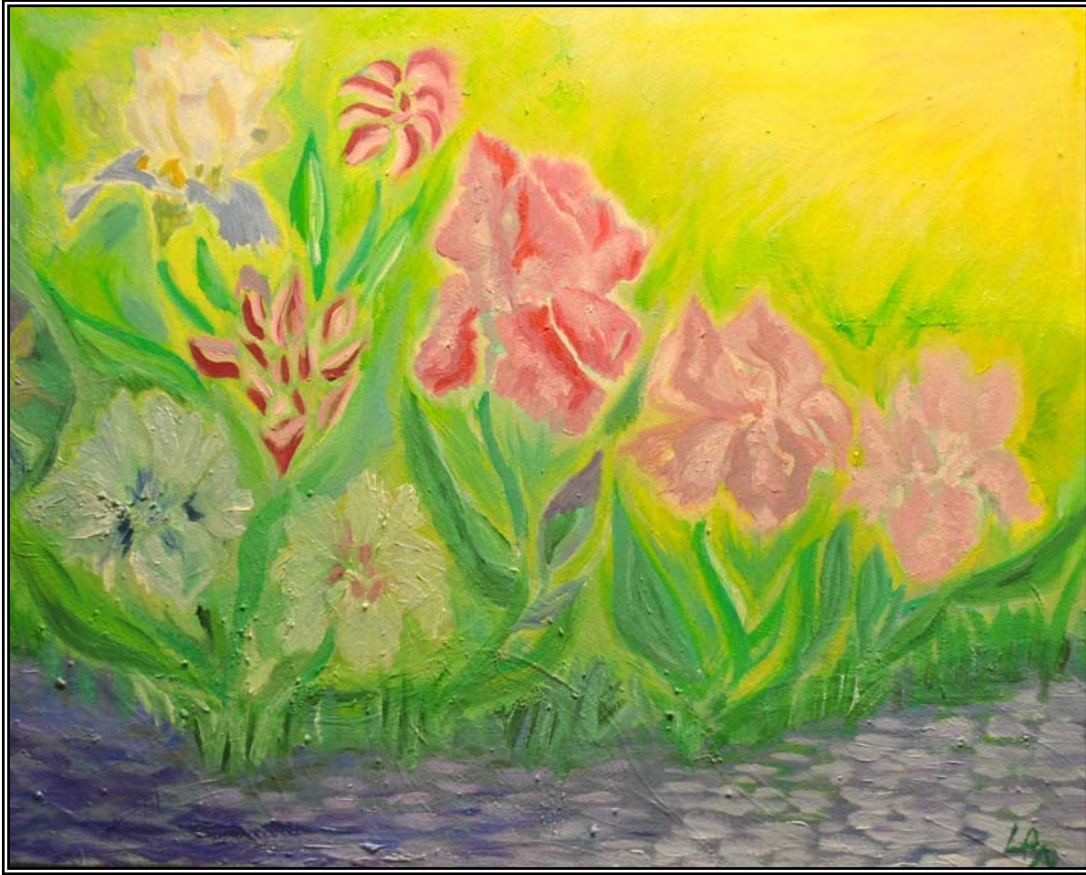
_ Con trai. Tôi vui quá! Tôi có thể nhìn mặt con tôi được không?

Người y tá mỉm cười chia sẻ niềm vui với người mẹ trẻ. Bà đáp:

_ Sau khi tôi tắm và làm thuốc cho nó xong, tôi sẽ mang đến cho bà.

Nửa giờ sau, bà ta quay lại. Bà đặt đứa bé bên cạnh nàng rồi đi ra. Tịnh khó nhọc nhồm nhìn con. Thằng bé bị quấn chặt trong cái khăn màu xanh in xen kẻ những chiếc lá nâu. Cái nón len nhỏ che kín cái đầu bé tí và khuôn mặt trắng hồng mềm như tờ giấy mỏng. Tịnh hôn hờ siết con vào lòng. Lần đầu tiên, nàng có cảm giác được an ủi và trái tim nàng rạo rức tình yêu thương chan chứa đối với đứa con trai bé bỏng vừa mới chào đời. Đứa bé cựa mình và đột ngột khóc. Đôi mắt nó mở to ngơ ngác đảo quanh. Ôi đôi mắt của Sơn, chồng nàng. Đôi mắt đó đã cuốn hút nàng, đưa đẩy nàng vào cuộc phiêu lưu tình ái. Nàng đã bất chấp mọi dư luận về sự bê bối trong đời sống của Sơn, và nàng đã chống lại gia đình để lấy Sơn. Hôm nay, nàng nằm đây một mình trong cơn bão lớn, vật lộn với những đau đớn vật vã một mình... Xung quanh nàng không có gia đình, không có cả người chồng một thời yêu thương nồng ấm. Hạnh phúc sao quá mong manh và con người dễ thay lòng đổi dạ. Hôm nay yêu thương, rồi ngày mai chỉ còn lại con số không vô nghĩa. Tịnh lại khóc. Nàng nhìn ra khung cửa kính. Hình như tuyết cứ vô tình rơi lất phất ngoài sân.

Hiền đến bệnh viện thăm mẹ con Tịnh mỗi ngày sau khi tan sở. Nàng mua cho bạn một bó hoa và một con gấu lớn tặng bé Kha. Hiền cố gắng an ủi Tịnh để bạn



Tranh: **LIÊN PHƯƠNG**

quên đi nỗi buồn tủi phận của kẻ bị bỏ rơi. nhà. Hiền đã xin công ty cho nghỉ phép một tuần giúp đỡ bạn. Nàng đi chợ mua sắm thức ăn, nấu nướng và giặt giũ giúp bạn. Hiền tắm rửa cho bé Kha và cho nó bú. Tịnh quá gầy, phần vì buồn, phần kiệt sức nên không đủ sữa để nuôi con. Hiền chưa có chồng và không có con nên nàng

Hai tuần sau, Tịnh được bác sĩ cho về phải mua sách về đọc, hỏi thăm bạn bè và bác sĩ để có thể giúp đỡ bạn trong cơn hoạn nạn. Một tháng đã trôi qua, Hiền vẫn chưa bao giờ hỏi Tịnh về sự vắng mặt lạ lùng của Sơn. Hiền không muốn khơi dậy trong lòng Tịnh nỗi buồn. Nàng cũng không muốn thấy những giọt nước mắt của người

mẹ trẻ cứ rơi mãi trong thảng ở cũ.

Nó có ảnh hưởng rất nguy đến tinh thần và sức khoẻ của Tịnh. Hơn nữa, Tịnh cứ quẩn quít bên con và Hiền nhìn thấy trong đôi mắt bạn một niềm vui mới nên cũng không còn cần biết người đàn ông bạc bẽo, vô tình đó bây giờ đang ở đâu. Một buổi chiều cuối tuần, khi đi làm về, Hiền thấy Tịnh đang đứng sững bên khung cửa sổ. Đôi mắt Tịnh nhìn mông lung ra sân. Hiền hỏi:

_ Sao Tịnh không nằm nghỉ mà lại ra đây đứng không chịu mang vợ, mang giầy gì hết.

Tịnh quay lại nhìn Hiền và nói:

_ Em quyết định bán nhà. Em đã gọi công ty rồi.

_ Thật hả?

_ Căn nhà này lạnh lẽo quá chị à! Mỗi lần nhìn quanh em cảm thấy buồn thêm.

_ Sơn không có đây thì Tịnh bán có được không?

Tịnh cười chua chát:

_ Anh ta đã ôm một số tiền lớn hơn căn nhà này và trốn về Việt Nam rồi thì cần gì căn nhà này.

_ Tại sao lại ra nông nổi như vậy Tịnh? Cả hai cưới nhau chưa đầy hai năm mà.

_ Lỗi cũng do em một phần chị ơi! Em nghe lời gia đình và xem thường anh ấy. Chị ngồi xuống đây đi. Em sẽ kể cho chị nghe đầu đuôi câu chuyện.

Hiền lôi Tịnh vào phòng khách. Nàng nhóm lên một ngọn lửa trong lò sưởi. Pha

xong hai ly coca sữa, Hiền trao cho Tịnh một ly. Vừa uống Tịnh vừa nói:

_ Em mang ơn chị suốt đời. Khi em gặp nạn, em mới hiểu được ai là người tốt.

_ Tôi ngạc nhiên tại sao ba má Tịnh cũng không hề quan tâm đến Tịnh và bé Kha.

_ Em đã cãi lời ba má để lấy Sơn. Chẳng những vậy mà sau này còn nhiều rắc rối hơn nữa nên ba má em đã quyết định không còn nhìn em nữa.

Hiền cảm thấy bất mãn trong lòng nhưng không tiện nói ra. Tịnh uống hết ly coca và đôi mắt nàng nhìn chăm chăm vào ngọn lửa đang cháy bập bùng. Tịnh bắt đầu câu chuyện mà từ lâu Hiền muốn tìm hiểu...

...Tịnh không phải là một cô gái xinh đẹp, nhưng trắng trẻo, có duyên và có học. Sang Mỹ ở tuổi 27, Tịnh vừa đi học đi làm. Ba má Tịnh không muốn thế. Ông bà muốn Tịnh học Nail để có tiền nhiều và nhanh. Tịnh đã bỏ dở dang việc học hành để theo đuổi ngành Nail như ý gia đình. Kể từ đó, nàng không còn liên lạc với Hiền thường xuyên. Do bạn bè giới thiệu, Tịnh quen biết Sơn, một người đàn ông tuổi trung niên, cùng nghề nghiệp với nàng. Anh ta rất khác những người đàn ông đang từng theo đuổi theo nàng. Lần đầu tiên gặp Tịnh, Sơn tỏ ra lịch lãm, phong lưu chi tiền như nước. Anh chiều chuộng, chăm sóc cho nàng từng li từng tí. Mỗi cử chỉ, mỗi cái chau mày của nàng, anh đều quan tâm và để ý. Thời gian dần trôi, nàng cảm thấy chỉ có Sơn là người

yêu thương nàng thật sự. Phần tuổi đã hơn ba mươi, phần cô đơn và mong muốn có mái ấm gia đình nên nàng đã bằng lòng lấy Sơn khi anh ngỏ ý cầu hôn. Ngay từ đầu, cuộc tình của nàng cũng không suông sẻ. Ba mẹ, anh em nàng không ai thích Sơn. Gia đình nàng cho rằng Sơn rất phách lối và ăn nói cư xử như một tên thất học. Nàng nhìn Sơn ở một góc độ khác. Sơn không biết cư xử với mọi người nhưng yêu thương chiều chuộng nàng thế là đủ. Bạn bè đánh tiếng cho nàng biết cuộc sống không mấy tốt của Sơn trong quá khứ nhưng Tịnh chỉ để ngoài tai, và nàng còn cho rằng những người đó ganh ghét với hạnh phúc của nàng. Khi yêu, người ta thường mù loà và cứ cho rằng người yêu mình là nhất. Tịnh lấy chồng cho nàng chớ không phải cho gia đình, bạn bè hay dư luận. Và đám cưới của nàng đã được tổ chức long trọng. Mọi người đến chúc tụng nàng. Sơn đã mượn họa sĩ vẽ một tấm hình lớn của cả hai đặt trước lối ra vào. Sau đó vài tháng, Sơn và nàng đã mua căn nhà này với giá bảy trăm ngàn đôla. Căn nhà gồm có sáu phòng ngủ, ba phòng tắm, một phòng khách, một phòng ăn rộng thênh thang. Căn nhà nằm trong một khu vực yên tĩnh và có nhiều thông. Ba mẹ Tịnh luôn nghĩ rằng tài sản mà Tịnh đang có là của gia đình. Ông bà tìm đủ mọi cách để về sống chung với vợ chồng nàng. Tịnh thương ba mẹ. Nàng vì chữ hiếu mà thuyết phục chồng mang ba mẹ về để đền

ơn sanh thành dưỡng dục. Nhưng sóng gió đã nổi lên. Hàng ngày, nàng nghe những lời trách móc của ba mẹ, của các em về Sơn. Ba mẹ cho rằng Sơn là thằng mất dạy, hỗn láo. Và ông bà luôn nặng lời chê trách nàng không biết khuyên nhủ chồng. Một bên là chồng, một bên là ba mẹ. Thương chồng thì bị ba mẹ chửi mắng là đồ bất hiếu. Kính trọng, bênh vực ba mẹ thì chồng giận dữ. Tịnh cảm thấy khổ tâm và khó xử vô cùng. Hạnh phúc giữa nàng và Sơn càng ngày càng nhạt dần.

Một ngày kia, khi đi làm về, nàng đã thấy ba mẹ chuẩn bị áo quần, đồ đạc để dọn đi. Vừa thấy nàng về, mẹ nàng đã bù lu, bù loa mắng như tát nước vô mặt:

– Đây là đứa bất hiếu. Con người ta lo cho cha, cho mẹ. Còn mày chỉ biết có thằng chồng của mày. Tao không hiểu sao mày lại lấy một thằng thất học.

Tịnh đứng sững không biết nói sao với mẹ thì lại nghe cha căn nhắc:

– Chồng mày nó không muốn thấy tao với má mày ở trong căn nhà này. Mặt nó tối ngày như đưa đám. Ngày mai tao với má mày phải dọn đi chỗ khác.

Tịnh phân trần:

– Ba mẹ giận ảnh làm chi. Tại tính ảnh như vậy nhưng mà ảnh tốt. Ba mẹ nên thông cảm bỏ qua.

Mẹ nàng bù lu bù loa than khóc, mắng nhiếc:

– Hể tao nói động tới chồng mày là mày bệnh. Mày mê nó quá nên đầu còn

biết chi đến mẹ cha. Tao sanh mảy ra, nuôi lớn lên uống công mà không đền bù được gì. Từ giờ phút này coi như tao không có sinh mảy ra.

Mẹ nàng nói một hơi toàn những lời cay nghiệt khiến nàng đau đớn. Vậy là nàng ra đời tức phải mang ơn, mang nợ mẹ cha. Cái nợ sanh thành dưỡng dục đó nàng đã ghi khắc trong lòng và nàng vẫn hằng mong đền đáp. Nhưng cha mẹ sinh con ra không có nghĩa là bắt con phải tuân thủ theo tất cả những gì mình mong muốn, không có nghĩa là không điếm xỉa gì đến hạnh phúc của con và bắt con phải hy sinh tất cả cho mình để trả nợ cho lại công lao nuôi dưỡng. Đôi lúc nàng ước mong rằng nàng đừng sinh ra trên cõi đời này. Hạnh phúc của nàng càng lúc càng mong manh. Sơn nghĩ rằng nàng xem cha mẹ hơn chồng. Nàng đã buộc anh phải sống chung với cha mẹ vợ không chút biết điều và không biết chia xẻ bất cứ một thứ chi phí nào trong nhà. Từ tiền nhà, tiền ăn, tiền nước, điện... ngay cả tiền cho ba vợ hàng tháng để dần túi cũng chưa đủ xoá đi sự ghét bỏ trong lòng của họ.

Khi ba má nàng dọn ra riêng cũng là lúc Sơn chán ngán nàng. Nàng buồn nên thường xuyên trách cứ anh là đã không biết đối xử với cha mẹ nàng. Cưới nhau chưa đầy một năm mà luôn luôn có cãi vã và bao giờ Sơn cũng là người bỏ đi. Nhiều lúc anh đi đến vũ trường, những hộp đêm, những quán rượu cho đến nửa

đêm mới về. Tịnh phải một mình cẳng đàng tiệm Nail và lo trong ngoài. Thế rồi chiến tranh gia đình đã thực sự bùng nổ:

_ Anh đã chán tôi rồi phải không? Tại sao anh không chịu đi làm mà cứ la cà đàn dúm với bạn bè.

_ Ở nhà thì bà cần nhằn, đi chơi bà cũng cần nhằn. Vậy bây giờ tôi phải làm sao?

_ Anh phải đi ra tiệm để phụ tôi làm chớ.

_ Hừ! Ra đó để làm cái gì. Tôi không muốn ra đó đâu. Tôi muốn cô bán hết nhà cửa, tiệm Nail để đi thật xa khỏi cái xứ sở này.

_ Anh có điên không? Cơ ngơi này tôi đã xây dựng mấy năm nay. Bộ anh tưởng dễ dàng để có chắc.

_ Tôi không cần những thứ này. Cô không đi thì tôi cũng đi.

_ Anh định đi đâu? Anh thù ghét ba má tôi rồi bây giờ trả thù tôi chắc.

_ Gia đình cô xem tiền bạc là trên hết. Tôi không thích ở đây. Nếu cô thương tôi thì phải rời khỏi nơi này.

_ Đó là ý muốn của anh. Còn tôi thì không bao giờ. Cũng tại anh một phần không biết đối xử nên ba mẹ tôi phải dọn nhà đi chỗ khác. Nếu anh đừng nóng nảy, gắt gỏng thì mọi việc đâu đến nỗi như vậy.

Sơn bực bội đá văng chiếc ghế gần bên. Giọng anh gần từng tiếng:

_ Gia đình cô không biết điều. Họ chỉ muốn nhìn vào cái tiệm Nail và căn nhà này.

_ Anh quá cố chấp. Anh coi tiền bạc lớn hơn cha mẹ tôi.

Sơn gào lên:

_ Cha mẹ cô ở đây không tốn một đồng. Như vậy chưa đủ sao. Tôi hỏi cô, ở xứ sở này mà cái gì cũng thừa hết còn chưa vừa lòng. Nếu cô nghĩ rằng cha mẹ cô đúng thì thôi chúng mình nên chia tay nhau cho xong.

Tình yêu đã chết trong lòng Sơn. Anh trở nên thờ ơ và chần chối lạnh lùng. Anh cứ lang thang đi chơi hết nơi này đến nơi khác và không còn muốn về nhà. Cho đến một ngày kia, khi nàng đi làm về thấy nhà cửa trống trơn. Sơn đã cắt nát bức tranh vẽ hai người trong ngày cưới. Một đồng hình chụp chung cũng bị xé nát tan vụn vung vãi trên sàn nhà. Sau đó, nàng phát hiện ra tất cả tiền trong nhà bằng Sơn đã mang đi mất. Hạnh phúc xây dựng trên sự tranh chấp của đồng tiền không còn đứng vững. Và oái ăm thay nàng lại mang bầu trong lần ân ái cuối cùng...

* * *

Năm năm sau...

Cũng vào mùa đông. Tuyết rơi nhiều hơn mọi năm. Nhiệt độ xuống thật thấp. Báo chí và đài truyền hình, truyền thanh luôn loan tin sẽ có những trận bão tuyết cao đến 7, 8 bộ Anh. Mưa đá sẽ rơi trong suốt mấy tuần liền. Chưa đến ngày Noel mà tuyết đã rơi trắng xóa mặt đất. Sáng ra đi làm Hiền và Tịnh phải thức dậy thật sớm

để cào tuyết đang bám đầy xe. Dù mang găng tay, mặc áo khoác dày che kín, cả hai vẫn cảm thấy cái lạnh se thắt làm tê cóng hai bàn tay và đôi chân. Hai ngày sau, mưa đá bắt đầu rơi. Những viên đá nhỏ tròn, trắng muốt như hạt muối cứ rơi lộp bộp trên nóc nhà. Tất cả trường học, tiệm quán, công ty... đều có lệnh đóng cửa. Suốt cả tuần, tuyết vẫn dày đặc. Bé Kha đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài và hỏi Hiền:

_ Dì ơi! Dì có nhìn thấy người đàn ông đeo đen kính đứng dưới gốc thông mỗi đêm không?

_ Dì không để ý.

_ Con thấy ông ta hoài hà. Hôm bữa mình ra sân cào tuyết, con có nói chuyện với ông ta. Ông ta có cho con một chú chó con đó. Ông ta không có nhà hả đi?

_ Vậy con chó bông là của ông ta cho con đó hả. Dì lại tưởng gió bay đến trong cơn bão tuyết chứ. Sao con không nói cho dì và mẹ biết.

Bé Kha ngược đôi mắt ngây thơ nhìn Hiền nói:

_ Ông ta tốt với con lắm. Ông ta ôm hôn con nữa đó dì. Chắc ông không có nhà cửa nên tuyết lạnh như vậy mà đêm nào cũng thấy đứng ở đây rất lâu.

_ Có thể lắm. Xứ sở này giàu có nhưng cũng có nhiều người vô gia cư không nhà cửa, không gia đình. Họ sống lang thang trên hè phố.

_ Dì ơi! Mùa đông này tuyết nhiều lạnh lắm! Hay là mình cho ông ta ở ké đi dì.

Hiền phì cười và nói:

_ Con hỏi mẹ thử xem mẹ có bằng lòng cho ông ta ở ké không?

Thằng bé chạy đến bên Tịnh hỏi dồn dập:

_ Mẹ ơi! Mình có nên cho cái ông đứng dưới cây thông vô ở nhờ mấy bữa hôn mẹ.

Tịnh đang ngồi tính sổ sách chợt ngừng lại, ngẩng lên nhìn con mỉm cười:

_ Cái ông nào?

Thằng bé nắm tay mẹ kéo ra cửa sổ:

_ Mẹ có thấy ông ta không. Cái ông đó đó. Trời lạnh căm, tuyết rơi như vậy mà đêm nào cũng đứng dưới gốc thông.

Tịnh có cảm giác sợ sệt khi nhìn người đàn ông lạ một tuần nay lảng vảng quanh đây. Nhiều đêm từ tiệm về nhà, Tịnh thấy ông ta vẫn đứng đó cho đến nửa khuya. Có điều gì không ổn trong tâm tư nàng khi thấy người đàn ông mặc chiếc áo dạ đen củ kỹ dài chấm gót, đầu đội mũ rộng vành che lấp khuôn mặt. Dưới ánh đèn đêm, nàng không thể nào nhìn rõ khuôn mặt ông ta. Tịnh rùng mình kéo con vào trong và đóng kín cửa lại:

_ Mẹ cũng muốn giúp ông ta lắm. Nhưng người lạ, mình không biết họ tốt hay xấu không thể đem vào nhà.

Thằng bé phụng phịu:

_ Con thấy ông này không xấu đâu – Vừa nói nó vừa chạy vào trong lấy ra con chó bông rất đẹp khoe – Hôm trước con ra sân chơi, ông ta cho con chó này.

Tịnh bối rối xoa đầu con:

_ Ồ để ngày mai mẹ sẽ nói chuyện với ông ta. Thôi con đi ngủ đi.

Hiền dẫn Kha vào phòng. Nàng đắp chăn cho nó và dỗ dành:

_ Con ngủ đi. Ngay mai dì cũng sẽ nói chuyện với ông ta.

Bé Kha cười.

_ Dì hứa há.

Nàng hôn bé Kha rồi ra phòng khách nói với Tịnh:

_ Trời đất ơi! Không hiểu tại sao bé Kha lại để ý người đàn ông đó.

_ Em thấy ông ta có dáng dấp... nhưng không hiểu sao em sợ quá!

_ Ở xứ này bây giờ thấy người lạ cứ đứng nhìn lên cửa sổ mỗi đêm là nổi da gà.

_ Em muốn gọi cảnh sát tới.

_ Thôi đừng làm vậy. Biết đâu mỗi đêm ông ta đứng đây đón người thân về.

Tịnh lắc đầu:

_ Tại sao ông ta không đứng ở chỗ khác kín gió hơn mà đứng ở đó... chị phải cẩn thận.

_ Tôi không sợ đâu.

Ba hôm sau người đàn ông bỗng dưng biến mất. Bé Kha không còn hỏi nữa và Hiền cũng không còn quan tâm. Riêng Tịnh thì im lặng.

Một tuần sau, khi bé Kha đã ngủ, Hiền và Tịnh đang ngồi xem tivi. Cả hai nói chuyện vui vẻ thì Tịnh chợt nghe người xướng ngôn viên nói về cái chết của một người đàn ông Việt Nam. Ông ta

chết cồng trên góc giáo đường N... Tịnh giật mình buông rơi chiếc tách danh cầm trên tay bể tan tành. Nàng quy xuống. Hiền hết hồn đỡ tịnh dậy hỏi:

_ Tịnh làm sao vậy?

Tịnh chỉ lên màn ảnh lấp bắp nói trong màng nước mắt:

_ Chị có thấy người đàn ông chết cồng có giống người đàn ông đứng bên cửa sổ nhà mình không?

_ Có thể! Tội nghiệp quá!

Giọng Tịnh rên rỉ:

_ Tại em đã gọi cảnh sát đến... tại sao em lạnh lùng tàn nhẫn đến như vậy. Tại sao em không ra tay cứu vớt một người cùng khổ hả chị – Tịnh gục đầu khóc nức nở. Hiền lấy làm lạ và không hiểu vì sao một người xa lạ chết, Tịnh lại buồn đến như vậy nên nàng dỗ dành:

_ Hàng ngày có biết bao nhiêu người chết Tịnh. Thôi đừng buồn. Đâu phải tại Tịnh mà ông chết.

_ Tại em. Tại em. Nếu em nghe lời bé Kha cho ông ta tá túc vài hôm có lẽ ông ta không chết cồng ngoài đường. Chị có tin không... người đàn ông đó là Sơn, ba của bé Kha. Người mà trong thâm tâm em vẫn yêu thương và mong mỗi anh ấy sẽ trở về...

Hiền thần thờ. Nàng ngồi phịch xuống đất kêu lên:

_ Trời! Ba của bé Kha. Tại sao lại ra nông nỗi như vậy.

Bé Kha chợt thức giấc. Nó chạy ra kêu mẹ:

_ Mẹ ơi! Con lạnh quá.

Thấy mẹ khóc nó hỏi:

_ Tại sao mẹ khóc? Ai làm mẹ buồn.

_ Không có ai làm mẹ buồn. Mẹ nhìn tuyết rơi mà nhớ người đàn ông đứng dưới gốc thông cách đây hai tuần.

_ Con không thấy ông ta nữa.

_ Ngày mai mình sẽ đi thăm ông ta. Con có thích hôn?

Bé Kha áp đầu vào vai mẹ cười:

_ Thật hả mẹ. Con muốn hỏi ông ta đứng như vậy có lạnh không?

Tịnh ứa nước mắt. Nàng nâng con lên vai và nhìn ra ngoài trời đêm. Tuyết vẫn rơi trắng cả đất trời. Tuyết lạnh lùng băng giá hay trái tim con người băng giá?

Một hồi chuông nhà thờ lạnh lạnh ngân vang, lay động cả không gian trong đêm thanh vắng. Tịnh hình dung ra khuôn mặt tươi vui, yêu đời của Sơn trong ngày cưới và đôi mắt đăm đăm buồn của người hành khất mỗi đêm nhìn qua khung cửa nhà nàng thêm khát hạnh phúc...

Người hành khất đã mang vào lòng đất lạnh niềm mơ ước tìm lại hạnh phúc xa xưa. Và mãi mãi trong thế giới im lặng, hư vô đó, không còn tồn tại sự đam mê, tranh chấp, phản bội, tham lam, lọc lừa, ích kỷ. Anh tan biến trong lòng đất giống như sự hiện hữu đầu tiên khi cất tiếng khóc chào đời. Đất trời vẫn vẫn vũ và muôn đời lập lại tất cả những biến động như nhau.

Phong Thu (Maryland)

Nhớ Về Những Lời Ca Cũ

VŨ NAM

Tháng 10, 1980 gia đình chúng tôi và những người bạn đồng hành trong cuộc vượt biên nguy hiểm, cùng với gần 600 người vượt biên khác đã được tàu Cap Anamur Tây Đức cứu vớt ngoài biển Đông mang vào gửi ở trại tị nạn Palawan, Phi Luật Tân.

Buổi trưa tàu chạy dọc theo đảo Palawan của miền tây nam nước Phi. Sóng biển khi tàu đi sát bờ không còn dữ dằn như hôm qua hôm kia, lúc tàu đang giữa biển. Trong cơn bão, dù nhỏ, nhưng tàu vẫn lắc lư, chòng chành, mặc dù đang chạy. Gió phất trên boong tàu, làm chúng tôi dù nằm sâu ở dưới lòng tàu cũng thấy chóng mặt. Thỉnh thoảng một cơn gió mạnh, một cơn sóng mạnh tạt những làn nước biển xuyên qua cầu thang, xuống tận nơi chỗ nằm của chúng tôi, cũng làm ướt áo. Thuyền trưởng báo trời đang có bão, tàu sẽ rời vùng bão, sẵn dịp mang người tị nạn vào gửi ở trại, không chạy lên chạy xuống, dọc theo ngoài hải phận Việt Nam để cứu vớt người vượt biên như mấy hôm nay nữa.

Nghe được tin này chúng tôi thật mừng. Thật tình lúc đó, tôi không còn nghĩ đến những đồng hương khác đang lặn hụp trong bão tố giữa biển khơi với

những chiếc ghe xuồng nhỏ của họ. Lo cho riêng bản thân và gia đình mình là suy nghĩ gần như của toàn xã hội trong những ngày khổ sau khi hòa bình đã lập lại! Và phần khác cũng vì đã mười ngày rồi, đồng người trên tàu quá nên không còn đủ nước ngọt. Chuyện tắm giặt phải hoàn toàn bằng nước biển. Máy lọc nước mặn thành ngọt của tàu đủ để nấu thức ăn, nước uống. Mọi người chỉ còn trông sớm lên đảo để có nơi tắm giặt bằng nước ngọt.

Màu xanh lá cây rừng dọc bờ biển đảo Palawan bạt ngàn nằm trong màng sương biển. Những hạt mưa nhỏ vì ảnh hưởng của cơn bão ở biển Đông vẫn còn vây quanh, phủ trùm lên cảnh vật với màu trắng mỏng. Tàu đang chạy trong vùng vịnh, nên chỉ còn những con sóng nhỏ đánh vào hông tàu. Mọi người được phép lên boong tàu để xem cảnh vật. Quang cảnh trên đảo không có núi cao, không thấy những căn nhà, chỉ toàn thấy một màu xanh của những cánh rừng miền nhiệt đới. Chúng tôi đi tới lui trên tàu và rất phấn khởi để chuẩn bị lên đất liền, về trại tị nạn, sau khi tàu cập bến.

Rời tàu cũng vào bến đậu. Lâu rồi tôi cũng không còn nhớ rõ, nhưng hình như là đoàn các em Hướng Đạo Sinh ra gần cầu thang tàu đứng thành hàng để chào đón chúng tôi. Những em thanh thiếu niên mặc áo quần đồng phục, áo vàng, quần xanh ngắn, khăn quàng cổ cũng màu xanh, đẹp. Mấy em được các anh chị mặc

quần áo đồng phục, dài, thơm tất, hướng dẫn. Chúng tôi từ già các bác sĩ, y tá, nhân viên trên tàu, rồi từng người rời tàu, xuống các ghe nhỏ để vào bờ, nơi đó đã có những chiếc xe buýt đang chờ để chở chúng tôi về trại.

Đến trại trời đã bắt đầu tối, nên không thấy được toàn cảnh. Mọi người được đưa vào một phòng lớn, người hướng dẫn nói đó là hội trường. Mỗi người một chiếc chiếu, trải ra nằm tạm, sát nhau, trên nền xi-măng. Trên trần nhà một bóng đèn vàng, đủ ánh sáng để không đâm đập lên nhau khi phải đi lại trong đêm.

Hôm sau, khi chưa tỉnh ngủ hẳn đã nghe tiếng nhạc „đánh thức“ bằng một giai điệu rất rộn ràng. Điệu nhạc cứ lặp đi lặp lại. Làm ai không thức dậy nổi cũng phải dậy để ra phòng-tên lấy nước rửa mặt sút miêng, chuẩn bị lãnh bánh mì ăn sáng.

Nhưng điệu nhạc „đánh thức“ vào buổi sáng này không làm tôi ngạc nhiên bằng những lời ca trong các bản nhạc sau đó được trại cho phát trong ngày, mà sau này hỏi ra tôi mới biết tựa và tác giả của nó như Lời Kinh Đêm, Em Vẫn Mơ Một Ngày Về, Một Chút Quà Cho Quê Hương, Mời Em Về, Mưa Sài Gòn Còn Buồn Không Em... của Việt Dzũng và Nguyệt Ánh, hai ca nhạc sĩ ra đi tị nạn từ năm 75.

Lời ca bản nhạc làm tâm hồn những người mới lên đảo đắm chìm lại trong nỗi ký ức đã hằn dấu từ những năm 75 ở quê nhà: những tù tội, nhọc nhằn, đổ vỡ, tan thương, xót xa, gào khóc và khổ..., những tình từ trầm luân này vẫn chưa nói hết nổi

những đoạn đường khổ nhọc của người dân Việt Nam kể từ ngày 30 tháng tư, tôi nghĩ vậy. Lời là thế, nhưng hay hơn nữa phải nói là điệu nhạc. Có những điệu nhạc sao buồn quá, như bản Một Chút Quà Cho Quê Hương, Mưa Sài Gòn Còn Buồn Không Em, Lời Kinh Đêm... Lời và nhạc hòa quyện lại với nhau trong những vần điệu buồn.

Em gửi về cho anh dăm ba điều thuốc, anh đốt cháy cuộc đời cháy mồn trên ngón tay, gửi về cho mẹ trăm chiếc kim may, mẹ may hộ con quê hương quá đọa đây..... Hay:

Mưa Sài Gòn, ôi mưa Sài Gòn bờ đại dương em còn chờ đón, ta ra đi mất lối quay về, rồi chiều mưa ai đón đưa em...

Nhưng có những điệu nhạc và lời ca sao hùng dũng quá, can trường quá, như trong bài Em Vẫn Mơ Một Ngày Về:

Em vẫn mơ một ngày nào tay chúng ta chung một màu cờ trên con đường làng...

Giọng ca Nguyệt Ánh, Việt Dzũng thật truyền cảm. Truyền cảm ở đây trong ý nghĩa uất nghẹn, đau thương trong tình yêu quê hương đất nước, tình yêu thương những thành phố, con người còn ở lại VN, con người nằm dưới lòng biển sâu, con người tập giạt vào bờ đất Thái, Phi, Indo. với „đong đầy nước mắt“. Và truyền cảm trong niềm tin yêu hy vọng cho tương lai đất nước, chứ không phải là nghĩa truyền cảm thường tình của tình

YÊU NGƯỜI NGƯỜI YÊU LÀ THẾ ĐÂY

**Em đi rồi
Thương bao người ở lại
như con suối khóc thương cây
rừng về nhớ lá.**

**Em đi rồi để lại
người ngồi đây
giữa một trời băng khuâng
nhìn từng ngày hối tiếc.**

**Có con chim vàng anh
vừa vụt bay
để lại cành
một mình trơ trụi.**

**Có đám mây
vừa nổi trôi
không giữ được.**

**Một cánh cửa
vừa khép.**

**Dzũng ơi
Yêu người
Người yêu là thế đấy./.**

Yên Vi

yêu trai gái. Và đặc biệt sau cùng là bản nhạc Quốc Ca Việt Nam Cộng Hòa. Chúng tôi, cùng tất cả người Việt tị nạn

trong trại, ra đứng làm lễ chào quốc kỳ đầu tiên do trại tị nạn tổ chức vào buổi sáng đầu tuần, sau ngày đặt chân lên đảo: „*Này công dân ơi đứng lên đáp lời sông núi, đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống.....*“, cùng với ngọn cờ vàng ba sọc đỏ từ từ kéo lên, tung bay trong làn gió biển, làm lòng tôi rúng động, ngập tràn niềm thương cảm, nhưng nhớ cho màu cờ, tiếng ca từ bản nhạc, mà đã năm năm qua tôi không một lần thấy và nghe được khi còn ở Việt Nam.

Trải qua những ngày khổ cực ở quê nhà, hải hùng tại bờ biển trong những đêm vượt biên, hôm nay đứng chào cờ và hát quốc ca VNCH trên mảnh đất xa lạ Phi, dưới ánh nắng ấm áp, chan hòa, mùi hương biển của thành phố Puerto Princessa trên đảo Palawan, hàng trăm con người tị nạn VN đứng yên lặng, trầm buồn để nghĩ về thân phận thuyền nhân của thời hiện tại.

Rồi cứ mỗi ngày qua, tiếng nhạc đánh thức, tiếng ca Việt Dzũng, Nguyệt Ánh cứ vang lên trong trại. Tiếng ca hối thúc, kêu gào, tiếng ca mang niềm tin yêu lại cho con người, hòa lẫn với con sóng biển vỗ về đập vào bờ của trại tị nạn, mỗi ngày, mỗi tuần, đã trở thành âm thanh thân yêu, quen thuộc.

Có những buổi chiều tôi đi dạo dọc theo bờ biển của thành phố này, đi xa khỏi trại, đi trên những dải cát trắng, dưới những hàng dừa, nhìn những người Phi chạy bộ thể thao dọc theo bờ biển, nhìn ra xa những con chim biển, một cảm giác nhớ nhung về nơi làng quê tôi sinh ra,

cũng biển, hiện về, nhưng lập tức phải cố quên ngay vì nơi làng quê đó, những bờ biển đó, hôm nay bạo lực dẫy đầy, mà tôi đã từng chứng kiến cách đây không lâu, khi những người công an, cán bộ địa phương đã đối xử như thế nào với những người vượt biển, khi ghe họ bị bão hay hư máy, buộc phải tấp vào nơi bờ biển quê tôi mong thoát qua cái chết giữa biển, nhưng để rồi phải hứng chịu những trù dập, đánh đập ngay tại bãi biển của quê hương VN mình. May mắn tôi và gia đình đã vượt thoát ra khỏi nước cũng ngay tại bãi biển quê nhà, mà không phải gặp cảnh hãi hùng, tù tội, như các người anh em thiếu may mắn khác.

Sau một tháng ở Palawan, chúng tôi được đưa về trại tị nạn Bataan. Chín tháng dài ở đây tôi không một lần nghe lại được nhạc của NA, VD. Ở miền rừng núi nơi đây chúng tôi chỉ còn nghe tiếng mưa rơi, tiếng suối reo thay cho lời ca tiếng hát.

Sau này, khi đã định cư ở Đức mới lại được nghe lời nhạc tiếng ca của NA, VD, từ chiếc máy cassette và tiếp đó là những bản nhạc viết về đời tị nạn rất hay như Sài Gòn Niềm Nhớ Không Tên:

Sài Gòn ơi ta có ngờ đâu rằng, một lần đi là một lần vĩnh biệt, một lần đi là ta mất nhau rồi, một lần đi là mãi mãi chia xa... Thật nhức nhối.

Nhưng cuộc sống mới ở xứ người, những đứa con tiếp tục lần lượt ra đời, việc học nghề nghiệp. công ăn việc làm.... Bao

việc đó đã làm cho tôi hầu như dần quên một thú vui căn bản là: nghe nhạc. Thú thật, nhiều tháng không nghe nhạc một lần! Không những không còn nghe những bản nhạc đấu tranh của VD, NA, mà ngay cả những bản tình ca dễ thương mà tôi thích nghe như Hạ Trắng, Diễm Xưa, hay những tình ca quê hương, tình ca người lính như Khúc Ca Ngày Mùa, Chuyện Một Chiếc Cầu Đã Gãy, Trên Bốn Vùng Chuyến Thuật, Rừng Lá Thấp v.v... bao tháng miệt mài tôi vẫn không một lần nghe. May mắn là vào dịp có Tết Nguyên Đán, khi các hội đoàn tổ chức gặp gỡ, văn nghệ đón xuân giữa mùa đông xứ người, đến, tôi mới nghe lại được những bản nhạc quê hương thân yêu này. Lòng chùn xuống trong điệu nhạc, lời ca.

Chính những lời ca tiếng hát này đã làm tâm hồn thanh thiếu niên chúng tôi ngày trước.... hiện. Tôi có ý nghĩ như vậy. Hàng ngàn lời ca trong hàng trăm bài hát đều nói lên tình yêu. Yêu trong tuổi học trò ...*Mỗi năm đến hè lòng man mác buồn, chín mươi ngày qua chứa chan tình thương...* Tình yêu trong thời chinh chiến... *Tôi có người yêu tuổi ngọc vừa tròn vì chinh chiến ngược chưa về thăm một lần.... Về đây bên nhau ta nói lại tình thương...* Và còn biết bao nhiêu là lời ca hiện hậu đây ân tình.

Bây giờ, nhìn về xã hội VN, sao ai cũng nói trẻ em bây giờ ngộ nghĩnh quá, ai cũng than sao thanh niên bây giờ dữ quá, từ một cái nhìn, một câu nói cũng có thể đâm chém nhau; ngay cả các cô nữ

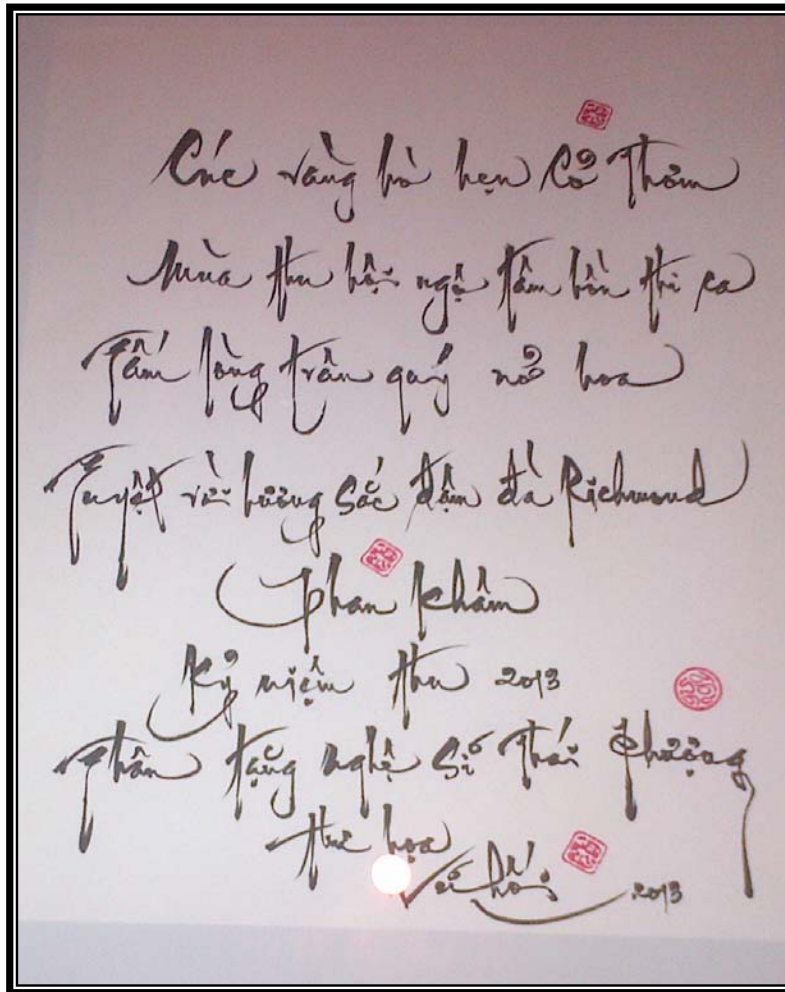
sinh 14, 15 tuổi cũng có thể ôm đầu đánh nhau ngoài đường! Lỗi tại ai, chắc ai ai cũng biết! Với rất nhiều lý do.

Bao giờ con cháu chúng ta không còn nghe những câu hát như „,thề phan thay uống máu quân thù“, những câu thơ như „giết giết nữa bàn tay không mệt mỏi“, và khi các giai thoại nhạc quê hương ngày xưa trở

lại thịnh hành, phổ biến, để mỗi con em đều có thể thuộc lòng, ca lên, có lẽ lúc đó lớp trẻ mới lớn của người Việt trong nước sẽ từ từ hiện hậu lại. Tôi tin chắc như vậy.

Vũ Nam

(Germany)



XUÂN VÀ ĐẠO PHẬT

TRƯỞNG ANH THỤY

Có người cho rằng ở Việt Nam hội xuân có trước, Phật giáo đến sau. Trong một quyển sách mới viết về Tết bằng tiếng Anh, tác giả đưa ra thuyết nông nghiệp đã đến nước ta cách đây cũng đến cả 6-7 nghìn năm, trong khi đó Phật giáo chỉ mới đến nước ta cách đây chưa đầy hai nghìn năm, vào khoảng thế kỷ thứ 2 sau Công nguyên.

Vì vậy nên các hội xuân mà sau này trở thành Tết dân tộc mang nhiều ý nghĩa phồn thực, nghĩa là con người ta muốn bắt chước thiên nhiên mà sinh sôi nảy nở. Những trò chơi ngày Tết như đánh đu, bắt trạch, hát hội, thi thổi cơm mà trong đó người con gái phải tay bồng một đứa bé, tay kia lại phải cầm một cây gậy, chắn không cho một con cóc nhảy ra ngoài một cái vòng, mà rồi vẫn đong gạo, vo gạo, thổi lửa cho nồi cơm chín mà không “trên sống, dưới khô, từ bề nát bét”—tất cả những trò chơi đó tượng trưng cho cái gì nếu không phải là khuyến khích cho trai gái gần gũi nhau

để xây dựng gia đình sau này, để có con có cái, góp tay làm vào nghề nông, giúp

ích trước nhất cho gia đình rồi sau đó cho xã hội.

Tinh thần đó, tinh thần tham gia rất tích cực vào xã hội nhân quần, có người cho là đi ngược lại cái nếp ở ẩn đi tu, những điều Phật giáo dạy. Song liệu hiểu như thế có đúng không?

Chúng ta biết vai trò rất tích cực mà các thiền sư đã đóng trong thời đại dựng nước, củng cố nền độc lập quốc gia cách đây hơn một nghìn năm, sau một thời gian dài bị người Hán đô hộ; những hiểu biết mà các thiền sư đã đem đến cho các vua như Lê Đại Hành rồi Lý Công Uẩn và nhiều đời sau nữa, có thể tính sang cả thời Trần. Song những lời khuyến cáo đó liên hệ đến cách trị dân, giữ nước, chứ không cho ta biết gì về những suy nghĩ của các thiền sư thời bấy giờ, đối với quan niệm Xuân như ta thấy phổ biến trong dân gian.

Xuân, theo quan niệm phổ cập trong dân gian, lại là mùa của tình ái, của tuổi trẻ, của trai gái, của đam chồi nảy lộc, của đơm hoa kết nụ. Hồ Xuân Hương

mà chúng ta biết là rất gần lối suy nghĩ của người bình dân, với những câu như “quần hồng phơi phơi” với “Hai hàng chân ngọc ...vv...” (trong bài “Đánh Đu”), rõ ràng là một cảnh Xuân, Xuân bất tận của thiên nhiên...

Trước sức sống trở dậy của vạn vật vào những tháng đầu năm Âm lịch, một sức sống mà như có mạch ngầm chảy sang ta, để ta thấy yêu đời và yêu người hơn, thì quả thật, những lời dạy của Phật như “đời là bể khổ” nhiều khi cũng không khỏi bị lãng quên đi đôi chút.

Nhưng các thiền sư ở xứ ta không phải là những người xa rời cuộc sống và thực tế đến nỗi không biết đến thế nào là Xuân. Cách đây gần một nghìn năm, Mãn Giác Thiền sư đã có bài “Cáo tật thị chúng” để nhắc nhở chúng ta về sự tuần hành của thiên nhiên, và cái chết chẳng qua cũng chỉ là một dạng phải có, trước cái sống trở lại, có sinh thì phải có diệt và có diệt thì mới có sinh. Ta biết Thiền sư làm bài “Cáo tật thị chúng” vào năm 1096 vì đó chính là năm Ngài mất. Bài này, Ngài làm vừa để nhắc nhở, vừa để an ủi các đệ tử, đứng trước khi vĩnh viễn ra đi:

“Xuân khứ, bách hoa lạc.

“Xuân đáo, bách hoa khai.

“Sự trục nhõn tiền quá,

“Lão tông đầu thượng lai”

để rồi kết bằng hai câu nổi tiếng:

“Mạc vị xuân tàn, hoa lạc tận!

“Đình tiền, tạc dạ, nhất chi mai.”

Họa sĩ kiêm nhà văn Võ Đình đã dịch bài thơ trên ra tiếng Việt như sau:

“Xuân đi, trăm hoa rã

“Xuân đến, trăm hoa khai.

“Xem chuyện đời trước mắt,

“Tóc trên đầu đã phai

“Chớ bảo Xuân tàn, hoa rụng hết!

“Tối qua, vườn trước, một cành mai!”

Theo nhà văn Hồ Trường An, một Phật tử có kiến thức rộng về đạo Phật thì, cốt tủy Phật Giáo căn cứ trên tinh thần “bất nhị” hoặc còn gọi là tinh thần “bát nhã”. Bài thơ của Mãn Giác Thiền Sư nói lên được cái tinh thần “bất nhị” đó. Ông nói: “Trong cuộc đời, tất cả đều theo luật sinh diệt (Xuân đến trăm hoa khai: **sinh**. Xuân đi, trăm hoa rã: **diệt**.) Con người ai cũng phải trải qua từ trẻ đến già.

Hai câu chót là hai câu quan trọng nhất: Chúng ta đừng cho tất cả đều chịu số phận tiêu diệt, vì chúng ta còn lại cái CHÂN TÂM vốn là bất sinh bất diệt (*Tối qua, vườn trước, một cành mai.*) Tinh thần bất nhị là cái CHÂN TÂM được tượng trưng bằng một cành mai. CHÂN TÂM không sinh, không diệt tức là bất nhị. Sinh và diệt là hai cõi nghịch nhau, không sinh không diệt tức là không có hai cái đối nghịch. Mà không có đối nghịch tức

là bất nhị, là MỘT.”

Âm-hưởng của bài này, sau một nghìn năm, vẫn vang vọng đến chúng ta, để ta có thể cảm thấy thật gần gũi với cách nhìn của Thiền sư, và thấy lòng được an ủi phần nào—hơn thế nữa, được thấy rộn lên một niềm vui thanh thản trong những ngày đầu xuân ấm áp!

Nhưng lạ hơn cả, là sau khi dịch giả Nguyễn Ngọc Bích dịch bài thơ của thầy Mãn Giác sang tiếng Anh và in nơi đầu tập *A Thousand Years of Vietnamese Poetry* (“Một Nghìn Năm Thi Ca Việt Nam”), do nhà xuất bản Alfred A. Knopf in ra ở Nữu-ước vào năm 1975, thì nhiều người Mỹ đã xem bài thơ như một bài gối đầu giường của họ. Ngay từ mùa Thu năm 75, chúng tôi được biết là có một ông thầy người Mỹ dạy ESL, tức tiếng Anh cho người nước ngoài, ở trường trung học đệ nhị cấp Washington-Lee ở Arlington, bang Virginia, đã xem cuốn sách kia như một cuốn tùy thân, nhằm tìm hiểu về các học trò Việt Nam của ông. Đến khi ông mất vì bệnh ung thư ít năm sau đó, ông để lại cuốn sách cho bà vợ là một ca sĩ kiêm nhạc sĩ sáng tác Mỹ, tên Carey Creed. Cô Creed về sau lại phổ nhạc bài thơ của Thiền sư Mãn Giác thành một bài hát Mỹ rất dễ thương, và đến năm 1993 cô đã làm ra một album CD mang tên *Plum Branch*,

tức là “*Cành Mai*” lấy ngay ý của bài “Cáo tật thị chúng” làm chủ đề cho album. Báo Washington Post xem CD này thành công đến nỗi, trong nguyên một tháng trời, nếu ta gọi đến một số điện thoại do Post cung-cấp, ta có thể được người ta cho nghe bài “Rebirth” của Carey Creed.

Gần đây, một ca sĩ nổi danh khác, cô Grace Griffith lại cũng có thu bài “Rebirth” của Carey Creed trên CD của cô, do Eva Cassidy tung ra thị trường, trên label Blix Street. Tối hôm 15-1-2004, hai cô Grace và Carey còn hát chung với nhau bài “Rebirth” đó tại tiệm Cà-phê Jammin’ Java, ở trên đường Maple, khu Vienna, ở Virginia.

Xem ra thật là một cơ duyên kỳ lạ, vì trước đó độ hai tuần, một đại diện của Chùa Quốc Tế Online, liên lạc với chúng tôi và yêu cầu chúng tôi đóng góp một tiết mục nhỏ vào Chương Trình Xuân của Chùa, với một tựa đề gì đó, mà có liên quan đến Đạo Phật và Ngày Xuân. Tôi nhận lời ngay, coi đó như một cơ duyên đưa tới, để tôi có dịp cúng dường Quý Chư Tôn Đức và thánh giả bốn phương. Nhận lời rồi tôi đâm lo, tự biết mình, tuy là một Phật tử, nhưng kiến thức về Phật pháp thì rất nông cạn. Đã thế lại lục mãi trong trí nhớ, không nghĩ ngay ra được một bài văn, bài thơ nổi tiếng nào, mà cho thấy mối tương quan



Tranh lụa của cố Họa sĩ Tá Chi Trương Cam Khải

++++

giữa Đạo Phật và Ngày Xuân. Hễ cứ nghĩ đến Xuân là y như rằng, trong trí nhớ của tôi lại bật ngay ra những vần thơ của Hồ Xuân Hương với lối ỡm ờ... tuy tục mà thanh, tuy thanh mà... vẫn tục! Hoặc những câu hát phớt phớt gợi tình gợi cảm đầy sức Xuân của nhạc sĩ Phạm Duy như:

“Em như cô gái hỡi còn xuân,

“Trong trắng nên chưa lấm bụi trần...”

nhưng rồi cô gái cũng có những lúc tự vấn: “Đêm đêm cô ngủ có buồn không?”

Hoặc trong bài “Xuân Ca” thì cái tình phớt phớt trong mùa Xuân lại còn thấy rõ hơn nữa:

“Xuân trong tôi đã khơi trong một
đêm vui

“Một đêm, một đêm gối chăn phòng
the đón cha mẹ về...”

hoặc:

“Xuân yêu đương, muốn căng lên
nhựa sống ngon

“Tìm em, gặp em đón Xuân nghìn
năm bão Xuân ngập lòng”

Thật là bậy quá! Tôi cứ phải đọc kinh sám hối mãi... Thì... một cơ duyên khác đưa tới... Tối ngày 14 tháng 1 năm đó anh Nguyễn Ngọc Bích, dịch giả bài thơ “Cáo tật thị chúng” của Thiền sư Mãn Giác, mời vợ chồng chúng tôi đi

nghe hai cô ca sĩ Carey Creed và Grace Griffith hát tại nhà hàng mà tôi vừa nói trên, tức là Quán Cà-phê Jammin' Java ở khu Vienna, bang Virginia.

Hai cô ca sĩ nổi tiếng này lần lượt hát những bài trong CD mang tên là Sands of Time (Những Hạt Cát Thời Gian) của cô Grace Griffith. Trước khi hai cô hát bài "Rebirth" thì tôi nghe ca sĩ Carey Creed giới thiệu như sau: "Chồng tôi ngày trước dạy tiếng Anh cho học trò ngoại quốc. Khi tiếp xúc với các trò Việt Nam, anh đi tìm hiểu về họ và mua được cuốn sách 'Một Nghìn Năm Thi Ca Việt Nam'. Anh rất thích bài thơ của Mãn Giác Thiền Sư trong đó, nên sau khi anh qua đời, tôi đã phổ nhạc bài thơ đó. Hôm nay, nếu tôi không lầm thì dịch giả bài thơ, ông Nguyễn Ngọc Bích, cũng có mặt ở đây." Tối đó anh Bích đã đứng lên trong tiếng vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt của khán thính giả." Trong khi bài hát được trình bày, tôi lắng hồn nghe từng lời, từng nốt nhạc và cảm được cả vẻ hân hoan, an lạc trên nét mặt của hai ca sĩ... Lúc đó chính tôi cũng thấy thư giãn, lâng lâng thoát tục...

Sau buổi trình diễn, tôi thấy cô Carey Creed, tác giả của bản nhạc, và cũng là một trong hai ca sĩ vừa hát, xuống chỗ anh Nguyễn Ngọc Bích ngồi, cảm ơn anh một lần nữa và nói: "Lời thơ của Thầy Mãn Giác làm chúng tôi thấy

yêu đời và tràn trề hy vọng." Còn cô Grace Griffith thì đề trên CD tặng anh Bích là: "Công việc anh làm cho cuộc đời đẹp hẳn lên." (Your work makes the world more beautiful.)

Trong buổi nói chuyện trên đài Chùa Quốc Tế Online, tôi cũng chia sẻ với quý Chư Tôn Đức và quý thính giả, bài "Rebirth" với giọng hát của ca sĩ Grace Griffith trong CD của cô, mang tên là Sands of Time. Lời lẽ như sau:

*Spring comes, and the hundred flowers.
Spring goes, and the hundred flowers.
My eyes watch things passing,
my head fills with years.*

*But when the spring has gone not all
the flowers follow.*

*Last night a plum branch blossomed
by my door.*

Thế mới biết, một bài thơ hay, một bài hát hay, có thể vang vọng qua một nghìn năm, vang vọng từ Đông sang Tây, từ Việt Nam sang đến Mỹ để thành một bài hát có ý nghĩa ngay cả đối với thế hệ và tuổi trẻ Mỹ ngày hôm nay. Việc nhạc sĩ Carey Creed phổ nhạc và hát bài thơ bất hủ của Thiền sư Mãn Giác từ thế kỷ 11, là một niềm hân hoan và hãnh diện cho không những Phật tử, cho tất cả người Việt chúng ta, mà còn cho nền văn hóa Việt Nam mãi mãi về sau.

Trương Anh Thụy

Chi

Phạm Hữu Bình

Washington, DC, một ngày Chủ Nhật đẹp trời giữa tháng 9 năm 1977. Du khách lũ lượt đi chơi trong công viên The National Mall, nơi có những viện bảo tàng nổi tiếng như Bảo Tàng Viện Không Gian và Phi Hành, Bảo Tàng Viện Lịch Sử Thiên Nhiên, v.v...

Chi đưa chiếc máy ảnh lên nhằm vào người chồng đang bồng đứa con trai đứng gần một pho tượng lớn và bấm lia lịa. Những tia sáng lóe ra từ flash của máy ảnh làm đứa nhỏ khoáí trí cười lên khanh khách. Người chồng cũng cười theo. Một lúc sau, người chồng đưa đứa nhỏ cho Chi và nói: “Em bế con đứng vào chỗ bụi hoa kia để anh chụp cho.”

Bỗng có tiếng gọi: “Chị Chi! Chị Chi!” Chi quay lại và thấy một người đàn bà từ trên lề đường chạy lại, hớn hờ nói: “Chị có nhận ra em không? Em là Hường, em chị Quyên là bạn thân của chị đó.”

Chi vui cười đáp: “Trời ơi! Em lớn lên nhiều làm sao chị nhận ra ngay được. Bây giờ em nói thì chị nhận ra rồi. Thế chị Quyên thì sao? Có đi được không?”

“Đạ, chị em có đi được, nhưng theo gia đình chồng sang Pháp. Để rồi em sẽ cho chị điện thoại và địa chỉ của chị Quyên để chị liên lạc.” Hường vừa trả lời vừa đưa mắt nhìn về hướng đứa nhỏ. Chi

chiềng tay về phía chồng và con, giới thiệu: “Đây là anh Khoa, chồng chị và cháu Văn, con trai đầu lòng của anh Khoa và chị đây.”

Hường cúi đầu chào Khoa và mỉm cười nhìn đứa nhỏ: “Cháu kháú khỉnh quá. Cháu được mấy tuổi rồi chị? Mà bây giờ chị làm gì?”

“Cháu được 18 tháng, mới biết đi và đang tập nói. Sang đây chị mới sinh cháu. Bây giờ thì còn phải gửi cháu cho bà nội trông. Anh Khoa kiếm được việc ở bưu điện; còn chị thì làm cashier cho một supermarket. Chị muốn tìm việc khác mà chưa tìm được.”

“Vậ hả chị? Ngày trước chị tốt nghiệp Sư-Phạm thực hành và chị cũng thạo tiếng Anh nữa vì chị đã học ở Hội Việt Mỹ. Chị có muốn trở lại nghề dạy học không?”

“Chị muốn lắm chứ. Nhưng chị nghe nói muốn làm giáo viên ở đây phải có chứng chỉ hành nghề dạy học mà chị không có thì làm sao? Tiền đâu mà đi học lại để lấy chứng chỉ?”

“Chị ơi, bây giờ các trường học cần nhiều giáo viên lắm, nhất là giáo viên nói thạo tiếng Việt, vì có nhiều học sinh Việt Nam mới tới. Em làm thư ký cho một trường tiểu học trong khu em ở. Ông Hiệu-Trưởng ngày nào cũng nhắc em tìm giáo viên người Việt cho ông ấy. Ông ấy nói ông ấy có nhiều cách để giúp giáo viên lấy chứng chỉ hành nghề. Nếu chị muốn thì em có thể giới thiệu chị với ông Hiệu Trưởng và nói rõ chị đã dạy học

nhiều năm ở Việt Nam. Chắc là ông ấy sẽ mừng lắm.”

Nghe thế, Chi mừng ra mặt: “Nếu vậy thì chị cảm ơn em lắm. Em cho chị địa chỉ và điện thoại của em đi.”

Hường lấy giấy ghi tên, địa chỉ, điện thoại đưa cho Chi và ân cần nói: “Nếu tiện thì ngày mai chị đến nhà em sớm và em sẽ đưa chị đến trường giới thiệu với ông Hiệu Trưởng.”

Chi hồi hộp bước vào văn phòng ông Hiệu Trưởng ngày hôm sau; nhưng chỉ trong chốc lát, nét mặt nhã nhặn, giọng nói ân cần của ông Hiệu Trưởng đã làm tan biến đi những lo âu lúc ban đầu. Sau khi xem kỹ những giấy chứng chỉ của Chi, Ông Hiệu Trưởng cho Chi biết ông ấy sẽ yêu cầu phòng nhân viên làm thủ tục bổ dụng Chi làm giáo viên tạm thời, đầy đủ lương bổng và quyền lợi với điều kiện là trong vòng hai năm Chi sẽ phải hoàn tất 6 tín chỉ về phương pháp giáo dục các trẻ nhi đồng và về tâm lý trẻ em. Những tín chỉ này Chi có thể học trong kỳ nghỉ hè hay vào buổi tối ở các đại học gần đây. Ngoài ra ông Hiệu Trưởng cũng nói trong vài tháng đầu ông ấy muốn Chi dạy chung một lớp mẫu giáo với một giáo viên có nhiều năm kinh nghiệm tên là Jennifer Petersen để Chi có dịp làm quen với lớp học và cách dạy học ở Hoa Kỳ.

Mọi việc trôi chảy ngoài sức tưởng tượng của Chi. Ông Hiệu Trưởng cũng bảo Hương đưa Chi đi giới thiệu với các nhân viên nhà trường và đến gặp cô giáo Jennifer Petersen để hai người bàn luận

về lớp học.

Việc đầu tiên của Chi khi đến nhận việc là làm quen với các em ở trong lớp mẫu giáo này. Các em thuộc nhiều chủng tộc: có trẻ em Nam Mỹ, trẻ em da đen, da trắng và trẻ em Á Đông trong đó có 4 em là người Việt. Mấy em này thấy có cô giáo nói được tiếng Việt thì mừng rỡ và mạnh dạn, tự tin hẳn lên. Các trẻ em trong lớp đều tò mò về cô giáo mới và tìm mọi cơ để lại nói chuyện với Chi: “Cô Chi làm ơn buộc lại dây giày cho em.”, “Cô Chi cài hộ em nút áo.” Chi sung sướng chiều lòng các em và lợi dụng những lúc gần gũi này để chuyện trò, tìm hiểu từng em.

Một điều Chi nhận thấy rõ là các trẻ em ở đây mạnh dạn và thân mật với các cô giáo. Các em nói năng tự nhiên và tự lập trong cách suy nghĩ. Trong giờ tập làm toán, một hôm cô Jennifer hỏi các em: “Nếu cô cho em hai con thỏ; rồi cô Chi lại cho em hai con thỏ nữa thì em có tất cả mấy con thỏ?” Các em xòe bàn tay ra đếm trên mấy ngón tay rồi dơ 4 ngón tay lên để trả lời. Riêng có em Clara xòe cả bàn tay 5 ngón lên trả lời. Cô Jennifer hỏi Clara: “Em có thể cho cô biết làm sao em có được 5 con thỏ không?” Clara nói: “Cô nói cô cho em 2 con thỏ; rồi cô Chi lại cho em 2 con thỏ nữa, thế là 4 con; với lại ở nhà em có một con rồi, thế là em có tất cả 5 con thỏ.” Cô Jennifer đành chịu thua, cười và ôn tồn nói: “Em nói như thế là đúng.”

Chi cũng nhận ra ngay là hai em người

Á Đông tên Kimberly và Katy và một em da đen tên Alisha đều là con nuôi vì ngày nào cũng có phụ huynh người da trắng đến đón. Các em rõ ràng là được bố mẹ nuôi cưng chiều. Quần áo ngày nào cũng thay đổi, hộp thời trang và sạch sẽ, thơm mát, riêm rúa. Hai em Kimberly và Katy cũng được bố mẹ đón sớm hơn để còn kịp đi học piano ngày Thứ Hai, học vũ ballet ngày Thứ Ba, học ice skating ngày Thứ Năm. Chi thậm nghĩ những đứa trẻ này thật là may mắn. Nếu như các em này còn sống với cha mẹ ruột nơi quê hương bản xứ thì chắc chắn còn sống trong cảnh nghèo nàn, đói rách, bệnh tật và thất học. Những cha mẹ nào đã phải cho con đi chắc cũng đau lòng, xót ruột khi phải chia ly với con; nhưng nếu họ biết giờ này con họ đang sống sung sướng với cha mẹ nuôi thì chắc họ cũng được an ủi đôi phần. Họ sẽ biết rằng việc họ quyết định cho đứa con đi khi họ không thể nuôi nó là một quyết định khôn ngoan và đầy tình thương.

Chi cũng chú ý đến một em trai tóc vàng óng ánh tên là John Kriege. Có một cái gì từ con người John như thu hút lấy Chi. Một hôm, Chi thấy John ngồi thừ mặt ra, không chuyện trò với ai. Chi tiến lại, định hỏi xem John có cần Chi giúp gì không; nhưng John xua tay nói: “Đừng lại gần em! Đừng lại gần em!” Chi không biết làm sao. Cô giáo Jennifer bước lại gần Chi và ghé tai nói thầm: “Chắc là em đó ỉa đùn hay đá dằm và không muốn ai biết đấy!” Chi thông thả đến gần em đó và dịu dàng nói: “Em lỡ làm ướt quần

phải không? Không sao đâu. Để cô giúp em thay quần áo khác.” Lúc bấy giờ John mới chịu đi theo Chi ra phòng tắm. Khi thay quần cho John, Chi nhận thấy một vết đỏ thẫm bằng đầu ngón tay cái ở trên mông phải John. Chi chăm chú nhìn kỹ. Vết đỏ như đã ăn sâu vào da John. Chi băn khoăn, nghĩ ngợi. Chi lấy ngón tay ấn nhẹ vào vết đỏ, nhưng John không tỏ ra đau đớn gì. Chi đưa John trở lại lớp rồi gọi điện thoại cho bà Kriege nói rõ về vết đỏ mà Chi vừa thấy trên mông John. Bà Kriege cười và nói: “Cháu đã có vết đỏ đó trên mông từ ngày cháu ra đời.” Từ hôm đó trở đi, Chi càng để ý đặc biệt đến John hơn.

Bố John là ông Gary Kriege, người da trắng, cao lớn, vạm vỡ, cũng có tóc vàng óng ánh như John, thường tự nguyện đến trường buổi chiều ngày Thứ Năm để giúp kiểm điểm, chỉnh trang các máy computers. Mẹ em cũng là người da trắng, mảnh khảnh, thon thả. Cả hai người cùng rất dịu dàng, lịch thiệp.

Là phụ giáo, Chi có nhiệm vụ giúp riêng từng em một khi cần. Nhưng lần nào đến chỗ John, Chi cũng đứng lại lâu hơn. Ở trong lớp học Chi phải giữ ý tứ, không được ôm ấp học trò nào; nhưng Chi ước ao làm sao Chi có thể ôm John vào lòng âu yếm, như Chi ôm bé Văn ở nhà, để lấy hơi nóng của mình truyền cho John và được cảm thấy hơi nóng từ thân thể John thấm vào cơ thể của mình. John hình như cũng cảm thấy sự âu yếm của cô giáo và tỏ ra ân cần, gần gũi với Chi hơn

bất cứ học sinh nào khác. Sáng đến là John chạy lại ôm chầm lấy Chi, cười khanh khách. Khi ra về John cũng hai ba lần từ biệt Chi rồi mới bước ra khỏi lớp.

Một buổi sáng John đem đến đưa cho Chi một cái kẹo sô-cô-la, rồi mỉm cười nói: “Mẹ em cho em kẹo này để ăn sau bữa trưa; nhưng em muốn cho cô.” Chi lắc đầu: “Kẹo này mẹ em cho em để ăn trưa. Em phải giữ để ăn sau bữa trưa. Em không được cho đi. Cô cảm ơn em; nhưng cô không ăn kẹo được vì cô sợ mập.” John tỏ ra hơi buồn. Một hôm khác khi được mẹ đưa đến lớp học, John mang theo một con gấu nhồi bông đến đưa cho Chi và nói: “Đây là con gấu mà em thích nhất; nhưng em muốn cho cô. Em đã hỏi mẹ em và mẹ em nói được.” Bà mẹ John mỉm cười ghé tai Chi nói nhỏ: “Cô cứ nhận cho cháu vui lòng. Nó mến cô lắm, cứ luôn miệng nhắc đến cô Chi” Chi cũng ghé tai bà mẹ nói nhỏ: “Tôi cứ giữ con gấu ở đây và sẽ bỏ vào một túi plastic. Chiều nay bà lại đón cháu, nhớ mang về cho cháu.”

Những ngày đi dạy mẫu giáo bây giờ là những ngày thần tiên đối với Chi. Khoa cũng thấy rõ vẻ sung sướng, yêu đời của vợ. Một buổi sáng trước khi đi làm, Khoa nói với Chi: “Anh thấy rõ là em yêu nghề dạy học hơn bất cứ việc gì khác.” Chi đồng ý ngay: “Anh nói đúng. Em được trở lại với nghề cũ thế này là may mắn lắm. Ở trường ai cũng quý mến em. Minh thật là có phúc lắm anh ơi!”

Một buổi sáng Thứ Sáu cách đó ít lâu

sau, cả hai vợ chồng ông Gary Kriege cùng đưa con đến lớp. Bà Kriege nói với cô Jennifer và Chi: “Cuối tuần này chúng tôi sẽ dọn đến căn nhà mới xây xong của chúng tôi cách đây 20 miles. Chúng tôi sẽ phải cho cháu John chuyển đến một lớp mẫu giáo gần nhà mới. Hôm nay là buổi học cuối cùng của cháu ở đây. Chúng tôi đến từ biệt hai cô và cảm ơn hai cô rất nhiều về tất cả những điều tốt đẹp hai cô đã làm cho cháu.”

Chi cảm thấy như có tiếng sét đánh ngang tai, đứng lặng người đi, không nói năng được một câu. Cả bầu trời như tối rầm rẫn lại. Có đến năm bảy phút sau Chi mới lấy lại được bình tĩnh và vội nói: “Tôi mến em John lắm. Em thật dễ thương. Nếu ông bà cho phép thì thỉnh thoảng tôi sẽ rẽ qua thăm em.” Ông Kriege cười vui vẻ: “Nếu thế thì quý lắm. Xin cô cứ tự nhiên.”

Khi John vẫy tay chào Chi để ra về ngày hôm đó, nó vẫn vui tươi như không có gì khác lạ hơn mọi khi. Chi cố mỉm cười nhìn theo nó.

Chi đến trường ngày Thứ Hai tuần sau, uể oải, mệt nhọc như người thiếu ngủ. Giờ khắc trôi qua nặng nề. Chi vẫn đi quanh lớp đến từng em để quan sát, chuyện trò, chỉ bảo, giúp đỡ; nhưng mỗi lần đến chỗ ngòai cũ của John là Chi bước vội đi. Ngày Thứ Ba cũng trôi qua nặng nề, chậm chạp. Chi không ngờ Chi lại nhớ John đến thế. Hay là chiều nay về Chi sẽ gọi điện thoại thăm hỏi nó. Ồ, không được; như vậy có vẻ vội vã quá.

Có lẽ phải đợi đến cuối tuần thì hợp lý hơn. Ngày Thứ Tư cô Jennifer vắng mặt, Chi phải đảm nhiệm tất cả mọi việc trong lớp, đọc truyện cho từng nhóm, sẵn sóc, giảng giải cho từng em. Em này ho và nóng đầu phải gọi điện thoại cho phụ huynh đến đón về sớm; em kia ỉa đùn phải thay quần áo cho em. Chi bận túi bụi và quên đi sự vắng mặt của John cho đến giờ tan học. Không còn tiếng chào từ biệt “bye bye Cô Chi”, không còn cái vẫy tay mềm mại duyên tiếc của John. Thế là những ngày thần tiên đã tàn tạ

Ngày Thứ Năm Chi mệt mỏi đến trường. Vừa bước vào hành lang đi ngang qua văn phòng chính, Chi nghe rõ ràng có tiếng gọi của John: “Cô Chi! Cô Chi!” Quay đầu lại, Chi thấy vợ chồng ông Gary Kriege đang dắt tay John đi vào văn phòng. Chi mừng quýnh, chưa kịp hỏi lý do, thì bà Kriege đã nhanh nhẹn giải thích: “Cháu sang trường mới, lạ thầy, lạ bạn, cháu chẳng chịu học hành gì; cả ngày chỉ ngồi một mình buồn thiu. Chúng tôi tưởng một hai hôm rồi cháu sẽ quen đi. Nhưng đến hôm qua thì cháu lại càng buồn hơn, bỏ cả ăn, nằm ngủ li bì. Cho nên chúng tôi xin cho cháu trở lại học ở đây với cô Jennifer và cô . Chúng tôi sẽ phải lái xe đưa cháu đi học xa hơn một chút thôi.”

Bao nhiêu buồn phiền bỗng tan biến hết, Chi lại thấy khung cảnh trường rạng rỡ, tươi vui,

lớp học đầy hứng thú.

Ông hiệu trưởng nghe tin một học sinh gia đình đã dọn nhà đi xa mà còn xin trở lại học thì mừng lắm. Đối với ông đây là bằng chứng hiển nhiên rằng những giáo viên trong trường này đã tận tâm và khéo léo trong việc giáo dục trẻ em. Ông loan tin đó cho tờ báo *Gazette* ở địa phương. Một tuần sau, hình hai cô giáo Jennifer và Chi tươi cười đứng chung với gia đình John đã được in trên trang nhất tờ *Gazette* dưới tiêu đề “Những Điểm Sơn Trong Địa Phương.” Bài báo kể lại chuyện John nhớ trường và nhớ cô giáo ra sao với kết luận là trường tiểu học Eastern Elementary, dưới sự điều khiển của ông Hiệu Trưởng Michael Dix, đã rất thành công trong việc giáo dục trẻ em. Phóng viên tờ báo cũng nhận xét rằng em John đã mến cô giáo Chi đến độ em đã bắt chước cả dáng đi và nụ cười của cô giáo. Bài báo cũng nhấn mạnh đến kinh nghiệm dạy học và sự tận tâm của hai cô giáo, nhất là Chi., một giáo viên từ Việt

Nam mới tới đây. Chỉ một thời gian ngắn sau đó, số đơn xin nhập học vào lớp mẫu giáo ở trường Eastern Elementary đã tăng lên bội phần. Ông hiệu trưởng phải dự trù mở thêm hai lớp nữa.



(Còn tiếp một kỳ nữa)
Phạm Hữu Bính

MÙA XUÂN VĨNH-VIỄN

PHƯƠNG-DUY TDC

1-

Nốt nhạc cuối cùng vừa chấm dứt. Hùng đứng lên, rời đàn dương-cầm để cảm tạ thính-giả đã lắng nghe nhạc-phẩm “Giòng sông xanh” bất-hủ của nhạc-sĩ người Áo Johann Strauss. Đó là bản nhạc kết thúc chương-trình trình-tấu ngày hôm nay.

Từ ngày Hùng vào nội-trú tại viện an-dưỡng của thành-phố, cứ mỗi cuối tuần, Hùng giúp vui cho các cụ lão-niên cùng các nhân-viên phục-vụ tại đây bằng âm-nhạc.

Nhìn thính-giả đang vỗ tay nồng-nhiệt, Hùng mỉm cười vì đa số là các cụ già trên sáu, bảy mươi tuổi. Ba mươi cụ ông, cụ bà người Mỹ trắng, bốn lão-nhân người Hoa, mười ông, bà già người Mỹ La-Tinh và một bà cụ người Việt. Cùng thương-thức còn có Ban Giám-độc, các bác-sĩ, nữ y-tá, nhân-viên và đôi lúc lại có thêm các thân-nhân của các cụ nữa.

Mặc dù là thính-giả cao niên, nhưng vị nào cũng thích nghe đàn, nên Hùng cũng vui và cảm-động khi nghe các cụ đề-nghị:

- Xin đàn thêm vài nhạc khúc nữa rồi hãy chấm dứt.

Hùng lại ngồi vào đàn dương-cầm và giới thiệu nhạc-khúc sẽ được chàng biểu-

diễn tiếp.

Từ trước đến nay, vì đa số thính-giả là người ngoại quốc (đôi với Hùng), nên chàng chỉ chọn những bản nhạc tây-phương nổi tiếng và phổ-thông như “Come back to Sorriento”, “The Blue Danube”, “Serenata”, “Ave Maria”, “La Paloma”, “Mexico”, “La vie en rose”... để trình-tấu. Hôm nay, chàng nhìn xuống các cụ người Việt và người Hoa rồi nói:

- Kính thưa quý Cụ, hôm nay xin quý Cụ vui lòng cho phép tôi giới-thiệu những nhạc-khúc Á-đông nổi tiếng, để quý Cụ thưởng-thức. Đó là bản “Rose de Chine”, nhạc Trung-Hoa và “Xuân và Tuổi trẻ” (Le Printemps et la jeunesse) của nhạc-sĩ La-Hối, Việt-Nam.

Những tràng pháo tay dài như không dứt của quý Cụ là một lời chấp thuận đề-nghị của Hùng một trăm phần trăm.

Hùng đứng lên cảm ơn và ngồi xuống đàn. Gian phòng hoàn toàn im lặng chờ tiếng đàn vang lên.

Từng âm-thanh thánh-thót thoát ra từ đàn dương-cầm như quyện theo tâm-hồn và hơi thở của Hùng. Hùng say sưa đưa những ngón tay lướt trên phím đàn và quên đi thực-tại. Những cánh hồng Trung-quốc khoe màu rực-rỡ, rồi rơi lá-tả theo làn gió nhẹ ban mai như nàng thiếu-nữ Trung-Hoa xuân-thì rồi cũng sẽ phai tàn nhan-sắc. Thính-giả như nín thở lắng nghe từng âm-thanh tỏa lan trong gian

phòng nhỏ hẹp của an-dưỡng-viện. Tiếp theo là những âm-thanh rộn-rã yêu đời của nhạc-khúc “Xuân và Tuổi Trẻ”. Khúc nhạc này đã làm cho các cụ cao niên tuy rất vui mà lại chảy nước mắt, nghĩ đến thân-phận hiện tại của các cụ khi tuổi-trẻ từ lâu đã từ-giã các cụ.

2-

Hùng vào nội-trú tại an-dưỡng-viện này khi chàng mất năng-lực làm việc. Từ cố vô thân. Vợ chàng qua đời khi mới đến định-cư tại Mỹ chừng vài năm. Các con chàng đã lớn, nên lần lượt dọn ra ở những nơi khác. Còn lại chàng, lúc còn đi làm thì cũng quên cảnh đơn chiếc. Nay không phải đi làm, được hưởng tiền trợ cấp bệnh tật. Hùng trả ngôi nhà đã thuê và xin vào an-dưỡng-viện dành cho những người mất năng-lực và cao niên. Tại đây, chàng được săn-sóc và sống yên tĩnh những ngày còn lại ở tuổi lục-tuần.

Ngày đầu tiên, một nữ nhân viên đã hướng-dẫn chàng đi thăm các phòng và giải-thích cho chàng nếp sống hàng ngày. Đến trước cửa một phòng ở cuối dãy, to rộng hơn các phòng khác, cô nữ nhân-viên mở khóa. Hùng đi vào. Chàng rất ngạc-nhiên vì đây là một phòng hòa nhạc. Một chiếc đàn dương-cầm lớn “piano à queue” đặt chính giữa trên bục sân-khấu rộng, bên cạnh là bộ trống, đàn ghi-ta, đàn vi-ô-lông, những giá để bản nhạc và một số dụng-cụ âm-nhạc khác.

Cô nữ nhân viên giải thích khi thấy Hùng như “sững-sờ ngạc-nhiên” trước

những nhạc-cụ bày trong phòng này. Nàng nói:

- Trước đây, khi Cụ John còn sống, cụ thường đến đây trình tấu nhạc giúp vui cho tất cả mọi người trú tại an-dưỡng-viện này. Ngày xưa, khi còn trẻ, cụ là nhạc-sĩ tốt-nghiệp âm-nhạc-viện. Cụ sử-dụng thành-thạo một số nhạc-cụ như dương-cầm, vĩ-cầm, tây-ban-cầm... Khi cụ về hưu, không còn thân-nhân, nên cụ hiến tặng chiếc đàn dương-cầm, vĩ-cầm cùng một vài nhạc-cụ khác khi vào nội-trú tại đây. Thế rồi từ ngày ấy, Ban giám-đốc cho sửa sang, nói rộng căn phòng này thành phòng hòa-nhạc và các cụ cao-niên hàng tuần được đến đây thưởng-thức âm-nhạc. Hai năm vừa qua, cụ John qua đời. Từ đấy, căn phòng này khóa cửa để chờ một nhạc-sĩ nào khác trong tương-lai...

Nghe xong lời giải-thích, Hùng xin phép cô nhân-viên trẻ, đến ngồi vào đàn dương-cầm.

Những chuỗi âm-thanh diu-dặt và thánh-thót vang lên. Hùng say sưa đàn một nhạc-khúc cổ-điển. Chàng quên hết hiện tại, chỉ còn đắm chìm những âm-thanh vang dội trong căn phòng.

Chấm dứt nhạc-khúc, chàng tỉnh người, khi nghe những tràng vỗ tay vang lên. Thì ra trong lúc Hùng đang say sưa đàn, cô nữ nhân-viên đã lảng-lặng đi thông-báo cho Ban giám-đốc và quý cụ cao-niên đến phòng hòa-nhạc ngay để nghe một “John Junior” đàn. Vì cô không phát-âm được tên của Hùng nên cô nghĩ

ngay đến cụ John và một “nickname” mới cho Hùng là “John Jr.” để dễ gọi và cũng muốn nói lên tài-nghệ trình-tấu của Hùng cũng không kém gì cụ John Sr. ngày xưa bao nhiêu.

Các cụ cũng như Ban giám-đốc tràn ngập nỗi vui, vì từ nay họ lại tiếp-tục được thưởng-thức âm-nhạc mỗi tuần sau khi cụ John từ-giã cây đàn, đi qua bên kia thế-giới.

3-

Cha mẹ Hùng rất yêu âm-nhạc nên đã cho Hùng thụ-huấn với một giáo-sư dạy dương-cầm khi Hùng mới lên sáu. Hùng học và đàn rất tiến bộ. Sau đó, Hùng tiếp-tục vào học tại trường Quốc-gia Âm-nhạc Saigon. Tốt-nghiệp xong, Hùng đi dạy nhạc tại các trường trung-học. Rồi chàng bị động-viên học khóa sĩ-quan trừ bị. Khi tại ngũ, chàng thuyên-chuyên từ chiến-trường này sang chiến-trường khác nên không còn dịp đặt tay vào đàn dương-cầm nữa. Sau 30 tháng Tư năm 1975, chàng đi tù cải-tạo, căn nhà chàng ở trong Cư-xá Sĩ-quan Chí-Hòa bị Việt-Cộng tịch-thu, kể cả cây đàn dương-cầm. Bọn chúng bắt buộc gia-đình chàng phải dọn ra khỏi cư-xá ngay ngày “tiếp-thu” và chỉ được mang theo một ít đồ dùng cần thiết.

Đến khi qua định-cư tại Mỹ, chàng lo đi làm đầu tắt mặt tối, nên không nghĩ chuyện mua cây đàn mới. Những lúc nhớ đàn, “thèm” đàn, Hùng thường đến các nhà bạn bè có đàn hoặc vào các tiệm bán đàn để “đàn ké” một vài nhạc-khúc ngắn.

Bây giờ vào nhà an-duỡng, Hùng thấy cây đàn nằm đấy mà không có ai sử-dụng, giống như “lân thấy pháo” vậy.

Kể từ đó, hàng ngày Hùng có dịp vào tập lại những nhạc-khúc cũ để mỗi cuối tuần trình-tấu cho mọi người sống trong nhà an-duỡng thưởng-thức.

Trong dịp lễ Tạ-Ơn Thanksgiving Day, có rất nhiều thân nhân của các Cụ nội-trú đến viếng thăm các cụ. Một thiếu-nữ tóc vàng, mắt xanh đã sững-sờ khi nghe tiếng đàn của Hùng, nàng không ngờ “nơi an-duỡng cuối cuộc đời của các cụ lão-niên” lại có một tay “pianist” có những ngón đàn tuyệt-diệu như vậy. Nàng tiến đến chỗ Hùng ngồi và nói với Hùng:

- Tôi xin phép ông đề tự giới-thiệu tên tôi là Liz, cháu của Cụ Maria. Bà Cụ đang ngồi ở đây ghé đàng kia, chắc ông đã biết Cụ. Gia-đình chúng tôi ai cũng say mê âm-nhạc. Tôi được gia-đình cho đi học vĩ-cầm hơn tám năm qua. Nghe tiếng đàn tuyệt-diệu của ông, tự nhiên tôi bỗng nảy sinh ra ý muốn đóng góp tiếng đàn của tôi vào các lần trình-tấu kế tiếp, không rõ ông có vui lòng chấp-thuận không?

Nhìn thiếu nữ, Hùng vừa cười vừa trả lời:

- Thứ nhất, tôi xin cảm ơn Cô đã cho tôi một nhận xét về tiếng đàn của tôi. Thứ hai, từ lâu tôi vẫn mong đợi có nhiều tiếng đàn khác cùng với tôi đảm-nhiệm những buổi song-tấu, tam-tấu âm-nhạc để giúp các cụ cao-niên vui hơn, chứ tuần nào cũng chỉ nghe độc-tấu dương-cầm thì chán chết, phải không cô? Thứ ba, dù tôi

chưa nói, nhưng cô cũng đã hiểu. Tôi trân trọng mời cô...

Thiếu-nữ nghe Hùng nói xong, mắt chớp chớp cảm-động vì toại ý muốn. Nàng hỏi qua thân-thể của Hùng, rồi nàng đề nghị với chàng:

- Bắt đầu từ ngày hôm nay, khi nào rảnh-rang, tôi sẽ mang đàn đến đây để tập-dượt, chuẩn-bị cho buổi hòa-nhạc tuần kế tiếp.

Hùng rất vui khi nghe lời đề-nghị của thiếu-nữ, vì ban giám-đốc vừa yêu cầu chàng chuẩn-bị đêm hòa-nhạc “đặc-biệt” chào mừng năm mới sắp đến.

4-

Martin Woong đọc đi đọc lại lá thư của bà nội chàng mà chàng mới nhận được sáng nay. Từ ngày bà vào nhà an-dưỡng, đây là lần đầu tiên, Martin nhận được thư của bà viết riêng cho đứa cháu nội duy nhất của bà:

“Cháu Woong thân mến,

Bà rất nhớ cháu, nhất là nhớ tiếng đàn Cello trầm trầm và sắc-sảo của cháu. Ngày xưa, khi bà còn ở nhà, cháu đàn ở phòng bên cạnh, bà lúc nào cũng lắng nghe rất thích thú. Bà muốn cháu cuối tuần này, mang chiếc đàn đó vào chỗ bà ở, đàn cho bà nghe vài bài, được không? Nhân thế, bà cũng tin cho cháu biết, mỗi tuần trong này bà thường được thưởng-thức nhạc hòa-tấu piano với violin đấy. Nếu thêm tiếng đàn cello của cháu nữa thì các cụ ở đây chắc sung-sướng lắm! Hơn nữa, bà cũng sẽ hãnh-diện ngón đàn của cháu. Mong gặp cháu.

EM CÓ BIẾT

Em có biết

Một sáng Xuân hồng người đưa thư đi qua
Ném vào anh một tin vui khùng khiếp
Mở trái tim ra nhận lộc tươi

Em có biết

Một trưa Hạ đỏ ôm trong lòng
Nhâm nhi, từng chút, anh nhâm nhi
Từng chút, anh nhâm nhi trái hạnh phúc

Em có biết

Một chiều Thu biếc anh tham lam
Cầm lòng không đậu, ăn hết chỗ còn lại
Hóa khùng điên, anh hóa khùng điên,
rồi chết

Em có biết

Một tối Đông xám người ta chôn anh
Huyệt, là nơi trái tim em ngụ tọa
Và nhờ thế, anh phục sinh sống lại

Lê Mai Lĩnh

*Bà của cháu,
Sue.”*

Đọc xong thư, Martin liền gọi điện thoại vào cho bà nội của chàng ngay:

- Hello! Thưa bà nội, Bà khỏe không?

Cháu đã nhận được thư của Bà. Cuối tuần này, cháu sẽ vào thăm Bà với cây đàn cello. Xin Bà cẩn trọng. Những điều gì mà cháu có thể làm cho Bà vui thì cháu hứa sẽ làm ngay. Cháu kính thăm Bà. Chào Bà nội.

Cuối tuần lễ đó, Hùng và Liz cũng như Ban giám-đốc, các Cụ cao-niên lại tiếp nhận thêm tiếng đàn cello tuyệt vời của Martin. Martin cũng tình-nguyện sẽ cộng-tác với Hùng và Liz trong chương trình hòa-tấu chào mừng “Mùa Xuân Vĩnh-viễn của Thiên-niên-kỷ mới”.

Thế rồi những ngày tháng kế tiếp trôi qua, Martin và Liz hàng ngày, sau khi rảnh-rỗi mang đàn đến tập dượt chung với Hùng những nhạc-khúc ba người muốn hòa-tấu với nhau.

5-

New-Year’s Day của Thiên-niên-kỷ mới, các cụ và thân nhân đến ngồi chờ tại phòng hòa-nhạc rất sớm, vừa trò chuyện chào mừng Năm Mới, vừa để thưởng-thức một buổi hòa nhạc đặc-biệt.

Đón ngày đầu năm mới, các cụ bà cũng làm dáng, thoa chút phấn hồng nơi má nhẵn-nheo và tô môi son đỏ như muốn kéo lại chút gì của những ngày thanh-xuân cũ. Các cụ ông cũng không kém, diện những bộ veste với cà-vạt sặc-sỡ, cài thêm chiếc huy-hiệu nhỏ cờ Mỹ hoặc những huy-chương, huy-hiệu cựu-chiến-binh.

Người ngồi trên xe lăn, người nằm trên băng-ca, người ngồi trên ghế dựa trong khi nghe nhạc, thật là một cảnh-tượng không bao giờ thấy ở ngoài đời.

Sáng hôm ấy, Hùng mặc bộ áo veste đen, thất nơ như một nghệ-sĩ “nhà nghề” khi trình-diễn.

Liz trong bộ áo đầm xòe màu hồng

nhạt, tóc cột đuôi ngựa và cài một bông hồng trên áo.

Martin mặc bộ veste trắng, thất nơ màu đỏ - màu của “phúc-lộc”- theo người Trung-Hoa thường tin-tưởng như vậy.

Sau khi Ban giám-đốc lên giới thiệu nội-dung buổi hòa nhạc và các nghệ-sĩ sẽ trình-tấu, ba người bắt đầu tam-tấu bản “The Four Seasons” bất-hủ của Vivaldi : “La Primavera” (Spring), “L’Estate” (Summer), “L’Autunno” (Autumn), “L’Inverno” (Winter).

Tiếng đàn violin của Liz cao vút, tiếng đàn cello của Martin trầm trầm hòa với tiếng đàn piano sắc-sảo của Hùng vang dội trong phòng hòa-nhạc như vang dội trong tim của người thưởng-thức.

Những tràng pháo tay không dứt để cảm ơn các nhạc-sĩ biểu-diễn.

Tiếp theo, Hùng đệm dương-cầm cho Liz độc tấu vĩ-cầm bản nhạc “Frühlingsstimmen” (Voices of Spring) của Johann Strauss. “Coup d’archet” của Liz thật tuyệt-diệu. Âm-thanh dồn-dập lúc trầm trầm, khi cao vút như giọng thì-thầm của mùa Xuân mà tác-giả Strauss đã gửi-gắm vào đó!

Những tràng pháo tay dài... dài...

Hùng độc tấu dương-cầm bản “Le Printemps et La Jeunesse” của La-Hoy và bản nhạc “Ly Rượu Mừng” của Phạm-đình-Chương.

Liz và Martin song tấu violin và cello một sonata của Chopin.

- Thật là tuyệt diệu!

Thính-giả nồng nhiệt la to với những

tràng pháo tay như không dứt để yêu cầu song-tấu lần nữa.

Martin nhìn sang Liz như để hỏi ý kiến. Cùng lúc Liz nhìn sang Martin và gật đầu.

Tiếp theo chương-trình, Martin đưa thính-giả vào “mê-hôn-trận” với phần độc tấu cello một concerto của Brahms.

Tiếng đàn của chàng cũng làm cho người nghe nhớ tới tiếng đàn của danh-cầm Jacqueline du Pré.

Sau cùng, Hùng, Liz và Martin chấm dứt chương-trình hòa-nhạc bằng nhạc-khúc “One Day When We Were Young” bất-hủ của nhạc-sĩ thiên-tài người Áo Johann Strauss.

Những tràng pháo tay tiếp tục vang lên cùng với những nụ cười tràn đầy hy-vọng một “mùa xuân vĩnh-viễn” của tất cả thính-giả.

Những bó hoa hồng rực-rỡ của thính-giả và của Ban Giám-độc trao cho Liz, trao cho Hùng và cho Martin.

Liz cảm-động nhìn sang Hùng như thâm cảm-phục “ngón tay vàng” của người đàn ông đã bước vào tuổi gần cuối Thu, nhưng tâm-hồn vẫn mãi mãi yêu đời, mê âm-nhạc như đang còn ở tuổi “Mùa Xuân Bất Tận”.

Martin nhìn sang Liz, Liz nhìn lại Martin với cái nhìn âu-yếm vì sự thành công của nàng hôm nay có sự cộng-tác

chân-thành và nghệ-thuật của Martin. Tiếng đàn violin song-tấu với tiếng đàn cello như quyện nhau thành một.

6-

Những ngày tháng của cuộc đời lần lượt trôi qua rất nhanh: Xuân, Hạ, Thu, Đông theo nhịp xoay tròn của quả đất, giống như nhạc-phẩm “The Four Seasons” của Vivaldi đã diễn tả.

Đều đặn mỗi cuối tuần, Liz lại có dịp hòa đàn với Martin và Hùng. Hùng ngắm-nghĩ nếu tiếng đàn violin của Liz không có tiếng đàn cello của Martin “bám theo” chắc sẽ “cô-đơn” lắm! Hùng ước mong hai bạn trẻ của chàng sẽ cùng đàn với nhau mãi mãi trong suốt cuộc đời.

Rồi lời thắm ước của Hùng đã thành sự thật sau thời-gian dài ba người cùng hòa nhạc với nhau.

Khi nhịp đập của quả tim yêu âm-nhạc của Liz đã cộng-hưởng sự rung động với nhịp đập của quả tim yêu âm-nhạc của Martin.

Một mùa xuân bất tận của hai tâm hồn đồng điệu đã thành hình khi Liz và Martin quỳ trước bàn thờ lắng nghe nhạc khúc “Oui devant Dieu” bất-hủ cất cao trong thánh-đường, trước đông đủ người thân, Hùng và bạn bè.





Sáo Trúc: Tranh Vi Vi

Chốn Êm Đềm

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Từ ngày nuôi mấy con vịt kẻ ra thì cũng bất tiện, vì chúng nó không phải sạch sẽ gì cho lắm, nhất là khi ở trên nước Mỹ, trong một xóm toàn nhà cửa mới xây san sát nhau...

Khi mấy con vịt không ai mời mà đến ở trong nhà, một cách tự nhiên trên trời rơi xuống, thì bà Bốn thấy mình có trách nhiệm với chúng trong vui buồn lẫn lộn, chẳng ra đâu vào đâu! Đúng là của trời cho! Dù chúng chẳng bao giờ dám “gây hấn” với bà, chỉ dương những cặp mắt tròn mà nhìn nên bà phải săn sóc cho ăn, phải quét tước đàng sau cho vệ sinh sạch sẽ.

Gia đình này chỉ có thằng Út của bà là thích, chiều nào đi học về cũng không quên chạy ra sau thăm, lấy nước đổ vào “vũng lầy của chúng ta” cho vịt tắm, chơi với vịt cả tiếng đồng hồ, chuyện không hề xảy ra trước đó, bởi cu cậu rất làm biếng!

Bốn con vịt bé tí ti teo mới đó mà bây giờ đã là vịt chọi chọi, mau ăn chóng lớn thật, bộ lông chúng trắng phau, tướng đi lạch bạch gọi nhau ầm ĩ. Không biết khi chúng lớn hơn nữa, thì tiếng kêu sẽ lớn cỡ nào? Mấy nhà bên cạnh nghe họ có kêu cảnh sát đến không?

Vì mấy con vịt đó mà sau này, bà Bốn có thềm hột vịt lộn mấy đi chẳng nữa, cũng không bao giờ dám mua. Bà sợ vì cái tính hay quên của bà sẽ cho ra đời vài con vịt

khác, thì bà chỉ có chết tới bị thương!

Nuôi vịt thì cứ nuôi, nhưng bà Bốn phải nghĩ cách để tổng khứ chúng đi là vừa.

- Bà lo xa quá. còn lâu mà.

Ông Bốn nói khi thấy bà cứ loay hoay lo về mấy con vịt! Đã nói tính bà lo xa, xa lắm, có khi “bắn cà nông hồng tới”!

- Coi vậy chứ chúng lớn bộn. ông không nhớ bên Việt Nam người ta nuôi vịt có ba tháng là bán được rồi sao!

- Thì bà cho chúng “diet” lại.

- Diet thế nào? Vịt chứ bộ người sao cần làm đẹp?

- Làm đẹp cái gì! Thay vì cho chúng nó ăn hai lần trong ngày, thì bà bớt lại một lần, có phải vừa đỡ tốn cơm, tốn sức, con vịt thì chậm lớn. là bà vui rồi.

- Sao tôi lại phải vui? Chúng không được ăn thì gào lên, hàng xóm nghe được lại phiền toái hơn!

- Phiền cái gì?

- Phiền lỗi tai họ chứ gì nữa. rồi có ai đó bốc điện thoại lên than trách, rồi cảnh sát tới, rồi sao đó là bao nhiêu thứ phải lo.

- Rồi cái gì mà dữ vậy! Có mấy con vịt mà làm như khủng bố không bằng! Cảnh sát với cảnh sung!

- Ờ... tới lúc đó thì biết!

Ông Bốn dứt khoát:

- Thôi dẹp ba con vịt đi!

- Bốn con.

- Ba bốn con gì cũng được. Khi nào nó lớn, bà không cần lo lắng gì hết, cứ ới tôi một tiếng là tiết canh vịt, gói vịt, cháo vịt có ngay, tha hồ ăn!

Bà Bốn lườm:

- Nói như ông dễ ợt nhưng ông quên thằng Út rồi à?

- Thằng Út làm sao?

- Nó sẽ cho là mình sát nhân, ăn thịt ngay cả những “người” trong nhà!

Ông Bốn gằn giọng:

- Hay nhỉ, mình có ăn người bao giờ, vịt là con vật cơ mà!

- Nhưng nó thương lũ vịt lắm, làm sao cắt cổ ăn được!

Câu nói của bà làm cho ông suy nghĩ.

Ừ phải, thằng Út nó vốn thích súc vật. Từ ngày có mấy con vịt trong nhà, nó bỏ công đi theo chơi đùa với chúng khá nhiều. Lúc trước, nó còn cho mấy con vịt vào thùng ngũ chung trong phòng. Bây giờ thành vịt choai choai, mẹ bắt phải đưa ra sân sau kéo hôi nhà, cu cậu có vẻ xót xa lắm. Nói chi là bắt vịt của nó làm thịt! Không đời nào!

Có điều khá bất tiện là ông không biết cắt cổ vịt! Từ nhỏ tới giờ ông là công tử bột, có nhúng tay vào bếp đâu mà biết! Khi lấy vợ, bà Bốn lại là người giỏi giang, nấu nướng nổi tiếng trong gia đình ra đến ngoài họ tộc, thì ông lại càng không biết cái bếp là gì!

Nói dễ mà quên cũng mau. Ông Bốn đâu có thèm suy nghĩ chuyện mấy con vịt chi cho mất công, muốn gì cứ hò mấy ông bạn là có người ra tay đồ tể ngay. Thì giờ rảnh ông còn coi đấu banh, tin tức hay ngồi trước đàn máy tìm tòi, mặc cho bà muốn làm gì thì làm.

Lũ vịt tuy choai choai, nhưng cái mỏ đục đầu cũng rĩa, thành ra đất cát phía sau bắt đầu gập ghềnh lồi lõm, dơ dáy!

Lúc này bà phải chặn ngang ngõ vào cửa

sau bằng một miếng ván, nếu không mấy con vịt đổ bộ vào sân thì còn gì là vườn tược, hoa lá của bà! Nhìn giang sơn bốn con vịt sống trong vòng đai bấy giờ thâm thương làm sao, không một cành cây ngọn cỏ nào còn sót với chúng. Chúng rĩa, cạp hết, trụi cả cây lẫn gốc!

Một buổi trưa cuối tuần ăn cơm xong, Ông Bốn ngồi coi thư Email ở trong máy, rồi đọc oang oang cho vợ nghe:

- Thịt vịt sáo măng, bà nghe chưa, lại đây coi cái hình ngon quá. mấy miếng thịt vịt lại còn rắc hành phi lên trên trông hấp dẫn quá. Món này dễ làm lại có gừng, ấm lòng chiến sĩ. Bà làm món này đi bà.

Thằng Út đang uống nước gằn đó, chen vào ngay:

- Ba má muốn ăn thì đi mua thịt ngoài tiệm về nấu nghe, không được đục vào vịt của con!

Bà Bốn hỏi lại:

- Vịt của con lúc nào?

- Con dành nó từ nhỏ thì nó là của con.

- Vịt của mẹ mua từ cái trứng nở ra mà!

- Nhưng không được giết nó, nó ở trong nhà mình.

- Trong nhà cái gì! Gà vịt là để ăn chứ không phải làm cảnh!

Ông Bốn gằm gừ, thằng Út cũng không vừa.

- Ba má không biết thương “người”!

Nói xong, nó mở cửa biển ra sau với lũ vịt. Ông Bốn nháy mắt nhìn vợ, ra dấu cho bà đứng nói thêm. Nó đã không thích nghe chuyện mấy con vịt đi vào lò sát sinh thì đừng có nhắc khi có nó ở đó!

Cái thằng cũng kỳ, vậy thôi mà buổi tối thằng Út nói nhưc đâu không chịu ra ăn cơm. Ông bà Bốn biết tông nó phản đối ngầm về việc mấy con vịt, nên cũng không bắt ép như

mọi lần.

Con nít bên này muốn tụi nó phục phải biết rõ tâm lý. Nhiều khi chỉ là một vấn đề nhỏ, nhưng nói ngược ý, là sanh ra bất mãn, rồi đứ đả nhỏ để bụng sau đó làm tâm bậy tâm bạ mục đích phản đối cha mẹ.

Vấn đề cắt cổ vịt thì bà Bốn không đời nào dám làm! Cả đời bà chỉ dám cầm dao cắt cổ gà có một lần. Lần đó do bị các bạn ép buộc vì cá cuộc, bà run rẩy đập chân lên hai cánh gà, nhắm mắt cứa vào cổ nó thật nhẹ, con gà bị đau, quẫy mạnh la quang quác. Thế là bà hết hồn hết vía vớt dao chạy trốn chết! Nghĩ lại bà còn rùng mình!

Thằng con bà cũng kỳ, thịt gà thịt vịt thì nó không chê, ăn chỉ chừa xương nhưng đó là gà vịt mua ở mấy tiệm BBQ. Còn mấy con vịt này thì không được đụng tới.

Khi kể cho bà bạn nghe về chuyện mấy con vịt, bà Vân nói:

- Đâu có gì lạ, vật gì nuôi thì đem lòng thương, nhất là tụi con nít, nó thương loài vật lắm. Bà nuôi vịt chứ nuôi heo nó cũng không cho giết thịt đâu!

- Thì chính tui cũng thương tụi nó nhưng khi nó lớn rồi đành phải tính cách nào thôi vì dơ quá không chịu nổi!

Bà Vân hỏi:

- Bà có nghe chuyện con bé Bi nhà bà Trà chưa?

- Chuyện gì?

- Thì má nó dẫn đi chợ trời, thấy bán gà con, mua cho nó hai con gà. Nuôi đâu vài tháng, thì gà trống lớn lên gáy ồn ào quá, má nó sợ bị hàng xóm thưa vì đã nghe họ phàn nàn, muốn làm thịt. Biết mẹ sắp giết hai con gà, ban đêm nó lên ấm mấy con gà đi trốn.

Cặp mắt bà Bốn mở to:

- Trời đất, rồi có tìm được không?

- Con nhỏ đi 2 ngày, gia đình bà Vân bỏ đi tìm khắp nơi không thấy, phải đưa ra cảnh sát. Sau đó mới tìm ra nó ở trong nhà kho của con bạn học cùng lớp, mà chính con bạn đó cũng không biết con bé Bi chui vào trong nhà kho của mình.

- Làm sao họ biết con bé trong đó?

- Thì nhờ có tiếng gà gáy mà má con bạn mới lấy làm lạ, ra sau nhà kho coi, vì bà đâu có nuôi gà! thì mới thấy con Bi nằm ở đó, đang đói là người!

- May phước quá, rồi họ xử sao với mấy con gà?

- Thì phải nói láo thôi! Ba má nó tổ chức cho nó đi chơi xa với ông cậu, ở nhà họ nói sẽ cho gà vào một trại gà gần đó, sẽ không bị thưa kiện.

- Con bé tin không?

- Sao không, khi nó về họ phải kiểm tẩm hình chụp trong một trại gà, có hai con gà của nó, thì làm sao con bé biết được. Nhưng nó cũng yên tâm, vì không sợ cảnh sát bắt khi gà gáy bậy!

- Rồi hình lấy ở đâu ra?

- Thì làm “photoshop”, ông bà chụp hai con gà, rồi ghép với hình của trại gà. Có hai con gà đứng phía trước, con bé mới yên tâm được.

Bà Bốn thấy tội nghiệp cho con bé!

- Họ làm thịt hai con gà hả?

- Chứ còn gì nữa. Cuối tuần đó họ rủ vài người có tui nữa, đến ăn gỏi gà, gà nướng. Mà công nhận hai con gà thật bự, thịt nó dai ngon hơn gà mình mua chợ nhiều!

- Vậy à.

Bà Bốn tư lự. mấy con vịt của mình chắc thịt cũng ngon lắm đây! Nhưng thằng Út nó cũng đủ lớn để hiểu được những lời nói thật hay dối của cha mẹ. Có dễ gạt nó đâu!

- Chắc tui đưa mấy con vịt ra thả ngoài hồ, phóng sinh cho tui nó đi quá!

- Uống lăm, vịt nuôi ngon hơn vịt công nghệ. làm tiết canh hết xẩy!

- Tui chỉ biết làm gỏi vịt, cháo vịt chứ không biết đánh tiết canh. Cũng chưa bao giờ ăn món đó, và lại ăn tiết chưa nấu có hại lắm!

- Hai gì, nếu bà giết thịt thì kêu tui tới đánh tiết canh giùm cho. Tui làm món này ngon nổi tiếng.

- Ừ, nhưng...

- Nhưng sao?

- Nhưng thằng Út nó không cho giết!

- Thì kiếm cách mà nói với nó!

- Tui chưa biết cách gì hết.

Bà Vân về lâu rồi mà bà Bốn còn suy nghĩ mãi. Một quá, tham mấy con vịt mà nhiều khi thằng Út bắt mẫn là không nên. Hay thả quách cho rồi, coi như mất năm chục đô cho khô!

Nghĩ đến vịt, bà ra phía sau xách cây chổi đi quét dọn. Vững lầy ngày càng lớn hơn vì mấy con vịt cứ xia cái mỏ vào mà cạp tìm giun! Chúng nó lông màu trắng mà cái bụng thì đen xì xì vì đất. Vậy mà thằng Út vẫn nhìn với ánh mắt triu mến lạ lùng!

Thôi không suy nghĩ nữa, dù sao thì mấy con vịt chưa đủ lớn để lo lắng về chuyện này!

o o o

Một cuối tuần, ông bà Bốn đến nhà người bạn để dự buổi tiệc hấp hôn 20 năm. Nhà ông bà Vịnh giàu nứt vách đổ tường, là người bạn trong nhóm thịnh thoàng có giao thiệp với nhau, và là người khá giả nhất. Nhà ở khu này không nhiều, xa xa mới thấy thấp thoáng một nóc gia, đất rộng mênh mông, giá trên vài triệu mỗi căn.

Tiệc được tổ chức ở vườn sau. Khu vườn

rộng mênh mông có hàng cây được cắt đều, tắm tấp ngay hàng thẳng lối.

Bà Bốn nhìn các dãy bàn dài được trải khăn trắng, chung bày những đĩa hồng vàng trang trí trên bàn, thật là thơ mộng. Một bàn đựng thức uống, một bàn thức ăn, còn một bàn thì toàn là những món bánh, trái cây kỳ hoa dị thảo: thật là hấp dẫn! Một bàn khác thì đựng chén đĩa, dao muỗng, ly tách, khăn tay.

Những người tiếp viên bản xứ mặc áo đầm trắng cột tạp-đề đen lịch lăm, tóc bới cao đang phục vụ khách mời chu đáo.

Xa xa, một hồ nước trong xanh có hàng dương liễu thướt tha trong gió, quá đẹp.

Là một thương gia chuyên bán về dịch vụ máy móc cho chính phủ, ông Vịnh là người có máu mặt ở vùng này. Ông quen biết khá đông người Mỹ lẫn Việt, nhưng ông thích giao hảo với nhóm của ông bà Bốn, vì họ đa số là những người có học thức trong xã hội, lại nói chuyện “hợp ro”, nhất là vợ ông thích bà Bốn.

Bà Bốn để chồng đứng với mấy người bạn, bà vào trong bếp tìm xem bà Vịnh đang làm gì.

Bà Vịnh là người đàn bà dù không đẹp như hoa khôi hoa hậu nhưng có nhiều bà ngưỡng mộ vì nhìn tướng bà rất sang trọng. Cho dù bà không ăn mặc diêm dúa nhưng những màu bà chọn để khoác lên người có nét nhu mì, dịu dàng và nhẹ nhàng.

Bà hay làm dáng bằng một xâu chuỗi đeo trên cổ, khi thì hạt xoàn, lúc hạt trai, hạt huyền. Đó là món trang sức duy nhất bà đeo trên người. Bà Vịnh nghe nói hồi xưa là một người tạo mẫu thời trang, cho nên bà rất tao nhã trong phong cách ăn mặc của mình.

Căn bếp của nhà này to gấp mấy lần nhà bà Bốn. Mặt bàn và các quầy làm bằng đá cẩm thạch màu hồng có pha xanh lá cây thật đẹp.

Nhìn những tủ đựng nồi niêu chén bát ắp trong tường, những tủ ly tách, lò nấu nướng... bà Bốn mê toi, cho dù bà đã đến đây vài ba lần.

Bà cứ rờ tay lên mặt bàn cẩm thạch mân mê rồi ao ước: phải chi bà có cái mặt bàn nhỏ màu như thế này thì thích biết mấy! Thứ này phải “order” đặc biệt chứ dễ gì mà mua được ngoài tiệm.

Chị người làm của nhà bà Vịnh bước vào cúi đầu chào bà. Bà Bốn hỏi:

- Bà chủ đâu rồi chị?
- Dạ, bà đang ở trong gara.
- Ủa, làm gì ngoài đó?
- Đang canh chó!
- Canh chó?

Thấy bà Bốn trở mắt nhìn mình không hiểu, chị giải thích:

- Con Kila đang đẻ, bà canh chó đẻ.
- Ô! vậy tôi coi được không?

Chị ta lắc đầu:

- Dạ không, chó nó không thích người lạ vào. Bây giờ tui ra canh cho bà chủ vào, bà đợi chút nhé.

Chị tất cả đi ra ngay. Bà Bốn nhớ lại hai con chó của bà Vịnh rất dễ thương, chúng giống Ang Lê nhỏ xíu, mỗi con nặng khoảng bốn pounds. Tóc tai thì lù xù, đầu cột nơ xinh xắn.

Nhà người ta rộng rãi, nuôi súc vật có người chăm sóc cũng dễ. Con vật cưng lúc nào cũng thơm tho sạch sẽ, có tiền cũng sướng.

Bà Bốn thông thả nhìn ngắm căn bếp, cho bà ở đây cả ngày cũng không thấy chán, nội những thứ sang trọng chung quanh ngắm hoài cũng vẫn thấy thích. Đồ nhà giàu có khác.

Bà thấy ông bà Vịnh là người biết hưởng thụ cuộc sống một cách thoải mái. Có tiền, họ

chọn mua nhà ở khu thật tốt, biết ăn xài, thường xuyên đi du lịch khắp nơi trên thế giới và xã giao lịch lãm.

Họ có bạn trong mọi giới, không bị phân chia dè bieu, đồ kỵ ganh ghét về giai cấp giàu của ông, và được nhiều người ưa thích khi nhắc đến tên. Dễ hiểu bởi ông bà Vịnh thường xuyên đóng góp trong những buổi từ thiện.

Với một số tiền nhỏ bỏ ra, nhưng lúc nào cũng có mặt ông bà trong công việc cần là có. Dù không tốn kém bao nhiêu nhưng đó là thành quả của ông đạt được. Vì ông Vịnh đã biết tham gia góp mặt, chứ không lơ là với cộng đồng của mình, trong khi công việc của ông là với Mỹ, không cần sự yểm trợ của cộng đồng Việt Nam.

Thử hỏi sống như vậy ai mà không cảm tình.

Nhưng dù nhiều người thích, nhưng ông bà Vịnh cũng chỉ chọn vài người bạn làm thân.

Bà Vịnh thích bà Bốn bởi bà nấu ăn ngon, nhất là cái món “bún mắm” quê cha đất tổ của bà mà bà không biết nấu làm sao!

Nhiều lần chồng đi công việc ở ngoại quốc, bà ở nhà cải trang thành một bà bình dân, tìm ăn nhà hàng những món mình thích. Nhưng than ôi, ngon thì có ngon, nhưng bột ngọt nhiều quá, lần nào bà cũng bị đỏ mặt, khát nước và tim đập thình thịch, ngứa ngáy chân tay!

Chị bếp nhà bà cũng có tài làm được vài món bánh ngon, tiện để đãi khách, chứ bà thì không thích ăn ngọt!

Bà Vịnh quen bà Bốn khi gặp nhau ở một buổi tiệc gây quỹ giúp trẻ em nghèo. Vì thiếu chỗ nên vợ chồng bà Bốn được đưa vào bàn ông bà Vịnh, nơi những người tai mắt nhà giàu ngồi, vì nơi đó còn hai chỗ trống.

Thấy bà Bốn cứ lo tiếp thức ăn cho một bà

cụ, mẹ ông dân biểu gốc Việt cùng bàn, bà Vịnh thấy cảm tình với người đàn bà này, rồi họ nói chuyện, quen nhau.

Bà Vịnh thường gọi phen cho bà Bốn, rồi họ thân nhau không lâu sau đó. Nhưng bà Bốn lúc nào cũng giữ ý, vì sợ người ta cho mình “thấy sang bắt quàng làm họ”!

Nghĩ đến đó thì bà Vịnh ra tới. Bà tíu tíu khoe về con chó của bà, nó mới đẻ được một con, vẫn còn chờ nó đẻ tiếp. Hai bà đứng trong cửa sổ nhà bếp nhìn ra sau.

- Ở đây dễ thành thi họa sĩ, cái hồ nhà anh chị đẹp quá.

- Chồng em tính thả mấy con ngỗng hay vịt màu trắng cho chúng mò tôm bắt ốc đó chị. Ốc bươu tới mùa đẻ nhiều quá chừng chừng.

- Vậy hả?

Bà Bốn sực nhớ tới mấy con vịt của thằng Út ở nhà. Cơ hội hiếm có tới rồi. Bà mở lời:

- Nếu anh chị muốn nuôi vịt, tôi có bốn con đẹp lắm.

- Thật sao? Ở đâu chị có?

Câu hỏi làm bà Bốn tuôn hết ẩn tình của mình ra! Thế là chuyện bốn con vịt có chỗ giải quyết. Không ngờ vịt đến nhà thì hên thiệt! Đang không biết làm sao.

Thằng Út mà biết chuyện bốn con vịt được nhà giàu nuôi, chắc cũng an tâm, không sợ nó bị làm thịt!

- Chồng em ảnh cũng thích ngan ngỗng, vịt và công lắm chị. Ảnh đang cho rào một khu đất phía sau để thả hai con công vào đó.

- Phải, công mà xòe cái đuôi ra thì đẹp biết mấy.

Bà Vịnh im lặng một lúc, rồi hỏi:

- Con trai chị có thích nuôi chó không?

- Chó hả? chó gì?

- Em mới nghĩ ra là con chó nhà em nó sẽ đẻ khoảng ba bốn con gì đó. Nếu chị thích nuôi thì em tặng chị một con.

Bà Bốn đang suy nghĩ coi có nên nuôi không, thì bà Vịnh tiếp:

- Con chó này có giá lắm đó chị, em mua năm ngàn đô la một cặp đó, có giấy tờ AKC hẳn hoi. Cứ hai cha mẹ có giấy tờ, thì con chó sinh ra mới được cấp giấy. Khi bán có giá trị vì là thuần giống.

Nghe bà Vịnh nói mà bà Bốn vui quá. Bà vui không phải vì sắp có con chó đẹp đắt tiền mà vì có nơi có chốn tốt lành cho mấy con vịt của “thằng Út”!

Nhưng bà chưa trả lời dứt khoát, vì bà còn phải hỏi chồng và con, cho dù chính bà là người phải chăm sóc cho con vật hàng ngày.

Lên xe, bà Bốn hát ư ử, khác hẳn mọi ngày là híp mắt buồn ngủ! Ông Bốn thấy lạ, hỏi:

- Có gì vui hả bà?

- Đúng thế.

- Thì nói cho chồng nghe với...

- Tôi mới kiếm được chỗ tốt để cho đi mấy con vịt, thằng Út chắc vui lắm.

- Tay này có biết đánh tiết canh không đấy?

Câu hỏi của ông làm bà tức ngang xương. Con người gì mà không biết mơ mộng lãng mạn chút nào. Bà im không trả lời câu nói của chồng, nhắm mắt lại, nghĩ về cái hồ nước thơ mộng sau nhà bà Vịnh, nơi mà mấy con vịt nhà bà sẽ nhón nhờ đi lại, lặn hụp trong đó.

Lòng bà lắng xuống, êm đềm bình yên.

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

Hãy Khóc Lên, Quê Hương Yêu Dấu! Mi Último Adiós

Bài Thơ Tuyệt Mệnh Trước Giờ Hành Quyết: José Rizal

Sưu khảo và dịch của
Phạm Trọng Lê

Huling Paalam.

Thơ Phi-Luật-Tân thường viết bằng ba thứ tiếng. Sau khi bị người Tây-Ban-Nha đô hộ kể từ 1565, văn chương Phi-Luật-tân viết bằng tiếng Tagalog, tiếng mẹ đẻ của đa số người Phi, và cho đến thế kỷ 19, phần lớn các nhà văn hay giáo sĩ viết bằng tiếng Spanish. Kể từ 1898 đến cuối Đệ Nhị Thế Chiến, thời Phi-Luật-Tân còn là thuộc địa của Hoa-Kỳ, thì tiếng Anh được dùng để dạy tại các trường học. Trong những áng văn chương hùng hồn nhất phải kể bài thơ “Mi Último Adiós” của nhà văn và thi sĩ ái quốc nổi tiếng của xứ Phi-Luật-Tân là José Rizal. Bài thơ có nhan đề tiếng Anh là “My Last Farewell” do Rizal viết bằng tiếng Tây-Ban-Nha, đêm hôm trước ngày bị hành quyết hôm 12/30/1896, vì tội chống lại nhà cầm quyền Tây-Ban-Nha, lúc đó đang đô hộ xứ Phi-Luật-Tân. Thực ra bài thơ không có nhan đề nhưng bạn của Rizal là Mariano Ponce đặt cho là Mi Último Adiós; tiếng Tagalog là



Vài dòng tiểu sử Rizal:

José Rizal sinh năm 1891, tại Calamba, tỉnh Laguna. Ông theo học trường đạo Jesuit tại Manila, và đại học Madrid, nơi ông tốt nghiệp bác sĩ y-khoa năm 23 tuổi, và tiến sĩ năm 24 tuổi. Ông cũng theo học tại Paris (Pháp), Heidelberg và Leipzig (Đức). Tại Bá Linh, ông viết cuốn NOLI ME TANGERE (dịch sang tiếng Anh mang tựa là The Social Cancer, “Ung thư xã hội” bởi dịch giả Charles E. Derbyshire (Manila: Philippines Education, 1950) trong đó Rizal bài xích nhà cầm quyền Tây-Ban-Nha và các giáo phái tại Phi-Luật-Tân. Bị nhà cầm quyền truy lùng, ông phải bỏ xứ sang sống tại Pháp, Hoa-Kỳ và Hongkong là nơi ông mở phòng mạch chữa bệnh. Năm 1891, ông xuất bản cuốn tiểu thuyết thứ hai nhan đề EL FILIBUSTERISMO (Bản tiếng Anh mang tựa The Reign of Greed). Trở về Manila năm 1892, ông bị bắt vì tội phản động, bị đày ra Dapitan ở đảo Mindanao. Trên đường đi Cuba năm 1896, ông bị bắt về Phi-Luật-Tân,

đưa ra tòa án bù nhìn và bị kết tội lập hội kín và bạo động khởi nghĩa, và bị kết án tử hình. Sau đây là bản dịch sang tiếng Anh bài “My Last Farewell” (Lời Vĩnh biệt). Bài thơ cũng còn nhan đề là “Song before Execution” ông làm đêm hôm trước ngày hành quyết. Bài thơ này học sinh Phi nào cũng được dạy ở trường. Lời thơ như tiếng than khóc hùng hồn, biểu lộ lòng ái quốc vô bờ. Nhiều người đã dịch sang tiếng Anh bài thơ này. Theo wikipedia có tới 35 bản dịch sang tiếng Anh và bài thơ cũng được dịch sang hơn 37 thứ tiếng ngoại quốc.

Muốn biết thêm về đời José Rizal, xin tìm đọc tiểu sử do các tác giả Carlos Quirino viết năm 1958, L.M. Guerrero viết năm 1963, và Austion Costes viết năm 1968.

MY LAST FAREWELL
(Poem Written Before Execution)
José Rizal (1861-96)

Farewell, beloved country, sun-kissed land,
pearl of the eastern sea, lost paradise!
Gladly I yield my sad, my withered life:
if it were brighter, fresher and more fair,
still I would yield it for your happiness.

On battlefield, struggling with wild delight,
others for your sake selfless met their doom.
No matter where—be it cypress, laurel, iris,
scaffold or plain, combat or martyrdom,
if it was for their country and their home.

I die when I behold the sky turn red,
the last day breaking after gloomy night:
if you need cochineal to stain your dawn
then shed my blood, pour it while there is time,
gild it with tints of its emergent light!

My dream when I was scarcely a child, a youth,
my dreams when I was young, still in my prime,
were to see you, jewel of the eastern sea,
one day with dark eyes dry, with smooth brow raised,
no frown, no wrinkles, tainted with no crime.

Dream of my life, my burning bright desire,
hail! shouts my soul, now ready to go forth.
Hail! O how sweet to fall to give you flight,
to die to give you life, beneath your sky,
to sleep eternally in your charmed earth.

If on my tomb one day you see a flower,
simple and lowly, pushing through the grass,
lift it towards your lips and kiss my soul,
and on my brow I'll feel, in the cold grave,
the touch, the warm breath of your tenderness.

Let the moon see me with its calm, soft beams,
let the dawn send its rays, so briefly splendid,
let the wind moan, earnestly murmuring;
and if upon my cross a bird should light,
let the bird tune its song of troubles ended.

Let the sun evaporate the rains,
and my cries drive them back to their abode;
let one who loves weep for my early end,
and if in the cool dusk one prays for me,
pray, too, my country, for my rest in God,

Pray for all those who perish unfulfilled,
for those who suffer torments unrelieved,
for our poor mothers groaning bitterly,
for orphans, widows, tortured prisoners,
pray for yourself, that you may be relieved,

And when the dark enfolds the graveyard, leaving
only the dead to watch the long night
through,
do not disturb their rest, their mystery:

if you hear strains of harp or psaltery,
dear country, it is I, singing for you.

And if my grave, forgotten by the world,
has neither cross nor headstone left to mark it,
let it be tilled by man, tended and sown,
and let my ashes, while there still is time,
become the very dust upon your carpet.
No matter then that I should be forgotten.
Your air, your space, your value, will know
my wraith.
I'll be a throbbing, pure note in your ear;
with scents, lights, colours, whispers, songs
and groans
repeating still the essence of my faith.

Country I worship, grief of all my griefs.
dear Philippines, hear now the last farewell!
I leave you all—my fathers, those I love;
I go where neither slaves nor tyrants are;
where God is king, where faith makes no man kill.

Fathers, brothers, parts of my soul, farewell!
friends of my childhood home for ever lost!
give thanks that I rest from the weary day!
Farewell, fair stranger, happiness, my friends!
To die—farewell, my loved ones—is to rest!

(Source: Keith Bosley, ed. POETRY OF ASIA. New York: Weatherhill, 1979, pp. 98-100).

Note: Một bản dịch nổi tiếng của Charles Derbyshire có trên website <http://www.univie.ac.at/Voelkerkunde/apsis/ufi/rizal/rzpoem2.htm>

-Dịch từ bản tiếng Anh:

Lời Vĩnh Biệt

(bài thơ làm trước khi bị hành quyết)
José Rizal (1861-1896)

Thôi vĩnh biệt, quê hương thân yêu, xứ nắng
vàng môn trón,
Hòn ngọc Biển Đông, Thiên đàng đã mất!
Ta hân hoan hiến cuộc đời buồn bã héo hon này:
Nếu ví thử đời ta huy hoàng hơn, tươi thắm
hơn, hay may mắn hơn,
thì ta cũng hiến cho quê hương được hạnh phúc.

Trên chiến trường, khi tranh đấu cuồn say
những kẻ khác đã vì quê hương quên mình
vong thân.
Mặc dù chết ở đâu—dù chết treo trên cây trắc
bá, cây nguyệt quế hay cây diên vĩ,
trên đoạn đầu đài, trên cánh đồng, nơi trận
mạc hay chết vì lý tưởng,
thì cũng là những cái chết như nhau vì phục
vụ gia đình và xứ sở.

Ta chết đúng khi nhìn bầu trời ửng đỏ,
Ngày cuối cùng vừa hừng đông sau đêm tăm tối:
Nếu quê hương cần phẩm yên-chi để nhuộm
đỏ bình minh,
Thì hãy đổ máu ta, tưới máu ta khi kịp lúc,
Tô ban mai bằng màu rạng đông mới ló!

Giấc mơ khi ta mới vào đời,
những giấc mơ của ta khi còn tuổi xuân đầy
hy vọng,
là được thấy mặt quê hương, hòn ngọc Biển Đông,
một ngày nào đôi mắt huyền ráo lệ, ngược
làn mi mềm lên.
mà không phải cau mày, da không nhăn,
không bị làm nhor bần vì tội ác.

Giấc mộng đời ta, nỗi khát khao nóng bỏng
của ta,
Ta xin chào ! hồn ta giờ đây sẵn sàng bay lên.
Ta xin chào ! Êm ả biết bao khi chết cho quê hương,
chết cho quê hương sống, dưới bầu trời quê
hương,

yên ngủ vĩnh hằng trong lòng đất quê hương
quyển dữ.

Nếu trên mồ ta một ngày nào quê hương thấy
mọc một bông hoa,
đơn sơ và hèn mọn, vươn trên làn cỏ dày,
xin hãy nâng hoa lên môi mà hôn hôn ta,
và trên đôi mày, ta sẽ cảm thấy, khi đang
nằm dưới lòng mộ lạnh,
cái vuốt ve, hơi thở ấm áp, triu mến của quê
hương.

Hãy để tỏa lên ta ánh trăng êm dịu,
hãy để bình minh chiếu sáng lộng lẫy mà
ngấn ngủi,
hãy để gió kêu than, thâm thì, tha thiết;
và nếu ở thánh giá trên mộ ta, có con chim
đen đậu,
xin hãy để chim hát bài ca an bình trên mồ ta.

Hãy để mặt trời nóng làm mưa bay hơi,
để tiếng kêu than của ta đưa mưa về nguồn cũ ;
hãy để ai từ tâm khóc thương đời ta sớm dứt đoạn,
và nếu trong hoàng hôn mát có ai cầu kinh
cho ta,
thì, quê hương ơi, cũng xin cầu cho ta được
yên nghỉ nơi Thượng Đế.

Xin hãy cầu cho tất cả những ai xả thân khi
nghĩa vụ chưa thành,
cho những ai chịu đựng day dứt không nguôi,
cho các bà mẹ đáng thương rên rỉ cay đắng,
cho các con cô, mẹ goá, kẻ tù đầy bị tra tấn,
xin quê hương cầu cho mình, xin cho được tri
hoãn khổ đau.

Và khi màn đêm bao trùm nghĩa địa, chỉ còn
để lại những hồn ma theo dõi đêm trường,
xin để chúng yên nghỉ, đừng xáo trộn niềm bí
ẩn của chúng:
nếu quê hương nghe thấy tiếng đàn thụ-cầm
hay đàn cổ-cầm,

quê hương yêu dấu ơi, đó chính là tiếng ta ca
cho quê hương vậy.

Và nếu mồ ta, thế gian lãng quên,
Chẳng có thánh giá hay mộ bia để ghi dấu
lại,
thì hãy để mồ ta cho người cày lên, chăm sóc,
gieo hạt,
và hãy để tro tàn ta,
trở thành cát bụi trên thảm cỏ quê hương.

Khi đó dầu bị lãng quên,
Nhưng không khí, không gian, giá trị quê
hương sẽ hiểu hồn ta.
Ta sẽ là âm tiết rộn ràng, trong vất bên tai quê hương;
với hương thơm, ánh sáng, màu sắc, tiếng
thâm thì, lời ca và tiếng rên rỉ
nhắc lại hoài lòng tin thuần khiết của ta.

Quê hương ta thờ phượng, niềm đau trong
các nỗi đau đớn của ta,
Phi-Luật-Tân yêu dấu, giờ đây xin nghe lời
vĩnh biệt!
Ta dời bỏ tất cả--ông cha ta, người ta thương yêu;
Đi đến nơi không còn nô lệ, chẳng có bạo chúa;
Nơi chỉ có Thượng Đế là đáng ngự trị, nơi
lòng tin khiến không còn ai chém giết nhau.

Các bọc sinh thành, anh chị em, phần của
hồn ta, xin vĩnh biệt!
Bạn bè thời thơ ấu nay vĩnh viễn mất đi!
Xin cảm ơn Thượng Đế được yên nghỉ sau
một ngày mệt mỏi!
Xin vĩnh biệt, người không quen đáng yêu,
hạnh phúc, bạn ta!
Chết--vĩnh biệt người thân--chết chỉ là yên
nghỉ mà thôi.

Chuyển dịch:

Phạm Trọng Lê

(Virginia 2/28/10; sửa lại 2/16/2014 - PTL)

NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO MỘT QUỐC GIA

Nguyễn Quốc Khải

Vào ngày 7-2-2014 vừa qua, TNS Mark Warner (Dân Chủ, Virginia) đã họp mặt thân mật với khoảng 100 người Mỹ gốc Á châu tại Centreville, một thành phố nhỏ thuộc miền Bắc Virginia do Hội Đồng Người Mỹ gốc Đại Hàn tổ chức (Council of Korean Americans). Sau phần nói chuyện về những vấn đề quốc nội bao gồm việc làm, phát triển kinh doanh, giáo dục, y tế (Obamacare), và nợ quốc gia, TNS Warner mời mọi người tham dự phần hỏi đáp. Để giúp phá vỡ bầu không khí yên lặng và lạnh lẽo vào một ngày giữa mùa đông ở ngoại ô thủ đô liên bang, tôi đã nêu lên một câu hỏi đầu tiên: Đa số dân Hoa Kỳ chúng tôi không thích tình trạng bế tắc tại Washington, làm thế nào để chấm dứt tình trạng này?

TNS Mark Warner đưa ra ba đề nghị mà ông cho rằng cụ thể:

(1) Các dân biểu và nghị sĩ tiếp xúc và tìm hiểu với những người khác đảng. Trong năm năm vừa qua, ông đã cùng TNS Lamar Alexander (Cộng Hòa, Tennessee) tổ chức nhiều bữa cơm mỗi lần có 20 nghị sĩ tham dự.

(2) Các dân biểu và nghị sĩ làm việc chung với các người khác đảng. Đối với những dự luật lớn, TNS Mark Warner đều mời một thượng nghị sĩ Cộng Hòa cùng đỡ đầu. Thí dụ TNS Warner đã cùng làm việc với TNS Saxby Chambliss (Cộng Hòa, Georgia) về một dự luật giảm ngân sách thiếu hụt, với TNS Rob Portman (Cộng Hòa, Ohio) về một dự luật liên quan đến nhà ở, và với TNS Roy Blunt (Cộng Hòa, Missouri) về một dự luật liên hệ đến cơ sở hạ tầng.

(3) Cử tri có thể làm được hai việc. Thứ nhất là không bỏ phiếu cho ứng cử viên nào có lập trường cực đoan. Những người cực đoan thường hay tuyên bố những câu như không bao giờ tăng thuế, không bao giờ đụng tới an sinh xã hội, hay không bao giờ thay đổi Medicare. Thứ hai là cử tri ủng hộ những người khác đảng nếu thấy họ làm việc đúng.

TNS Mark Warner nhân dịp này thông báo rằng ông vừa được cựu TNS John Warner (Cộng Hòa, Virginia), từng phục vụ ở Thượng Viện trong 30 năm liên tục từ 1979 đến 2009, ủng hộ trong cuộc bầu cử vào cuối năm nay. Mặc dù TNS Mark Warner đã từng ra tranh cử để dành chiếc ghế của TNS John Warner vào năm 1996 với khẩu hiệu “Mark, not John” nhưng Mark thất bại.

Tình trạng bế tắc tại Washington đi đến chỗ tột đỉnh khiến cho Chính Phủ Liên Bang Hoa Kỳ phải đóng cửa trong 16 ngày vào năm vừa qua. Cựu TNS Olympia Snowe (Cộng Hòa, Maine) nhận xét rằng thay vì hoạch định chánh sách, Quốc Hội dùng lá phiếu bắt lỗi nhau để dành ảnh hưởng chính trị. Thay vì làm luật tất cả chỉ là tu chính những thông điệp để dành những thắng lợi trong cuộc bầu cử tới. Hậu quả là Quốc Hội liên tiếp tạo ra những cuộc khủng hoảng tự làm tổn thương chính mình. Bà Snowe tin rằng vẫn còn có hi vọng: Sau cùng chúng ta sẽ có một chánh quyền mà chúng ta đòi hỏi. Vai trò của một công bộc là giải quyết vấn đề và thực sự cải thiện đời sống của công dân. Điều cần thiết bây giờ là một đối lực để chống lại chủ nghĩa cực đoan, một sự công nhận được công chúng ủng hộ mạnh mẽ rằng thỏa hiệp là sức mạnh, hòa giải là can đảm, và xây dựng sự đồng thuận là vinh dự.

Sau khi làm dân biểu tại Hạ Viện Hoa Kỳ trong thời gian 1979-1994 và trở thành thượng nghị sĩ trong thời gian 1995-2003, Bà Snowe vào năm 2012 đã làm một quyết định khó khăn là không ra tranh cử nữa. Theo bà Snowe, luôn luôn có sự chia rẽ chính trị sâu sa trong chánh quyền, nhưng quyền lợi của đất nước ở trên hết đã kết hợp các phe phái lại. Nay sự phân hóa chính trị quá trầm trọng sẽ không giảm bớt trong ngắn hạn. Do đó, bà muốn ra khỏi chánh quyền để tranh đấu cho sự hợp tác giữa hai đảng. 1/

Những cuộc tranh chấp về chi tiêu không phải là điều bất thường. Trong quá

khứ Quốc Hội Hoa Kỳ đã từng không phê chuẩn ngân sách đúng thời hạn. Nhưng lần tranh chấp vào năm 2013 có một điều bất thường là các dân biểu Cộng Hòa không chống ngân sách mà chống chương trình cải tổ y tế của Tổng Thống Obama. Lúc đầu, khối dân biểu Cộng Hòa này đòi hủy bỏ toàn bộ ngân sách dành cho Obamacare. Khi thời hạn của cuộc thương thuyết về ngân sách gần kề, khối dân biểu Cộng Hòa thay đổi chiến thuật, chỉ còn đòi triển hạn thời gian mua bảo hiểm y tế theo Obamacare một năm. 2/

Nhóm cực đoan thuộc Đảng Trà (Tea Party) trong Đảng Cộng Hòa chỉ chiếm 10% tổng số thành viên của Quốc Hội Hoa Kỳ và 20% công luận. Họ bị những đảng viên Cộng Hòa ôn hòa gọi là Taliban. Một cuộc điều nghiên của Quinnipac University cho thấy rằng 72% dân Mỹ chống lại việc dùng chiến thuật đóng cửa chính quyền để ngăn cản việc thi hành Obamacare. Mặc dù đa số dân Mỹ không đồng ý về Luật Cải Tổ Y Tế. 3/

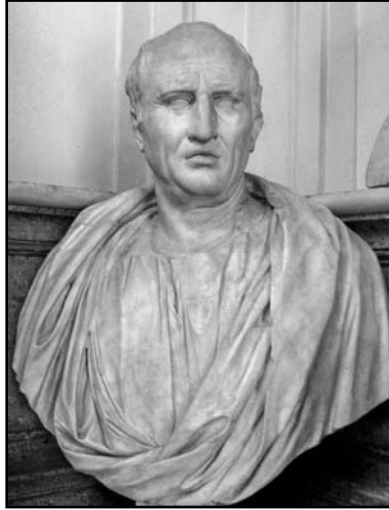
Vấn đề nghiêm trọng ở chỗ là việc đóng cửa chánh quyền chỉ là triệu chứng bên ngoài của một tình trạng nghiêm trọng hơn như cựu TNS Olympia Snowe đã nói ở trên. Đó là sự phân hóa giữa các nhà lập pháp đã làm cho tiến trình soạn thảo về phê chuẩn luật bị tê liệt. Tạp chí Anh The Economist đăng một bài tham luận với tựa đề phản ảnh đúng thực trạng của nước Mỹ vào năm 2013: “America’s Government Shutdown: No Way to Run a Country.” (Chính quyền của nước Mỹ Đóng Cửa: Không Có Cách Nào Để Điều Hành Một Quốc Gia.”

Hơn 2,000 năm trước đây ở phương Tây cũng đã có một nhà hiền triết và cũng là một chánh khách lỗi lạc cũng ưu tư về việc vận hành của một quốc gia. Vào thời đó La Mã đã là một nước văn minh và đã thiết lập được một chế độ Cộng Hòa. Chánh khách La Mã đó là Marcus Tullius Cicero. Ông đã đưa ra một số nguyên tắc về lãnh đạo quốc gia, cân bằng về quyền lực, bạn và thù, thuyết phục và thỏa hiệp.

Trong suốt cuộc đời, Ông Marcus Tullius Cicero đã chứng kiến những năm huy hoàng của nước La Mã dưới chế độ Cộng Hòa. Ông cũng đã nhìn thấy nước La Mã bành trướng để trở thành một đế quốc rộng lớn trải rộng qua Địa Trung Hải xuống tận Bắc Phi và Trung Đông. Ông trông thấy tận mắt sự sụp đổ của chế độ Cộng Hòa để nhường chỗ cho những chế độ độc tài tham nhũng, lạm dụng, áp bức, tiêu diệt các đối lập chính trị, ở trong nước cũng như tại hải ngoại. Binh sĩ trung thành với tướng lãnh thay vì đối với đất nước. Những phe cánh chính trị chống đối lẫn nhau, không ai nghe ai, kinh tế tri tri, và nạn thất nghiệp là một đe dọa cho sự ổn định. Một khi dành được quyền hành những kẻ độc tài không dễ nhả ra.

Cha mẹ của Marcus Tullius Cicero đã tạo điều kiện cho ông và người em trai được có một nền giáo dục tốt đẹp. Sau khi phục vụ trong quân đội một thời gian ngắn, Ông Cicero học luật và trở thành luật sư.

Sau khi hành nghề luật sư một thời gian ông qua học tại Hy Lạp và Rhodes (một hòn đảo ở Địa Trung Hải thuộc Hy Lạp). Khi trở về nước, ông dần dần thăng tiến và giữ chức vụ quan tòa cao nhất của nước Cộng Hòa La Mã Cổ (ancient Roman Republic). Trong thời gian này ông được mời nhưng từ chối hợp tác với liên minh chính trị bộ ba Pompey, Crassus và Julius Caesar điều hành La Mã ở hậu trường, trái với hiến pháp. 4/



Marcus Tullius Cicero không phải là một chính trị gia (politician) mà là một chánh khách (stateman) đại tài của La Mã, một loại người hiếm hoi trong xã hội xưa và lại càng hiếm hoi trong xã hội văn minh ngày nay. Cicero là một người bảo thủ ôn hòa. Ông viết rất nhiều về vấn đề làm thế nào để điều hành một quốc gia. Tư tưởng của ông vượt qua giới hạn của thời gian lẫn không gian, vẫn còn giá trị đến bây giờ. Việc sử dụng và lạm dụng quyền hành thay đổi rất ít trong 2,000 năm vừa qua. Ông chủ trương làm việc với các đảng phái để phục vụ quyền lợi của đất nước và dân tộc. 5/

Marcus Tullius Cicero đưa ra một số nguyên tắc để điều hành đất nước hơn 2,000 năm trước. Nay vẫn còn áp dụng được không những cho một nước tiên tiến và dân chủ như Hoa Kỳ mà còn cho cả một nước độc tài, thối nát và chậm tiến như CSVN.

1. Luật Tự Nhiên (natural law)

Luật Tự nhiên bảo đảm tự do cho mọi người và giới hạn cách điều hành của chính quyền. Vũ trụ tuân lệnh của Thượng Đế cũng như biển cả và đất tuân lệnh của vũ trụ. Do đó nhân loại phải tuân theo luật tối thượng này. Nó áp dụng cho mọi người ở tất cả mọi nơi và mọi thời gian. Quy luật của chính quyền là phải phù hợp với công lý và luật tự nhiên căn bản.

2. Cân Bằng Về Quyền Lực (balance of power)

Đối với Cicero, một chính quyền tốt nhất là một chính quyền bao gồm những tính chất tốt đẹp nhất của chế độ quân chủ (monarchy), chế độ quý tộc (aristocracy), và chế độ dân chủ (democracy), giống như trường hợp của nước Cộng Hòa La Mã. Khi chính quyền chỉ theo một trong ba chế độ này để cai trị, nó thường thoái hóa thành một chính quyền suy đồi – vua trở thành bạo chúa, chế độ quý tộc trở thành một thứ chính quyền mà quyền hành tập trung vào một thiểu số phe phái, và chế độ dân chủ biến thành một chế độ hỗn loạn vô chính phủ. Một chính quyền hợp lý phải được xây dựng trên nền tảng kiểm chế và cân bằng (checks and balances). Chúng ta phải coi chừng những lãnh tụ đòi ngưng thi hành hiến pháp vì lý do an ninh hoặc muốn thi hành một điều gì nhanh chóng.

3. Lãnh đạo (leadership)

Những nhà lãnh đạo phải có cá tính đặc biệt và liêm chính. Những người muốn cầm quyền một nước phải thật can đảm, tài năng, và quyết tâm. Những người lãnh đạo thật sự luôn luôn đặt quyền lợi của quốc gia lên trên quyền lợi cá nhân và phe phái.

4. Bạn và thù (friends and enemies)

Cicero nhiều bạn nhưng cũng lắm kẻ

thù khi ông chèo lên cái thang chính trị. Những người lãnh đạo sẽ thất bại nếu như thiếu tôn trọng bạn và đồng minh. Không bao giờ được sao lãng những người ủng hộ mình và quan trọng hơn nữa là luôn luôn phải biết chắc chắn kẻ thù đang làm gì. Đừng sợ sệt phải dang tay với tới người chống đối mình. Kiêu căng và cứng đầu là những xa xỉ phẩm mà chúng ta có thể có.

5. Thuyết phục (persuasion)

Trong thời đại xa xưa chưa có thông tin điện tử, chưa có máy đánh chữ và máy in, chưa có phương tiện truyền thông đại chúng, khả năng nói và thuyết phục được những đám đông nhỏ hay lớn rất cần thiết. Nhưng đối với Cicero, một nhà hùng biện không phải chỉ là một người đọc diễn văn hùng hồn mà còn là một chánh khách có khả năng diễn tả được sức mạnh của một ý tưởng cho công chúng dựa trên kiến thức và khôn ngoan. Một nhà hùng biện thật sự có thể thuyết phục những người nghe đồng ý với mình không phải vì nghệ thuật biết dùng lời nói, mặc dù quan trọng, nhưng là vì họ hiểu biết những điều gì họ nói và quan tâm sâu sa đến đất nước. Những người điều hành một nước phải là những người tài giỏi, thông minh và lanh lợi nhất nước. Nếu những nhà lãnh đạo không có kiến thức đầy đủ về những điều mình nói, bài diễn văn của mình sẽ chỉ gồm những từ ngữ rỗng tuếch và hành động của họ sẽ sai lầm một cách nguy hiểm.

6. Thỏa hiệp (compromise)

Đối với Cicero, chính trị là một nghệ thuật của điều có thể làm được, không phải là trận địa của những gì tuyệt đối. Ông kiên quyết tin vào những giá trị truyền thống và uy thế tối cao của pháp luật. Nhưng ông cũng biết rằng để có thể làm được việc,

những phe phái khác nhau trong một quốc gia phải sẵn sàng làm việc với nhau. Một chính trị gia thỉnh thoảng phải dẹp sự kiêu hãnh của mình để làm một việc tốt.

Cicero nói rằng trong chính trị, hoàn cảnh luôn luôn biến đổi, nếu giữ một lập trường bất di bất dịch là thiếu trách nhiệm. Có những lúc cần phải giữ lập trường, nhưng kiên quyết từ chối nhượng bộ là một dấu hiệu của yếu đuối, không phải sức mạnh.

7. Tiền và quyền lực (money and power)

Mọi quốc gia đều cần lợi tức để hoạt động. Nhưng Cicero tuyên bố rằng mục đích chính của một chính quyền là bảo đảm cho tất cả mọi cá nhân được giữ những gì thuộc về họ và không phân phối lại của cải. Mặt khác, ông lên án việc tập trung của cải vào tay của một số ít người. Ông khẳng định rằng một quốc gia có bổn phận cung cấp dịch vụ căn bản và an ninh cho công dân.

Thuế là một thứ phiền hà nhưng rất cần thiết để tài trợ một đội quân lớn. Những chính trị gia phải cố gắng tránh đánh thuế tài sản như tô tiền của chúng ta đã làm vì ngân quỹ quốc gia trống rỗng và chiến tranh liên miên. Nếu tuyệt đối cần thiết phải đánh thuế, tạo thêm gánh nặng cho người dân, những người lãnh đạo chính quyền phải làm cho mọi người hiểu rằng sự an toàn của họ tùy thuộc vào việc thực hiện thứ thuế này.

Cicero không phản đối việc giảm thuế cho người nghèo, nhưng ông báo động về trường hợp các chính trị gia đi quá xa và lên án bản chất tham lam của những người phục vụ trong chính quyền để chỉ phục vụ chính họ. Ông nói thêm rằng trong khi bảo vệ quyền của những cá nhân, chúng ta phải đoan chắc rằng những gì chúng ta đang làm

cũng sẽ đem lại ích lợi hoặc ít nhất không làm hại cho đất nước.

8. Di dân (immigration)

Cicero tin rằng một quốc gia đón mời người ngoài hội nhập thành công dân sẽ trở thành mạnh mẽ hơn. Những công dân mới mang đến năng lực mới và sáng kiến mới. Đế quốc La Mã đã ban quyền công dân cho những người đồng minh tài ba và can đảm nhất và cho những người bạn đã bảo vệ sự an toàn cho La Mã. Những cộng đồng ở Phi Châu, Sicily, Sardinia, và nhiều tỉnh khác đóng thuế cho La Mã cũng được cấp quyền công dân.

9. Chiến tranh (war)

Phát động một cuộc chiến tranh để gìn giữ đất nước, yểm trợ đồng minh, hay bảo vệ danh dự được chấp nhận hoàn toàn. Cicero đồng ý với triết lý này. Nhưng ông cũng nói thêm rằng có những cuộc chiến tranh không thể bào chữa được thí dụ như chiến tranh vì sự tham lam.

10. Tham nhũng (corruption)

Vào cuối thời của Đế Quốc La Mã, tình trạng lạm quyền và tham nhũng lan tràn nhiều nơi. Đối với một người chân thật như Cicero, tham nhũng là một bệnh ung thư phá hoại ngay trung tâm của quốc gia. Hơn 2,000 năm trước, quả thật La Mã là một đế quốc văn minh. Họ đã có tòa án độc lập, đã có công tố viện, đã có bồi thẩm đoàn, đã có luật sư.

Đóng vai trò một ủy viên công tố, Cicero đã lên án Gaius Verres, cựu thống đốc của đảo Sicily, về tội tham nhũng khủng khiếp, ăn chơi xa đọa và bê trễ trách nhiệm. Ông còn cảnh cáo bồi thẩm đoàn nếu không kết án can phạm. Ông đe dọa sẽ buộc tội những kẻ toan tính hối lộ bồi thẩm viên và những kẻ nhận hối lộ.

11. Chế độ chuyên chế (tyranny)

Cicero sống vào giai đoạn những tự do và chế độ Cộng Hòa La Mã đã biến mất. Dân quyền và các đại diện do dân bầu lên đã được thay thế bằng những người dùng binh lực để đoạt lấy quyền hành và làm giàu cho chính họ. Đối với Cicero, chính quyền nằm trong tay một lãnh tụ, kẻ cả một người có khả năng như Julius Caesar, sẽ đưa đến đại họa, vì quyền hành tuyệt đối sẽ làm hư hỏng ngay cả người tài ba nhất. Cicero chống lại mọi hình thức chuyên chế dù là một người, một nhóm người, hay một tập đoàn vô kỷ luật.

Cách hay nhất để cho một người có thể tạo ra và duy trì quyền hành đối với những người khác là bằng sự mến chuộng chân thật. Cách cai trị tồi tệ nhất là bằng sự sợ hãi. Học giả Ennius đã nói “Người ta căm thù người mà họ sợ - và đối với người họ sợ, họ muốn thấy kẻ đó chết.”

Cicero nhận định rằng không có một quyền lực nào có thể chống lại sự căm thù của cả một dân tộc. Julius Caesar cai trị bằng binh lực, bị một nhóm nghị sĩ ám sát chết lúc 55 tuổi. 7/ Đó là một cái giá một kẻ độc tài tàn bạo phải trả.

Kết luận

Những nguyên tắc lãnh đạo một quốc gia mà Ông Cicero nêu lên ở trên rất quen thuộc với mọi người ở thế kỷ 21 này. Nhưng một điều chúng ta mới học được là Ông Cicero đã đề cập đến những nguyên tắc này trên 2,000 về trước. Chúng vẫn có thể áp dụng được cho tới bây giờ để điều hành một quốc gia. Đó là những nguyên tắc có một giá trị vĩnh cửu bao gồm tự do, dân chủ, quyền lợi tối thượng của quốc gia, trong sạch trong chánh quyền, cân bằng

quyền lực, khả năng lãnh đạo, thỏa hiệp, và công bằng xã hội.

Nếu hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa tại Hoa Kỳ tuân thủ theo những nguyên tắc lãnh đạo quốc gia thì đã không xảy ra việc chánh phủ phải đóng cửa trên hai tuần lễ trong năm vừa qua. Nếu CSVN cũng theo những nguyên tắc này thì Việt Nam đã trở thành một nước tự do và thịnh vượng từ lâu và những nhà lãnh đạo Việt Nam đã được dân chúng kính trọng và ghi ơn. Sự thực trái ngược. Họ đang bị dân nguyện rửa.

Cái gì đã ngăn cản những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ và Việt Nam thi hành những nguyên tắc lãnh đạo quốc gia kể trên? Một số có tư tưởng cực đoan, một số mù quáng, và đa số đặt quyền đảng phái và cá nhân của mình lên trên quyền lợi của đất nước.

Dân chúng Hoa Kỳ đã bộc lộ sự tức giận đối với tình trạng bế tắc ở Washington. Trong một chế độ tự do dân chủ, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã lắng nghe cử tri của họ và đã hiểu rõ đòi hỏi của dân chúng. Hệ thống tam quyền phân lập và sức mạnh của quân chúng sẽ giúp Hoa Kỳ vượt qua mọi khó khăn. Do đó, nhiều sự thay đổi về nhân sự và phương cách làm việc trong chánh quyền sẽ xảy ra trong năm nay và hai năm tới qua cuộc bầu cử giữa và cuối nhiệm kỳ tổng thống. Sự nghiệp chính trị của Rafael Edward “Ted” Cruz, một thượng nghị sĩ Cộng Hòa mới được bầu lên vào 2013, thủ phạm ồn ào chính trong vụ đóng cửa chánh quyền, sẽ đi xuống thê thảm. Tôi tin rằng tình trạng tê liệt trong chính quyền sẽ được cải thiện một cách ôn hòa.

Tình trạng Việt Nam sẽ tiếp tục bi đát. Với quyền lực tuyệt đối nằm trong tay Bộ Chính Trị gồm 16 thành viên, CSVN coi thường dân, bất chấp nguyện vọng của dân.

Nhưng như chánh khách đại tài Cicero đã khẳng định từ 2,000 năm về trước, không một bạo quyền nào có thể chống lại được sức ép do sự căm thù của dân của cả một nước, CSVN sẽ sụp đổ do sức mạnh của 90 triệu người dân Việt Nam. Sự ngoan cố của CSVN nếu tiếp tục sẽ rất có thể đưa đến một cuộc cách mạng đổ máu.

Chú thích:

1. Olympia Snowe, “This is no way to run a country,” Los Angeles Times, October 8, 2013.

2. The Economist, “America’s government shutdown: no way to run a country,” October 5, 2013.

3. Peter Foster, “American shutdown: no way to run a country,” The Telegraph, October 1, 2013.

4. Wikipedia, “Marcus Tullius Cicero,” undated document on the Internet.

5. Philip Freeman, “How to run a country – an ancient guide for modern leaders,” Princeton University Press, 2013.

6. Politics is the art of the possible, not a battleground of absolutes.

7. Wikipedia, “Julius Caesar,” undated document on the Internet

NGUYỄN QUỐC KHẢI

15-02-2014

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

YÊU

Hồng Thủy

Hằng giật mình tỉnh giấc, sau khi quá mệt mỏi nàng đã thiếp đi khi ngồi trên ghế salon ở phòng khách nghĩ ngợi lan man. Nàng hốt hoảng “chết rồi, trễ giờ phải đưa anh ấy đi lọc máu”. Nàng chột định thần, lắc lắc cái đầu cho tỉnh táo hẳn và chột nhớ ra sự thực phũ phàng “anh ấy chết rồi còn đâu”.

Đúng vậy, chồng nàng đã vĩnh viễn rời bỏ nàng rồi. Đã hai đêm nàng không tài nào chợp mắt. Nàng không ngờ sự ra đi của Phong lại làm nàng thấy nhớ thương, trống vắng và cô đơn đến như vậy. Nàng như người không còn sinh lực, không muốn ăn uống, không muốn làm bất cứ việc gì nữa. Nàng cứ đi ra đi vào, ngơ ngơ, ngẩn ngẩn.

Nàng ngồi chống hai cùi chỏ lên cái bàn ăn, hai bàn tay ôm hai bên má để cái đầu tự do muốn nghĩ gì thì nghĩ. Tự nhiên nàng nhớ đến Phong và giọng hát quen thuộc ấm áp của chàng “...*Nha Trang là miền quê hương cát trắng...*”.

Ngày ấy, xa thật là xa... ngôi nhà số 3 đường Quang Trung ở Thành Phố Nha Trang nơi nàng lớn lên với bao kỷ niệm êm đềm. Bỗng một ngày cô nữ sinh lớp đệ nhị của Trường Lê Quý Đôn, xinh xắn, mặn mà, áo dài trắng, eo thon, tóc dài lả lướt, thẹn thùng e ấp trước anh chàng đẹp trai hào hoa bạn của

ông anh ở Sài Gòn ra chơi. Chàng ta có giọng nói thật nhẹ và ấm. Chỉ những câu hỏi vớ vẩn của chàng ta cũng làm nàng bối rối.

Nàng trả lời rồi chạy biến vào nhà.

Anh ta đi rồi, Hằng mới tò mò hỏi thăm lý lịch. Ông anh cười cười “Làm sở Mỹ, thằng này đất mèo lăm, tán khéo mà lại hát hay nữa, ca sĩ tài tử nổi tiếng đấy.”

Hằng ngơ ngẩn “đất mèo là gì hở anh?”

Con bé này ngố thật, đất mèo là nhiều con gái mê nó lăm.

Hằng làm bộ thờ ơ nhưng trong lòng hơi buồn, nàng cũng chả biết tại sao nữa.

Nỗi buồn thoáng qua đó, chỉ vài giờ sau đã theo sóng biển cuốn trôi đi hết. Nàng lại hồn nhiên vui với bạn bè.

Nàng hết ngơ ngẩn, nhưng chàng lại ngẩn ngơ. Về lại Sài Gòn Phong cứ nhớ mãi ánh trăng dịu dàng của miền thùy dương cát trắng. Hình ảnh cô nữ sinh ngây thơ, xinh đẹp tên Hằng đã khiến chàng vương vấn mãi không thôi. Cuối cùng chàng trở lại Nha Trang xin cưới nàng.

Nàng nhận lời ngay không đắn đo suy nghĩ. Con gái mới lớn, chỉ thấy chàng đẹp trai là chịu, có công ăn việc làm, con nhà tử tế là được quá rồi. Đất mèo như vậy mà vẫn đòi cưới nàng thì phải yêu lắm rồi, có gì nữa mà phải lo?

Nàng quên mất câu ca dao “Đàn ông năm bảy lá gan, lá ở cùng vợ, lá toan cùng người”.

Ông chồng đẹp trai của nàng có tới mười lá gan, cho nên cuộc đời làm vợ

CÓ MỘT NGÀY

*Đêm gió tuyết nghe nổi sầu trần trở
Nhớ Sài Gòn như nhớ khúc tình thơ
Thuở tóc xanh mộng ước đầu dang dở
Tháng tư về bão cuốn mất niềm mơ !
Em ngày đó đáng buồn hơn nhánh liễu
Cây bên đường rũ lá bóng liêu xiêu
Đời cam lặng tượng đá cũng tiêu điều
Trên hè phố người nằm không chặn chiếu!
Đã lâu lắm ta chưa về Hà Nội ,
Vẫn mơ hồ như cổ tích xa xôi !
Kìa Phố Cổ trong mơ chiều chợ tối
Chẳng nhận ra người năm cũ đâu rồi ?!
Đời nghiệt ngã, gió có ngày xoay hướng
Ta sẽ về tìm chút nắng quê hương
Thăm dòng sông dĩ hết những con đường
Để được thấy miền quê xưa tâm tưởng.*

Paris 22 02 2014

Đỗ Bình

của nàng nhiều hạnh phúc và cũng nhiều nước mắt.

Từ lúc về làm vợ chàng cho tới lúc chàng ra đi, những người đàn bà ghé qua đời chàng cứ như sao xẹt, nàng vừa khóc

lóc ghen tương với người này chưa nguôi thì đã lại vớ được thơ tình của người khác. Các nàng cứ xẹt đến rồi đi, chàng vẫn ôm chặt vợ con không theo nàng nào cả. Đối với nàng cũng là một niềm an ủi. Ngày qua ngày, nàng sống chịu đựng, yên phận làm người vợ hiền bất đắc dĩ của ông chồng bay bướm.

Về già chàng có đủ thứ bệnh, nàng chăm sóc mệt nghỉ. Thật cực khổ, nàng cũng không than vãn, vẫn cố gắng săn sóc tối đa. Nhiều khi bệnh tật làm chàng khó chịu, gắt gỏng vô lý, nàng vẫn cố gắng nhịn. Đôi khi mệt mỏi, bực bội quá nàng cũng phải than thầm “đúng là kiếp trước mình mắc nợ”.

Hằng vẫn nghĩ, nàng sống với Phong chỉ vì nghĩa, thương nhiều, nhưng yêu thì chắc chắn không còn.

Vậy mà bây giờ sao Hằng lại quá đau khổ? Nàng thèm có chàng bên cạnh quá đổi.

Đau yếu cũng được, phải săn sóc cực khổ cũng chẳng sao, tha hồ gặt gồng, miễn là anh có đó bên cạnh em. Đừng bỏ em một mình như vậy, buồn và nhớ anh quá Phong ơi!

Hằng khóc nức lên. Thì ra nàng vẫn còn yêu Phong thắm thiết.

(Tặng chị N. thân yêu)

Hồng Thủy

Tưởng Nhớ Điêu Khắc Gia Lê Thành Nhơn

Phan Anh Dũng

Khi tìm hiểu về nghệ thuật tạo hình, tôi được biết trước 1975 Việt Nam Cộng Hòa có nhiều họa sĩ nổi tiếng tốt nghiệp từ các trường Mỹ Thuật Đông Dương, Trường Mỹ Thuật Gia Định, Trường Mỹ Thuật Huế. Một ngạc nhiên nhỏ là chỉ có một số ít họa sĩ nghiêng về ngành điêu khắc, trong đó nổi bật là các điêu khắc gia: Mai Chứng, Trương Đình Quế, Phạm Văn Hạng, Lê Thành Nhơn, Dương Văn Hưng, Nguyễn Thanh Thu, Nguyễn Nam ...

Hôm nay, tôi xin được giới thiệu về Điêu khắc gia **Lê Thành Nhơn** sau khi có cơ hội xem và yêu mến một số lớn tác phẩm của Ông. Tôi đã thực hiện một trang đặc biệt ở website Cỏ Thơm. Xin mời quý vị vào xem chi tiết ở link này:

http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1085&Itemid=53

Điêu khắc gia Lê Thành Nhơn sinh ngày 17 tháng 11 năm 1940 ở Thủ Dầu Một, một trung tâm thủ công mỹ nghệ lớn phía Đông Sài Gòn, rất nổi tiếng về các sản phẩm sơn mài và gốm. Ông qua đời ngày 4 tháng 11 năm 2002 tại Melbourne, Australia, để lại một sự nghiệp đồ sộ với nhiều dấu ấn đặc biệt.

Tốt nghiệp thủ khoa ngành điêu khắc khóa 9 Trường Mỹ Thuật Gia Định năm 1964, được Họa sĩ Lê Văn Đệ ngợi khen và đánh giá là sinh viên ưu tú nhất kể từ



ngày trường thành lập. Có lẽ do chỗ trí kỷ ấy mà Lê Thành Nhơn cũng đã từng tạc tượng chân dung bậc thầy này, đặt ở trường Mỹ Thuật Gia Định trước năm 1975.

Ông đã giảng dạy ở các Trường Mỹ Thuật Gia Định, Mỹ Thuật Huế, và Đại Học Cộng Đồng Duyên Hải Nha Trang.

Năm 1975, định cư ở Melbourne, tiểu bang Victoria, Úc. Năm 1987, Ông đã được Trường Kiến Trúc của Viện Kỹ Thuật Hoàng Gia Melbourne mời dạy học, và sau đó Bộ Giáo Dục Úc mời Ông đảm nhận một chương trình giới thiệu nghệ sĩ vào học đường.

Đã tham dự các cuộc triển lãm: Liên Hoan Nghệ thuật Quốc tế ở Paris, 1963; Sài Gòn, 1965 và 1969; Melbourne, 1975; Dusseldorf (Đức), 1975; Bremen (Đức), 1976; Koln (Đức), 1977; Melbourne, 1992;

Sydney, 1992.

Đã thực hiện tác phẩm "Hành Trình Vào Tương Lai" cho Hội đồng Úc châu, Melbourne, năm 1991. Có tác phẩm thuộc sưu tập của Viện Bảo Tàng Quốc Gia Úc (National Museum of Australia) ở thủ đô Canberra và Bảo tàng Antarctica.

Vào khoảng thời gian 1970-1975, Lê Thành Nhơn đã khởi công với những dự án xây tượng với kích thước khá lớn từ 3 đến 4 mét, trong đó tượng chân dung Phan Bội Châu, tượng chân dung Quan Thế Âm, tượng Phật Thích Ca và Thiếu Nữ Việt Nam được giới mỹ thuật chuyên nghiệp đánh giá cao.

Sau khi định cư ở Úc Châu vào tháng 9 1975, tuy phải đi làm vất vả để kiếm sống nhưng Ông vẫn bỏ nhiều thì giờ cho nghệ thuật, không những điêu khắc mà còn hội họa nữa.

Về điêu khắc, ông có một số tác phẩm được đúc đồng như tượng "Dr Phillip Law" hiện đang trưng bày tại Đại học Monash ở Melbourne và Đại học Tasmania tại tiểu bang Tasmania, Úc; tượng "Joy" cao khoảng 2m5 hiện dựng trước sân trường đại học Monash (Caulfield campus), tượng "Do not abandon me, freedom - Đừng bỏ rơi tôi, tự do" hiện bày ở Mekong Club tại Sydney, tượng "Phật Thích Ca" hiện bày tại Viện Bảo Tàng Quốc Gia Úc tại Thủ đô Canberra, v.v... Về hội họa, Lê Thành Nhơn có khoảng vài trăm bức tranh thuộc nhiều khổ khác nhau, trong đó có nhiều bức có kích thước rất lớn, như bức "Yarra River" dài 4 mét, bộ "Tứ Đại" gồm bốn bức ("Đất", "Nước", "Gió", "Lửa"), mỗi bức cao 2 mét và dài 6 mét (riêng bức "Gió" dài đến 6.5 mét), v.v...

Riêng tôi, thích nhất là bộ tượng "Sanh,

Lão, Bệnh, Tử" với ý tưởng và nét điêu khắc mới lạ và bộ tranh minh họa Kiều, nét bút mềm mại, nhẹ nhàng đầy tính Đông phương, biểu lộ tài nghệ đa dạng của người nghệ sĩ Lê Thành Nhơn.

Khi được Đài Truyền Hình Úc phỏng vấn, Ông cho biết nổi đam mê nghệ thuật chỉ giản dị qua câu nói sau đây:

"If you love something, you have to do it. Otherwise, you'll have nothing!" - Lê Thành Nhơn (Nếu bạn yêu thích một cái gì đó thì bạn phải quyết chí thực hiện. Nếu không, bạn sẽ không có gì cả!)

Huỳnh Hữu Ủy, một nhà nghiên cứu và phê bình mỹ thuật có một nhận định như sau: "Nhìn lại quá trình hoạt động nghệ thuật của Lê Thành Nhơn, chúng ta thấy rất rõ là từ bước đầu, ngay từ những ngày chập chững, rồi tốt nghiệp ở trường Mỹ Thuật cho đến những năm đầu của thập niên 90, Lê Thành Nhơn đã tạo được một phong cách chùng mực của riêng anh: không đi vào con đường truyền thống mà cũng không tiến hẳn vào điêu khắc hiện đại. Có lẽ nên nói rằng, đó là một bút pháp, hay đúng hơn, là kiểu cách ấn tượng của riêng anh. Ấn tượng mà đã nhiều phần ngã sang biểu tượng. Khi tạc một chân dung, dĩ nhiên là anh phải quan sát dáng dấp bên ngoài, nhưng hơn thế nữa, anh tiến vào chiều sâu bên trong, tìm cho ra cái lực đẩy đã tạo ra hình thái bên ngoài. Cách nhìn ấy là chủ quan, nhưng cũng có thể nói khi dựng nên tác phẩm thì nó đã trở nên rất hài hòa giữa cái nhìn chủ quan và thực tại khách quan. Hãy nhìn lại pho tượng Phan Bội Châu, tượng Quan Thế Âm, hay tượng Mẹ Việt Nam, chúng ta sẽ thấy ra ngay điều đó. Và chắc là Lê Thành Nhơn đã học được

rất nhiều ở Auguste Rodin về nghề điêu khắc trong kỹ thuật cũng như tư tưởng chủ đạo trên đường đi tìm và thực hiện cái đẹp. Như Rodin đã từng nói: *"Khi một nhà điêu khắc có tài nắm mô hình về thân người, anh ta không chỉ miêu tả những cơ bắp cho thực sinh động, mà chính là anh ta vẽ lại đời sống bên trong của những thân hình ấy, hơn cả sự sống sinh động bên trong nữa..., mà chính là cái lực nội tại tạo thành hình thái bên ngoài của các thân người ấy, tạo cho chúng cái duyên dáng, sức mạnh, vẻ yêu kiều, hay là niềm vui không gì kiềm chế được"*.

Trong một bài tường nhớ Lê Thành Nhơn, Nhà văn, Giáo Sư Nguyễn Hưng Quốc viết: "Giống như mọi người, người nghệ sĩ, dù tài hoa đến mấy, một lúc nào đó cũng sẽ chết. Có khi hấn còn chết sớm hơn vô số người bình thường khác. Tuy nhiên, với những nghệ sĩ có tài năng lớn, chúng ta hay dùng chữ "bất tử". Là sống mãi. Vậy, sự sống của hấn nằm ở đâu? Câu trả lời đơn giản: ở tác phẩm. Chỉ ở tác phẩm. Tác phẩm chứ không phải là tiếng tăm. Ở không hiếm người, tiếng tăm lớn hơn tài năng thực sự của họ. Nhưng tiếng tăm, không gắn liền với độ bền vững của tác phẩm, chỉ là những giai thoại phù du. Một lúc nào đó, chúng sẽ biến mất. Như bọt. Tiếng tăm không cứu được tác giả; và tác giả không cứu được tác phẩm. Ngược lại: chỉ có tác phẩm mới cứu được tác giả và tác giả mới cứu được tiếng tăm. Đó là một con đường ngược chiều với những cách hiểu thường tình."

Trong bài viết "Lê Thành Nhơn: một nghệ sĩ lớn" năm 2000, Nhạc sĩ, Giáo Sư Hoàng Ngọc Tuấn cho biết cảm tưởng: "Suốt hơn hai mươi lăm năm qua, trong số bằng hữu nghệ sĩ người Việt, tôi chưa từng

gặp ai đem đến cho tôi những ấn tượng mạnh mẽ về sức sáng tạo như Lê Thành Nhơn. Từ những ngày đầu tiên biết anh ở Đại Học Duyên Hải Nha Trang vào năm 1973, cho đến lần tôi xuống Melbourne thăm xưởng vẽ của anh cuối năm ngoái, mỗi lần gặp anh là một lần tôi nhận thấy anh như một đại thụ nảy thêm những nhánh mới rất tinh khôi và cường tráng, sản sinh thêm nhiều hoa trái làm tôi choáng váng và sung sướng. Năm ngoái, ghé thăm xưởng vẽ của anh, vừa bước vào, tôi đã thấy ngợp cả người. Xưởng vẽ của anh tràn ngập tác phẩm mới. Chữ "mới" tôi dùng ở đây không có nghĩa đơn giản để nói về những tác phẩm mới được hoàn thành, mà để nói về những tác phẩm đạt đến cái mới về mỹ học. Lê Thành Nhơn luôn luôn mới như thế. Mỗi một bức tượng anh hoàn thành, một loạt tranh anh đưa ra, là một bằng chứng rõ ràng về thái độ tiếp cận mới đối với kỹ thuật thể hiện, và về sự vượt thắng cảm thức mỹ học sẵn có của bản thân. Anh thường nói: *"Như một con người, tôi yêu thương kỷ niệm. Nhưng như một nghệ sĩ, tôi không nhìn lại những gì đã làm xong ngày hôm qua."*

...Tôi hỏi anh tại sao anh luôn nghĩ đến những đề tài lớn, kích thước lớn. Anh đáp rằng anh không thể nghĩ khác, vì anh bị ám ảnh bởi tầm lan xa của chiếc trống đồng, bởi chiều dài của dãy Trường Sơn, bởi dòng nước vĩ đại của Cửu Long Giang, và bởi những kiến trúc uy nghi của những tháp Chăm rải dọc suốt miền Trung vào miền Nam, nơi anh ra đời và lớn lên.

...Anh là một nghệ sĩ lớn. Hấn ai cũng công nhận như thế. Nhưng theo tôi, cái lớn nhất của anh vẫn không phải ở những công trình quy mô lớn có giá trị lịch sử, ở đề tài

lớn, hay ở số lượng tác phẩm lớn. Cái lớn nhất của anh ở ý chí sáng tạo. Chính cái lớn này làm sinh ra tất cả những cái lớn kia.

... Lê Thành Nhơn là một nghệ sĩ lớn. Thực sự lớn. Một độ lớn khác thường của sức sống, của niềm yêu thương và của sự bền bỉ. Một độ lớn không ngừng làm nảy sinh nhiều hoa trái khiến chúng ta choáng váng và sung sướng"

Phan Anh Dũng

(Richmond, Virginia USA – 2/2014)

Tham Khảo:

1. Các bài viết của Huỳnh Hữu Ủy, Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn Hưng Quốc...
2. Một số video về Lê Thành Nhơn ở youtube channel của Hùng Lê (con trai của Lê Thành Nhơn)
3. Các websites: tienve.org và hocxa.com

**MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA ĐIỀU
KHẮC GIA LÊ THÀNH NHƠN**



Tượng **Chân Dung Quan Thế Âm**, Trung Tâm Văn Hóa Liễu Quán của Phật Giáo ở Huế.



Tượng **Đức Phật Thích Ca** ở sân Chùa Huệ Nghiêm, Sài Gòn: bằng xi măng cao 4,5m, ngang gối 4,5m



Pho tượng **Phan Bội Châu** bằng đất sét được đúc thành tượng đồng cao hơn hai thước, nặng gần bốn tấn, dựng tại bờ sông Hương năm 2012.



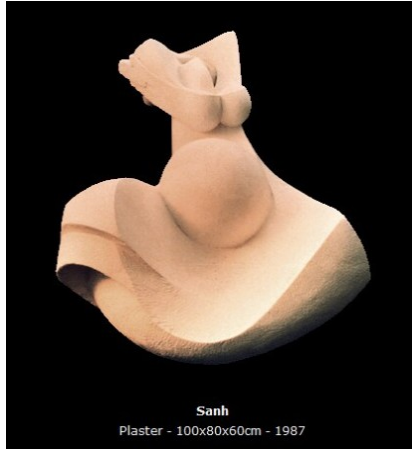
Tượng **Cô Gái Việt Nam**, chiều cao 2,8m nặng gần 5 tấn bằng chất liệu xi măng trắng, thực hiện năm 1970, được đặt tại công viên Hai Bà Trưng, Huế (trường Đồng Khánh cũ)



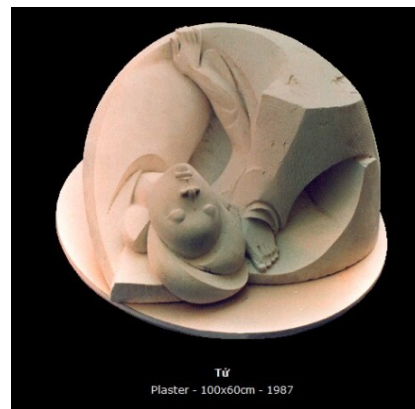
Tượng "Joy" – Monash University, Australia.



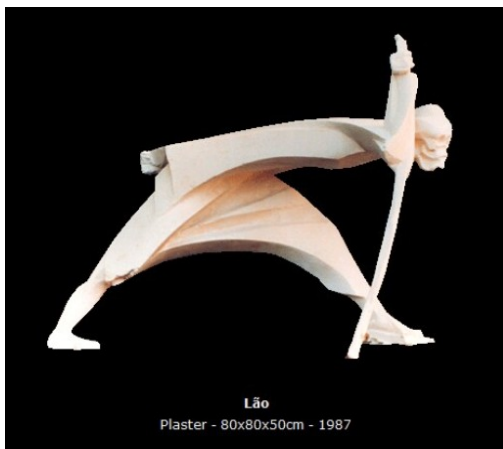
Binh
Plaster - 80x40x20cm - 1987



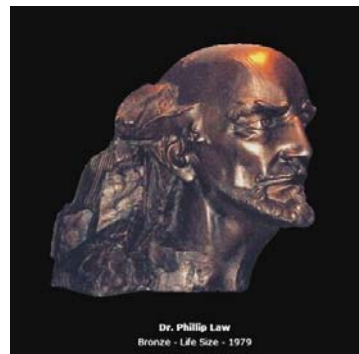
Sanh
Plaster - 100x80x60cm - 1987



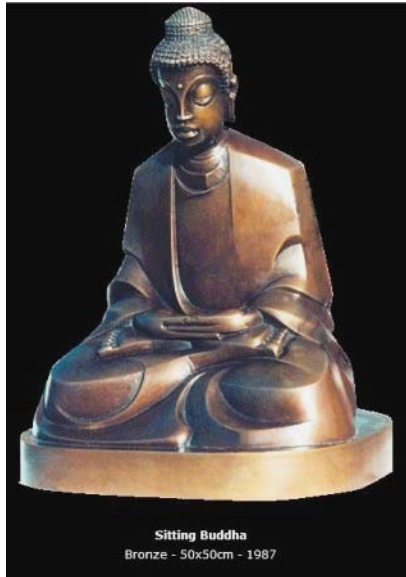
Tư
Plaster - 100x60cm - 1987



Lão
Plaster - 80x80x50cm - 1987



Dr. Phillip Law
Bronze - Life Size - 1979



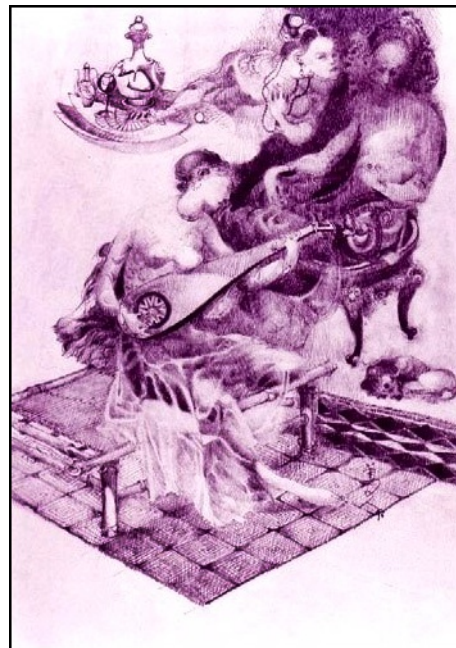
Sitting Buddha
Bronze - 50x50cm - 1987



Louise Carbines
Bronze - Life Size - 1988



Do not abandon me, Freedom
Bronze - 110cm - 1987



Tranh Minh họa Truyện Kiều – Lê Thành Nhơn
"Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm" -
Kiều đàn cho Hoạn Thư & Thúc Sinh (Đoạn
Trường Tân Thanh - Nguyễn Du)

Cảm hoài



Tặng chị Nguyễn Thị Ngọc Dung
(Lữ Thâm)

Đời đồng bào cảm hoài như
Điền hoang làm đồng ruộng sau cuộc đời,
Thường về Hà Nội xa xôi,
Chàng hoa phường nở khắp trời đất lúa.
Sài Gòn sớm nắng chiều mưa,
Mây bay một hướng quên chia mây gió!
Tháng năm ngấm) lại một mùa,
Chuyến đi còn đó mà ngỡ chiêm bao.
Nguyễn Thị Ngọc Dung
Thị Ngọc Dung



TÔI LÀM BÁO VĂN HỌC

+++++

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Vâng, tôi làm báo đây là làm báo văn học. Vì báo mà tôi hiện đang điều hành là Tam Cá Nguyệt San chủ trương về văn chương, thơ phú nhẹ nhàng và có cái tên cũng rất khiêm tốn, nhũn nhặn là Cỏ Thơm, nghĩa từ chữ Nôm Phương Thảo. Nếu chỉ nói “Tôi làm báo” thì quý vị tưởng tôi làm báo thông tin, thương mại, chính trị, kinh tế, khoa học hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng. Tôi đâu dám đi vào con đường chông gai này. Các ông, các bà làm báo về những địa hạt đó tất bật lắm. Quý vị đó phải tự lên *internet* lấy tin tức sốt rỏ, phải tự đi xin quảng cáo càng nhiều càng tốt. Phải tự làm phóng viên tường thuật những sinh hoạt cộng đồng trong và ngoài nước, tin tức thế giới về đủ mọi mặt... Nếu quý vị không làm được thì thuê người làm những việc đó. Báo loại này phải nuôi sống được chủ báo, nhân viên toà soạn thì mới trường tồn. Ngoài việc viết bài như cựu Chủ Nhiệm Dẫn Đoàn Tự Do, Ngô Vương Toại cũng phải tự đi bỏ báo dù trời mưa trời nắng, trời lạnh, trời tuyết. Cố Chủ Nhiệm Hoa Thịnh Đồn Việt Báo, Ông Giang Hữu Tuyên đã có bài thơ “Trời Mưa Đi Bỏ Báo”, than van cái thân phận làm báo hằng tuần rất vất

vả, nhọc nhằn. “*One man magazine*” như ông Chủ Nhiệm Báo Sóng Thần Phạm Bá Vinh cũng phờ rầu chạy ngược, chạy xuôi khắp thành phố này qua các tiểu bang khác để bỏ báo. Thỉnh thoảng độc hành xuyên tiểu bang, buồn tình, ông chủ báo Phạm Bá Vịnh gọi cell phone cho tôi tán gẫu với nhau cả tiếng đồng hồ.

Báo Cỏ Thơm chỉ phát hành mỗi ba tháng một số. Xin bài vở được bao nhiêu, đăng bấy nhiêu. Xin tiền ủng hộ của thân hữu và các tác giả bao nhiêu, in bấy nhiêu số. Báo chỉ cần thu được đủ tiền in ấn và cước phí là vui vẻ rồi. Tạp Chí Cỏ Thơm không trả lương ai. Các tác giả chẳng được trả đồng nhuận bút nào. Cảm ơn quý tác giả thông cảm tình trạng làm báo văn học của Cỏ Thơm. Đại để là như vậy, nhưng cũng có vài trường hợp ngoại lệ. Tôi đã từng bỏ tiền túi ra trả tượng trưng cho một nhà văn của Miền Nam ở lại Sài Gòn sau 75 (bây giờ đã ra người thiên cổ) và đăng bài của ông trong báo Cỏ Thơm. Tôi cũng làm việc tương tự như vậy với vài nhà văn, nhà thơ kỳ cựu thuở quý ông, quý bà mới di cư sang Mỹ. Tôi thích đọc văn, đọc thơ mà lì!

Khởi nguồn chuyện làm báo văn học của Nguyễn Thị Ngọc Dung, như sau. Vào cuối năm 1995, khi tôi đã có hai tập hồi ký tiểu thuyết được xuất bản là “*Phượng Vãn Ở Bên Trời Hà Nội*” và “*Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*”. Các nhà văn, nhà thơ, họa sĩ xa gần và tôi được ông chủ nhiệm khai sinh ra Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, Nhà thơ Lưu Nguyễn Đạt mời cộng tác. Nghe chủ trương văn học, nghệ thuật biên khảo đúng nghĩa đen của Cỏ Thơm tôi chịu ngay, nghĩ rằng cộng đồng Hoa Thịnh Đốn này chưa có và nên có một tạp chí đặc biệt như vậy. Tôi đóng niên liễm ủng hộ tức khắc và gửi truyện ngắn “*Nụ Hoa Vàng Mới Nở*” đăng Cỏ Thơm số 1, mùa xuân 1996. Cỏ Thơm có nhiều tác giả trong vùng cộng tác nhưng ông chủ nhiệm thỉnh thoảng nhờ tôi đánh máy một vài bài thơ, bài viết của các tác giả không xử dụng được computer. Ông biết tôi đã tự *layout* thành thạo hai tác phẩm và gửi sáng tác qua *email* cho ông một cách ngon lành.

Tôi may mắn giữ được báo Cỏ Thơm từ số 1 và trong số báo này có 4 bài thơ của Thi sĩ Anh Độ Cẩm Khê, 4 bài thơ của Thi Sĩ Hà Bình Trung, 2 bài thơ của Nữ Sĩ Kim Y Phạm Lê Oanh, một bài thơ của Nhà thơ Nguyễn Đức Vinh. Buồn một nỗi quý vị thi nhân đã ra người thiên cổ. Nếu quý vị còn tại thế, chắc chắn còn có tên trong ban biên tập Cỏ Thơm đến ngày nay.

Một năm sau, báo có sự cải tổ. Ông chủ nhiệm mời tôi phụ tá cho Ông Chủ bút là Văn Thi sĩ Hà Bình Trung từ Cỏ Thơm

số 5. Đồng thời Nhà thơ Quỳnh Anh cũng nhận chức phụ tá chủ nhiệm. Tổng thư ký là Nhà Thơ Ý Anh Đỗ Tràng Mỹ Hạnh. Tổng thư ký đặc nhiệm là Nhà Thơ Nguyễn Đăng Tuấn. Thấy trưởng nam của Nhà Thơ Phan Khâm là Phan Tuấn Khanh gõ chữ computer được, tôi đề nghị Tuấn Khanh giữ chức Phó tổng thư ký. Vì Tuấn Khanh có thể phụ với Đỗ Tràng Mỹ Hạnh gõ *computer* một số bài thơ của các tác giả gửi tới báo.

Ông chủ nhiệm nói lý do mời chúng tôi vì muốn thêm người tiếp tay làm việc cho vui, không phải làm báo một mình. Đa số những người khác chỉ có tên trên báo mà chẳng giúp được cái chi. Cụ Trung có công mời mọc các tác giả gửi bài cho Cỏ Thơm. Nhưng thuở đó phần nhiều các tác giả viết tay hay gõ máy chữ trên giấy. Nhà thơ Hà Bình Trung cũng không dùng *computer*, không nhận bài vở qua *email* được. Cụ toàn viết tay những bài thơ của cụ với nét chữ rất đẹp. Tổng thư ký đặc nhiệm là Nhà thơ Nguyễn Đăng Tuấn thì ở xa.

Hai năm sau ông chủ nhiệm mời tôi và hai người nữa chung vốn mua máy in cũ. Ông sửa *garage* văn phòng luật sư của con trai ông làm “nhà in riêng” cho Cỏ Thơm. Nhưng sửa lên sửa xuống, vá đụp cái *garage*, tốn kém nhiều mà dịch vụ nhà in cũng thất bại. Ông chủ nhiệm nài nỉ và giao vài cái *checks* cho tôi mở “account” Cỏ Thơm. Số báo nào cũng thiếu hụt tiền trả thợ in giấy mực. Tôi và một nhân vật khác cứ phải cho Cỏ Thơm vay hoài hoài,

nhưng chẳng bao giờ lấy lại.

Thế rồi cụ Chủ Bút Hà Bình Trung và một số người bỏ Cỏ Thơm ra làm báo khác. Tôi nhận thay thế Cụ Trung từ số Cỏ Thơm 18, năm 2001. Tôi đề nghị ông chủ nhiệm mời Nhà Thơ Phan Khâm giữ chức Phó Chủ Nhiệm.

Biết bổn phận của mình, tôi quen ai làm thơ, kể chuyện gì đặc biệt, tôi khuyến khích họ viết và gửi cho Cỏ Thơm đăng. Tôi còn nhớ Nhà Thơ Nguyễn Thị Thanh Bình đã đem đến tôi những bài viết trên giấy với chữ nhỏ li ti như con kiến của Nhà Văn Xuân Vũ. Thanh Bình và tôi phải cố giương bốn mắt vừa đọc vừa đoán từng chữ để tôi gõ vào *computer*. Hiện tôi còn giữ một bản thảo của nhà văn quá cố Xuân Vũ mà không thể nào đoán đọc được hết vì nhiều chữ Anh, chữ Pháp viết tháu quá.

Bà bạn Trần Thị Thanh Minh kể chuyện gian nan đi thăm chồng ở tù Việt cộng. Bà đau lòng nhìn thấy chồng bà kiệt sức vì bệnh, vì đói nên đã vắt sữa mình ra chén cho ông uống, nhưng cũng không cứu được ông. Nghe chuyện, tôi rất xúc động và khuyến khích bà bạn viết lại câu chuyện thương tâm đó. Truyện “Người Vợ Tù” đã ra đời trên báo Cỏ Thơm. Sau đó, truyện được đăng trên các Đặc San Trưng Vương, đọc trên Đài Phát Thanh, trên Youtube. Trần Thị Thanh Minh được mời phỏng vấn trên Asia Show...

Tôi đâu ngờ sự hăng hái, tận tâm của tôi với Cỏ Thơm đã đưa tôi vào nghiệp làm báo văn học. Có người nói rằng tại vì ngày xưa tôi chẳng chịu học hành, đậu đạt

gì cả. (Tôi thi trượt tú tài I bốn lần, nghĩa là tôi đã đậu trung học, qua lớp đệ tam và 2 năm đệ nhị, chứ không phải tôi chỉ học đến lớp đệ tam như có một số người cố tình hạ bệ Nguyễn Thị Ngọc Dung.) Nên bây giờ tôi phải trả nợ văn chương. Có lẽ đúng vậy!

Cũng chẳng bao lâu, sau số báo 24, mùa thu năm 2003, ông Chủ Nhiệm Lưu Nguyễn Đạt cũng thoái vị để làm một giai phẩm tư tưởng, triết học thông thái đồ sộ. Ông đề nghị để lại Cỏ Thơm cho tôi điều hành với chức tân chủ nhiệm. Lẽ dĩ nhiên là tôi từ chối ngay. Vì hơn nửa cuộc đời, tôi chỉ sống dựa vào bố mẹ, chồng con. Có chăng tôi chỉ lái được cái xe, điều khiển được ông vua bếp. Tôi không học làm báo, cũng không có bằng cấp làm báo nữa. Tôi là chủ bút chỉ để giúp ông chủ nhiệm lo Cỏ Thơm mọc sao cho xanh non tươi tốt dù bị nhiều lần dọa nạt cho máy cắt xén. Nhưng trên thực tế, vườn nhà ai cũng cần phải có máy cắt cỏ. Nếu chủ vườn để cỏ mọc cao, uá héo, mất thẩm mỹ, sẽ bị hàng xóm than phiền, cảnh sát tới hỏi thăm liền. Cánh vườn được cắt cỏ thường xuyên sẽ mọc cỏ non xanh mướt, mát mắt dễ thương. Cái máy cắt cỏ định chà đạp vườn hoa Cỏ Thơm, nhưng chưa làm được gì và sau vài tháng đã bị chết ngủm. Những ý xấu, những ý định làm hại người đều quay lại làm hại chính mình.

Khi nghe ông chủ nhiệm sáng lập từ chức, có nhân vật trong Cỏ Thơm đã tức giận và nói rằng ông “đem con đi bỏ chợ”.

Vì ông đã khéo léo mời mọc, hứa hẹn một chương trình làm báo văn học cao cả để họ tin tưởng nhập Cổ Thơm. Ông còn nói nếu tôi không nhận lời, ông sẽ đình bản Cổ Thơm một thời gian vô hạn định. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho một tạp chí đáng yêu như Cổ Thơm nếu bị chết yểu và có cảm tưởng như với danh nghĩa chủ bút, tôi cũng đã đánh lừa các độc giả và tác giả mà tôi đã giới thiệu quá lớn về Cổ Thơm nếu tạp báo bị bức tử một cách đột ngột. Tôi phải cứu Cổ Thơm, một tạp chí văn học mà tôi nghĩ cần phải có trong vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn này. Tôi hỏi ý kiến tất cả các nhân vật trong ban biên tập Cổ Thơm “có nên tiếp tục giữ Cổ Thơm không?” Tất cả đều đồng ý “nên”. Ai cũng hứa sẽ tiếp tay tôi lo cho tạp báo. Nhà Văn Hồ Trường An, Biên Khảo Gia Trần Bích San, Nhà Thơ Ý Anh Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nhà Thơ Phan Khâm sẽ đứng đằng trước, đằng sau, đứng bên cạnh ba bề bốn bên hỗ trợ. Bốn vị đó là cột trụ tinh thần giúp tôi giữ vững Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm cho đến khi tôi viết những dòng chữ tâm tình làm báo này...

Kể từ mùa đông 2003, Cổ Thơm số 25, Nguyễn Thị Ngọc Dung là chủ nhiệm, kiêm chủ bút. Bây giờ Nhà Thơ Phan Khâm giữ chức vụ phó chủ nhiệm thay thế Nhà Thơ Quỳnh Anh. Phụ tá chủ bút Âu Châu là Văn Thi Sĩ Hồ Trường An. Đại diện Cổ Thơm ở Tiểu Bang Louisiana là Biên Khảo Gia Trần Bích San. Đại diện Đông Bắc California là Nhà Thơ Vũ Mạnh

Phát. Đại diện Minnesota là Nhà Thơ Văn Thị Kiều Anh.

Ban Biên Tập Cổ Thơm có Hồ Trường An, Ý Anh, Trần Quốc Bảo, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Lưu Nguyễn Đạt, Ngô Tăng Giao, Vũ Hối, Trần Nhật Khánh, Phan Khâm, Vi Khuê, Trần Nhật Kim, Nguyễn Lân, Nguyễn Phú Long, Hoàng Văn Minh, Cao My Nhân, Đặng Nguyên, Nguyễn Cao Quyền, Trần Bích San, Nguyễn Văn Thành, Trương Anh Thụy, Hồng Thủy, Bùi Thanh Tiên, Nguyễn Đăng Tuấn, Minh Văn, Nguyễn Tường Vân, Nguyễn Đức Vinh, Kim Vũ.

Toà soạn Cổ Thơm cũng là địa chỉ tư gia của Chủ Nhiệm. Có lần một người bạn trẻ đã rủ Cổ Thơm chung thuê văn phòng. Cổ Thơm là báo không có quảng cáo nhiều nên phải tiết kiệm để “trường kỳ kháng chiến”, không dám tiêu hoang thuê văn phòng làm cái thể thống gì. Chồng con phụ với tôi biến một phòng ngủ trên lầu trong nhà thành phòng làm báo cho tôi, với *computer* và bộ chữ VNI mới. Máy in màu, máy fax đủ cả. Có câu hỏi nào về *computer*, về việc *layout* tôi lại ới chồng con. Thời buổi *computer*, *email*, *internet* nhanh như chớp, vật giá leo thang, chiến tranh Trung Đông, dầu hỏa đắt đỏ, các công tư sở cũng cho phép nhân viên làm việc một tuần vài ngày tại nhà.

Tôi bắt đầu làm số báo Cổ Thơm với ngân quỹ còn \$285. Tôi tính nhằm rằng

với số lương hưu không sài tới, tôi thử cáng đáng vài số báo xem sao. Tôi thương cả hình thức và nội dung Cỏ Thơm, tôi phải tiếp tục chăm sóc vườn hoa Cỏ Thơm tươi tốt cho các nàng thơ đáng yêu, các chàng văn đáng quý có chỗ dạo chơi thả hồn, mơ mộng, giải bày tâm tư và niềm hy vọng ở cuộc đời.

Vì nghĩ rằng Tạp Chí Cỏ Thơm phải có cái kiêu hãnh và vinh dự nếu được nhiều sự ủng hộ từ bên ngoài để tự túc, tự cường, tự chi thu. Nếu chỉ dựa vào tiền túi của chủ nhiệm là báo không được sự yêu mến của các văn thi hữu, độc giả và không có uy tín. Tôi không ngừng xin ủng hộ tài chánh của các tác giả, thân hữu tôi quen biết. Như tiền lệ của chủ nhiệm cũ, giá một năm báo vẫn là 30 Mỹ kim với 4 số. Nếu quý vị ủng hộ cho thêm một năm 50 Mỹ kim thì coi như có một cổ phần, là hội viên và có quyền coi Cỏ Thơm là tạp chí của mình. Hiện nay giá báo một năm đã tăng lên \$35 vừa đủ trang trải chi tiêu in ấn và cước phí. Sự chênh lệch giữa \$35 và \$50 không đáng là bao. Nhưng quý vị ủng hộ thêm \$15 chứng tỏ sự thiết tha của quý vị đối với văn chương chữ nghĩa, quan tâm đến sinh hoạt văn học của Cỏ Thơm và muốn giữ vững tập báo lâu bền. Cỏ Thơm xin tri ơn quý ân nhân ủng hộ.

Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung kiêm cả việc trình bày hình thức và nội dung tập báo, không thì mỗi số báo Cỏ Thơm phải chi thêm mấy trăm bạc. Chưa

nhìn thấy tiền vào đã phải chi tiền ra thì chẳng mấy chốc báo vỡ nợ. Cỏ Thơm vẫn giữ khuôn khổ, hình thức đặc biệt và nội dung hoàn toàn văn học nghệ thuật biên khảo như từ thuở mới được khai sinh. Cái gì hay, điều gì tốt, có người đã có sáng kiến tại sao ta lại không dùng mà phải mất thời giờ thay đổi cho một đầu óc?

Nếu tôi không biết xử dụng *computer*, không học lỏm được cách *layout* của cậu con trai cả, Thủy Senser, và tự tìm tòi thêm bí mật *internet*, *computer*, tôi cũng không dám nhận chức vụ chủ nhiệm kiêm chủ bút. Cậu con trai út Tony Senser đã làm rất khéo cái *logo*, dấu hiệu Cỏ Thơm và chỉ cho tôi cách đổi màu *logo* cho hợp với mỗi bìa báo.

Tuy nhiên tôi cũng bị nhiều phen hối hoảng vì đang *layout* báo, không biết ngón tay đụng cái *key* nào mà cả mấy trang báo biến mất, lại phải *layout* lại từ đầu. Cũng có khi “ông *computer*” tự đứng “đông cứng”. Tôi không biết một tí gì về *computer* mà dám loay hoay đòi đánh thức “ông ấy” dậy. Nhưng rốt cuộc *computer* đòi *install* lại tất cả *program*... Tôi vội gọi cậu con trai. Anh chàng hét lên ở đầu giây bên kia” Mẹ tắt ngay cái *computer* đi, không thì mẹ sẽ mất hết bài vở, tài liệu. Ngày mai con sẽ tới xem sao!” Tôi hết hồn và trả lời mấy chục tiếng *yes, yes*...

Vài lần mất ăn mất ngủ, tổn thọ như thế và đợi con trai cứu *computer*, tôi may mắn lấy lại được hết tài liệu viết lách và làm

báo từ mấy chục năm. Nếu không có ông con trai giúp, chắc chắn tôi bỏ cuộc làm báo từ lâu.

Hiện nay, cái *Computer* cũ 10 năm của tôi đã già nua, chậm chạp quá rồi. Thuỷ Senser mua cho tôi cái mới. Tôi đang vật lộn với người anh em *Dell Computer, Window 8, Microsoft Word 2013*, thưa quý vị. Tôi đâu biết cái “*cửa sổ số 8*” nó lạ lắm thế. Không phải chỉ có tôi bực mình về sự rắc rối của nó, mà rất nhiều bà con Mỹ Việt than phiền sự thay đổi không cần thiết của *Window 8*.

Mò mẫm cả mấy tháng nay tôi vẫn chưa dám dùng *computer* mới đề *layout* báo Cỏ Thơm. Nhưng hy vọng “người anh em” này sẽ tiếp tay tôi trình bày báo hay trong tương lai tôi lại phải thay cái máy điện tính khác.

Về việc làm báo, thỉnh thoảng tôi lại làm một lỗi tầy trời là đăng nửa bài của một tác giả rồi nhưng kỳ báo sau lại không đăng tiếp mà cứ tưởng tác giả không gửi bài cho số mới. Cũng có khi tôi bỏ quên không đăng một bài thơ, đến khi tác giả đọc báo không thấy bài của họ và nhắc tôi mới biết. Những lúc đó, người làm báo cảm thấy áy náy vô cùng. Nhưng rồi viết thư xin lỗi tác giả, đền bù đăng cả bài cũ và bài mới kỳ báo sau, được tác giả thông cảm, tôi mới yên ổn tâm hồn.

Tôi quan niệm người viết văn, làm báo phải phải biết sử dụng *computer* để nhận và đọc bài văn, bài thơ, xem có hợp với

chủ trương của báo và quyết định nên đăng hay không. Có lần, một truyện ngắn được gửi tới muộn, qua một người quen thân đáng tin nhiệm, tôi không đọc và vội trình bày ngay vào báo rồi gửi đi in cho kịp thời hạn ba tháng một số. (Các báo Mỹ thường phát hành và gửi tới độc giả cả tháng trước hạn định.) Nhưng khi báo in ra, tôi xem lại mới giật bản mình. Tác giả bài văn cuối cùng này đã có vài đoạn dùng nhiều danh từ Việt Cộng và chỉ trích nặng về quân đội miền Nam. Nhưng may mắn quá, tôi nghe ngóng không có độc giả nào lên tiếng phản đối. Thật hù viá. Từ đó tôi đọc không sót một chữ nào các bài viết được gửi tới Cỏ Thơm.

Vài lần tôi bị tác giả giận và không cộng tác với Cỏ Thơm nữa vì đã không đăng bài không hợp với chủ trương của Cỏ Thơm. Nhưng đã là chủ nhiệm hay chủ bút thì phải “chịu trận”, can đảm nhận lãnh trách nhiệm quyết định của mình dù có làm mất lòng tác giả, nếu không muốn làm hại thanh danh của báo.

Đôi khi tôi bị trách móc tại sao cho đăng nhiều thơ thế, hoặc đăng truyện không có gì hấp dẫn. Có độc giả thích tìm hiểu những bài biên khảo, có độc giả kêu la đọc biên khảo nhứt đầu. Cũng như có những cánh vườn được trồng nhiều loại hoa đủ bầy sắc cầu vồng, mỗi loại hoa có hương thơm khác nhau. Không phải du khách nào cũng thích tất cả các loài hoa trong vườn. Vì thế, Cỏ Thơm vẫn giữ nội

dung với nhiều thể loại, vì hiểu rằng báo nào cũng có nhiều giới độc giả khác nhau.

Như cho in một quyển sách, tác giả hay người trình bày phải đòi nhà in gửi cho xem lại một bản đọc thử để dò xem có gì sơ suất phải sửa nữa không rồi mới cho in thực sự. Vì thế vài ngày sau khi *email* bản thảo cho CT Printing của Ông Bà Phan Thanh Thu bên Maryland, tôi phải phóng xe nửa vòng đai Thủ Đô Hoa Kỳ, ít nhất 45 phút nếu không kẹt đường, để đến nhà in. Tôi viết phóng xe vì tốc độ đúng luật của xe là 55 *miles* một giờ, nhưng các xe thường đua nhau chạy 65 hay 70 *miles*. Các loại xe to nhỏ, hạng nặng, hạng nhẹ nối đuôi nhau, phóng ào ào, rầm rộ trên xa lộ 5, 6 giòng xe mỗi chiều. Nhiều lần tôi mất một giờ rưỡi mới tới nhà in vì có tai nạn giao thông khủng khiếp, xe điện *subway* trật đường rầy.

Tôi đã lái xe như thế mỗi năm 16 lượt đi về và trong 10 năm không gặp một tai nạn nào. Tôi phải thân chinh đến nhà in kiểm soát bìa báo và bản in thử ra xem có sai chỗ nào không thì sửa ngay tại chỗ cho mau chóng. Tôi đã nhờ vài vị tu mi nam tử làm giùm việc này, nhưng người thì cáo đau yếu kinh niên, người thì xe cũ, người thì sợ lái xa lộ, người thì phải đi làm. Nếu không phải giữ đúng hạn định phát hành báo, tôi cũng có thể nói nhà in gửi qua bưu điện cho xem một bản in thử. Nhưng khốn nỗi, báo phải chờ bài của những nhân vật quan trọng thường gửi tới rất muộn.

Báo không thể chậm thêm mấy ngày nữa. May mắn hai năm gần đây, Ông phó chủ nhiệm, Nhà Thơ Phan Khâm về hưu và ở bên Maryland, gần nhà in nên đã làm việc này thay tôi.

Lai rai gần một tháng liên lạc với các tác giả, nhận bài, đọc bài và trình bày hơn 200 trang báo, chủ nhiệm thả dãi nhẹ nhõm và tự thưởng cho mình bằng một buổi *shopping*. Tòa soạn Cổ Thơm ở giữa hai trung tâm thương mại sang trọng nhất miền Bắc Virginia. Nếu trước đó tôi đã đi cái *mall* phía đông, thì lần này đi cái phía tây hay ngược lại. Có lần đem về cả đồng quần áo, giấy dếp, cho mình, cho chồng rồi tuần sau tôi lại đem trả những thứ thử lại không vừa ý. Những loại *cream* bôi mặt, giữ da, nước hoa cũng không thiếu trong danh sách sắm sửa của Ngọc Dung. Về nữ trang thì bà chủ nhiệm chỉ dí mũi vào những đồ giả, nhưng đeo lên người, nó lại làm đẹp và trẻ trung hơn đồ thật. Cũng có nhiều lần đi một vòng *mall* tôi cũng chẳng mua gì và về nhà với tay không. Nhưng đi bộ cả giờ trên hành lang lát đá hoa cương bóng loáng, thênh thang, mát mẻ, cũng giãn chân, giãn căng, thoải mái đầu óc, tâm can. Tôi thường thấy nhiều người mặc quần áo thể thao gọn gàng bước nhanh trên hành lang mà chẳng ghé tiệm nào. Đó là những người muốn tập thể dục bằng cách đi bộ một vòng *Shopping Mall* khi ngoài trời quá lạnh hay quá nóng.

(Còn tiếp)

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Họp Mặt Tân Niên của gia đình Trưng Vương vùng Hoa Thịnh Đốn

PHẠM XUÂN THÁI

Thấm thoát, chúng ta đã trải qua 39 cái Tết nơi xứ người. Nhìn lại 39 năm qua, cộng đồng người Việt tị nạn trên khắp thế giới đã tiến một bước rất xa. Thế hệ đầu tiên đã làm việc miệt mài để vươn lên trong xã hội mới, tạo niềm kính nể cho dân bản xứ nơi họ cư ngụ; thế hệ đầu tiên cũng đã chăm lo và gây dựng cho thế hệ thứ hai có đủ khả năng về học lực và tài năng để cùng dân bản xứ làm hưng thịnh thêm cho quê hương thứ hai của họ; họ cũng đã tạo dựng những cộng đồng người Việt tại khắp mọi nơi để tương thân, tương trợ, tranh đấu cho những bất công, áp bức, kỳ thị tại nơi họ đang sinh sống; đồng thời tranh đấu cho tự do, dân chủ, và nhân quyền tại quê nhà.

Người phụ nữ Việt đã đóng góp rất nhiều cho sự thăng tiến của cộng đồng người Việt tị nạn. Họ đã cùng chồng đi làm toàn thời gian, hoặc bán thời gian để xây dựng một đời sống vững chắc cho gia đình. Ngoài ra, họ là nội tướng trong gia đình để chăm sóc cho chồng con có bữa cơm ngon, nhà cửa ngăn nắp, kiểm soát sự học hành của các con, phụ giúp cùng chồng để đưa các con đi

học tiếng Việt, học bơi, học tennis, học piano, học võ... Khi đời sống đã tạm ổn, những ngày nghỉ cuối tuần các bà, các cô thường liên lạc bạn bè để thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau, hoặc tham gia những công tác văn hóa, giáo dục, và xã hội trong cộng đồng.

Tại vùng Hoa Thịnh Đốn, bắt đầu bằng những buổi họp mặt của các cựu quân nhân, cựu học sinh, sinh viên các trường để tương thân tương trợ lẫn nhau, cùng dìu dắt nhau tiến bước trong xã hội mới; sau đó, cộng đồng người Việt tị nạn đã thành lập các tổ chức văn hóa, giáo dục, chính trị, hội Cao Niên, hội Cựu Chiến Sĩ QLVNCH, Cộng Đồng VN vùng Washington, D.C, MD, VA, các hội cựu học sinh Trưng Vương, Gia Long, Chu Văn An, Petrus Ký, La San Tabert ...

Một trong những hội có những hoạt động thường xuyên hàng năm và đóng góp rất nhiều cho những sinh hoạt cộng đồng, phải kể đến hội Cựu Học Sinh Trường Nữ Trung Học Trưng Vương. Hội đã được sáng lập bởi những lớp đàn chị như chị Hồng Thủy, Tâm Đạt, Ngọc Dung, Vân Nga, Ngọc Thanh, Thúy Diễm, và sau này có thêm các thế hệ đàn em như các cô Kiều Thu, Trúc Mai,

Phuong Nga tiếp nối các thế hệ đàn chi để điều khiển các sinh hoạt của hội. Hội Cựu Nữ Sinh Trưng Vương luôn có mặt trong các ngày Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ Hai Bà Trưng, Chợ Tết, Picnic Cộng Đồng... Ngoài ra hội còn có những buổi họp mặt nội bộ mỗi tam cá nguyệt, tổ chức họp mặt ngày Tết, và tham dự hoặc tổ chức Đại Hội Trưng Vương hàng năm.

Năm nay, buổi họp mặt mừng Tết Giáp Ngọ đã được hội Cựu Nữ Sinh Trưng Vương tổ chức trong vòng thân mật tại Marriott Hotel, Fairview Park, Falls Church, Virginia vào ngày Chủ Nhật 9/2/2014 vừa qua, quy tụ hơn 100 khách tham dự. Khách tham dự hầu hết là cựu Giáo Sư Trưng Vương, các cựu học sinh Trưng Vương và phu quân, và một số nhỏ thân hữu của Trưng Vương.



(Ban Tổ Chức (L-R): Trúc Mai, Kiều Thu, Thúy Diễm, Phương Nga)

Chương trình được mở đầu qua phần giới thiệu ban tổ chức, gồm: Thúy Diễm, Kiều Thu, Trúc Mai, Phương Nga. Kế tiếp là phần giới thiệu và chúc Tết các thầy cô hiện diện, gồm các giáo sư: Trần Tố Lan, Nguyễn Phương Liên, Đào Thị Hợi, Hoàng Mỹ Hiền, Nguyễn Bích Thanh. Ngoài ra, chúng tôi còn ghi nhận sự hiện diện của Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích, Trần Quang Quyên, Phạm Trọng Lệ, và Phạm Hiếu Tâm trong buổi họp mặt đầu Xuân này.

Sau đó là bữa ăn trưa rất thịnh soạn và ngon miệng do đầu bếp của Marriott Hotel đảm trách. Sau bữa ăn trưa là phần văn nghệ rất đặc sắc do các chị Trưng Vương, Rể Trưng Vương, và một số thân hữu trình diễn bao gồm: hợp ca, tam ca, đơn ca qua phần đệm đàn piano và keyboard của Bùi Quang Hiền, Bùi Quang Dũng, trưởng nam và thứ nam của ông bà Bùi Cửu Viên & Hồng Thủy.

Tiệc Mừng Xuân của Hội Cựu Nữ Sinh Trưng Vương đã mang lại cho khách tham dự những giây phút thoải mái và ấm cúng qua tình thầy trò, tình đồng môn, và tình bằng hữu. Buổi họp mặt chấm dứt lúc 4 giờ chiều cùng ngày.

Ngoài trời, nắng Xuân nhẹ tỏa trên mái tóc Trưng Vương ngày nào; những nụ hoa Anh Đào vừa chớm nở, xôn xao, nhẹ rung trong gió. Kia, mùa Xuân lại đến trong lòng người viễn xứ.

Phạm Xuân Thái tường thuật
Photos: Nhất Hùng





PHÁT HÀNH CỔ THƠM 65, 12/15/2013

Hình ảnh: **Phạm Văn Tuấn** và **Nguyễn Quốc Khải**



Nghệ Sĩ Kim Phụng, Nhà Văn Cung Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trương Anh Thụy và Ca Sĩ Kiều Nga.



Thi, nhạc sĩ Phan Khâm, Lý Hiểu, Vũ Hối, Cao Nguyên, Vĩnh Điện và Phan Ngọc



Thái Phương, Ngọc Dung, Ý Nguyên, Ngô Tăng Giao, Nguyễn Ngọc Bích,
Trương Anh Thụy, Đèo Văn Sách, Phạm Văn Tuấn..



Ý Anh, Phạm Trọng Lệ, Vũ Hối, Nguyễn Quốc Khải



Kim Phụng, Cung Thị Lan, Ý Nguyên, Trương Anh Thuy,
anh chị Nguyễn Văn Thành, Bùi Thanh Tiên, Ngô Tăng Giao, Nguyễn Ngọc Bích.



Nhạc Sĩ Nguyễn Tường Vân, Nhà Văn Nguyễn Lâm, Ý Nguyên và Phan Khâm.



Nhà Thơ Phan Khâm, giới thiệu Thư Hoạ sĩ Vũ Hôi
trao tặng thư họa kỷ niệm cho Thái Phượng



Thái Phượng, Cung Lan, Cao Nguyên, Đăng Nguyên, Ngọc Dung, Phan Khâm.



Ngô Tăng Giao, Vũ Anh Thanh, Thái Phượng, Ngọc Dung, Trương Anh Thụy.



Kiều Nga, Ngọc Dung, Bùi Thanh Tiên, Thái Phượng, Ý Nguyên, Lan Hương, Phạm Trọng Lệ đồng ca “Ly Rượu Mừng”.

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003
TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

Quý vị thương mến văn phong nhà thơ, nhà văn nữ gốc Nam kỳ Lục Tỉnh
Kính mời quý vị tìm đọc những tác phẩm

ĐÃ PHÁT HÀNH

Dư Thị Diễm Buồn

THI TẬP

*Nỗi Lòng Người Em Nhỏ *Một Thoáng Hương Xưa
*Những Ngày Xưa Thân Ái *Quê Hương Ngày Em Lớn
*Nỗi Lòng Người Đi *Muôn Thuở Ân Tình

TRUYỆN DÀI & TẬP TRUYỆN NGẮN

*Chân Trời Hạnh Phúc *Trong Lâu Đài Kỷ Niệm *Xa Bến Thiên Đường
*Ngoài Ngưỡng Cửa Chiêm Bao *Vén Màn Sương Áo Mộng
*Một Góc Trời Thôn Dã *Thời Biển Lặng Sông Trong
*Những Chặng Đường Tôi Đã Đi Qua *Trăng Sáng Miền Quê Ngoại
*Màu Tím Hoa Lục Bình *Hương Cau Quê Mẹ
*Bóng Ai Thấp Thoáng Trong Sương *Trên Nẻo Đường Quê
* Xứ Lạ Tình Quê * Niềm Thương Nỗi Nhớ * Nghĩa Nặng Tình Sâu * Phương Tím

Tập Thơ Phổ Nhạc

Nhạc sĩ: Thông Đạt-Văn Giảng, Võ Tá Hân, Hiếu Anh

Những tình khúc thơ phổ nhạc CD

*Con Đường Xưa Mưa Bay *Uớp Hồng Tuổi Ngọc
(Thơ: Dư Thị Diễm Buồn, Nhạc: Thông Đạt-Văn Giảng)

Những tình khúc ngâm thơ CD

*Một Thoáng Hương Xưa *Những Ngày Xưa Thân Ái
*Uớp Hồng Tuổi Ngọc *Một Góc Trời Thôn Dã

Địa chỉ liên lạc:

DƯ THỊ DIỄM BUỒN

ĐT: (530) 822 5622 - Email: dtdbuon@hotmail.com



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

.....

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ: US \$35.00 [] - Gia Nã Đại (In USA & Canada): US\$40.00 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO LÀ ÂN NHÂN YẾM
TRỞ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.

Giá báo: US\$7.00